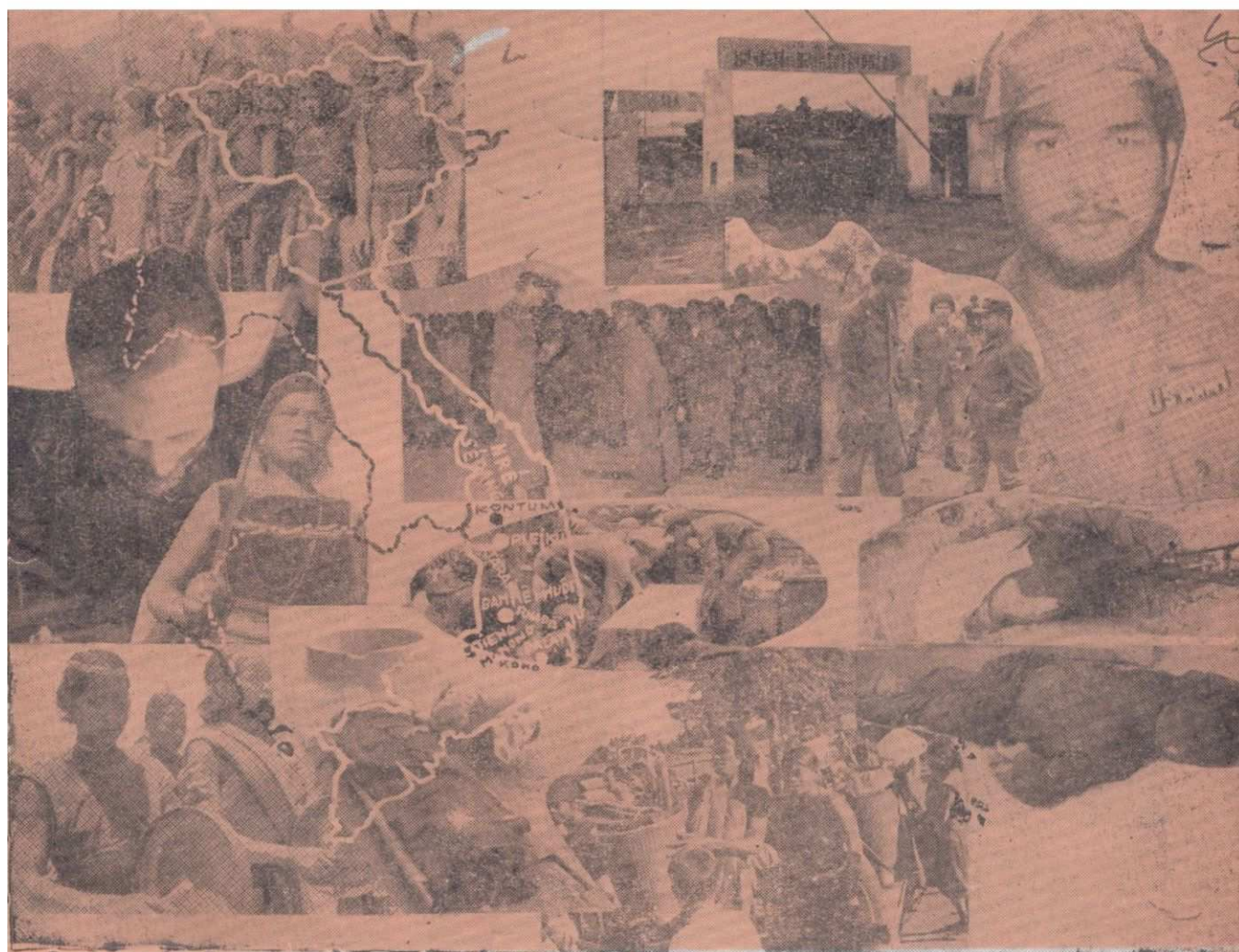


tình thương

NGUYỆT SAN TRANH ĐẤU VĂN HÓA XÃ HỘI DO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯỞNG



25

vấn đề chủ quyền Việt Nam
những sự thật về FULRO

Tình Thương Xuân

BÍNH NGỌ 1966

BAN CHỦ TRƯỞNG VÀ BIÊN TẬP

nguyệt san **tình thương**

KÍNH CHÚC

*quý vị độc giả một năm mới
hạnh phúc, tiến bộ và thành công.*

Chúc mừng năm mới

Viện bảo chế **O.P.V.**
Được sư : NGUYỄN CAO THĂNG

Cung chúc tân niên

Viện bảo chế **TÊNAMYD**
42 Nguyễn Thái Học
BÙI ĐÌNH NAM Được sư

Viện Bào Chế ROUSSEL

Chúc mừng năm mới

Kính chúc Quý vị thân chủ
một năm mới : vui tươi và hạnh phúc

Nhà Thuốc và Ban Văn Nghệ

KIM TÂN

331, Hai bà Trưng Tân Định
Đ.T. 24.478

Viện bào chế SIFAPP

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

**BAN GIÁM ĐỐC
CATINATHOTEL**

Cung chúc tân xuân

TIN MỪNG

Xin chúc Anh **DƯƠNG KIẾN**
(Luật Sư) và cô **TRƯƠNG**
KIM ANH trăm năm hạnh
phúc nhân ngày lưa đôi 15-1-
1966.

Tòa Soạn Tinh Thương

TIN MỪNG

Tòa Soạn Tinh Thương thân
chúc anh **DƯƠNG QUANG**
TRÍ (SVYK) và Chị **QUÁCH**
THỊ NGUYỆT ANH (SVYK)
được trăm năm mặn nồng
nhân ngày hạnh phúc của
anh chị.

Tòa Soạn Tinh Thương

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin lễ
thành hôn của bạn **TRẦN**
HÙNG HẢI sinh viên Y khoa
V và cô **ĐẶNG TUYẾT MAI**
cử hành vào ngày 16-1-1965.

Xin chúc bạn trăm năm
hạnh phúc.

ĐỖ TRẦN và BBT



TÒA SOẠN 103 NGUYỄN BÌNH KHIÊM SAIGON

Chủ-nhiệm : PHẠM-ĐÌNH-VY

Chủ bút : NGÔ-THỂ-VINH

Tổng-thư-ký : NGUYỄN-HỮU-ÂN

Thư ký : TRẦN-CÔNG-PHÁT

Quản-lý kiêm Thủ quỹ :

VŨ - THIÊN - ĐẠM

CÁC TRƯỞNG BAN : QUAN ĐIỂM : ĐƯƠNG THIÊN ĐỒNG • KHẢO LUẬN : HÀ NGỌC THUẦN •
TRUYỀN NGẮN : TRẦN MỘNG LÂM • THƠ : PHẠM NGỌC LÂN • SINH HOẠT Y KHOA
ĐỒ NGHỀ • BÀN TAY NẤM LẦY BÀN TAY : LÝ QUỐC BẰNG, VŨ CÔNG LIÊM •
THỀ GIỚI CHÚNG TÔI : ĐỖ TRẦN • SINH VIÊN VÀ ĐẠI HỌC : PHẠM HỒNG.

trong số này

★ QUAN ĐIỂM và KHẢO LUẬN

Fulro, một cỗ xe với ba tên xà ích phiêu lưu	TÌNH THƯƠNG	III
Tấm quan trọng của Cao nguyên và văn đề Chủ quyền	PHẠM ĐÌNH VY	V
Cuốn sổ tay Cao Nguyên	NGÔ THỂ VINH	VII
Văn đề Cao Nguyên	NAY LUETT	XIII
Thực trạng sinh hoạt Cao Nguyên	YA BA	XVI
Văn đề Thượng qua Lịch sử	NGUYỄN TƯỜNG VŨ	XX
Một vài cảm nghĩ về sự ra đi của Từ Chung	TÌNH THƯƠNG	XXV
Căn lý chính trị	MÃN CHÍNH	XXVI
Trận Chiến du kích	MALCOLM BROWNE	1
Công Trình và khủng hoảng của Liên Hiệp Quốc	SHRESSH JUYAL	4
Thử nhìn về WUS Việt Nam	PHẠM ĐÌNH VY	9
Đại Học Đông Kinh	TRẦN ĐÌNH TƯỜNG	14
Sinh viên Ngoại quốc tại Đông Kinh Ngoại ngữ học	HỘI BÁO	19
Tư tưởng Tiến Phong của Nhật bản Cận đại	IENAGA SABURO	21
Ngã nào là Học đường mới	TRẦN HỮU NGHĨA	26
Mùa Xuân và những văn đề tuổi trẻ	NGUYỄN HỮU ÂN	29
Sinh Viên và Đại học	PHẠM HỒNG	32
Những người áo trắng	PHAN GIANG SANG	37
Vài giòng mền gửi Tình Thương vừa được ba tuổi	G.S. NGÔ GIA HY	38

★ VĂN NGHỆ

Rừng đã lớn trên vai (thơ)	MIỀNG TÓC BIÊN	30
Buổi chiều Bích Thủy (thơ)	NG THANH PHƯỚC	39
Về Làng (Truyện ngắn)	CHUNG PI-SUK	40
Hơi thơ Hán Thành (tạp bút)	CAO XUÂN TỬ	44

25-26

THÁNG 1-2-1966

NĂM THỨ BA

K.D số 092 ngày 12-1-66

Chim trời mới cánh (truyện ngắn)	TRẦN MỘNG LÂM	46
Tuyết trắng (tùy bút)	NGUYỄN ĐÌNH THỌ	49
Nói với bạn bè (thơ)	CAO GIOÃN NGHIỆM	52
Những ngày còn lại (Truyện ngắn)		
	HOÀNG ĐÌNH HUY	61
Đêm cuối cùng (thơ)	TRANG CHÂU	53
Những ngày rời (truyện ngắn)	PHẠM NGỌC LÂN	54
Mỗi độ xuân về (thơ)	NHU THOA	57
Dáng buồn mùa xuân (truyện ngắn)	YÊN THOÃ	58
Chiều phở cuối (thơ)	LÂN	63

★ CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN

Dưới mắt Thượng Đê	HANS KILLIAN	64
Nuôi sọ	TRIỀU-SƠN	67
Lịch sử y học	HÀ HỢP NGHIỆM	70
Hộp thư		73

Tình thương năm thứ ba ?

Bán Nguyệt San

- tích cực tranh đấu cho dân chủ tự do thật sự
- bắt kịp thời sự — quan điểm vững chắc

TÌNH THƯƠNG bán nguyệt san

mọi liên lạc quảng cáo — xin giao thiệp với tòa báo

FULRO MỘT CỖ XE VỚI BA TÊN XÀ ÍCH PHIÊU LƯU

Bồn năm về trước, để đương đầu với sự khủng hoảng về thể chế văn phòng Tổng thư ký của LHQ, Cố Tổng Thông J.F. Kennedy nước Mỹ đã nói một câu thật chí lý và trào phúng lúc bác bỏ yêu sách tam đầu chề của người Nga: «Tôi chưa hề thấy bao giờ một cỗ xe ngựa với ba người cầm cương mà chạy suốt được một quãng đường, thế nào xe cũng rơi xuống hố sâu». Sự so sánh cụ thể và hợp lý ấy đã buộc đôi phương rút lại yêu sách của mình và nhờ đó tổ chức quốc tế duy nhất này của nhân loại mới có thể tồn tại, làm vững cân cân thăng bằng giữa hai khối.

Phong trào nổi loạn Fulro trên Cao nguyên của chúng ta đã có từ năm 1957, nghĩa là lâu đời gấp hai lần cuộc khủng hoảng ở LHQ, mà tại sao đến giờ phút này vẫn chưa thanh toán xong. Có lẽ nào người Việt chúng ta lại khoan tay đứng nhìn cỗ xe Fulro đầy xéo nát chủ quyền và giang san chúng ta. Hãy vùng lên quét ngã ba tên xà ích thực dân và đế quốc kia. Trong văn đề này, không một tờ nhĩ nào được nể nang cả, phải vạch ngay mặt kẻ có tội và nói với họ bằng những lời lẽ quyết liệt nhất.

Với xà ích Cộng sản, văn đề sẽ vô cùng giản dị. Tiêu diệt sạch chúng ở Cao nguyên và xúc tiến việc cải tạo xã hội người Thượng một cách hợp lý và có phương pháp là hai điểm mâu chốt của văn đề. Với chiến thắng Mùa Mưa, chúng ta có thể tạm xem như giai đoạn I đã chấm dứt. Thật tình mà nói «Kế hoạch Trường Sơn» có sau ngày nổi loạn của Fulro vào cuối năm 1964, hãy còn lỏng lẻo quá, thiếu cả tính chất thực tế. Tám tháng thai nghén và hoạt động, kế hoạch Trường Sơn chỉ đem lại những kết quả hết sức giới hạn. Miến cao nguyên thì hoang vu mà kế hoạch Trường Sơn thì không sâu rộng bằng con núi cùng tên với nó. Thành thử văn đề phải được xét lại kỹ càng, không hấp tấp làm cho có.

Sự đồng lõa của Thực dân Pháp và người Miến trong văn đề Fulro không phải là không có, nhưng chắc chắn không to lớn đến nỗi bắt người ta phải có sẵn câu trả lời trong trí là Fulro bị Pháp xúi dục. Quả thật người Pháp có liên hệ mật thiết với người Thượng trong suốt thời kỳ đô hộ và nếu đề đại phán đoán thì người ta có thể nói rằng với thời gian, người Thượng sẽ trở thành tôi tớ trung thành nhất với chủ lâu đời của họ. Nhưng sự thật thì thường hơi khó chịu, sau ngày người Pháp xuống tàu về xứ, cao nguyên trở thành hoang địa thiếu ăn. Giáo sĩ người Pháp bị tía lần đi trước sự đến dồn dập của người Mỹ đủ các thanh phần từ các Giáo sĩ chính công, các cô văn biệt kích đến các nhân viên tình báo nguy trang làm nhà săn bắn, nhà nhân chủng học v.v... Nói gọn một tiếng là ảnh hưởng người Pháp hoàn toàn bị hất đi, thì dù Pháp có muốn chơi kham với người Mỹ cũng không thể nào chọc giận chú Sam được. Còn nước Miến với bản tính ưa đi đàng sau đuôi để tỏ vẻ lảng tránh này nọ, cũng đã phù trợ Fulro một cách khá đặc lực, nhưng cũng hết sức giới hạn. Thành thử xà ích thứ hai này sẽ không chịu đựng nổi với thời gian, một khi nhóm Khmer Tự Do của Sơn Ngọc Thành vùng vẫy thực sự.

Xà ích thứ ba là người Mỹ. Nội cái việc liên minh thân thiện với các đôi phương chúng ta trong âm mưu Fulro suốt thời gian qua cũng đủ để chúng ta phải duyệt lại những nguyên tắc giao hảo với nước bạn Mỹ đồng minh (phải đồng minh thật sự mới được). Biết lợi dụng những thiên kiến có sẵn nơi đồng bào chúng ta về thủ phạm các vụ nổi loạn, một số người Mỹ đã núp bóng thực hiện mộng đế quốc qua cái gọi là Fulro. Những bằng cứ xác thực và cụ thể, đặc giả sử tin tầy ở các trang sau. Chắc hẳn khi dân thân phiêu lưu, một số người Mỹ mu quang kia đã quên đi lịch sử lập quốc của nước Mỹ cũng như hình tượng Kennedy của họ. Động lực giúp họ yên chí để diễn lại tấn tuồng thực dân là thái độ lừng khừng của Chính phủ Mỹ, không cảm đoán cũng như không hậu thuẫn nhiệt thành. Về phần chính quyền Việt Nam, phải nhận rằng việc đề phong trào đòi tự trị Fulro hoành hành trong gần suốt 10 trời là một điều không thể tha thứ được vì một phút mà thầy chủ quyền quốc gia bị dây xéo ngang dọc thì đã nhục nhã biết bao huống hồ ở đây 10 năm với biết bao nhiêu bộ mặt khôi ngô tinh tú thật đấy, nhưng khiêu khích không ai bằng; quên bẵng đi rằng sợ đi giồng nổi bị hao tổn từng giờ từng phút là vì không muốn sống trong cảnh mặt chủ quyền.

May thay, vận nước vẫn còn, cỗ xe Fulro với bộ ba xà ích xấu xa đó không thể nào, kể từ giây phút này, lao mình như tên bay được nữa. Phải ngừng ngay lập tức, nếu không cả ba bị trừ khử ngay. Sức mạnh của chủ quyền hãy còn tồn tại nơi người thanh niên sinh viên chúng tôi. Người Việt Nam chúng tôi quyết không dung tha một hành vi nào xem rẻ chủ quyền của Tổ quốc chúng tôi.

Bằng sự cảnh giác và sự ý thức tính chất quan trọng của văn đề, chúng tôi đòi hỏi trước tiên với nhà quyền Việt Nam hãy trình bày rõ ràng sự thật về Fulro không một chút mặc cảm, và ban bố ngay lập tức những biện pháp mạnh để dập tan mọi âm mưu tách đất lập quốc của ngoại bang, cũng việc soát lại các qui chế của sự thành lập các toán quân người bản xứ do người Mỹ huấn luyện và trả lương trực tiếp.

Với người Mỹ mà mỗi ngày máu xương của họ lại chan hòa thêm trên đất nước Việt, chúng tôi cầu mong lương tri sớm đóng lên trong tâm hồn những người đồng hương lạc hậu đã tài trợ loạn quân Fulro, trước khi chúng tôi nhân danh Tổ quốc và Lịch sử, chỉ đích danh họ là những kẻ xâm phạm chủ quyền quốc gia Việt Nam và trừng trị đích đáng kẻ trộm tội. Lúc ấy nếu phải nói thẳng với người Mỹ, chúng tôi sẽ hét lớn: «US Go home».

TÌNH THƯƠNG

**MANH NHẤT !
BỔ NHẤT !**

CALCIUM CORBIÈRE FORT

NHIỀU SINH-TỐ C HƠN HẾT



**BỔ XƯƠNG THÊM SỨC
TRẺ EM MAU LỚN**

KH 900 BYT 15-7-64

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



*mạnh nhất!
mạnh nhất!*

THUỐC HO VIÊN

PECTAL FORT

Trị các chứng

HO



**BÁN TẠI
CÁC NHÀ
THUỐC TÂY**



TÀM QUAN TRỌNG CAO NGUYÊN và VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN

Bài của PHẠM ĐÌNH VY

«Chiến dịch Mùa Mưa» của Cộng Sản một lần nữa tái xác nhận tầm quan trọng về mọi mặt của miền Cao Nguyên rừng núi. Trong sách lược quân sự cổ điển, nếu đồng bằng là chiến trường của thóc lúa quân lương cần thanh toán mau chóng thì đất Cao Nguyên chính là nơi mai phục trường kỳ của đôi đôi bên và chỉ dự phần quyết định vào phút chót mà thôi. Người thắng tất nhiên kiểm soát cả một vùng đất đai rộng lớn, kẻ bại thì cũng phải cố tìm hết cách bám vào thế hiểm trở của núi rừng để chờ dịp quật lại đối phương. Thành thử bất luận ở xứ nào và ngay tại nước ta, miền Cao Nguyên vẫn là mối lo nghĩ số một của các nhà quân sự và chính trị, nếu cả hai thật tình là những con người ái quốc, ý thức trách nhiệm của sự chiến thắng với lãnh thổ vẹn toàn và chủ quyền quốc gia được tôn trọng. Hiểu một cách đại cương như vậy, chúng ta sẽ không lấy gì làm lạ khi thấy miền Cao Nguyên trong quá khứ có lần được gọi là «Hoàng Triều Cương Thổ» và mấy lúc sau này là đất mọc lên các phong trào đòi tự trị như «Tự trị Tây Nguyên», «phong trào Fulro». Quả thật, thế đất Cao Nguyên đã tự khoát cho nó một tầm quan trọng đặc biệt trong việc hoạch định các âm mưu xích hóa miền Nam của Cộng Sản hoặc trong việc dùng làm đầu cầu thực hiện mọi khuynh hướng phiêu lưu đế quốc của người da trắng thừa xa xưa, nay muốn rơi rớt lại tại một miền hoang vu của đất nước chúng ta.

Bằng lý luận thực tiễn, chúng ta thử hỏi những yếu tố nào đã khiến Cao Nguyên trở thành một sa trường thâm hiểm nhất của nhân loại hiện đại. Một quốc gia nhỏ bé không phút nào rảnh tay để kiến thiết đất nước, đang phải chống đỡ một cuộc chiến khốc liệt cũng lại đang bất lực nhìn đối phương và đồng minh cấu kết với nhau cắt xén lãnh thổ mà tiền nhân ngày trước để lại.

Trước hết, tính chất hiểm trở của địa hình Cao Nguyên cũng đủ để giới thiệu vai trò cực kỳ quan trọng của rừng núi trong trận chiến du kích. Nhìn trở về Cao Nguyên chúng ta, dù có quên hết bài vở địa lý, chúng ta cũng mừng rỡ tưởng được rằng đất đai xứ ta hơn 315 là núi rừng. Trên một diện tích rộng lớn như vậy, 700 ngàn người Thượng Việt Nam gồm 34 sắc dân đã sinh sống trải qua hằng bao thế kỷ luân phiên thăng trầm. Những khó khăn về chủng tộc không phải là không có, nhưng mọi việc đều được giải quyết êm đẹp nếu bàn tay của ngoại bang xúi

dục bị ngăn chặn kịp thời và nếu thời cuộc không ồ ạt ảnh hưởng đến nếp sống du canh, nhàn hạ muốn thuở của người dân miền núi.

Sự đổ kỵ giữa các sắc dân Thượng đã là một mối lửa khá nguy hiểm gây bao lo âu cho người có trách nhiệm về công cuộc bình định cao nguyên, thì việc sống chung đụng giữa Kinh Thượng có từ sau ngày lập các khu dinh điền Cao nguyên thời Cố Tổng thống Diệm quả thật là cơ hội tốt để đối phương xuyên tạc, gây căng thù giữa người Kinh và người Thượng qua lý luận của một sự xâm chiếm đất đai diệt chủng. Đó là lý lẽ duy nhất mà Cộng sản đã tìm thấy để khuyến dụ người Thượng thành lập phong trào. «Tự trị Tây nguyên» vào các năm 1961-62. Nhưng yếu tố chính của mọi âm mưu vẫn căn cứ đầu vào đầu óc sơ khai của người Thượng. Tư tưởng quốc gia dân tộc không được nhen nhúm ở họ, cộng thêm vào đó một mặc cảm thần phục người da trắng đã bần quẩn chúng người Thượng thành một bảo vật của những kẻ thích phiêu lưu nuôi mộng làm vua xứ người, hay của những hạng người đã thất bại ở chỗ nơi chính trường, quay sang phá phách đối thủ của mình bằng các cuộc bạo loạn của người thiểu số, đó là chưa đề cập đến những phạm vi của một bình diện lớn hơn. Trong quá khứ dưới thời Pháp thuộc, người Thượng đã hơn một lần gả nghĩa keo sơn với bọn thực dân và chấp nhận nước Pháp là tổ quốc của mình, lấy pháp ngữ làm ngôn ngữ chính thức trong nhà. Khi người Pháp bị hất cẳng, người dân Thượng lại trung thành ngay với chủ mới, bỏ tiếng pháp học ngay tiếng Anh và tình nguyện đi lính cho chú Sam. Vì bản chất ngây ngô và trung thành tuyệt đối đó mà những người bỏ tiền nuôi dưỡng chúng sẽ không bao giờ thấy tiếc của. Để nêu một ít bằng chứng cho sự việc trên, chúng ta hãy thử đọc lá thư đề ngày 25-7-1958 của lãnh tụ Fulro Y-Bham gửi cho Đại sứ Mỹ qua sự chuyển giao của Viện trưởng Đại học Michigan đề cập đến sự tự nguyện đem miền Cao nguyên trở thành một tiểu bang của Hợp chúng Quốc Hoa kỳ hay lá thư gửi cho Liên hiệp Quốc yêu cầu tổ chức này hậu thuẫn yêu sách đòi tự trị của họ bằng các luận cứ thơ ngây là người Kinh chúng ta có ý định chiếm đất diệt chủng, hay một vài phần tử xấu xa đã có những hành vi cướp vật gia súc cùng sự so sánh về thế chế lương bổng. Ngay chính lãnh tụ Y-Bham (có người nói y là Trung tá đồng hóa) cũng không hơn một chú bé. Được ngoại bang xúi dục, y bỗng bật có ý nghĩ làm loạn ngay tại Sài Gòn nên bèn

Tại sao phải đặt vấn đề chủ quyền với người Mỹ ?

Mọi sự việc trên đời này dù vô nghĩa đến đâu cũng vẫn có lịch sử lịch của nó. Về phong trào đòi tự trị Fulro, người Mỹ có nhiều liên hệ rõ ràng. Thoạt tiên vào năm 1957, một người Mỹ tên là Francois Sherry, rất có uy thế đến Ban mật Thuộc dưới nghi trang một người săn bắn. Mỹ kiều này đã tiếp xúc và khuyến dụ các lãnh tụ người Thượng như Pret, Y-Thih, Y-Bham nổi loạn tại Pleiku. Về sau, muốn phong trào được rầm rộ Mỹ kiều khác tên tắt là P.N. đã làm cổ vũ cho các người Thượng kể trên trong việc thảo một bức thư gửi cho Đại sứ Mỹ ở V.N. và cho trụ sở LHQ. Đó là chưa kể đến vai trò liên lạc đưa thư của ông viện trưởng Đại học Michigan. Vai trò F. Sherry càng ngày càng lộ liễu nhất là sau khi Tòa Đại sứ Mỹ từ chối sự ủng hộ yêu sách của Fulro, bằng cách xúi dục tổ chức các ủy ban đòi tự trị ở các địa phương cao nguyên trong chiều hướng bình thường cuộc nổi loạn. Giáo sĩ người Mỹ cũng đã nhúng tay trong việc thành lập quân đội riêng cho bọn Fulro cũng như hợp thức hóa một nước Cao nguyên có quốc kỳ riêng biệt. Trong các vụ đánh chiếm công khai các tỉnh lỵ của chính phủ ta vào cuối năm 1964 và mới rồi đây, vị trí hỗ trợ loạn quân của cổ vũ Mỹ thật rõ ràng, họ vẫn ăn chung ngủ lộn với loạn quân đến giờ phút chót và chính họ đứng ra giàn xếp mọi cuộc tranh chấp. Sự hiện diện của các nhân viên Tình báo Mỹ trong các cuộc đàm phán giữa loạn quân và chính phủ ta là yếu tố chót hết buộc chúng ta phải nói thẳng với người Mỹ vấn đề chủ quyền của ta.

Tại sao người Mỹ lại dính dấp đến Fulro ?

Có điều chắc chắn rằng là mối liên hệ trên không nằm trong chính sách đối ngoại của chính phủ Mỹ, nhưng cũng khá lạ lùng là chính quyền Mỹ lại có vẻ chấp nhận sự việc ấy bằng chứng nó tiếp tục gây loạn cho tới giờ phút này, lúc mà mọi sự xáo trộn về an ninh đều bị lên án là đồng lõa với đối phương. Bức thư trả lời của Phó Đại sứ A. Johnson ngày 2-8-65 từ chối sự ủng hộ của người Mỹ đối với phong trào Fulro vẫn không làm yên lòng những người yêu nước chân chính và thiếu tính cách tích cực.

Họ muốn người Mỹ phải có một thái độ rõ ràng và cương quyết vì những âm ảnh của sự phiêu lưu đế quốc của một vài phần tử Mỹ vô trách nhiệm hoặc sự đe dọa của một việc nhượng địa làm căn cứ. Cũng có thể vì một sự sốt sắng thái quá trong việc lập vòng đai an toàn cho nước Mỹ mà các nhà cầm quyền Hoa thành dồn lại khờ dại đến nỗi dầy xéo lên chủ quyền của một nước bạn mà chính mình lại sát cánh hy sinh xương máu để bảo vệ độc lập chống Cộng sản. Người Mỹ phải tự nhớ rằng mình là người da trắng ngoại quốc, mỗi hành vi phải cân nhắc kỹ càng kẻo lòng ái quốc của người Việt bị tổn thương, sẽ phản ứng dữ dội, lúc đó người Mỹ mới hối hận thì việc đã lỡ vỡ rồi, còn mặt mũi đâu nhìn nhau làm đồng minh.

Chúng tôi vẫn cố tin là qua lịch sử cấu tạo nước Mỹ, chưa bao giờ người Mỹ lại chủ trương

một hành động **thành lập một quốc gia** như trong việc tài trợ phong trào Fulro đòi tách nước chún⁸ rồi thành thêm một quốc gia Cao nguyên nữa chẳng ?

Chính quyền Việt Nam phải giải quyết cái gọi là Fulro ra sao, trước khi đặt đúng tầm quan cho Cao Nguyên.

Tầm quan trọng của Cao nguyên sẽ mất nếu loạn quân Thượng Fulro vẫn còn tồn tại để phá phách, vì chính trong lúc ấy vùng núi non trùng điệp sẽ bị bỏ ngỏ, sự thân thiện đến việc tiếp sức cho nhau giữa Fulro và giặc Cộng là một việc sẽ xảy đến.

Dân sự chiến đấu Thượng được người Mỹ huấn luyện, trang bị tối tân và nuôi dưỡng trực tiếp là thành phần quân sự nòng cốt của loạn quân Fulro. Không một người công dân Việt Nam nào có thể ngăn chặn được sự uất hận khi nhìn thấy bọn lính Fulro mặc quần áo US Army dùng súng Mỹ giết chết sĩ quan và binh lính Việt nam **thành lập một quốc gia**.

Vấn đề Fulro không phải là sự kiện mới mẻ gì, nó đã được người ta biết tới vào cuối năm 1957. Hồi đó, Cố Tổng thống Diệm đã cương quyết đối phó để bảo toàn chủ quyền Việt nam tại Cao nguyên bằng cách ra lệnh dập tắt Fulro với bất cứ giá nào, vì không một tầm quan trọng nào được nhắc nhở đến khi mà chủ quyền quốc gia vượt khỏi lòng tay.

Kết quả thủ lãnh Y-Bham bị bỏ vào ngục, Dân sự chiến đấu bị kiểm soát thật chặt chẽ. Nhưng qua đến CM 1-11, với sự vận động ngầm ngầm của Mỹ, Y-Bham được phóng thích, phong trào Fulro lớn mạnh như điều gặp gió, ra mặt tấn công bằng vũ lực chính quyền ta.

Cuộc nổi loạn cuối năm 1964, và 1965 cùng các cuộc vận động ngoại giao đã chứng tỏ các chính quyền Việt nam bất lực hoặc khiếp nhược trước người Mỹ. Họ cố né tránh đến cuối mặt làm ngơ, nhưng nhân dân Việt nam không chấp nhận một sự dụng chàm đến chủ quyền quốc gia như vậy.

Quần chúng đại học sẽ thay tiếng nói của nhân dân lên tiếng cảnh cáo với người Mỹ sự vô trách nhiệm của họ trong vụ Fulro và khuyến cáo chính quyền Việt nam hãy đặt đúng tầm quan trọng của Cao nguyên trong cuộc chiến hiện tại bằng cách loại bỏ ngay các phong trào đòi tự trị hiện có ở Cao nguyên cũng như xét lại vấn đề chủ quyền trong việc thành lập Dân sự chiến đấu, Biệt kích Mỹ.

« Kế hoạch Trường sơn » bình định và cải tạo xã hội Thượng chỉ sẽ có hiệu lực một khi chủ quyền Việt nam được những người cán bộ thấy rõ ở núi rừng Cao nguyên.

Đừng bắt họ phải mò mẫm tìm lá cờ của Quốc gia sau lá cờ ba màu của loạn quân Fulro.

Mọi kế hoạch chỉ có thành tựu khi chủ quyền quốc gia được duy trì chặt chẽ ở đây. Có chủ quyền người ta mới mở miệng nói đến tầm quan trọng của cao nguyên. Một định đề hoàn toàn đúng.

PHẠM ĐÌNH VY

CUỐN SỔ TAY

CAO NGUYÊN

Có nhiều bài viết về Cao nguyên, trong đó có « Văn để chủ quyền lãnh thổ Việt Nam và những sự thật về Fulro ». Vì lý do khách quan, bài báo đó chưa được đăng tải vào sổ này. Cuốn sổ tay Cao nguyên được viết ra, tạm thời bỏ túc những thiếu sót... Những phong trào Thượng nổi dậy bắt đầu từ 57. Những nguyên nhân xúi giục từ nhiều phía : Việt cộng, Pháp, Mên và Mỹ. Vì vậy động cơ thúc đẩy các phong trào tự trị này không phải chỉ do một nhóm hay một quốc gia nào mà do tất cả. Có một nghi vấn là tại sao những thành phần với những lập trường chính trị chống đối và mâu thuẫn nhau như thế lại có thể kết hợp với nhau trên một trận tuyến. Sau khi nghiên cứu từng phong trào và những ảnh hưởng, câu trả lời khẳng định sẽ là :

— Mỗi thành phần hoạt động riêng rẽ với những tác dụng khác nhau sao có lợi riêng cho từng nhóm, từng nước. Và tất cả đều nuôi mộng chiếm lấy vùng Cao nguyên.

Một câu hỏi cuối cùng : trong vụ Fulro có bàn tay đơ dấy của một số người Mỹ nhưng Hoa kỳ sẽ ăn cái gì để hành động như vậy ? Câu giải đáp sẽ được trình bày ở phần cuối bài.

TÌNH THƯƠNG

THỰC DÂN MỚI

Những tin đồn về « phong trào Thượng tự trị » có từ năm 57. Các vụ nổi dậy chính thức bộc phát năm 61 và dai dẳng cho tới nay. Sau mỗi vụ tàn sát của người Thượng, vấn đề Cao nguyên đặt ra sôi nổi rồi cũng lại rơi vào quên lãng. Đằng sau những biến cố đó hẳn phải có bàn tay lem luốc của Cộng sản. Dĩ nhiên. Có cả sự hỗ trợ của Cam bốt và Pháp. Nhưng liệu còn thêm yếu tố thúc đẩy nào khác ? Qua những lời tuyên bố úp mở của một số nhà lãnh đạo Việt Nam về sự nhúng tay của « Ngoại Bang », qua những nhận định xa gần của báo chí về « thực dân Mới », hay « hành động vô ý thức của những tay phiêu lưu ngoại quốc », qua những nhát kéo vung về của kiểm duyệt, người dân cảm thấy một điều gì thiếu minh bạch đằng sau những biến cố đó.

Tuy không muốn tin nhưng có đôi sự kiện khiến người dân hiểu rõ « ngoại bang » đó là ai. Nói trắng ra, thái độ lúng túng của Chính quyền về vấn đề này càng làm người dân tin rằng có bàn tay và áp lực từ phía người Mỹ. Nhất là bọn nổi dậy lại thường phát xuất từ các trại Lực lượng Đặc biệt và Dân sự Chiến đấu Thượng — huấn luyện và trợ cấp trực tiếp bởi người Mỹ.

TÀI LIỆU ĐẦU TIÊN VỀ FULRO

Ai cũng kêu gào về những hiểm họa đe dọa cao nguyên. Chính vấn đề cao nguyên là điều mà ít người nắm vững. Ngay trong những tòa báo lớn, tài liệu liên quan đến vấn đề này rất ít hay có thể nói là chẳng có gì. Điều đáng buồn về báo chí hiện tại ở chỗ đó.

Gần đây, Quân đoàn II phổ biến một cuốn sách đề cập đến « Cái gọi là phong trào đòi tự trị Fulro » — Front unifié de lutte de la Race opprimée. Có cả bản tiếng Anh mang nhan « the So called movement for autonomy Fulro » dành cho người Mỹ. Đây là một tài liệu về Fulro đầu tiên, tạm gọi là đầy đủ về các sự kiện. Nhưng có lẽ ở vị trí lãnh đạo chính quyền, một số sự thật chưa được nói ra — hoặc chỉ nói phớt qua một cách tế nhị nhưng đủ hiểu cho người đọc. Chẳng hạn : « Một số người ngoại quốc đã hiểu sai lầm vấn đề, vô ý thức hay có những hành động vô trách nhiệm khiến cho mối bất hòa giữa Kinh Thượng càng sâu đậm và bỗng nhiên trở thành một sự xáo động có hại cho tiềm lực quốc gia chống Cộng (trang 10)... » Ở một đoạn khác, sau khi đề cập tới âm mưu của Cộng sản và hai ngoại bang : Cam bốt, Pháp trong vấn đề Thượng ; còn một « ngoại bang khác » cũng được nhắc tới :

« Ngoài ra người Thượng còn bị ảnh hưởng ngoại khác vì họ thiếu kém sự hiểu biết về chủ quyền Việt nam qua thái độ của một vài phần tử non trẻ hiểu sai nghĩa dân tộc tự quyết »... (trang 35,) và trong bức thư của lãnh tụ Fulro, Y Bham gửi cho ông Đại sứ Mỹ có các điểm sau đây :

« Chúng tôi tin tưởng ở nước Mỹ giúp chúng tôi kiến thiết lại xứ cao nguyên đến ngày nay đã mất hết chủ quyền, để xây dựng cho dân Thượng một nước có khả năng, trung tín và thật thà... Kính thưa ông Đại sứ, từ trước đến nay chúng tôi hằng mong ước dân huệ được cứu xét hay cho nghiêng cứu về hoàn cảnh của nước chúng tôi... để chúng tôi được độc lập hoàn toàn hay độc lập trong khối liên hiệp của một cường quốc như Mỹ... »

Tưởng cũng nên nhắc thêm bức thư được tới tay ông Đại sứ Mỹ qua sự chuyển giao của ông Viện trưởng Đại học Michigan.

BUÔN SARPA 9-64 NHỮNG CHI TIẾT

Ngày 20-9-64, Dân sự chiến đấu thuộc các trại Sarpa, Bandon, Buprang, Miga nổi loạn mưu toan chiếm Ban Mê Thuột — Thời tướng Khánh. Tại trại Sarpa, Dân sự Chiến đấu Thượng giết hết cán bộ lực lượng Đặc Biệt Việt Nam trong khi tất các cố vấn Mỹ trong trại được tự do, toàn vẹn và không có một phản ứng ngăn cản.

Sự hiện diện của các cố vấn Mỹ trong Buôn Sarpa khiến phản ứng của Chính phủ Việt Nam hết sức khó khăn. Mãi đến 28-9, trước sự ngoan cố của DSCĐ Thượng, chính phủ Việt yêu cầu người Mỹ rút ra khỏi trại để đối phó quyết liệt với bọn nổi loạn. Phải xử dụng tới 50 trực thăng đưa các cố vấn Mỹ ra khỏi buôn Sarpa. Trong vụ này, không một người Kinh nào sống sót. **SI-AI-DI-GI** LÀ GÌ ?

C.I.D.G viết tắt của chữ « Civilian Irregular Defense Group » tức là Dân sự Chiến đấu : lực lượng được tuyển mộ, nuôi dưỡng huấn luyện và điều khiển trực tiếp bởi người Mỹ. Hiện tại ở miền Nam, có nhiều tổ chức tương tự như vậy của người Mỹ : Biệt chính, Lực lượng đặc biệt (Special forces), Dân sự chiến đấu (CIDG)...

Đặt chân lên Cao nguyên, người ta không khỏi ngạc nhiên về sự hiện diện của những binh chủng này. Trong số các yêu sách của Fulro có khoản đòi tổ chức một quân đội riêng cho người Thượng. Quan điểm chính phủ Việt Nam là chỉ có một lãnh thổ duy nhất, một quân đội duy nhất. **SI-AI-DI-GI**. Tại sao vẫn có những Quân đội « con đẻ » của người Mỹ, ở ngoài quyền kiểm soát của trung ương.

Một sự kiện đáng chú ý : hầu hết các vụ nổi dậy của Fulro đều phát xuất trong các trại lực lượng Đặc biệt và Dân sự Chiến đấu của người Mỹ.

SI-AI-DI-GI



Cố vấn Mỹ và Dân Sự Chiến Đấu Thượng

ẢNH HƯỞNG PHÁP TẠI CAO NGUYÊN

Bằng chính sách « chia để trị », người Pháp đã nắm được cao nguyên với chiêu bài « Hoàng triều cương thổ ». Đó là chuyện ngày xưa.

Kể từ 56, khi quân đội Pháp rút đi, **SI-AI-DI-GI**, ảnh hưởng của Pháp chẳng còn gì ngoại trừ một vài nhà truyền giáo và một số công chức Thượng thân Pháp.

Dù có sự đồng lõa của Cam bốt, Pháp có hoạt động gì đi nữa qua Vùng Ba biên giới họ cũng không sao tạo được ảnh hưởng mạnh tới mức gây sóng gió tại cao nguyên.

ẢNH HƯỞNG VIỆT CỘNG QUA «TÂY NGUYÊN TỰ TRỊ»

Ai cũng biết phong trào «Tây nguyên tự trị» là con đẻ của «Mặt trận giải phóng miền Nam», lãnh tụ là Y Bih Aleo — đồng thời cũng là phó chủ tịch «Mặt trận giải phóng». Bằng các hoạt động khởi đầu Phong trào tạo được một số ảnh hưởng tại Cao nguyên. Nhưng sau khi lộ diện là Cộng sản với chính sách lừa dối và bóc lột, phong trào mất dần ảnh hưởng và bị đồng bào Thượng thù ghét. Tuy nhiên bằng che đậy, hăm dọa phong trào này vẫn còn bắt rễ được trong giới đồng bào Thượng ngày thơ, chất phác tại những vùng hẻo lánh.

TƯƠNG QUAN GIỮA HAI PHONG TRÀO « TỰ TRỊ »

« Tây nguyên tự trị » một sản phẩm của Cộng sản. Fulro với lãnh tụ Y Bham Enuol có khuynh hướng quốc gia hơn.

Sự cầu hợp giữa 2 phong trào lưu vong trên đất Miền là một thỏa hiệp hết sức tạm bợ. Hậu quả là sự phủ nhận và chống đối giữa hai phe. Bằng chứng là những truyền đơn của phe Y Bih Aleo lên án « Y Bham tay sai của Mỹ » và những bức thư của Y Bham phủ nhận liên hệ với phe « Tây nguyên tự trị » phổ biến tại Nam Vang.

Nhận định này rất quan trọng cho những phân

tích ảnh hưởng về sau. Tuy nhiên, bằng chính sách « xâm nhập » của Cộng sản, ngay trong nhóm Fulro của Y Bham vẫn có thể có Thượng Cộng « nằm vùng » — nhưng đó chẳng phải là chủ trương thân công của lãnh tụ Fulro.

Sự kiện này giải thích được phần nào vụ tiếp tay của Mỹ cho Fulro.

BIẾN CỐ MỚI NHẤT VỀ FULRO

Đề hiều vụ Fulro, không gì bằng cách theo dõi một biến cố.

Đêm 17-12-65, cả một âm mưu nổi loạn của Fulro tại khắp các tỉnh cao nguyên :

— Mưu toan nổi loạn tại Pleiku của một số công chức quân nhân và thường dân, trong số này có một đại úy Địa phương quân.

— Mưu toan đánh chiếm Quảng Đức của một đơn vị loạn quân phát xuất từ đất Cam bốt.

— Nổi loạn tàn sát 32 quân nhân và thường dân của Đại đội Địa phương quân Thượng tại Phú Thiện — và mưu toan đánh chiếm tỉnh Phú Bồn.

Đây là một hành động « đâm lưng » được tổ chức qui mô, chắc chắn phải có bàn tay « bên ngoài » giúp đỡ.

Người viết sẽ hết sức khách quan ghi nhận những diễn biến trước khi có những nhận định ở phần kết luận.

MỘT TRƯỜNG HỢP : VỤ THÂM SÁT PHÚ THIỆN

Khoảng 3 giờ sáng ngày 18-12-65, một số quân nhân gốc Thượng thuộc Đại đội Địa phương quân trú tại Phú Thiện, đã nổi loạn tấn công các khu do quân nhân Kinh và gia đình trú ngụ. Kết quả : 34 người bị giết và 26 bị thương.

Sau đó bọn nổi loạn kéo về trại Lực Lượng Đặc biệt — Special forces Mai Linh mưu đánh chiếm Phú Bồn. Tại đây họ đã bị tước khí giới và giải về tỉnh.

Người cầm đầu vụ này là Thượng sĩ Nay Ry có liên lạc với Fulro từ trước. Ngày 14-12-65, hai cán bộ Fulro tới cho Nay Ry biết phải nổi dậy vào ngày 17-12 và phải giết hết người Kinh. Y nhận lệnh tổ chức và tấn công đúng theo kế hoạch đã định và Nay Ry nhìn nhận có ra lệnh phải hạ sát hết người Kinh bất luận lớn bé...

Những vụ như vậy đã diễn ra, nay tái diễn và có thể sẽ còn tái diễn trong tương lai.

DƯ LUẬN BÁO CHÍ

Biến cố ngay tại Việt nam được các báo chí Việt phổ biến bằng những nguồn tin của các hãng thông tấn và đài phát thanh ngoại quốc. Một hiện tượng quái gở nhưng có thật.

Và nhiều khi những nguồn tin đó do một bọn ngoại quốc đội lốt báo chí tung ra, bóp méo và



Phú Thiện : bắn giết cả trẻ thơ

xuyên tạc sao cho thuận lợi với những âm mưu toa rập đen tối của chúng. Rồi cũng lại chính các báo chí Việt vô tình cho đăng tải.

Tính cách thuần túy báo chí của các ông Phóng viên AFP, AP, UPI... đôi lúc cũng nên được xét lại.

Những Phóng viên ngoại quốc này muốn gì khi xuyên tạc Fulro đã chiếm các tỉnh Cao nguyên và quân đội chính phủ tái chiếm lại. Những hành động cương quyết của chính phủ Việt nam để bảo vệ luật pháp và chủ quyền thì bọn này đầu độc dư luận cho rằng « Vụ án là dịp để người Kinh trả thù người Thượng » và chúng vu không một vài giới lãnh đạo có đầu óc « Bài Thượng... »

Ai cũng hiểu rằng rằng đằng sau các phong trào nổi dậy Thượng là cả một âm mưu của một thủ tổ chức quốc tế chuyên xáo động và gây ung nhọt tại khắp các quốc gia. Chúng không từ chối một phương tiện bẩn thỉu nào — kể cả báo chí — để gây khó khăn cho chúng ta và đạt mục đích. Báo chí Việt nam có thể nghèo, không có phương tiện gửi phóng viên đi khắp nơi, nhưng ít ra trên lãnh thổ Việt nam, các nhà báo Việt phải nắm vững được tình hình tin tức hơn là ỷ lại vào « món ăn dọn sẵn » của mấy ông ngoại quốc lăm nghề — trong đó có nghề báo.

Một thí dụ đáng thương : một số báo Việt và Anh ngữ tại Saigon tường thuật vụ án Mặt trận Vùng II tại Pleiku ngày 27-12-65 theo tin của mấy ông AP hay UPI trong khi mấy ông này không nghe vỡ một câu tiếng Việt, phải chạy cùng phiên tòa hỏi nghĩa của mấy chữ « Tòa án mặt trận vùng II chiến thuật » và nghe ngóng hỏi han diễn biến phiên tòa qua vài câu dịch lờ mờ.

Báo chí Việt nếu không tự cải thiện thì chẳng những mất quyền hướng dẫn dư luận và đôi khi lại vô tình tiếp tay cho các âm mưu « đâm lưng » của một số ngoại quốc mà với họ lương tâm đã trở thành điều sa sỉ.

DỰ LUẬN CHÍNH QUYỀN

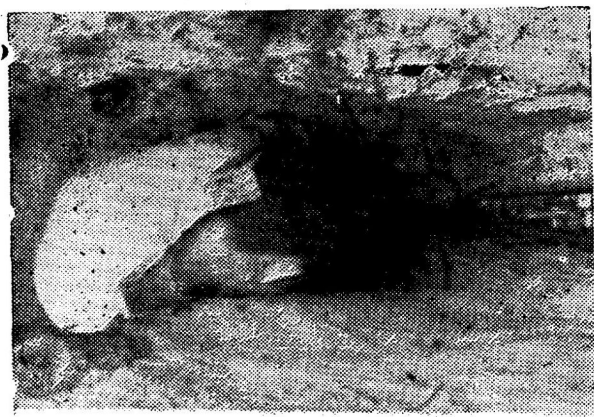
Trước những tổ chức điều động có qui mô của loạn quân, Thiếu tướng tư lệnh Quân đoàn II tỏ ý « hết sức ngạc nhiên về những phương tiện liên lạc tân kỳ của họ... chu đáo hơn cả hệ thống liên lạc hành quân của quân đội chính phủ».

Và ngay sau biến cố, các nhân viên quân đoàn gặp nhiều khó khăn về phương tiện vận chuyển để tới điều tra tại chỗ. Trước kia, mọi sự liên lạc giao thông vẫn dựa vào người Mỹ.

Khác với mọi lần, các cuộc nổi dậy đều do Dân sự Chiến đấu Thượng chủ xướng nhưng nay lại do một đại đội Địa phương quân Thượng. Tình cờ hay có sự chuyển hướng?

Tìm hiểu kỹ càng hơn người ta biết rằng số người Thượng này cũng vẫn là sản phẩm của Dân sự Chiến đấu từ 1962 và do những biến cố Kinh Thượng gần đây, họ được đồng hóa sang Địa phương quân.

Lại vẫn ngựa quen đường cũ. Sự khoan hồng của chính phủ được coi như vì nhu nhược. Hơn nữa bọn này còn được hứa hẹn bảo vệ nên mới coi thường mọi luật pháp và nhắm mắt hành động liều lĩnh. Sự kiện đó giải thích phần nào thái độ bồng trở nên cứng rắn của chính phủ Việt Nam.



Phú Thiện : một trong 32 nạn nhân bị thảm sát

CÂU CHUYỆN TÒA ÁN

Biến cố gây ra hôm 18-12. Phiên tòa mặt trận khai diễn ngày 27-12. Chỉ có 8 ngày để lập hồ sơ cho hơn 30 bị can.

Kết quả vụ Phú Thiện : công tố viện xin một tử hình, lúc tuyên án có thêm 3 tử hình và nhiều án khổ sai.

Mặc dù có nhiều cuộc vận động ngấm ngấm và cả áp lực công khai, bản án vẫn cương quyết được thi hành, các vụ hành quyết diễn ra mấy hôm sau đó. Vụ án có tính cách lịch sử, nó muốn chứng tỏ rằng :

- Chủ quyền Việt Nam còn tồn tại.
- Lời hứa bảo vệ của ngoại bang trở nên vô

hiệu lực, không như tin tưởng khờ dại của một thiểu số.

— Chính phủ Việt Nam đã có thái độ dứt khoát muốn tự giải quyết một vấn đề nội bộ của mình.

Những xác chết dù là Kinh hay Thượng đều đáng buồn. Tất cả là nạn nhân của âm mưu chia rẽ. Biện pháp trừng phạt chỉ là nhất thời để chặn đứng những vụ thảm sát. Nhưng vấn đề phải được giải quyết từ gốc rễ : chấm dứt sự xúi giục tiếp tay của ngoại bang.

NHỮNG SỰ KIỆN BÊN LỀ.

Có dịp sống và nói chuyện với đồng bào Thượng mới thấy họ thật thà chất phác là thế nào.

Nếu được nghe những lời khai của các bị can trước tòa, ta thấy họ không phải là những chánh phạm.

« Hai cán bộ Fulro bảo tôi rằng hôm 18-12, bốn tỉnh Cao nguyên được người Mỹ và Miên đánh chiếm hộ, là người Thượng các anh phải nổi dậy nếu không sau này các anh chỉ có lên trời mà ở... » Đó là lý do khiến họ nhập cuộc theo lời khai của tử tội Nay Ry. Ông chánh án hỏi một bị can :

- Tại sao anh cầm súng tàn sát người Kinh ?
- Dạ có lệnh.
- Nếu có lệnh bắn cha mẹ anh, anh có bắn không?
- Dạ bắn.

Đến lượt Trung sĩ Kuay Ksor bị hỏi :

- Tại sao anh bắn giết người Kinh.
- Tôi không có bắn.
- Lấy vợ Kinh, anh có thù ghét hay thương gì người Kinh không ?

— Dạ không thương người Kinh sao lại có con...

Đại loại những lời khai của các bị can đều chất phác và đơn sơ; họ phạm tội một cách rất ngây thơ như vậy.

Đến lượt luật sư biện hộ cho các bị can. Aⁱ cũng nhận rằng họ đáng được bình vực và bào chữa.

Bài cãi thật đơn sơ, vì thiếu hẳn lời buộc tội đích đáng về một thứ chánh phạm còn vắng mặt. Ở vị trí luật sư ông ta có thể nói lên điều đó..



Nhân chứng còn sống sót trong vụ Phú Thiện

KẾT LUẬN VỚI NHỮNG « NẾU »

Nếu có dịp gặp gỡ một vài người Mỹ, nói chuyện về Fulro, chúng ta sẽ được biết sự tán đồng của họ với cái gọi là « Phong trào đấu tranh đòi độc lập của đồng bào Thượng ».

Người Mỹ tự hào là những « chiến sĩ Tự do » luôn luôn bênh vực những kẻ bị áp bức. Hành động trợ giúp khuyến khích bọn Fulro phải chăng là một bằng chứng đáng để họ hãnh diện.

Đối với một công dân Việt Nam, hành động của người Mỹ đúng hay sai, câu trả lời đã rõ rệt.

Đối với người Mỹ, nếu họ đang mất phương hướng để nhận định, ta có thể dễ dàng giúp họ bằng cách hỏi ngay trong hoàn cảnh Hiệp chủng quốc rằng :

— Nếu người Mỹ chấp nhận cho người Da đỏ được độc lập và tự trị tách rời khỏi nước Mỹ.

— Nếu người Mỹ chấp thuận cho 20 triệu dân da đen có đất đai và quân đội riêng.

— Nếu người Mỹ công nhận một lá cờ khác cho thiểu số da màu treo cạnh cờ Hiệp chủng quốc.

— Nếu người Mỹ... chấp nhận những sự kiện đó ngay trên đất Mỹ thì chúng tôi khuyến những tay phiêu lưu đó nên trở về Mỹ thí nghiệm cuộc giải phóng quái gở đó tại nước họ trước khi sang hành động tại Việt Nam.

Những cái « có thể » và « không thể » cho lãnh thổ Hoa Kỳ cũng tương tự cho Việt Nam. Và hiển nhiên, chúng ta sẽ biết câu trả lời ra sao của người Mỹ.

NGƯỜI MỸ MUỐN GÌ ?

Có điều làm cho mọi người khó tin khi tự hỏi : trong khi đổ vào Việt Nam hàng tỷ đô la và cả sinh mạng của hàng ngàn người Mỹ ; họ được lợi gì khi những tay *dầu tu* vào những vụ rối loạn tại Cao nguyên.

Câu trả lời chỉ có thể là những giả thiết :

— Về quân sự : Vì địa thế chiến lược quan trọng của Cao nguyên, người Mỹ muốn nắm lấy vùng đất này. Muốn nắm đất phải nắm được các sắc dân Thượng. Đó là yếu tố thúc đẩy người Mỹ hỗ trợ cho phong trào Fulro, cũng như họ đã từng nuôi dưỡng người Mèo tại Lào để chống lại Cộng sản.

— Về chính trị : Vì sự suy yếu của chính phủ trung ương — đó cũng là ý muốn của Mỹ — Mỹ muốn đi trực tiếp với mọi lực lượng đang phân hóa để dễ bề chi phối : địa phương, tôn giáo, đảng phái, sắc dân... Người Mỹ lập cả những tổ chức chuyên môn xách động các vụ nổi dậy và làm ung thối Quốc gia mà họ muốn tạo ảnh hưởng.

— Về kinh tế : Đất cao nguyên hoang vu là một hứa hẹn đáng kể với những nguồn tài nguyên chưa được khai thác. Sự thần phục dễ dàng của người Thượng với người da trắng cũng là một yếu tố kích thích với những tay phiêu lưu còn muốn tiếp tục cuộc *Tây tiến* !...

TRÁCH NHIỆM NGƯỜI MỸ.

Viện trợ ở ạt cho Việt Nam, người Mỹ muốn biến Việt nam thành một tiền đồn chống Cộng do

chính Mỹ điều khiển

Trong khi vì ảnh hưởng của Pháp, một số công chức Thượng nuôi sẵn cảm thù với Việt nam chạy theo hoài vọng vô lý về độc lập và tự trị. Lẽ ra phải tỏ thái độ dứt khoát, một số người Mỹ, vô ý thức, còn âm thầm xúi giục người Thượng nổi dậy rồi *chính họ lại đứng ra làm trung gian* để điều đình với mục đích gây uy tín với chính phủ họ, đảng phái họ để nắm ưu thế trong trong vài cuộc vận động cá nhân, trong khi có thể chính phủ Mỹ không hề hay biết hoặc biết mà vẫn không có những biện pháp thích ứng với bọn người này.

Dù chủ trương hay không, Washington vẫn phải nhận lãnh trách nhiệm về các vụ xâm phạm chủ quyền của một số cán bộ Mỹ tại Việt nam. Thái độ im lặng hoặc không dứt khoát của Hoa kỳ để đảng đưa tới những ngộ nhận trầm trọng về phía nhân dân Việt nam.

TRỞ VỀ KẾ HOẠCH TRƯỞNG SƠN

Với những rối loạn tại Cao nguyên chính phủ phải nhận lãnh phần trách nhiệm. Người Thượng dễ tin và cũng dễ nghi ngờ. Với tâm hồn đơn giản, họ thiếu kiên nhẫn để chờ đợi. Thành ngữ Thượng có câu *hứa tay mặt phải cho ngay tay trái*. Vậy mà các nguyện vọng của họ vẫn bị trả lời bằng sự im lặng. Có thể tại chính phủ đồ hoai. Chính phủ sau không tiếp nối những hứa hẹn của người đi trước.

Một thí dụ hiển nhiên : Thời ông Quát đã ký nghị định chấp thuận biến Nha Thượng vụ thành Thượng vụ Cuộc ; đến chính phủ tướng Kỳ, vẫn chưa nghe hủy bỏ hay duy trì nghị định trên và một Nha Thượng vụ vẫn nằm đó...

Đại loại vấn đề giải quyết dở dang như vậy khiến một số người Thượng bất mãn, lại thêm bị xúi giục ; rối loạn tại Cao nguyên là điều không thể tránh khỏi.

Đã đến lúc chính phủ phải có một kế hoạch dài hạn cho vấn đề Thượng. Kế hoạch Trường Sơn phải được tổ chức qui mô và theo đuổi liên tục trong một kế hoạch « Thập Niên » hoặc lâu hơn. Trong thời gian đó mọi nỗ lực quốc gia phải được nhắm tới mục đích bình thường hóa hai nếp sống Kinh Thượng. Muốn vậy phải gấp rút đào tạo cán bộ Thượng và đặt nặng phần giáo dục cho cao nguyên.

Và cấp thời Chính phủ phải giải tán hay đồng hóa những cơ sở nuôi mầm tự trị như các trại Lực lượng Đặc biệt, Biệt chính, Dân sự chiến đấu...

Chặng đường còn dài *Cuốn sổ tay Cao nguyên* sẽ còn mở rộng ; chúng tôi mong Báo chí Việt cũng sẽ đóng một vai trò hướng dẫn quan trọng trong chiến dịch đem « ánh sáng lên Cao nguyên. »

Pleiku 12-65

NGÔ THẾ VINH

NHỮNG VẤN ĐỀ CAO NGUYÊN

dưới mắt một nhân sĩ Thượng

« Những vấn đề Cao nguyên dưới mắt một nhân sĩ Thượng » đó là đề tài bài phóng văn ông Nay Luett, một nhân sĩ Thượng có tinh thần cấp tiến.

Ông Nay Luett nguyên xuất thân từ trường Yersin Đà Lạt. Cùng với ông Y. Bham Enuôl, Nay Luett đã từng tham gia phong trào đấu tranh đòi quyền lợi đồng bào Thượng, dưới chế độ Tổng thống Diệm từ năm 1958. Chính ông Nay Luett là một trong những người được Y Bham cử đi Saigon vào tháng 7-58 để trực tiếp đưa thư cho Đại sứ Mỹ nhờ can thiệp với chính phủ Việt Nam cho tự trị. Bảy người cầm đầu phong trào, trong đó có Nay Luett, bị chính phủ Diệm bắt giam 4 năm tại Huế (58-63). Được phóng thích vào cuối năm 62, Nay-Luett lần lượt trở thành thông dịch viên, quân nhân chiến đấu thuộc các trại lực lượng Đặc biệt Mỹ. Sau đó, ông được kêu gọi trở về phục tại Nha Thượng Vụ từ tháng 10-64. Là một người Thượng có học, có chân trong số những người chủ xướng phong trào FULRO với Y Bham, ông Nay Luett là người có đủ tư cách để nhận định những vấn đề Cao nguyên có liên quan tới nếp sống đồng bào Thượng.

TÌNH THƯƠNG

Theo ông thì tổ chức xã hội và đời sống đồng bào Thượng hiện nay ra sao ?

Mặc dầu Chính Phủ hết sức chú ý về vấn đề cải tạo xã hội và đời sống của đồng bào Thượng, nhưng ở khắp nơi trên vùng Cao nguyên, nhất là vùng hẻo lánh kém an ninh, từ trước đến nay, Chính Phủ đã trợ cấp rất nhiều nhưng nhận ngày nào ăn ngày đó, họ không yên tâm làm ăn bởi sự phá hoại của Cộng sản. Không riêng gì đồng bào Thượng, đồng bào Kinh cũng vậy, vì Cộng sản tìm đủ mọi cách phá hoại, nên xã hội và đời sống của đồng bào Thượng chưa được cải thiện cho lắm.

Đồng bào Thượng có những nguyện vọng gì ?

Như Chính quyền đã biết, những nguyện vọng của đồng bào Thượng là những điều mà các đại diện đồng bào Thượng đã nêu ra trong đại hội các

sắc dân Thượng tại Pleiku ngày 17-10-1964.

Những yêu sách của đại hội gồm có : Về Chính Trị (tổ chức đại hội Thượng toàn quốc, quyền bầu trực tiếp các đại diện, số ghế xứng đáng trong Quốc hội) về Hành Chánh (đổi Nha Thượng vụ thành Phủ đặc ủy, thanh lọc hàng ngũ, đề công chức Thượng về cao nguyên phục vụ, xin có đại diện tại trung ương), về Quân Sự (chấm dứt các hành động áp bức, miễn quân dịch, bỏ sĩ quan Thượng phụ tá Bộ tư lệnh, cấp chỉ huy Dân sự chiến đấu được theo học các trường quân sự), về Kinh Tế (xin lại đất đai bị trưng dụng làm dinh điền hoặc bị quân đội chiếm, lập thêm giao thông, xin giảm thủ tục vay tiền nông tín) về Giáo Dục (mở thêm trường, dạy thêm thổ ngữ ở tiểu học, được phép du học), về Tư Pháp (xin lập lại tòa án phong tục Thượng)...

Ông cho biết một số những thắc mắc của đồng bào Thượng tại địa phương ?

Câu này khó trả lời vì vi phạm đến chính trị. Hơn nữa đồng bào Thượng chúng tôi không có đảng phái, hoặc phe hoặc có những thù ghét, thành kiến lâu dài, thấy gì nói vậy, nói thẳng, nói thật, nói những gì có thật — ~~đối với những người trí thức như chúng tôi thì chúng tôi thông cảm lắm, vì đó là luật chiến tranh nhưng đối với đồng bào Thượng thì họ cho đó là hành động không tốt. Ngoài ra như xử dụng cán bộ không đúng chỗ chẳng hạn, do đó mà có sự bất công tại một vài địa phương — đồng bào Thượng đâu dám nói ra vì họ sợ.~~ Đối với những người trí thức như chúng tôi thì chúng tôi thông cảm lắm, vì đó là luật chiến tranh nhưng đối với đồng bào Thượng thì họ cho đó là hành động không tốt. Ngoài ra như xử dụng cán bộ không đúng chỗ chẳng hạn, do đó mà có sự bất công tại một vài địa phương — đồng bào Thượng đâu dám nói ra vì họ sợ.

Ông nghĩ sao về thanh niên, sinh viên và học sinh Thượng hiện tại và sau này ?

— Hiện nay Chính Phủ đã ban hành thông tư ấn định những biện pháp nâng đỡ thanh niên, học sinh, sinh viên Thượng.

— Đối với thanh niên Thượng thì Chính Phủ tạm hoãn dịch.

— Đối với sinh viên học sinh Thượng thì Chính Phủ đặc biệt nâng đỡ họ về mọi mặt hơn sinh viên học sinh Kinh. Nhưng rất tiếc một số sinh viên học sinh Thượng hiện nay bỏ học và trốn theo nhóm FULRO hoặc chạy về làng đi làm thông dịch viên hay Biệt kích. Như vậy tôi nhận thấy có hại cho tương lai của họ.

— Hình như tôi không làm có một số rất nhiều thanh niên Thượng đậu bậc Trung học. Lúc đó họ sẽ theo học tới bậc Trung học và vài năm sau sẽ có rất nhiều học sinh Thượng đậu Tiểu học. Lúc đó họ sẽ theo học các ngành chuyên môn, như vậy tương lai của họ sau này rất tốt đẹp, và họ giúp ích cho Quốc gia dân tộc.

Đồng bào Thượng có ưa thích Cộng Sản không ? tại sao ?

— Nói đến Cộng sản thì đồng bào Thượng sợ rồi. Đồng bào Thượng thường gọi Cộng sản là « Chim dưng » nghĩa là con dơi. Đó là nói về y phục của Cộng sản. Khi nói đến hành động của chúng thì đồng bào Thượng gọi Cộng sản là *Cop dữ*. Cộng sản là địch số một của đồng bào Thượng. Từ năm 1945 đến nay, đồng bào Thượng chẳng được hưởng gì của Cộng Sản cả, nhưng chỉ làm chồng xa vợ, con mồ côi cha mẹ, làng mạc đổ đạc bỏ đi vì Cộng sản mà thôi, như vậy đủ biết Cộng

sản có được đồng bào Thượng mến thương hay thù ghét.

Ông có biết tổ chức và hoạt động của nhóm Y BIH ALEO không ? Theo ông nhóm này thế nào ? Có ảnh hưởng gì tại địa phương ?

— Nhóm Y BIH ALEO là do Cộng sản Bắc Việt tổ chức mệnh danh là « Phong trào Tây nguyên tự trị » để lôi cuốn đồng bào Thượng cá nhân Y BIH ALEO thì Cộng sản, còn số trong nhóm của ông theo tôi nghĩ thì chưa hẳn hoàn toàn là Cộng sản. Họ theo Y BIH ALEO vì nhiều lý do, vì họ chưa hiểu bộ mặt Cộng sản ra sao. Mặt khác thì còn bị kẹt ở vùng bị Cộng sản kiểm soát. Một số sa ngã vì trình độ văn hóa và chính trị quá thấp kém, nên họ bị Cộng sản lợi dụng. Chứ thực ra có ai ưa thích gì đâu. Như những người trí thức và ở bên Quốc gia có ai ca tụng gì về ông Y BIH ALEO đâu mặc dầu những hoạt động của nhóm Y BIH ALEO lan tràn khắp nơi trên vùng Cao nguyên nhưng không có ảnh hưởng gì đối với đồng bào Thượng địa phương hoặc trên vùng Cao nguyên đâu.

Còn nhóm FULRO thì như thế nào ? Ông có biết nguyên do nào phát sinh ra có nhóm FULRO không ? Ảnh hưởng của nhóm này ra sao ?

— Danh từ FULRO trước đây tôi không biết gì hết. Thường tôi hay nói : Tôi phủ nhận nhóm FULRO tôi chỉ công nhận ông Y BHAM ENUOL hồi năm 1958 mà thôi, và tôi cũng chẳng hiểu đường lối của nhóm FULRO ra sao, và cũng chẳng có ai trong nhóm FULRO giải thích cho tôi rõ ràng mạch, vì họ cũng chẳng biết. Sở dĩ có rất nhiều người đi theo FULRO là vì họ tin tưởng ở ông Y BHAM ENUOL. Nguyên do phát sinh ra nhóm FULRO là do người Chăm Tổ chức chăng ? nhưng hiện nay nhóm FULRO ảnh hưởng rất nhiều đối với đồng bào Thượng nhất là đối với thanh niên, học sinh Thượng.

Nhóm Y BIH ALEO và nhóm FULRO có khác gì nhau không ?

— Nhóm Y BIH ALEO và nhóm FULRO thì rất khác nhau. Nhóm Y BIH ALEO do Cộng sản tổ chức còn nhóm FULRO thì mặc dầu có những yêu sách quá đáng, nhưng họ là những người Quốc gia, có tinh thần chống Cộng rất cao.

Ông nghĩ thế nào về vấn đề lãnh thổ Việt Nam ?

— Lãnh thổ quốc gia Việt Nam là một nước độc lập, bất khả xâm phạm, trong đó có rất nhiều sắc tộc sống, nhưng tất cả mọi người không có quyền chia xẻ, mà chỉ có bốn phận bảo vệ mà thôi.

Theo ý Ông danh từ Kinh và Thượng có nghĩa thế nào ?

Theo tôi thì danh từ Thượng dùng cho những ở vùng núi, còn danh từ Kinh để chỉ những người ở miền xuôi. Kinh Thượng đều là công dân Việt Nam và cũng có bổn phận xây dựng và bảo vệ đất nước.

Ông cho biết những âm mưu chia rẽ Kinh Thượng của Thực dân như thế nào ? và hiện nay Việt cộng âm mưu chia rẽ như thế nào ?

— Xưa kia, muốn cai trị một cách dễ dàng nước Việt Nam, Thực dân Pháp đã tìm mọi cách để chia rẽ giữa Kinh và Thượng. Không những giữa Kinh và Thượng mà còn giữa Kinh với nhau. Thực dân Pháp cũng tìm mọi cách chia rẽ bằng cách : Bắc Kỳ, Trung kỳ và Nam phần đều có Chính phủ riêng. Còn đối với người Thượng thì Thực dân Pháp không cho liên lạc với người Kinh, không cho người Thượng mặc quần áo, mà chỉ cho mặc khổ thôi. Ở trong trường người Thượng thì cấm không cho người Kinh học. Bằng chứng cụ thể hơn các tài liệu của Thực dân Pháp muốn chia rẽ giữa Kinh và Thượng.

Còn Việt Cộng thì hiện nay đang tổ chức phong trào Tây nguyên Tự trị để đánh lừa đồng bào Thượng. Theo ý tôi tổ chức phong trào trên có tính cách chia rẽ rõ rệt.

Ông nghĩ sao về những nguyện vọng của nhóm Fulro đệ lên Chính quyền ? Những điều đó có phản ảnh đúng với nguyện vọng của đồng bào Thượng không ? và riêng ông có tán thành những điều đó không ?

— Những điều thỉnh nguyện của nhóm Fulro trước kia không phản ảnh đúng với nguyện vọng của đồng bào Thượng. Nhưng mới đây trong tám điểm mà họ đệ trình lên Chánh Phủ có vài điểm đã phản ảnh đúng với nguyện vọng của đồng bào Thượng đệ lên Chánh Phủ tại Pleiku ngày 17-10-1964. Do đó tôi đã tán thành với vài điểm mà thôi.

Trường hợp nhóm Fulro không trở về hàng ngũ dân tộc, trước những yêu sách quá đáng không thể chấp nhận được, thì ông nghĩ sao đối với họ ?

— Xin Chánh Phủ quyết định dứt khoát đối với 8 điểm mà họ đệ lên Chánh Phủ vừa qua.

Ông có ý kiến gì về vấn đề đào tạo và sử dụng cán bộ Thượng ?

— Theo tôi, vấn đề đào tạo và sử dụng cán bộ Thượng rất khó và cũng rất dễ. Vì việc hoạt động của họ có đem lại kết quả tốt đẹp hay không là

do sự đào tạo và sử dụng đúng chỗ. Mỗi khi đi o tạo một ngành gì thì phải thành nghề, chứ không phải như Trung tâm huấn luyện cán bộ Thượng tại Pleiku hiện nay, sai với chủ trương đường lối của Chánh Phủ, sai với nguyên tắc.

Cảm tưởng của đồng bào Thượng đối với những cán bộ người Kinh như thế nào ?

— Hiện nay có một số cán bộ người Kinh, quân nhân lẫn công chức có tinh thần giúp đỡ thật sự và hiểu nhiều về đồng bào Thượng. Nhưng một số khác chưa từng lên hoặc đã lên vùng Cao nguyên. Đôi khi hành động của những người này đã làm đụng chạm đến tự ái và phong tục tập quán của đồng bào Thượng. Do đó, đối với những người tốt thì đồng bào Thượng miễn phục còn đối với những người mà hay khinh rẽ hoặc bóc lột họ thì họ có cảm nghĩ xấu.

Ông có ý kiến gì về vấn đề định cư đồng bào Thượng trong việc tự nạn Cộng sản không ?

— Việc này tôi đã và đang và đang chú ý nhiều nhất là vấn đề định cư đồng bào Thượng trong việc tự nạn Cộng sản. Tôi đã tán thành với ý kiến của các đại diện đồng bào Thượng đề nghị việc định cư đồng bào Thượng tại Pleiku ngày 17-10-64.

— Chọn địa điểm đầy đủ tiện nghi, rồi tập trung những ấp nhỏ thành những Ấp lớn. Nhưng hiện nay những địa điểm đầy đủ tiện nghi lại kém an ninh, theo tôi trước khi làm việc này, cần phải tập trung nỗ lực đánh Cộng sản trước, sau đó muốn làm gì cũng được và cũng dễ dàng.

Theo Ông làm thế nào cho đồng bào Thượng được mau chóng văn minh tiến bộ để theo kịp với người Kinh ?

— Những người chóng văn minh là những người có quan niệm văn hóa giáo dục là quan trọng hơn bao giờ hết. Sau đó là kinh tế, các cấp lãnh đạo của họ phải là người có khả năng, sáng kiến, có tinh thần phục vụ Quốc gia dân tộc thật sự, chịu khổ chịu khó chỉ dẫn cho họ, chứ không phải là tham quyền cố vị mà làm việc. Do đó, muốn được đồng bào Thượng mau chóng văn minh tiến bộ theo kịp người Kinh thì phải :

Sử dụng những cán bộ có khả năng, có óc sáng kiến tổ chức và có uy tín đối với đồng bào Thượng, theo đúng chủ trương đường lối của Chánh phủ. Những cấp bậc chỉ huy trên phải là những người Thượng, được lòng dân, có điều kiện trên mới điều khiển người Thượng được. Mỗi khi tin người đó tức là người chỉ huy đó nói gì thì họ nghe vậy, làm đúng vậy. Ngay vấn đề dị đoan mê tín của họ cũng sẽ dần dần bỏ đi. Khi họ xóa bỏ dị đoan mê tín của họ rồi thì họ sẽ chú trọng đến văn hóa giáo dục.

NAY LUETT

Thực trạng sinh hoạt đồng bào Thượng

L.T.S.— Cao nguyên có tầm quan trọng về chiến lược, không ai, phủ nhận. Nhưng thực trạng Cao nguyên và nếp sinh hoạt của đồng bào Thượng thế nào, là điều mà ít ai biết tới. Khởi từ những vụ nổi loạn của một thiểu số người Thượng — do những nguyên nhân xúi giục từ nhiều phía—vấn đề Cao nguyên lại liên tiếp được đặt ra, trên các báo chương và những giới liên hệ. Sáng kiến tổ chức một «Tuần lễ Kinh Thượng» đang trong vòng dự định thì chính phủ đổ, kế hoạch trên bị bỏ qua và quên lãng. Vấn đề Kinh Thượng vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng.

Mặc dầu trọng tâm số báo là «Chú quyền lãnh thổ Việt nam và những sự thật về Fulro» nhưng tòa soạn Tinh Thương cũng muốn giới thiệu với độc giả vài nét về nếp sinh hoạt của đồng bào Thượng dưới mắt một người Thượng. Qua bài nói chuyện này—dành cho dự định Tuần Lễ Kinh Thượng—Chúng tôi mong bạn đọc có được cái nhìn tạm đủ về «Thực Trạng Sinh hoạt của thiểu số đồng bào Việt» đang sống rải rác trên những núi non Cao nguyên. Tưởng cũng nên giới thiệu thêm tác giả bài nói chuyện là Tụng Tá Ya Ba, tức Trương Sơn Ba hiện Giám đốc Nha đặc trách Thượng Vụ—người mà một năm trước đã đứng trung gian giàn xếp vụ tranh đồ máu tại Buôn Sarpa và những khó khăn sau đó.

TINH THƯƠNG

Quý vị đi sâu vào các Buôn Sóc Thượng, tìm hiểu đời sống của họ.

Mời quý vị đến thăm một vài Buôn Sóc của chúng tôi ở sâu trong rừng quý vị sẽ thấy một ấp có nơi chỉ lơ thơ vài ba nóc nhà sàn lợp tranh lụp xụp bản thủ, dưới nuôi gia súc, trên người ở. Trong nhà không có gì trang trí, đồng bào ăn nằm, làm bếp tiếp khách ngay trên mặt sàn.

Nhu cầu của người Thượng chúng tôi rất ít. Chúng tôi chỉ cần nồi com với chút muối rau là đủ bữa ăn. Quần áo chỉ cần manh khố, chiếc yêng (người kinh gọi là váy) cũng đủ che thân. Chúng tôi đã quen lam lũ, không phải là chúng tôi không biết ăn, biết mặc thì trái lại, nếu có để mà ăn, mà mặc người Thượng chúng tôi sẽ tự hào là không hề kém một ai trong xã hội nào khác.

Tuy nhu cầu chỉ có thế, nhưng đại đa số người Thượng vẫn còn thiếu thốn. Năm nào Trời thương được mùa thì nhiều vùng còn đủ gạo để ăn được 7, 8 tháng, nếu bị hạn hán, bão lụt thì năm đó kể như phải vào rừng kiếm củi, hái lá lót lòng. Trung bình, năm nào cũng vậy, đồng bào Thượng phải bị thiếu ăn từ 3 tới 5 tháng. Quần áo không có, đến như chiếc yêng nhỏ nhoi mà trẻ con Thượng từ 10 tuổi trở xuống, nhiều đứa vẫn không có để che thân.

Trước tình trạng khốn khổ đó, quý vị sẽ tự hỏi họ làm ăn ra sao mà ra nông nổi ? Thì đây, tôi xin trình bày hầu quý vị về sinh hoạt của họ :

Người Thượng hầu hết sống về nghề «LÀM RẦY». Phương pháp làm rẫy theo lối cổ truyền rất là vất vả. Họ phải đốt cả một khoảng rừng, một sườn núi, sau đó phải dùng sức tay chân để dọn cây lớn, lấy đất trống để trồng lúa. Dụng cụ làm rẫy, nơi sang mới có chiếc cưỡi lớn, nơi nghèo dùng chiếc cưỡi nhỏ bằng bàn tay để bới đất, bới từng chiếc lỗ nhỏ một, rồi bóc một vài hạt thóc giống cho vào lỗ lấp lại là xong. Thời gian kế tiếp họ chỉ còn việc làm cỏ, canh rẫy ngừa thú rừng đến phá hại. Việc sinh trưởng của cây lúa từ hạt thóc đến lúc lúa đâm bông, kết quả đều trông cậy nhờ Trời. Trời thương

Lựa chọn đề tài này, tôi không dám nhân danh Giám Đốc Nha Đặc Trách Thượng vụ mà chỉ muốn với tư cách một công dân Thượng và bằng tiếng nói trung thực của người Thượng. Những điều mà tôi trình bày sẽ không hấp dẫn, vì nó chỉ là thực trạng trong xã hội của chúng ta, hay nói rõ hơn là của đồng bào sống trên vùng rừng núi, xa cách với văn minh mà ta quen gọi là người Thượng. Lời nói của tôi không văn hoa, bóng bẩy lắm vì như tôi đã trình bày : «tôi là một người Thượng»

Quý vị là công chức, quân nhân, thương gia, học giả, sinh viên, học sinh, vì công vụ và nghề nghiệp hoặc trong các cuộc cắm trại, nghỉ hè, đã từng đặt chân lên miền đất Cao nguyên, chắc không còn xa lạ gì với đồng bào Thượng. Với những quý vị chưa biết miền Thượng, tôi xin được phép giới thiệu :

Chúng tôi không dám mời quý vị đi xa, chỉ xin có dịp nào mời quý vị tới Cao nguyên Đồng nai, cách Saigon từ 60 đến 100 cây số. Ở đây khí hậu hiền hòa, thanh cao, không khi nhẹ nhàng và trong lành không kém bất cứ một nơi nghỉ mát nào trên thế giới. Ở đây, quý vị sẽ gặp những người ăn mặc có vẻ dị thường, đàn ông đóng khố, đàn bà mặc Yêng, ngực để trần lưng che đầy bằng những chiếc gùi nặng trĩu, chân chai lại vì dẫm mãi lên những hòn đá vô tình. Thưa, họ là những người Thượng. Trông họ người nào người nấy nước da đen sạm vì sương gió núi rừng, đầu tóc bù rối vì quanh năm ngày tháng không biết tới cái kéo, cái lược. Có người còn giữ tục cà răng, cạo tai, khiến họ có một bộ mặt dữ tợn. Trông bề ngoài như vậy, nhưng họ rất hiền lành, trên môi nở nụ cười hiền hậu chất phác và đầy thiện cảm với mọi người, với du khách.

Đó là hình ảnh người Thượng. Hình ảnh mà tôi vừa phác họa bằng vài nét đơn sơ đó có thể khiến cho quý vị chưa biết người Thượng phải ngạc nhiên và quý vị đã từng ở Cao nguyên chắc đã đôi lần phải thương xót cho số phận của những đồng bào chậm tiến đó.

Quý vị sẽ ngạc nhiên và xót xa hơn nữa nếu

được mùa thì no, còn hạn hán, bão lụt làm mất mùa thì đành chịu.

Khi lúa chín, hầu hết họ không dùng liềm hái để gặt, họ dùng tay để chuốt từng bông lúa, nâng niu từng hạt thóc cho vào gùi. Từ thóc qua gạo lại qua những giai đoạn vất vả, cực nhọc nữa, vì không có phương tiện đủ là phương tiện tối thiểu để đỡ một phần sức lực chân tay.

Những chiếc Yêng của phụ nữ và chiếc Khố của người đàn Ông, những chiếc áo cổ truyền cũn cõn chỉ được dùng trong những dịp Lễ Tết, mà người Thượng thường dùng, đều do phụ nữ Thượng dệt lấy. Nhưng quý vị thử tưởng tượng, với mấy thanh tre căng sợi và dệt bằng cách san từng sợi, từng sợi thì công việc sẽ khó khăn và mất thì giờ thế nào? Trong khi đồng bào miền xuôi đã chế bỏ những máy sợi bằng gỗ, mỗi ngày chỉ dệt được vài chục, một trăm thước để tiến tới thành lập những nhà máy dệt khổng lồ mỗi ngày sản xuất cả trăm ngàn thước vải, thì người Thượng vẫn duy trì phương pháp dệt như trên để mỗi ngày có được vài phân, nhiều lắm là một tấc vải và mỗi chiếc Yêng, chiếc khố dệt bằng cách này, đồng bào phải mất nhiều thời gian, thì tránh sao khỏi thiếu áo quần để mặc?

Người Thượng cũng làm nghề săn bắn, kiếm lâm sản, đan mây tre v.v... nhưng chỉ là những nghề phụ, không có phương tiện, không được hưởng dẫn nên không đem lại cho họ được bao nhiêu lợi lộc.

Về buôn bán, người Thượng còn rất ngây thơ, họ chưa biết giá cả vật dụng. Họ chỉ biết áp dụng phương pháp đổi chác. Bởi đó, họ là những mối ngon cho những tên lái buôn kém lương tâm, lợi dụng lòng thật thà, chất phác của họ để bóc lột một cách không thương xót. Có khi họ phải đổi cả chục con gà để lấy dăm ba lon gạo, cả một con heo mới được chục thước vải.

Tình trạng trên đây sở dĩ có được vì sự dốt nát của họ. Cho đến năm 1954, đồng bào Thượng có đến 98% không biết chữ. Đến nay có chừng 50% dân số Thượng được đi học. Nhiều em học xong ban Sơ học hoặc Tiểu học là phải ở nhà vì thiếu trường học hoặc gia đình không đủ khả năng tài chánh để cho con cái tiếp tục việc học. Vả lại người Thượng chúng tôi lại có nhiều sắc dân, mỗi sắc dân nói một thứ tiếng riêng. Trong số này mới chỉ có 3 sắc dân là : RHADE, BAHNAR, KOHO là có chữ viết theo mẫu tự La tinh mà thôi. Do đó việc giáo dục cho đồng bào Thượng là một vấn đề khó khăn. Việc áp dụng tiếng Việt chung cho dân Thượng cũng là một phương pháp giáo dục tốt, tuy nhiên, đối với họ, học và nói tiếng Việt không phải là việc dễ dàng.

Về Y tế, ngày nay có một số người biết dùng thuốc men trị bệnh, nhưng phần lớn còn giữ tập

quản trị bệnh bằng cách cúng quãi, đuổi tà ma. Trong khi các sản phụ Kinh tìm đến bác sĩ để thăm thai và nhờ sản sóc khi sinh nở, thì người sản phụ Thượng, nhiều nơi vẫn phải nằm bên bếp lửa, tự sản sóc lấy chính mình và cho đứa con mới sinh của mình. Tình trạng đó đã gây cho đồng bào Thượng nạn « hữu sinh vô dưỡng » và phải chết khi mắc phải những bệnh không đáng chết.

Nhiều học giả cho rằng người Thượng chậm tiến, vì theo tin ngưỡng đa thần. Chúng tôi không phủ nhận điều đó, tuy nhiên dân trí kém vì không được hướng dẫn, thiếu phương tiện để phát triển kinh tế, đời sống luôn luôn bị đe dọa bởi bệnh tật, chết chóc, bệnh đói, nạn rét, người Thượng chúng tôi phải quây quần lấy nhau để sinh tồn và tin tưởng vào Thần linh để an ủi. Cuộc sống cộng đồng bán khai và tin ngưỡng Đa thần đã tạo thành những tập quán, phong tục cổ truyền. Chính những phong tục, tập quán này đã giúp cho người Thượng sinh tồn đến ngày nay, mặc dầu những phong tục tập quán có nhiều phiền toái đã chi phối đời sống và sinh hoạt của người Thượng làm cho họ thêm lao khổ, vì bất cứ một hành động nào, như xuất hành, làm rẫy, đi săn, họ cũng phải lễ bái, cầu phước, cưỡi xin, đầu ỏm, ma chay v.v... nhất nhất đều phải cúng quãi. Mỗi lần cúng quãi là phải tốn kém.

Tôi vừa trình bày sơ qua về sinh hoạt của đồng bào Thượng. Tôi không muốn làm phiền lòng quý vị, nhưng đó là một sự thật đáng lý ra không nên tồn tại trong quốc gia của chúng ta, trong thế kỷ mà nền văn minh đã tiến những bước tiến nhảy vọt này. Nhưng nó vẫn còn tồn tại, nó tồn tại vì trải qua những chế độ trước, từ Thực dân, Cộng sản đến Phong kiến đều muốn nó tồn tại để áp dụng chính sách chia để trị, để ngu dân, để bán cùng hóa, bóc lột nhân dân. Chúng phân chia Kinh Thượng. Tuy cùng là một quốc gia, chúng làm như hai nước riêng biệt, tuy cùng là người Việt, nhưng phân chia người miền núi, kẻ miền xuôi. Do đó, Quốc gia Việt nam yêu dấu của chúng ta mới còn một lớp người chậm tiến đáng phân nàn, mà tôi là đại diện, hôm nay ngậm ngùi nói lên thực trạng cùng quý vị.

Thông cảm tình trạng đó của đồng bào Thượng, ngày 17-10-64 vừa qua, Chính phủ đã ban hành một chánh sách đối với đồng bào Thượng.

Chính sách đó dựa trên những căn bản sau đây :

- Kinh Thượng đoàn kết và bình đẳng thật sự.
- Đặc biệt nâng đỡ đồng bào Thượng mau chóng tiến bộ kịp đồng bào kinh.
- Tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào Thượng.

Để thực hiện chính sách đối với đồng bào Thượng theo những tiêu chuẩn nêu trên. Chính phủ

cho thi hành một chương trình xây dựng miền Thượng thích hợp với hoàn cảnh và phù hợp với nguyện vọng của đồng bào Thượng trên mọi địa hạt.

VỀ CHÍNH TRỊ VÀ HÀNH CHÁNH :

— Kinh Thượng đều có bốn phần và quyền lợi như nhau. Đồng bào Thượng sẽ được :

Tự do lựa chọn đại diện để tham gia vào quốc hội, Hội đồng Nhân dân Tỉnh và Xã. Về các Hội đồng nhân dân tại địa phương, đã có một số người Thượng làm chủ tịch hoặc Ủy viên trong Hội đồng xã, hay Ban trị sự ấp Tân sinh. Tại Trung ương chúng ta chưa có Quốc hội, nhưng trong Sắc lệnh triệu tập quốc dân Đại hội ngày 20-3-65 tới đây, Quốc trưởng đã ấn định dành cho đồng bào Thượng một số ghế đại diện.

— Bổ nhiệm vào những chức vụ xứng đáng trong cơ quan tại Trung Ương như nha Đặc Trách Thượng vụ trực thuộc Phủ Thủ Trưởng và các cơ quan Hành chánh địa phương. Về điểm này, sự hiện diện của tôi tại Nha Đặc Trách Thượng vụ và một số công chức, quân nhân Thượng hiện đang nắm giữ vai trò chỉ huy trong các cơ quan hành chánh, quân sự địa phương đã chứng minh thiện chí của Chính phủ trong việc thực hiện chủ trương này.

VỀ QUÂN SỰ :

— Các thanh niên Thượng tùy theo khả năng văn hóa sẽ được biệt gia nhập Trường sĩ quan và Hạ sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Hiện nay đã có trên 40 Thanh niên Thượng chỉ có bằng Trung học đang theo học khóa 19 đào tạo sĩ quan Trừ bị Thủ Đức và 46 người đang theo học khóa đặc biệt đào tạo Hạ sĩ quan Thượng tại Nha Trang.

— Các sĩ quan, Hạ sĩ quan Thượng sẽ được chọn lựa và giao phó chỉ huy các đơn vị xứng đáng với khả năng. Điều này đã được thực hiện tại các đơn vị, có đồng binh sĩ Thượng.

— Thiết lập một Trung Tâm Thiếu sinh Thượng tại Cao nguyên để giúp con em quân nhân Thượng có hoàn cảnh tiến bộ trên đường binh nghiệp. Trung Tâm này hiện đang được xúc tiến thành lập ở Pleiku

VỀ KINH TẾ :

— Chính phủ công nhận quyền sở hữu đất đai của đồng bào Thượng. Những văn kiện lỗi thời của chế độ cũ được hủy bỏ và Bộ Cải Tiến Nông Thôn đã mở cuộc tham khảo ý kiến của Phái đoàn Đại diện đồng bào Thượng để soạn thảo quy luật kiến điền cho đồng bào Thượng.

— Chính phủ đặc biệt giúp đỡ đồng bào Thượng trong việc canh tác, chăn nuôi như cung cấp phân bón, hạt giống, nông cụ, gia súc v.v...

— Ngoài ra, chính sách cũng ghi rằng Chính phủ đặc biệt mở mang những đường xá giao thông trên Cao nguyên để đồng bào Kinh Thượng tiện sự đi lại, giao dịch buôn bán.

VỀ VĂN HÓA GIÁO DỤC :

Trên địa hạt này, Chính phủ sẽ cho thiết lập

thêm nhiều lớp và trường Tiểu học, Trung học, xây cất thêm Ký túc xá để con em đồng bào Thượng có đủ chỗ học hành.

Ngoài ra, Chính phủ còn khuyến khích và cấp thêm học bổng cho con em đồng bào Thượng theo học các Trường Trung học và Đại học.

Trong các kỳ thi lấy văn bằng hoặc nhập học các Trường chuyên môn, các con em Thượng được hưởng nhiều sự nâng đỡ như nhập học miễn thi được tăng điểm để được chấm đậu trong các kỳ thi lấy văn bằng.

Cho phép con em Thượng được học thổ ngữ kèm với chương trình Việt ngữ trong bậc Tiểu học.

Để thực hiện điều khoản này, Bộ Văn hóa giáo dục đã ban hành thông tư số 474 ngày 26-10-64 dành cho học sinh và sinh viên Thượng nhiều quyền lợi đặc biệt.

Cũng nên kể thêm rằng, trong niên khóa 1964-1965 Nha Đặc Trách Thượng vụ đã cấp 61 học bổng cho học sinh và sinh viên Thượng trị giá 1.054.246.100 chưa kể học bổng phần Bộ Văn hóa Giáo dục cấp, và hiện nay trên toàn quốc đã có 41 ký túc xá dành cho 6.580 học sinh Trung Tiểu học Thượng, để điều hành, riêng niên khóa 1964-1965, Chính phủ đã chi Phi 22.771.751.000.

VỀ MẶT XÃ HỘI VÀ KINH TẾ :

— Tùy theo nhu cầu cấp thiết của đồng bào Thượng, Chính phủ trợ giúp thực phẩm, quần áo v.v trong các trường hợp thiếu thốn do thiên tai, hỏa hoạn, thiên cư vì nạn Cộng sản.

— Sức khỏe của đồng bào sẽ được tận tình săn sóc và bảo vệ. Chính phủ sẽ cho thiết lập thêm nhà Hộ sinh, bệnh xá, trạm phát thuốc và tăng cường hoạt động của các đoàn Y tế lưu động.

VỀ TƯ PHÁP :

Chính phủ cho phép tái lập Tòa án Phong tục cho đồng bào Thượng từ cấp Tỉnh, quận đến xã. Bộ Tư Pháp đã tham khảo ý kiến của Phái đoàn Đại diện đồng bào Thượng vào những ngày 7, 10-12-64 vừa qua và việc tái lập các Tòa án Phong tục cũng sắp được ban hành.

Như tôi đã xin phép quý vị ngay từ đầu là được nói lên tiếng nói trung thực của một công dân Thượng, vì vậy những điều mà tôi vừa trình bày đều là những sự thật.

Tôi không tô điểm cho chính sách của Chính Phủ cũng như không thêm bớt về thực trạng của đồng bào Thượng. Nếu thực trạng của đồng bào Thượng qua lời nói của tôi đã làm quý vị mỉm lòng, thì được chứng kiến tận mắt, quý vị sẽ phải đau lòng hơn.

Chính sách của Chính phủ vạch ra rất tốt đẹp. Đồng bào Thượng chúng tôi đặt rất nhiều kỳ vọng vào việc thực thi chính sách đó. Chúng tôi mong rằng quý vị nói riêng và đồng bào Kinh nói chung, hãy giúp chúng tôi, thật lòng giúp đỡ chúng tôi

cải tiến dân sinh, đề xã hội Thượng sớm theo kịp đà tiến bộ của dân tộc.

Nói đến chính sách đối với đồng bào Thượng, chúng tôi cũng xin thêm rằng: Chế độ cũ cũng đã từng ban hành chính sách Thượng và đặt vấn đề cải tiến dân sinh Thượng. Tuy nhiên chính sách đó chỉ là một mảnh giấy lộn mà chế độ đã dùng để che đậy những hành động đàn áp, lừa bịp người Thượng không khác gì Thực dân, Phong kiến, Cộng sản đã lừa bịp, đàn áp vậy. Cũng vì vậy, khi chính sách của Chính phủ cách mạng ban hành, có thể nói là hầu hết người Thượng đều nghi ngờ thiện chí của Chính phủ, nhưng nay, tôi đã thấy cũng như phần đông đồng bào Thượng đã thấy những việc làm cụ thể của Chính phủ đối với đồng bào Thượng mà tôi vừa sơ lược ở trên, nên mọi người đều phấn khởi và tin tưởng rất nhiều vào tương lai tốt đẹp.

Trong quý vị có thể còn có người nghi ngờ hoặc lo xa rằng một xã hội chậm tiến như vậy làm sao có thể cải tiến được? Với những vị đó chúng tôi xin thưa ngay rằng: Xin quý vị hãy tin tưởng vào người Thượng chúng tôi. Chúng tôi chỉ cần phương tiện, không thiếu ý chí và khả năng. Tiền nhân chúng tôi đã từng chung lưng với các anh hùng liệt sĩ Việt nam để tạo lịch sử, chúng tôi đã có người làm Bác sĩ, giáo sư và lớp thanh niên Thượng hiện tại đều hăng say cầu tiến. Nếu được chính phủ quý vị, cùng toàn thể đồng bào Kinh thực lòng nâng đỡ, chúng tôi đoan chắc rằng trong một tương lai rất gần, xã hội Thượng sẽ thoát ly được thực trạng đau lòng hiện tại để cùng với đồng bào Kinh chung lưng bảo vệ đất nước, kiến tạo một Quốc gia Việt nam hùng cường và thịnh vượng.

Chúng tôi hầu chuyện cùng quý vị cũng đã khá lâu, điều mà chúng tôi muốn nói lên cùng quý vị là: Đất nước chúng ta hiện còn một lớp người chậm tiến, đang cần đến sự giúp đỡ của Chính phủ cũng như toàn thể mọi người, về tinh thần và vật chất để cứu cho lớp người đó sớm thoát khỏi cảnh cơ cực, lam lũ, Chính phủ đã có chính sách và chương trình hoạt động thỏa đáng, đồng bào Thượng đã và đang bắt tay vào công cuộc kiến tạo một đời sống mới, mọi số người Kinh cũng đã và đang giúp đỡ người Thượng rất nhiều trong công cuộc cải tiến xã hội. Nhưng chưa đủ, công cuộc cải tiến dân sinh Thượng không phải là công việc riêng của Chính phủ hay của một người nào, mà nó phải là bổn phận của toàn dân. Mỗi người trong chúng ta Kinh cũng như Thượng đều phải ý thức trách nhiệm của mình để thực hiện chính sách bằng lời nói hoặc việc làm. Như vậy, chính sách mới hiệu quả, và chương trình mới sớm thành đạt.

Trung Tá YA BA

THÀNH PHẦN BAN CHỦ TRƯỞNG VÀ BIÊN TẬP TỈNH THƯƠNG NĂM THỨ 3

Như thường lệ, bước sang một năm mới hoạt động, Tòa Soạn Tỉnh Thương có một buổi khoảng đại hội đề bầu lại ban chủ trương và biên tập cho tờ báo. Tinh thần dân chủ đó đã được tái diễn thêm lần thứ ba nữa vào chiều ngày 24-12-65 vừa qua.

Buổi họp đã được tổ chức ngay tại tòa soạn và diễn ra trong một bầu không khí thân mật và cởi mở. Chính sự sinh hoạt tập thể đã làm tròn trách nhiệm trước khi họ được ném vào guồng máy nhịp nhàng đồng đội. Sau phần tường trình về hoạt động của Tỉnh Thương trong năm qua của anh Chủ Nhiệm, đại hội đã xúc tiến việc bầu cử và đã cho ra đời một thành phần như sau cho nhiệm kỳ năm 1966.

- Chủ nhiệm: PHẠM ĐÌNH VY
- Chủ bút: NGÔ THẾ VINH
- Tổng thư ký: NGUYỄN HỮU AN
- Thư ký: TRẦN CÔNG PHÁT
- Quản lý: VŨ THIÊN ĐẠM

Các trưởng ban.

Quan điểm: ĐƯƠNG THIÊN ĐỒNG
Khảo luận: HÀ NGỌC THUẦN
Truyện ngắn: TRẦN MỘNG LÂM
Thơ: PHẠM NGỌC LÂM
Sinh hoạt Y khoa: ĐỖ NGHỆ
Bàn tay nắm lấy bàn tay: LÝ QUỐC BẮNG và VŨ CÔNG LIÊM

Thế giới chúng tôi: ĐỖ TRẦN

Sinh hoạt Đại học: PHẠM HỒNG

Buổi họp được tiếp tục bằng sự tìm tòi và thảo luận một phương thức làm việc hữu hiệu hơn trong năm qua. Mọi người đều đồng ý rằng sự eo hẹp về tài chánh đã hạn chế rất nhiều những dự định cải tiến tờ báo, nhưng để chứng tỏ tuổi trẻ hăng hái không ngừng, tất cả các người tham dự đều đồng ý hai sự việc sẽ thực hiện trong năm thứ ba này:

— Chấp thuận trả lương cho một người thư ký làm việc ngày hai buổi (vì năm vừa rồi, tờ báo chỉ có thể đài thọ một cái lương bán nhật).

— Tái quyết định là đầu năm 1966, Tỉnh Thương sẽ ra *bản nguyệt san*. Một ủy ban đại diện sẽ tranh đấu yêu sách hợp lý này với chính quyền.

Trước khi buổi họp kết thúc, anh chủ nhiệm nhân danh tòa soạn đã bày tỏ sự biết ơn những ai đã phục vụ đắc lực cho Tỉnh Thương trong hai năm qua, nay phải rời bỏ lớp áo sinh viên để trở thành những y sĩ quân y kiêu hùng trong nhung phục tác chiến nhảy dù, biệt động quân.

Đó là trường hợp của các tân y sĩ quân y hiện dịch Nguyễn Vĩnh Đức, Trang Châu Lê văn Châu, Bùi thế Hoàn, Hà Xuân Quỳnh các y sĩ trưng tập Ngô thế Quý, Lê sỹ Quang.

Cùng với tiếng chuông nhà thờ đổ hồi báo hiệu giờ làm lễ nửa đêm (nhưng kỳ thực là 20 giờ), buổi họp được tuyên bố chấm dứt trong không khí bát ngát Tỉnh Thương của Chúa và của tờ báo.

VẤN ĐỀ THƯỢNG QUA LỊCH SỬ

**Chúng ta hãy đến với người Thượng
trên căn bản con người với con người**

● NGUYỄN TƯỜNG VŨ

Người Thượng, mà trước kia ta gọi bằng « mọi » một danh từ miệt thị, thật ra, đối với ta, cứ thẳng thắn mà thú nhận, rất xa lạ. Có lẽ ngoại trừ vài cô thượng minh trần, vài ông « mọi » đóng khố miệng ngậm ống diều tre mà ta thoáng thấy nép vào bờ cỏ bên đường khi xe hơi ta phóng qua mỗi khi đi nghỉ hè trên Đà Lạt ta không biết gì hơn về đồng bào Thượng.

Ngay chữ Thượng mà ta dùng để chỉ họ cũng đã đủ nói lên là ta chẳng hiểu gì về họ cả. Thật vậy danh từ « thượng » phản ánh ít nhiều chữ montagnard của Pháp, không được dùng đúng chỗ. Montagnard có nghĩa người miền núi, chỉ chuyên sống và chỉ có thể sống trên núi như người Mèo của vùng thượng du Bắc Việt chẳng hạn. Khi người Mèo xuống đến vùng duyên hải họ cảm thấy lạc lõng. Biền đối với họ xa lạ và làm họ sợ hãi. Cơ thể họ mỗi khi phải ở dưới cao độ 1.500m không chịu quen và phản kháng một cách nguy hại. Còn người « thượng » ngược lại rất quen với biển, vẫn cảm thấy thoải mái mỗi khi xuống đồng bằng duyên hải. Hơn nữa cách sinh sống của họ tuy là nằm trong vùng núi nhưng vẫn mang nhiều đặc tính chứng tỏ họ đã có một nguồn gốc biển.

Nói tóm lại, tuy người thượng là đồng bào ta nhưng ta không biết gì về họ cả, xa lạ với họ như với ngoại quốc. Họ trở nên xa lạ đến nỗi mà một thi sĩ phải viết:

« Nước non vẫn nước non nhà,

Mà sao cảnh sắc lại là ngoại bang. »

Sự thật thì ra ta với Thượng rất gần nhau, chúng ta, nói đúng ra, là anh em máu mủ một nhà, không phải chỉ bây giờ vì là đều công dân của nước Việt mà ngay từ buổi ban đầu của lịch sử dân tộc ta vì cùng có chung một nguồn gốc.

NGUỒN GỐC CHUNG CỦA THƯỢNG VÀ VIỆT NGUỒN GỐC INDONÉSIEN

Trước khi đặt vấn đề nguồn gốc chung của dân Việt và Thượng, ta hãy tự hỏi xem dân Thượng có cùng chung một nguồn gốc không đã. Thật vậy ta thấy người thượng không được thuần nhất. Từ

Bắc chí Nam của Cao nguyên Nam Trung phần người Thượng chia ra làm nhiều giống dân hay đúng hơn, nhiều sắc tộc khác nhau, mỗi sắc tộc có một bộ mặt ít nhiều riêng biệt.

1) Người SEDANG sống rải rác ở phía nam Quảng Tín, Tây bắc Bình Định và tỉnh Kontum, với dân số độ 100.000 người chia ra làm bộ lạc: Halang (ở phía Tây Nam Kontum sát với biên giới Việt Lào) Dié (ở vùng Tây bắc Kontum) Rongao (ở phía Nam Kontum) Htea và Takua (ở phía Bắc Kontum, đông bắc Bình Định và phía nam Quảng Ngãi). Người Sedang sống thành đại gia đình trong những nhà sàn dài. Mỗi Plei (làng) đều có một nhà « rông » dành cho thanh niên nam nữ độc thân ban đêm đến để ngủ hầu bảo vệ an ninh cho làng. Đàn ông Sedang cỡi trần, đóng khố, hai bên nếp thường điểm ba chấm đen hoặc xanh. Đàn bà mặc « Sa rông » ngực che bằng miếng vải hay một chiếc chăn, chân quấn Sà cạp, những chiếc vòng bằng đồng. Tóc của người Sedang để dài, đàn ông cũng như đàn bà, trên đầu có cài một chiếc lược.

Người Sedang không theo hẳn chế độ phụ hệ hay mẫu hệ. Trai gái ưng nhau, bên nào đến hỏi trước cũng được.

Tiếng nói của người Sedang có những âm thanh tương tự như tiếng nói của các sắc dân thuộc nhóm Mon Kmer.

Sống trong một miền núi non hiểm trở bao phủ bởi rừng rậm, không thuận tiện cho công cuộc canh tác lúa của đồng bằng vừa cho nhiều hoa màu hơn lại bỏ hơn mà chỉ có thể trồng được lúa miền núi hoa màu ít hơn, dân Sedang sống nghèo nàn cơ cực luôn luôn bị đe dọa với nạn đói cũng vì vậy đã từ lâu rồi họ quen săn bắn và ăn cướp lương thực của các bộ lạc kế cận để bồi đắp những khi đói, hao hụt.

Miền sắc tộc Sedang sống cũng là miền có nhiều mỏ quặng sắt cũng vì vậy dân Sedang rèn khi giới; đồ sắt rất tài, dù dùng họ đem đổi với vải vóc và các thứ cần dùng khác mà họ không có thì giờ cũng như vật liệu để sản xuất.

2) Người BAHNAR. Người BAHNAR có độ 75.000 người ở rải rác trên miền Đông Nam Kontum tây bắc Pleiku. Tây Bình Định Phú Yên. Cũng như

các sắc dân khác, người BAHNAR chia làm nhiều bộ lạc : Golar, Rougao, Solong... Cũng như người Sedang, điều kiện địa lý khiến cho họ nghèo đói. Địa thế hiểm trở cô lập họ và duy trì trong một tình trạng sơ khai thấp kém .. Phong tục tập quán của người Bahnar đại cương không khác gì lắm với người Sidang.

3) Người M' NONG : Dân số độ 45.000 người ở rải rác ở Quảng Đức, Đaclac, Tuyên Đức, Lâm đồng, Phước Tuy và Phước Long. Sắc dân M' NONG cũng chia ra làm nhiều chi phái. Biat, Gar, Rohong Preh v.v... Tiếng nói cũng thuộc nhóm Mon Kmer.

4) Người STENG, dọc theo ranh giới Miền Việt từ tây Nam Quảng đức cho tới Phước long và Bình long. Dân số có độ 45.000 người cũng chia ra làm nhiều chi phái, tiếng nói và tập tục chịu ảnh hưởng Cao mên.

5) Người JARAI. Sắc dân Jarai có độ 130.000 người, chiếm con số tương đối lớn hơn cả 10 với các sắc dân khác. Họ ở rải rác về phía Nam Kontum và hầu hết các tỉnh Pleiku, Phú bồn, phía bắc Darlac và Miền Bắc Khánh hòa, cũng chia ra làm nhiều bộ lạc. Chế độ mẫu hệ.

Chịu ảnh hưởng Chăm nhất là về tiếng nói.

6) Người RHADÉ. Có độ 100.000, chia ra làm nhiều bộ lạc hầu hết ở tỉnh Darlac, phía Nam Quảng đức, đông nam Phước long, nam Phú yên và tây bắc Khánh hòa.

Ngoài ra còn nhiều sắc tộc khác kém quan trọng hơn như MAA. BIH. NOANG. SRÊ. CHURU...

Tuy giữa những sắc tộc kể trên có nhiều điểm khác nhau nhưng ta thấy sự khác biệt chỉ là nhỏ nếu đem so sánh với dân tộc của một nền văn minh khác và có vẻ có hai nguyên nhân chính :

1— Ảnh hưởng địa lý đã thay đổi ít nhiều cách sống của con người.

2— Ảnh hưởng của các văn minh khác nhau mà các sắc tộc, vì vị trí kề cận, đã chung đụng và phải chịu ảnh hưởng.

Nhìn tổng quát ta vẫn thấy họ có một nguồn gốc chung. Nếu ta chịu khó phân tách ngôn ngữ họ ta sẽ thấy là sự khác biệt tuy có nhưng vẫn không dấu nổi nguồn gốc chung lộ diện.

Thí dụ : Người BIAT gọi con Cá là KA
 Người STIENG là KA
 Người BAHNAR là KA
 Người MAA là KA
 Người ROGLAI là KAN
 Người NOANG là KAN
 Người JARAI là AKAN
 Và người RHADÉ là KAN

Xem như vậy ta có thể kết luận là các sắc tộc thượng có chung một nguồn gốc.

NGUỒN GỐC CỦA DÂN THƯỢNG.

Tất cả các huyền thoại của người Thượng dù là thuộc sắc tộc nào cũng vậy, khi nói tới nguồn gốc của họ, đều ám chỉ một nơi xa xăm bên kia Thái bình Dương về phía « mặt trời mọc » các ông tổ của họ đã vượt biển để đến mảnh lục địa V.N này, các huyền thoại còn nói rõ hơn : « các ông cha ta trước kia sống tại nơi bờ biển » nghĩa là các sắc tộc Thượng hiện nay trước đã sống trên những đồng bằng duyên hải.

Theo khoa nhân chủng.

Ô. Huard, khi khảo cứu về các nhóm chủng tộc của Đông dương có viết : « vào thời kỳ thứ 2 của thời đại đồ đồng, một nền văn minh có tính cách thiên về đại dương (civilisation maritime) tràn tới Đông dương. Đặc điểm của nền văn minh này là chế độ gia đình mẫu hệ và tục nhuộm răng ăn trầu »

Kết luận về nguồn gốc dân Thượng. Dân thượng là con cháu của những người Indonésiens đã bằng đường biển di dân đến những châu thổ của Đông dương. Nền văn minh của họ được mệnh danh là Đông Sơn và vẫn được duy trì tại cao nguyên nam Việt Nam và tại các bộ lạc Dayak thuộc Bornéo một cách ít nhiều nguyên vẹn. Nếu về sau họ phải di dân từ đồng bằng duyên hải lên vùng cao nguyên đó là vì muốn tránh khỏi bị đồng hóa với sự xâm lấn của những văn minh đến sau như văn minh Trung Hoa, văn minh Ấn Độ mạnh hơn văn minh họ.

NGUỒN GỐC CỦA DÂN VIỆT VÀ THƯỢNG LÀ MỘT

Xem như vậy ta thấy nguồn gốc dân Thượng và Việt thật ra chỉ là một.

a) Nguồn gốc dân Việt : Các sử gia thế hệ 1930 đặc biệt các sử gia Pháp vẫn thường cho chúng ta từ phương Bắc tràn xuống, xô đuổi các dân bản xứ của các vùng đồng bằng lên vùng núi. Những khám phá mới đã khiến cho ta kết luận là nguồn gốc dân Việt là Indonésiens (những tương quan giữa xã hội Indonésiens hay Thượng và VN ngày nay vẫn còn rất nhiều, như tục nhuộm răng, mặc váy, vai trò quan trọng của đàn bà trong xã hội Việt (khởi nghĩa hai bà, khởi nghĩa của bà Triệu Âu, sự tôn kính đàn bà trong luật Hồng đức... Khác hẳn với thái độ khinh thị đàn bà của xã hội Tàu)

Một ngàn năm đồ hộ đã biến đổi xã hội Đông Sơn thành xã hội Việt. Một ngàn năm đồ hộ đã khiến cho dân Melonésiens bị lai máu Mongoloide nhiều. Những sắc tộc không chịu được văn minh Trung Hoa đã chạy trốn hoặc xuống miền Nam hoặc vượt biển hoặc chạy lên thượng du B.V. Cũng

vi vậy mà ta thấy giữa những sắc tộc M'ê, Mán v... v... là những giống dân về sau mới từ Hoa nam tràn xuống vẫn còn có những bộ lạc có nhiều đặc tính gần giống Thượng của miền Nam.

Nhưng nếu thượng và chúng ta cùng chung một nguồn gốc, tại sao sự cách biệt giữa ta với họ bị quá sâu như vậy để khiến cho sự thông cảm trở nên khó khăn ?

LỊCH SỬ THƯỢNG

Chúng ta, trong khi bàn về nguồn gốc chung giữa Thượng và Việt, đã nói đến nguồn gốc của dân Thượng là những người Malanésiens từ những phần đất xa xôi đã vượt đại dương để đến V.N.

Nơi mà họ cư ngụ đầu tiên không phải là miền núi và cao nguyên nhưng chính trên những đồng bằng duyên hải mà hiện nay chúng ta đang canh tác.

Nếu về sau họ phải di cư lên miền núi đó là vì những xâm nhập của những văn minh khác kế tiếp nhau đã xô đuổi họ lên. Để vẫn còn có thể là họ, họ phải ăn náu.

Trước hết hết là văn minh Ấn Độ. Người Ấn độ lúc bấy giờ buôn bán rất mạnh. Họ cho mở nhiều hải cảng trao đổi hàng hóa với dân «Thượng» tại miền của sông Mekong. Nền văn hóa nghệ thuật cũng như kỹ thuật mà người Ấn độ mang theo, họ không cảm thấy cần phải phổ biến trong đám dân «Thượng» ở trong một tình trạng văn minh thấp kém hơn họ mà đám dân bản xứ, vì muốn giữ nếp sống phong tục cũ, cũng chẳng muốn học hỏi. Nhưng vì sự buôn bán giữa «Thượng» và Ấn độ trở nên khó khăn : dân «Thượng» vì chưa có một xã hội tổ chức hẳn hoi vẫn hay lũng củng, nên nhà buôn Ấn độ mới cố gắng mang phổ biến những quan điểm tổ chức chính trị và trật tự phong kiến của họ. Hoặc là vì có một số dân thượng, sợ oai của Ấn độ đã chấp nhận nền văn minh mới đó và tôn thờ một người Ấn độ lên làm chủ tể như trường hợp của Kaunainya, sáng lập ra xứ Founan hoặc chính các nhà buôn Ấn độ ủng hộ một người chủ bộ lạc nào có quyền thế lên làm vua của các bộ lạc khác. Quốc gia đầu tiên thành hình vào thế kỷ thứ 2 : xứ Phù Nam nhưng nhiều người «Thượng» vì ham chuộng độc lập vì vẫn muốn giữ 2 nếp sống cũ theo đúng tính thần của tổ tiên họ, không chịu nổi trật tự Phù Nam mới này phải chạy trốn lên miền cao nguyên. Ít ra tại đây, nhờ địa thế hiểm trở họ có thể duy trì, tiếp tục, phong tục tập quán cũ mà ông cha họ đã theo. Chính những người này là những người thượng đầu tiên. Lúc bấy giờ họ sinh sống ra sao thì nay họ vẫn sinh sống gần như vậy. Gần như

vậy vì không phải nhờ trốn vào núi mà họ tránh được ảnh hưởng của văn minh Ấn độ Phù Nam. Liên lạc giữa Phù Nam đồng bằng và Thượng miền núi thật ra không bị gián đoạn hẳn. Người Phù Nam vì muốn kiếm vàng, ngà voi, gỗ quý hay nô lệ vẫn đi sâu vào miền cao nguyên hoặc để trao đổi buôn bán hoặc để bắt cóc nô lệ nên hiện nay ta vẫn thấy ảnh hưởng của Phù Nam trên đồng bào Thượng.

XỨ CHÀM. Văn minh Ấn độ tiếp tục bành trướng. Trong những thế kỷ sau nó vượt khỏi mũi Điện và tiến tới những duyên hải miền Trung. Lúc đầu cũng chỉ là thiết lập những hải cảng nhỏ để buôn bán với dân bản xứ nhưng sau để cho việc buôn bán có lợi hơn, văn minh Ấn độ tràn vào dân bản xứ. Lúc bấy giờ tại những đồng bằng duyên hải những giống dân Jarai và Rhadé, chống cự mãnh liệt với của xâm lấn này nhưng sau cùng phải chạy lên núi ở xứ Chăm, với văn minh Chăm, thành hình liên lạc giữa Chăm «văn minh» và Thượng, như trong trường hợp Phù nam cũng không bị gián đoạn hẳn những kỹ thuật như kỹ thuật sử dụng kim khí chính do dân Chăm đã học của Ấn độ mang lại cho Thượng : kỹ thuật canh tác dẫn thủy và luyện coi chắc cũng do Chăm mang lại.

Đến đây thì ta có thể coi như xong nguồn gốc của đồng bào Thượng có lập hóa với bên ngoài nhờ núi non hiểm trở người Thượng tiếp tục sinh sống như ông tổ họ khi đặt chân lên mảnh đất mà nay ta V.N sinh sống.

VIỆT NAM VÀ THƯỢNG

Nếu những người «Thượng» trong Nam phải hoặc trốn lên núi, hoặc bị Ấn độ hóa của thành Phù Nam hay Chăm thì những người «Thượng» ngoài Bắc cũng phải hoặc trốn lên vùng thượng du B.V. hoặc bị Trung hoa hóa để đi ra giống dân Việt ngày nay. Nhưng trong khi văn minh Ấn độ có tính cách hiền hậu, nhu mì thì văn minh Trung hoa lại có tính cách bành trướng mạnh hơn. Văn minh Việt từ khi thoát khỏi ách đô hộ của Trung hoa tìm cách tiến vào Nam. Dân Việt Nam sinh đẻ mau chóng, đồng bằng sông Hồng, sông mã trở nên quá nhỏ bé nên ngay từ buổi đầu từ ngày lập quốc, dân Việt đã bắt đầu Nam tiến. Nhưng địch thủ của họ trong cuộc Nam tiến này không phải là dân thượng của vùng núi, vùng mà đất đai không phù hợp với kỹ thuật canh tác dẫn thủy nhập điền của dân Việt, mà là những dân Chăm hay Phù Nam của miền đồng bằng.

Lúc đầu vì vẫn nhận Chăm là chủ tể phải thần phục và với sự kêu gọi của vua xứ Chăm, người Thượng giúp họ chống với người Việt nhưng sau

thấy người Việt thắng Chăm và đòi hỏi của Việt không làm nguy hại đến quyền lợi mình, dân Thượng bỏ Chăm và xin thần phục vua Việt. Dân Thượng bắt đầu đi vào lịch sử Việt.

Đến đây xét qua quá trình của lịch sử Thượng ta thấy vì bị cô lập ở vùng cao nguyên, vì không muốn tiếp nhận những văn minh mới, dân Thượng, ngoại trừ một vài ảnh hưởng Monkmer hay Chăm vẫn ở trong trạng thái khai sớm ban đầu khi mà họ đặt chân lên phần đất mà hiện nay là V.N

Trong khi đó thì tại châu thổ sông Hồng và sông Mã một cuộc cách mạng xã hội đang thành hình. 1000 năm đô hộ khiến cho chế độ mẫu hệ, dần dà trở thành phụ hệ tổ chức chính trị xã hội rời rạc của các bộ lạc chuyển dần thành tổ chức chính trị trung ương tập quyền, kinh tế săn bắn hái trái cây được thay thế bằng kinh tế canh tác lúa gạo dẫn thủy nhập điền, nhưng phong tục tập quán như mặc váy, đóng khố mất dần thay thế bởi cái quần dài từ lưng hoa mang tới, luân lý xã hội trở nên khắt khe hơn v...v...

Chính vì vậy mà sự cách biệt giữa Thượng Việt trở nên xa cách hơn. Sự thông cảm trở nên khó khăn hơn. Hai anh em cùng một nhà đã bắt đầu cảm thấy xa lạ nhau.

Cuộc Nam tiến của dân Việt sẽ là cơ hội để hai sắc tộc Thượng và Việt hiểu nhau hơn.

Chiến thắng năm 1741 của Lê Thánh Tôn khiến cho ta được phần đất đến Mũi Diêu, nước Chăm bị thu hẹp và chỉ có phần đất nhỏ nằm giữa Phú Yên về phương Bắc và đất Nam Kỳ ngày nay, lúc ấy vẫn thuộc Chân Lạp, về phương Nam. Nên lúc đầu Thượng giúp Chăm chống Việt nhưng sau nhận thấy Việt mới là đáng chủ mình, người Thượng xin được sống thái bình với Việt và nhiều người xin được làm tôi cho Việt, những liên lạc giữa quan lại V.N và dân Thượng luôn được quyết định theo ba tôn chỉ sau đây :

1) Không cho Thượng xuống miền đồng bằng quấy phá cướp bóc bằng cách lập những đồn lũy những dinh điền và đồn điền nơi biên giới Thượng Việt.

2) Những bộ lạc đã chịu thần phục thì phải trả thuế

3) Nguồn lợi của Cao Nguyên là ở hữu của vua một chính sách như vậy không đến đâu cả, không thể giúp cho sự giao hảo giữa Việt và Thượng được tốt đẹp hơn. Hơn nữa các quan lại V.N. bị bỏ lên vùng Cao nguyên lại thường là phần tử bất hảo sách nhiễu dân chúng thượng mà họ coi là mọi trăm điều. Cũng vì vậy mà không khi nổi loạn luôn

luôn bao trùm trong dân Thượng chỉ chờ cơ hội là bộc phát xã hội đó là sự suy yếu của Triều đình Trung ương, cơ hội đó cũng có thể là một hành động vô ý thức của một vị quan người kinh... để chống lại cái tình trạng an ninh lúc nào cũng bị đe dọa ấy chúng ta hành quân trừng phạt, lập đồn lũy gần biên giới v.v... nổi tiếng nhất và hữu hiện nhất trong mục đích duy trì an ninh là chế độ Sơn Phòng.

CHẾ ĐỘ SƠN PHÒNG

Năm 1863 vì còn phải lo phải chống đỡ với những tấn công của đoàn quân viễn chinh Pháp đang xâm chiếm Nam kỳ, vua Tự Đức muốn cho an ninh tại miền Trung được thái bình mau lẹ. Nguyễn Trần được từ Thái Nguyên tại B.V gọi vào để trao cho nhiệm vụ đó và ông bịa ra một chế độ chế ngự dân thượng gọi là chế độ Sơn Phòng hữu hiệu đến nỗi mà mãi đến năm 1905 mới chính thức bị bãi bỏ. Những lời khuyến bảo các nhân viên hành sự Kinh phải hành động ra sao đối với Thượng nói lên được phần nào đường lối chính trị của Sơn Phòng : « *Am hiểu người thượng, thận trọng và rộng lượng nhưng cũng phải biết không nương tay trong một vài trường hợp.* »

Không để cho tiền thuế rơi vào tay những tay thu thuế. Nếu người thượng tấn công ta, cắt hết lúa của họ nhưng khi họ đã thua, không được trả thù mà ngược lại phải rộng lượng với họ, cho họ thực phẩm và quần áo. Nếu Thượng không chịu đóng thuế, cướp mùa gặt của họ, nhưng dù trong trường hợp nào đi nữa cũng phải đề ý là dân thượng thật thà chất phát do đó không nên bao giờ sai lời hứa. Nếu những kẻ nổi loạn đã chịu lỗi và thần phục lại ta hãy tha thứ cho họ những lỗi lầm khi trước...»

« Dân thượng không vua chúa, không luật pháp lại ở trong núi rừng sâu không hủy diệt được nên thường hay đi ăn cướp đốt phá làng Kinh. Nếu muốn chế ngự họ ta dùng biện pháp cứng rắn thì họ trốn vào rừng sâu để rồi sau khi ta chênh mảng và họ quá đói lại tấn công ăn cướp ta. Nên ta mua chuộc bằng tình cảm họ nhìn ta. Nếu ta giết họ, họ mang lòng oán thù ta và nếu ta rộng lượng với họ thì họ cũng cho đó là lẽ thường tình mà thôi... vì vậy người cầm đầu phải có nhiều nghị lực nhiều sáng kiến phải được kẻ thuộc hạ yêu, phải biết thượng rộng rãi và phạt nghiêm minh v.v...»

Đọc mấy câu trên ta thấy đem áp dụng bây giờ cũng chẳng lỗi thời tỳ nào cả,

Nhưng quan trọng hơn cả chế độ duy trì an ninh của một Bù tử Tàn hay chế độ sơn phòng đó là :

a) Liên lạc giao dịch buôn bán tầm thường mặt thiết không phải giữ chính quyền Việt và dân Thượng nhưng chỉ giữa người dân và một gia đình Thượng.

b) Cuộc tiến triển chậm chạp nhưng vô cùng chắc chắn của nông dân hay tiểu phu Việt. Trước sự xâm lấn những của người Việt, người Thượng chỉ còn có hai giải pháp hoặc là chịu sự đồng hóa dần dần bởi họ. Giống dân Thượng tàn dần sau một vài thế hệ chung đụng với Việt, chung đụng cả về nghĩa trang lẫn đức... Những mảnh đất trước kia chỉ bị cày sơ qua bởi 1 miếng gỗ thô sơ do tay Thượng thì nay bị cày sâu cuốc bẫm do tay người nông dân Việt. Một căn nhà được xây, rồi hai căn, rồi mười và chẳng bao nhiêu lâu sau một cái đình. Thêm một làng Việt nữa được thành lập.

c) Sự góp phần càng ngày càng mặt thiết của dân Thượng vào lịch sử dân tộc Việt và sự phát triển càng ngày càng rõ rệt của ý thức dân tộc Việt trong các sắc tộc Thượng qua các cuộc đấu tranh.

Cuộc khởi nghĩa cách mạng Tây Sơn, ngay từ buổi đầu đã thấy sự hiện diện của người Thượng. Thật vậy sử liệu đã có nói quân Nguyễn Nhạc gần ba nhóm « 1 nhóm là người Thượng còn nhóm đi giữa là người Việt. »

Trong cuộc tranh đấu chống ngoại xâm Pháp thực dân, người Thượng cũng đã cùng người Việt góp phần.

Nhưng tất cả những công trình trên, tuy không do chính quyền Trung ương Huế chỉ thị mà chỉ là do người dân Việt và Thượng cùng nhau xây đắp, bị sụp đổ, phá tan khi Pháp chiếm VN.

Áp dụng chính sách chia để trị, cảm thấy rõ mối nguy hại nếu cứ để Thượng và Việt gặp nhau.

— Năm 1898 có lệnh cấm không ai được làm môi giới giữa Thượng và Kinh trong việc buôn bán và nhân đó, người Trung châu lên Cao nguyên giảm bớt hẳn đi.

— Năm 1901 ở các tỉnh vừa có Kinh và Thượng nhà chức trách VN chỉ cai trị người Kinh ; còn người Thượng đều trực thuộc các viên tổng lý hoặc ủy viên ngoại chủng.

— Kiểm soát không để Kinh lên trà trộn với Thượng.

Khiến cho « nước non vẫn nước non nhà mà sao cảnh sắc lại là ngoại bang »

Vấn đề Thượng ngày nay trở nên khó khăn là ở người Pháp.

Không những họ đã tách với Kinh ra Thượng có lập hóa Thượng đề đối chọi kinh

đề cho Thượng và Kinh, anh em cùng một nguồn ít có dịp gặp nhau mà họ còn coi người Thượng, như là một giống dân ôi ! đã man thay.

Loại động vật, sắp sửa biến mất, loại đồ cổ cần phải được duy trì trong tình trạng nguyên thủy.

Trong một thời gian Pháp đô hộ xứ Việt, trong khi dân Việt tranh đấu nhọc nhằn đề học hỏi văn minh tây Phương, thì người Pháp chẳng giúp gì dân Thượng khai hóa đề cho đến ngày nay người Thượng biết đọc biết viết chữ lèo tèo vài hàng, sinh viên chỉ có vài người.

Nhưng nếu sự cách biệt văn minh là trở ngại chính khiến cho ta khó bắc cầu thông cảm giữa ta và Thượng thì ta lại có những yếu tố giúp ta hiểu nhau dễ dàng.

Vì cùng chung nguồn gốc giữa Thượng và chúng ta, dầu cho ta có bị một lớp văn minh nào bao phủ đi nữa, vẫn có một vài quan tính cảm hơn là Pháp lý, một sợi dây tâm lý thiêng liêng hơn là quyền lợi kinh tế, chính trị. Đó là một thứ tín ngưỡng cơ sở mà Thượng cũng như ta đều có, một tín ngưỡng tin sự vật chung quanh mình đều có lần có thể cảm thông : Hồn sông, Hồn núi, Hồn đá, Hồn cây... Đây là tôn giáo vật linh tin vào thực tại của linh hồn. Người Thượng cũng như ta sống trong một không khí siêu nhiên. Bất cứ ở đâu nó cũng nhìn thấy ảnh hưởng của thể lực bí ẩn hành động vào đời sống của nó, tốt hay xấu. Bất cứ người VN nào cũng như Thượng nào, thuộc vào giai cấp nào ở xã hội đều không vượt khỏi ra ngoài sự ám ảnh về siêu nhiên ấy.

Chính trên cái thực nghiệm tâm linh đó ta đã xây dựng cái văn minh tam giáo, tại sao người Thượng cùng chung 1 nguồn gốc với ta.

Cùng chung 1 lịch sử với ta.

Cùng có cái tinh thần thực nghiệm tâm linh ấy lại không thể cùng ta tiếp tục tiến bước ? Những cố gắng chi phối của ngoại bang nào có gì đáng kể mà nếu có đem lại một kết quả nào thì ảnh hưởng cũng chỉ nhất thời vì sự thật ra Thượng và ta là hai anh em cùng một máu. Người em của ta hiện nay đang chậm tiến, đang lỡ bước sa ngã ta hãy, vì bổn phận của người Anh, khuyên-bảo giúp đỡ.

Trong tình trạng hiện tại người Thượng không những quá xa cách ta mà thôi lại còn vì hoàn cảnh lịch sử, ảnh hưởng ngoại bang chi phối quá nhiều. Ta hãy thực hiện ngay một chương trình giáo dục sâu rộng trong giới Thượng hầu độ 10, 20 năm sau họ sẽ có thể hiểu ta, đề họ có thể lấp cái lỗ trống đang ngăn cách ta với họ, lúc bấy giờ, vấn đề Thượng sẽ không còn được đặt ra nữa. Nước lại chảy về nguồn.

NGUYỄN TƯỜNG VŨ

Một vài cảm nghĩ về sự ra đi của Từ Chung Vũ nhất Huy.

Thề là Từ chung đã vĩnh viễn ra đi, không bao giờ trở lại cái cõi đời đầy hận thù này nữa. Khác hơn mọi người, anh đã chết trong sự vinh dự của nghề nghiệp, trong nỗi nhớ tiếc khôn nguôi của độc giả, của bạn bè và ngay của chính anh nữa.

Lòng hăng say phục vụ độc giả ở anh không bao giờ thây vơi đi, mà trái lại càng sâu đậm với thời gian. Có lẽ cùng với tháng ngày anh thây cái mục tiêu mà anh đeo đuổi trong cuộc đời làm báo của anh càng ngày càng được độc giả nhận diện và lãnh hội, đó giá trị văn hóa của các bài báo, bất kỳ thuộc về loại nào từ quan điểm qua khảo luận đến văn nghệ giả vì anh đã nghĩ dễ gì mà quần chúng nước ta lại thấu triệt cái hay, cái tốt của một chế độ Dân chủ Tự do mà khi chính mình chưa có được một trình độ văn hóa chính trị tạm đủ. Sự vĩnh cửu của một ý thức chính trị nơi người dân chắc chắn phải do sự lãnh hội ở họ mà có chứ không phải đến từ một sự nhồi sọ thường thấy ở các nước Cộng sản. Với tờ Chính luận và nhất là qua các bài quan điểm ký bút hiệu Từ Chung, độc giả đã thây rõ điều đó. Cái hoài bão phụng sự đám đông luôn luôn sống động ở con người Từ Chung đã khiến anh hồi tiếc chính anh trong một giây lát, chắc chắn là quá lẹ làng, trước khi anh lao đảo với hai tay ôm lồng ngực, gục ngã.

Dù sao Từ Chung cũng đã mất rồi. Sự thương tiếc sẽ cạn theo ngày tháng. Đồi ba năm nữa thử mấy ai còn nhớ ngày Từ Chung bị sát hại. Từ chung mất thật, nhưng có một thực thể không bao giờ cảm thây mất mát gì cả, đó là tình trạng báo chí của chúng ta. Sau cái chết được tôn lên hàng chiến sĩ của Tự do Dân chủ, liệu làng báo Miền Nam đã thật sự     phụng sự hữu hiệu Tổ quốc hay chưa ?

Xin đừng phản bội với người đã khuất.

TÌNH THƯƠNG

NHỮNG CĂN LÝ CHÍNH TRỊ V.N

Từ cương vị trên bang giao quốc tế đến nội lực chính trị của DÂN TỘC VIỆT

● MÃN CHÍNH

I. — VIỆT MỘT DÂN TỘC ĐÃ HY SINH ĐẤU TRANH CHO THẾ GIỚI TỰ DO.

Hiện nay, ngoài mặt trận, hàng ngày, binh sỹ Việt kẻ tử trận, người bị thương thành phế binh, tuy không có thống kê xác thực, nhưng số trung bình chắc chắn không dưới ba trăm; thêm vào đó những viên chức dân chính nhất là ở xã thôn bị ám sát và thường dân già trẻ bị hại lây vì bom đạn, tất cả con số cũng không nhỏ. Ngoài ra phải kể những rừng rú, hoa màu, nhà cửa, đường xá, cầu cống, những suy sụp về kinh tế, về văn hóa phong tục, những công sức phí phạm, những bệnh tật di học, tất cả đều do Chiến tranh gây ra.

Đĩ nhiên, ở đây ta chỉ nói đến những thiệt hại về phía « quốc gia »; ở phía C.S số thiệt hại còn gấp bội.

Lập trường Dân Tộc tranh thủ Độc Lập, Tự Do và Thịnh Vượng cho quốc gia, nhân dân và xã hội Việt đã chấp nhận những hy sinh đó, không những không thờ than mà còn sẵn sàng chịu đựng một mức, độ cao gấp bội. *Rầu rạo than thở hoặc chỉ là thủ đoạn của gián điệp địch để phá hoại tinh thần tranh đấu của Ta, hoặc chỉ là thái độ cá nhân bự nhược của những tâm hồn nô lệ từ trong thai máu, vô tình đã tiếp tay cho địch.*

Nhưng, những hy sinh ấy đã giành được vào công việc xây dựng nền móng cho quốc gia của ta chưa?

Thưa chưa! nói thẳng ra, chúng ta hiện còn phải dốc xương máu, chịu đựng đủ mọi khổ ải, để làm chiến sỹ tiên tuyến bảo vệ cái thể sinh tử chung cho các quốc gia trong Thế-Giới Tự-Do, từ các quốc gia Á-Phi mới thu hồi độc lập đến các cường quốc Tây Phương, kể cả Mỹ và Anh-Quốc. Đối với Thế-Giới Tự Do, giang sơn và xã hội chúng ta là cửa ải địa đầu vô cùng quan trọng. Xã hội này và giang sơn này mà lọt vào vòng kiểm tỏa của Trung Cộng và tay sai (không nói Nga Xô vì cái thể chính trị của Nga Xô đã

nhụt nhiều, không tiến được nữa) thì cả Thế-Giới Tự-Do đã coi như là sụp đổ.

Chúng ta chiến đấu, chịu đựng gian khổ và tang tóc suốt 10 năm nay, là chiến đấu bảo vệ cái Lý-Tưởng Tự Do sinh hoạt của Nhân-Loại mà ngót một nửa đã chìm đắm trong gông xiềng độc tài đảng trị của C.S. Nếu cái Lý-Tưởng này mà mất nốt ở nửa phần Nhân Loại còn lại, thì Nhân Loại sẽ biến tính phân hóa không còn là Nhân Loại nữa, từ hình thể đến tinh thần. Tư Tưởng Duy Vật, sùng thượng khoa học thiên-nhiên sẽ biến thái loài người với đại đa số thành những nô vật và với một thiểu số thành những thiên thần có quyền năng vô biên, có uy lực trăm ngàn lần hơn các chư nô lệ thời Trung cổ. Bấy giờ những đau khổ của con người còn gấp bội hơn những đau khổ mà hiện nay gần nửa phần Nhân loại đang phải chịu do sự bành trướng của chủ nghĩa xã hội duy vật phi nhân của tập đoàn C.S. vì một lẽ dễ hiểu là nửa phần nhân loại còn lại vẫn phản ảnh kim hàm, hạn chế những tác động áp bức của tập đoàn ấy đối với số nhân loại trong vòng thống trị của chúng.

Nếu có kẻ chất vấn lại chúng ta rằng:

« Thế cái Thế giới Tự do với cái Lý tưởng Tự do Dân chủ của các ông đã đem lại cho Nhân loại hạnh phúc tốt đẹp chưa? Vì đâu mà tập đoàn CS với Chủ nghĩa xã hội, Duy vật lại bao trùm được nửa phần Nhân loại mà trước kia cũng sống với cái lý tưởng Tự do của các Ông đó? Vì đâu mà CS lại làm được những quốc gia xưa kia vốn yếu ớt trở nên mạnh mẽ và khiến cho các cường quốc bậc thầy của các Ông phải nghiêng ngửa khốn đốn như vậy? »

Ta xin thưa:

— Các dân tộc bị CS thống trị hiện nay, xưa kia chưa hề được sống tự do, chỉ vì khát vọng tự do mà vô tình đã mắc mưu CS.

— Còn tại các quốc gia trong Thế giới Tự do hiện nay tuy Lý tưởng là thế, nhưng có thể hạnh phúc chưa đạt được đối với một phần lớn nhân dân, vì từ lý tưởng đến áp dụng thực tế bao giờ cũng có những lỗi lầm sai lạc, do những vô minh ấu trĩ, những mê lạc quá chón gây ra. Thí dụ có hai nếp sống : một nếp sống ở trên mặt đất dưới ánh sáng mặt trời và một nếp sống trong hầm hang.

Rất có thể, tuy sống dưới ánh sáng mặt trời mà một gia đình trong một ngôi nhà thấp nhỏ bị những lâu đài cao ngất chung quanh chặn hết những không khí trong lành và hơi ấm của mặt trời ; rất có thể tuy sống dưới một bầu trời mênh mông quang đãng, một xóm nghèo vẫn phải thở hút những hơi hám của xình lầy rác rưởi. Và rất có thể tuy sống chật chội tù túng trong một hầm hang, nhưng trong hầm hang ấy có tổ chức, có ngăn nắp, ánh điện thay ánh sáng mặt trời, quạt máy thay gió lộng bốn phương : tất cả đều sạch sẽ và mát mẻ.

Nhưng không phải vì thế mà cho là đời sống hầm hang thích thú hơn đời sống ngoài trời, dưới ánh sáng Thái dương. Do đời sống hầm hang được tổ chức thế nào thì sinh hoạt của con người vẫn chật chội tù túng, và tùy thuộc chặt chẽ vào kỹ thuật và lệ thuộc hoàn toàn ở những bộ óc điều khiển sinh hoạt chung. Như vậy, trong hầm hang, con người chỉ là một phần bộ, một công cụ của tổ chức được cắt đặt vào những vị trí nhất định, không có lấy một chút sinh mệnh riêng biệt. Cái mệnh của đời sống hầm hang là ở đó. Chúng ta muốn mệnh, Dân tộc Việt nam muốn mệnh, nhưng nhất định không phải là thứ mệnh ấy.

Còn đời sống ngoài trời, có thể bị những bất công chen lấn mất hầu hết nguồn năng lực, ngăn chặn mất những trong lành mát mẻ ; có thể vì vô tổ chức, vì tham vọng bữa bãi hỗn độn. Vì phóng túng mà gieo rắc khổ ải lẫn cho nhau và cho chính mình. Nhưng ngoài cái thế có thể sửa chữa những sai lầm quan trọng ấy để cùng sống trong trong sáng và quan đãng, thì ngay trong cảnh xình lầy, bóng ối, con người dù chịu nhiều nỗi thiếu thốn, chèn ép bất công, vẫn còn có những lúc thanh thoi, thoải mái. Ý niệm được cái sinh mệnh của mình, cái sinh mệnh của một con người. Hơn thế nữa ngay trong một khổ cực hoàn toàn, con người vẫn cảm thấy được cái sinh mệnh của mình, dù là một sinh mệnh đau khổ, không như ở đời sống trong hầm hang, sinh mệnh của con người đã hoàn toàn tiêu tan vào sinh mệnh của tập thể.

Thí dụ trên đây cho ta một hình ảnh về sự sống trong một xã hội tự do và trong một xã hội CS. Sự chọn lựa của phần dân tộc Việt ở Miền Nam đã rõ ràng. (Nói thế không có nghĩa là phần dân tộc ở miền Bắc cũng đã chọn chế độ CS) ; và đây là ý nghĩa những chịu đựng và hy sinh suốt 10 năm nay.

Chúng ta đã chiến đấu suốt 10 năm để bảo vệ, để duy trì cái ranh giới của Thế giới Tự do này, che chở cho toàn bộ các quốc gia trong Thế giới Tự do, kể cả Mỹ quốc. Nhưng gì mà Mỹ quốc đem đến miền Nam này, từ tiền bạc, vật liệu đến kỹ thuật, khí giới và binh sỹ chỉ là những đóng góp vào sự bảo vệ bầu trời Tự do chung. Dù những đóng góp ấy có quan trọng, to tát đến thế nào thì cũng không thể so sánh với những hy sinh ghê gớm và những chịu đựng của nhân dân chúng ta suốt 10 năm qua.

Cho nên những danh từ « Viện trợ » « bảo vệ » mà Mỹ quốc và đồng minh xử dụng đối với chúng ta là hoàn toàn trái ngược với sự thực. Tất cả chỉ là những sự đóng góp với chúng ta để chúng ta che chở cho Thế giới Tự do. Ta chưa vội bàn đến mức độ phải đóng góp đến thế nào. Và thế cách phải đóng góp như thế nào ?

Chúng ta cũng chưa nói tới vai trò của chúng ta trong sự ngăn tránh cho Nhân loại một cuộc chiến tranh hạch tâm tận diệt, đề đòi hỏi ở mọi quốc gia trên thế giới một đóng góp với chúng ta, nêu thực tâm họ muốn duy trì sự tồn tại của dân tộc họ và sự tồn tại của nhân loại.

II. PHẢI CHỦ ĐỘNG TRÊN NGOẠI GIAO KHÁNG CỘNG.

Sự trình bày trên đây không phải là một câu chuyện bàn cãi về danh từ, hay câu chuyện tranh giành thứ vị trên ban giao Quốc tế.

Mục đích của sự « Chính lý » này trước là mở đường cho những hoạt động ngoại giao chủ động thay thế cho những hoạt động ngoại giao bị động, bạc nhược, đầy mặc cảm tự ty vô lý trước nay, mở đường cho những vận động tuyên truyền mạnh mẽ ở các quốc gia trong Thế giới Tự do, không phải chỉ trông vào mấy cường quốc Âu Mỹ, mà còn phải đặc biệt chú ý đến các nước Á phi và Nam Mỹ, đưa họ vào một nhận thức đúng đắn về hiểm họa C.S và cổ kết họ với dân tộc ta trong một Liên minh kháng Cộng. Không phải các nước Tây phương mà chính các dân tộc Á phi và Nam Mỹ mới là những mối ngon mà CS đang rình rập.

Không phải Mỹ Quốc lãnh đạo cuộc liên minh Kháng Cộng mà lãnh đạo công cuộc K.C. này phải là nhân dân và Quốc Gia Việt. Chỉ có nhân dân và dân tộc Việt, mới ý thức đầy đủ được thực chất và những thủ đoạn của C.S. Chỉ nhân dân Việt mới thể nghiệm xót xa những mưu mô quỷ quyệt và những dã tâm đen tối của Đế quốc Trung Hoa Đỏ.

Chỉ có chúng ta mới đủ những hiểu biết thấu đáo về C.S. nói chung và Trung Cộng nói riêng để lãnh

— Còn tại các quốc gia trong Thế giới Tự do hiện nay tuy Lý tưởng là thế, nhưng có thể hạnh phúc chưa đạt được đối với một phần lớn nhân dân, vì từ lý tưởng đến áp dụng thực tế bao giờ cũng có những lỗi lầm sai lạc, do những vô minh ấu trĩ, những mê lạc quá chón gây ra. Thí dụ có hai nếp sống : một nếp sống ở trên mặt đất dưới ánh sáng mặt trời và một nếp sống trong hầm hang.

Rất có thể, tuy sống dưới ánh sáng mặt trời mà một gia đình trong một ngôi nhà thấp nhỏ bị những lâu đài cao ngất chung quanh chặn hết những không khí trong lành và hơi ấm của mặt trời ; rất có thể tuy sống dưới một bầu trời mênh mông quang đãng, một xóm nghèo vẫn phải thở hút những hơi hám của xình lầy rác rưởi. Và rất có thể tuy sống chật chội tù túng trong một hầm hang, nhưng trong hầm hang ấy có tổ chức, có ngăn nắp, ánh điện thay ánh sáng mặt trời, quạt máy thay gió lộng bốn phương : tất cả đều sạch sẽ và mát mẻ.

Nhưng không phải vì thế mà cho là đời sống hầm hang thích thú hơn đời sống ngoài trời, dưới ánh sáng Thái dương. Do đời sống hầm hang được tổ chức thế nào thì sinh hoạt của con người vẫn chật chội tù túng, và tùy thuộc chặt chẽ vào kỹ thuật và lệ thuộc hoàn toàn ở những bộ óc điều khiển sinh hoạt chung. Như vậy, trong hầm hang, con người chỉ là một phần bộ, một công cụ của tổ chức được cắt đặt vào những vị trí nhất định, không có lấy một chút sinh mệnh riêng biệt. Cái mệnh của đời sống hầm hang là ở đó. Chúng ta muốn mệnh, Dân tộc Việt nam muốn mệnh, nhưng nhất định không phải là thứ mệnh ấy.

Còn đời sống ngoài trời, có thể bị những bất công chen lấn mất hầu hết nguồn năng lực, ngăn chặn mất những trong lành mát mẻ ; có thể vì vô tổ chức, vì tham vọng bữa bãi hỗn độn. Vì phóng túng mà gieo rắc khổ ải lẫn cho nhau và cho chính mình. Nhưng ngoài cái thế có thể sửa chữa những sai lầm quan trọng ấy để cùng sống trong trong sáng và quan đãng, thì ngay trong cảnh xình lầy, bóng ối, con người dù chịu nhiều nỗi thiếu thốn, chèn ép bất công, vẫn còn có những lúc thanh thoi, thoải mái. Ý niệm được cái sinh mệnh của mình, cái sinh mệnh của một con người. Hơn thế nữa ngay trong một khổ cực hoàn toàn, con người vẫn cảm thấy được cái sinh mệnh của mình, dù là một sinh mệnh đau khổ, không như ở đời sống trong hầm hang, sinh mệnh của con người đã hoàn toàn tiêu tan vào sinh mệnh của tập thể.

Thí dụ trên đây cho ta một hình ảnh về sự sống trong một xã hội tự do và trong một xã hội CS. Sự chọn lựa của phần dân tộc Việt ở Miền Nam đã rõ ràng. (Nói thế không có nghĩa là phần dân tộc ở miền Bắc cũng đã chọn chế độ CS) ; và đây là ý nghĩa những chịu đựng và hy sinh suốt 10 năm nay.

Chúng ta đã chiến đấu suốt 10 năm để bảo vệ, để duy trì cái ranh giới của Thế giới Tự do này, che chở cho toàn bộ các quốc gia trong Thế giới Tự do, kể cả Mỹ quốc. Nhưng gì mà Mỹ quốc đem đến miền Nam này, từ tiền bạc, vật liệu đến kỹ thuật, khí giới và binh sỹ chỉ là những đóng góp vào sự bảo vệ bầu trời Tự do chung. Dù những đóng góp ấy có quan trọng, to tát đến thế nào thì cũng không thể so sánh với những hy sinh ghê gớm và những chịu đựng của nhân dân chúng ta suốt 10 năm qua.

Cho nên những danh từ « Viện trợ » « bảo vệ » mà Mỹ quốc và đồng minh xử dụng đối với chúng ta là hoàn toàn trái ngược với sự thực. Tất cả chỉ là những sự đóng góp với chúng ta để chúng ta che chở cho Thế giới Tự do. Ta chưa vội bàn đến mức độ phải đóng góp đến thế nào. Và thế cách phải đóng góp như thế nào ?

Chúng ta cũng chưa nói tới vai trò của chúng ta trong sự ngăn tránh cho Nhân loại một cuộc chiến tranh hạch tâm tận diệt, đề đòi hỏi ở mọi quốc gia trên thế giới một đóng góp với chúng ta, nêu thực tâm họ muốn duy trì sự tồn tại của dân tộc họ và sự tồn tại của nhân loại.

II. PHẢI CHỦ ĐỘNG TRÊN NGOẠI GIAO KHÁNG CỘNG.

Sự trình bày trên đây không phải là một câu chuyện bàn cãi về danh từ, hay câu chuyện tranh giành thứ vị trên bàn giao Quốc tế.

Mục đích của sự « Chính lý » này trước là mở đường cho những hoạt động ngoại giao chủ động thay thế cho những hoạt động ngoại giao bị động, bạc nhược, đầy mặc cảm tự ty vô lý trước nay, mở đường cho những vận động tuyên truyền mạnh mẽ ở các quốc gia trong Thế giới Tự do, không phải chỉ trông vào mấy cường quốc Âu Mỹ, mà còn phải đặc biệt chú ý đến các nước Á phi và Nam Mỹ, đưa họ vào một nhận thức đúng đắn về hiểm họa C.S và cổ kết họ với dân tộc ta trong một Liên minh kháng Cộng. Không phải các nước Tây phương mà chính các dân tộc Á phi và Nam Mỹ mới là những mối ngon mà CS đang rình rập.

Không phải Mỹ Quốc lãnh đạo cuộc liên minh Kháng Cộng mà lãnh đạo công cuộc K.C. này phải là nhân dân và Quốc Gia Việt. Chỉ có nhân dân và dân tộc Việt, mới ý thức đầy đủ được thực chất và những thủ đoạn của C.S. Chỉ nhân dân Việt mới thể nghiệm xót xa những mưu mô quỷ quyệt và những dã tâm đen tối của Đế quốc Trung Hoa Đỏ.

Chỉ có chúng ta mới đủ những hiểu biết thấu đáo về C.S. nói chung và Trung Cộng nói riêng để lãnh

Phải chăng tại nhân dân chúng ta ở hồ, lạnh nhạt « quan tâm cũng ư, quan tư cũng gặt » không có một lập trường chính trị rõ rệt, chỉ chăm chú vào cái sống tạm bợ hàng ngày, phó mặc số phận tương lai cho những hội nghị giữa các cường quốc và phe C.S ?

Phải chăng tự nhân dân chúng ta vốn quen với nếp sống nô lệ « cá chậu chim lồng » không có một hùng tâm, dũng khí đề kháng để đảm đương trách nhiệm ?

Sai, muôn ngàn lần sai !

Không có lập trường Chính Trị ư ? Thế phong trào di cư, 7, 8 mươi vạn người miền Bắc bỏ mồ mà ông cha, làng mạc xứ sở vào Nam không hề con số còn gấp bội những người bị C.S. kìm giữ lại, không phải là có một lập trường Chính trị rõ rệt hay sao ?

Thế hàng 4, 5 triệu tín đồ Hòa Hảo và Cao Đài suốt 8,9 năm trời vừa chống thực dân, vừa chống C. S, lại suốt 8,9 năm trời âm thầm hay tích cực chống đối họ Ngô không phải là có một lập trường Chính Trị hay sao ?

Thế những cuộc nổi dậy của các chiến sỹ dân tộc sách động hàng vạn đồng bào ở miền Bắc rồi bị đàn áp bằng sắt máu và tù đầy từ vụ Quỳnh Lưu đến vụ Nhân Văn, cũng là không có lập trường Chính trị hay sao ?

Thế những công cuộc vận động tranh đấu chống độc tài gia đình trị của họ Ngô của các chiến sỹ C. M dân tộc và chiến sỹ tôn giáo suốt 8,9 năm trời cũng là không có lập trường chính trị sao ?

Thế hàng 7,8 chục vạn đồng bào tản cư từ các khu kiểm soát của C.S đến cư trong khu quốc gia một cách cơ cực cũng là không biểu lộ một lập trường chính trị sao ? hãy hỏi họ xem họ đối với C.S Thế nào ? họ mong gì ở chính quyền quốc gia ?

Thế hàng ngàn, hàng vạn thanh niên, chẳng nói những người tình nguyện mà nói ngay những người bị động viên, từng đợt, từng đợt nhập ngũ để chiến đấu với C. S. trong máu lửa, cũng là không có lập trường Chính Trị sao ? Hãy hỏi họ xem họ có ư C.S không ?

Phải chăng tại nhân dân chúng ta ở hồ, lạnh nhạt « quan tâm cũng ư, quan tư cũng gặt » không có một lập trường chính trị rõ rệt, chỉ chăm chú vào cái sống tạm bợ hàng ngày, phó mặc số phận tương lai cho những hội nghị giữa các cường quốc và phe C.S ?

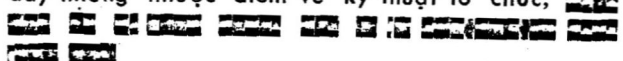
Hãy hỏi hàng ngàn hàng vạn đồng bào sống ở các miền quê bom đạn tới bờ, C.S. đi qua cũng mặc « quốc gia » đi qua cũng kệ, gan lì chịu đựng đủ mọi khổ ải từ vật chất đến tinh thần, xem thâm tâm họ nghĩ gì ? Họ ư C. S. đấy ư ?

Thật không còn một thái độ Chính Trị nào rõ ràng hơn tất cả những thái độ và hành động ấy :

Những kẻ cầm quyền còn muốn gì hơn ?

Những người tính toán đại sự tương lai của Dân tộc còn muốn gì hơn ?

Còn bảo thái độ chính trị ấy thiếu tích cực và rời rạc ư ?

Rời rạc thì đúng. Rời rạc vì thiếu phương tiện, vì gặp nhiều khó khăn. Phần vì những thủ đoạn của C.S. phá phách ngấm ngầm hay công khai phần vì thái độ thiếu thành thực của một số người cầm quyền cấp công, cận lợi, gánh vác việc nước mà lúc nào cũng nhìn qua cái nhãn kính cá nhân bé nhỏ của mình, phần vì chính các lực lượng của dân tộc. Thái độ chính trị tuy có, nhưng trong nội tình còn đầy dẫy những nhược điểm về kỹ thuật tổ chức, 

Nhưng bảo thiếu tích cực thì sao. Tích cực hay tiêu cực là tùy hoàn cảnh, tùy tình thế và tùy việc.

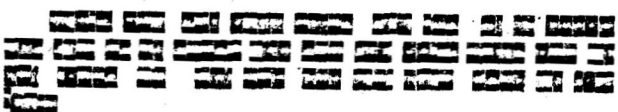
Thực chất của dân tộc ta là một dân tộc đấu tranh rất khôn ngoan mới có thể tồn tại được đến ngày nay. Cứ xem những sự kiện chính trị và quân sự hiện nay và suốt mấy ngàn năm lịch sử thì rõ chúng ta đã bao nhiêu lần biểu lộ những hoạt động tích cực chịu bao nhiêu những hy sinh vĩ đại để phục vụ cho một Lý Tưởng.

Thì chốt vấn đề là ở nơi sự vận dụng của những thành Phần lãnh đạo, ở tâm hồn của những hành phần đó.

Tự thể chính trị của Q. G. Việt tại Miền Nam này mà suy sụp là lỗi ở chính ngay những người có trách nhiệm.

Thời Bảo Đại, nhân vật Chính Quyền chỉ là những tay sai của Thực dân.

Thời Tổng Thống chế thì chính Diệm là cái bụng xung của một bè lũ tham ô, con đẻ của Thực dân xưa.



Ngoài tư cách là những quân cờ trong trận thế chính trị quốc tế ngày nay, các nhân vật chính quyền đã xuất hiện trên chính đài quốc gia đều có một thực chất giống nhau :

— Không có một hệ thống tư tưởng tầu đao, nghiêm ngặt, khả dĩ cải tổ được một cách chính xác cả tinh thể quốc gia và quốc tế ở hoàn cảnh tiến bộ trong hiềm nghèo ngày nay. Họ chỉ là những người hoặc chịu ảnh hưởng của một hệ thống tư tưởng cổ lậu có thể có một vài điểm hay nếu đem áp dụng vào xã hội này cách đây một 100 năm, hoặc ảnh hưởng của những tư tưởng cá nhân phóng túng từ Tây phương đưa lại mà giá họ sống trong những xã hội ấy với một chút tài năng của họ thì may ra cũng dành được một vài địa vị khả quan.

— Tư thế chính trị của họ chỉ là một tư thế bìm leo, luôn luôn phải quần quanh một cọc dậu, chẳng tạo nổi cho mình một thế đứng vững vàng.

Dành rằng cây mới trồng, dầu là lim, sồi nhiều khi cũng phải dựa vào một hai cái cọc mới đứng đầu được với bão tố nhưng sau đó cái thế độc lập không ai chối cãi được. Còn thân bìm leo đã do cọc mà lên thì cũng do cọc mà đổ. Các chính khách quốc gia của chúng ta khoảng 17, 18 năm nay, nếu tự thành thực với mình, có lẽ cũng đã làm được nhiều ích lợi cho việc xây dựng tư thế chính trị của Dân tộc. Nhưng tiếc thay!

Chúng ta đã mất rất nhiều cơ hội để kết tập những lửa thiên văn âm ỉ trong lòng mọi người dân Việt chúng ta, để gắn bó chúng ta thành một hàng ngũ tiên phong oai hùng của TGTĐ xứng với những hy sinh đã chịu mà không một dân tộc nào so sánh được. Chúng ta đã mất rất nhiều cơ hội để quét ngã thế lực CS vì những thủ đoạn giả trá, phản bội của chúng đã hơn một lần lộ chân tướng. Ngay hiện thời các mệnh của CS chỉ còn là cái mệnh quân sự, cái mệnh của tổ chức. Cái mệnh của tuyên truyền nhằm vào những nhược điểm của chính quyền « Quốc gia » chứ không còn là cái mệnh của chính nghĩa trong thời chống độc tài phong kiến của họ Ngô. Nếu cơ chính nghĩa chưa phát cao rực rỡ được ở hàng ngũ Dân tộc thì ngọn cờ ấy cũng đã trút khỏi tay tập đoàn CS tay sai đế quốc Trung hoa Đỏ, trá hình dân tộc một cách trở trêu vô hiệu. Hiện nay đứa trẻ nhỏ cũng biết cái tổ chức Giải pháp Miền Nam chỉ là công cụ của Tập đoàn CS dưới quyền điều khiển của Trung hoa Đỏ.

Vấn đề hiện nay của chúng ta, vấn đề phát huy tư thế chính trị của Dân tộc và của Quốc gia tuy khá phức tạp, nhưng cũng chẳng có chi là khó khăn:

— Đừng thấy CS mạnh và tổ chức chặt chẽ mà sợ.

— Đừng thấy sự đóng góp (đóng góp chứ không có vấn đề Viện trợ) của Mỹ quốc là cần thiết mà ngại ngùng.

Nếu CS mạnh thì CS cũng có những điểm chí tử của chúng. Chúng ta tuy yếu, nhưng chúng ta cũng có cái mệnh phi thường của ta.

Nếu ta cần có sự đóng góp của Mỹ thì ta cũng cần có sự đóng góp của toàn bộ Th. G.T.D. Và hơn nữa Chính Mỹ cũng cần có sự đóng góp của ta, cần hơn là ta cần Mỹ.

Điều chính yếu của vấn đề phát huy tư thế chính trị là cái nhìn của những con người làm Lịch sử.

Những kẻ lâm vào thực tế rồi cuống quýt than thở chẳng biết « nhảy bằng chân nào » chẳng qua chỉ vì kém bản lãnh tư tưởng nông cạn, gói ghém trong một vài thành ngữ Sáo tung ra, tung vào trong vài bài diễn văn như đứa trẻ lên ba chơi hạt dẻ không biết cái nhân bên trong như thế nào?

IV. KẾT LUẬN : Tóm lại, bài này muốn xác định:

— Chịu đựng đủ mọi hy sinh để Kháng Cọng tiêu cực hay tích cực, ở tuyến tuyến hay ở hậu phương, dân tộc Việt chúng ta không phải là công cụ bị động của bất cứ một Quốc gia nào. Chúng ta Kháng Cọng vì chúng ta đã thử nghiệm bằng bản thân, đã thấu đáo qua những sự kiện thực tiễn là CS nói chung là một tập đoàn phản bội nhân loại, phản bội đủ mọi lớp người, ngay cả lớp người mà chúng ta bé nhất là lao động và thanh niên, và Nga xô nhất là Trung cộng hiện nay là những kẻ quốc thực dân nham hiểm sử dụng những tổ chức CS địa phương làm Công cụ thôn tính chuốt lốt, đến khi các dân tộc địa phương tỉnh ngộ thì đã muộn.

— Là một lực lượng tiên phong giác ngộ kháng Cọng, với sự kiện đấu tranh vĩ đại suốt 10 năm nay, chúng ta phải có cái địa vị lãnh đạo công cuộc Kháng Cọng vì không phải chúng ta đấu tranh cho riêng chúng ta, cho riêng Mỹ quốc mà cho toàn bộ các Quốc gia trong Th. G.T.D. Hơn nữa chúng ta đấu tranh để mở đường cho nhân loại đi vào Văn minh Chính trị ngày mai xứng đáng nơi tiến bộ kỹ thuật của thời đại nguyên tử đã khai sinh hiện nay.

— Nhân dân Việt nam đã sẵn sàng, đã biểu lộ qua mọi sự kiện sự sẵn sàng đó, chỉ cần một sự chỉnh bị chính trị nội bộ là xứng đáng vai trò lãnh đạo ấy một cách rực rỡ.

Những người làm Lịch sử Việt và cũng là những người làm lịch sử nhân loại phải nhận rõ:

— khả năng của Dân tộc...

— tình thế của Quốc gia

— tình trạng của Xã hội.

— Vị trí tương quan của Dân tộc trong TGTĐ và trong Nhân loại.

— Vị trí của Đất nước trong thế Xuân thu Chiến quốc hiện nay.

— Con đường sẽ tới của Nhân loại.

— Con đường phải đi của chúng ta.

— Chương trình và kế hoạch dân đất.

Nhận thức được đúng rồi quyết tâm mà làm, hiến mình cho Dân tộc thì:

— Rửa nhục được cho Ông cha,

— xứng đáng với tông tông.

— giải khổ và rạng rỡ được nòi giống.

— cứu vãn được mọi quốc gia trong TGTĐ khỏi một nguy cơ nhấn chìm.

— Cứu vãn được Nhân loại khỏi bị tiêu diệt hay thật lùi vào màn rợ.

Đừng ai nhìn tư thế chính trị tương lai của Dân tộc qua cái nhãn quan đầy mỵ cảm tự ty của bản thân?

Đừng ai nhìn tương lai Dân tộc qua cái không khí Chính trị hiện tại!

MÃN CHÍNH

TRẬN CHIẾN DU KÍCH

L.T.S.— Cuộc chiến tại Việt Nam đã leo thang tới mức độ quyết liệt. Những tổn thất nặng nề cho cả đôi bên trong những ngày gần đây khiến người ta có ý so sánh trận giặc tại Việt Nam với chiến tranh Cao Ly từ mười ba năm trước.

Nhưng điểm khác biệt căn bản vẫn là: cuộc chiến tại Việt Nam khởi đầu từ trận giặc du kích, bắt rễ và lan rộng từ thôn quê.

Trong cuốn « The New Face War » mới xuất bản của Malcolm W. Browne — với lời đề tựa của đương kim Đại sứ Cabot Lodge — tác giả đề cập đến từng giai đoạn, từng chi tiết về sự hình thành của cuộc chiến tranh du kích đó tại miền Nam Việt Nam.

Tướng cũng nên nhắc rằng Malcolm W. Browne là phái viên của Hãng Associated Press, đã từng đoạt giải Pulitzer trong năm qua về những bài báo đề cập tới tình hình Việt Nam.

Và đây là lời minh định của Browne về địa dư và nhân dạng trong bài :

« Tôi không xác định tên của ấp đó, bởi lẽ những chi tiết mô tả được rút ra từ nhiều làng xã tổng hợp lại. Nhưng cũng chắc chắn không có điều nào là sản phẩm của tưởng tượng và vai chính trong chuyện, tên Thuận là một nhân vật hết sức thật ».

TÌNH THƯƠNG

Đám mười người lạ vào ấp lúc chạng vạng tối. Hết ngày làm việc ngoài đồng, đàn trâu lại buộc về chuồng kể bên những mái nhà tranh. Khói thổi com bốc lên từ những chiếc nồi lớn trên lò than mùi nước mắm thơm ngào ngạt trong không khí chiến tranh không bén mảng tới làng này từ nhiều năm.

Đám người lạ vai đeo súng, nét mặt tươi cười đi vào chòm xóm. Người dẫn đầu tới chào hỏi một cụ già trong làng « Chau bae. Mạnh giỏi ? » Cụ già cũng lại lễ độ chào lại rồi tò mò nhìn đám người này.

Người dẫn đầu tên Thuận, tuổi chừng 30, vẻ mặt sáng sủa. Hắn đội chiếc mũ lá rộng vành, bận áo đen, chân mang dép cao su cắt từ lốp xe hơi.

Trong cả đám chỉ có mỗi người con gái không đeo súng, tuổi chừng 25, vai mang đàn ; khuôn mặt đoan trang, ánh mắt ấm và thân thiện.

Thuận nói với ông già khi nãy « chúng cháu không ăn từ hai hôm nay. Xin bác cho tụi cháu vào lổ xóm kiếm nhờ chút ít gạo ».

Độ mười dân làng tò mò xúm quanh. Cụ già nói « Được mà, các con cứ ăn cho thiệt no ». (Một người lạ tới xin không khi nào bị người nông dân Việt Nam xưa đuổi.) Thuận nói :

« Bác thiệt tốt quá ». Hắn tiếp :

« Sáng sớm ngày tụi con qua một ấp tưởng có cái ăn mà không được. Lại vẫn bọn đế quốc Mỹ rải thuốc độc cùng mọi thứ. Ăn phải thứ gạo nở là chết tức khắc !

Những bài hát dịu buồn. Cả đám được ăn no nê. Sau bữa ăn Thuận đề nghị trả ơn bằng cách mua vui bà con lổ xóm. Khi mọi người tụ tập đủ, cô gái bắt đầu đàn hát. Nàng có 1 giọng ca ấm và bài ca thật buồn—tả người ngư phủ chèo thuyền cô đơn. Đám dân làng vây quanh đứng nghe, bài hát

khuyến mấy cụ già tranh lòng nhớ quê đến muốn khóc.

Sau đó đám người này lại vác súng lên vai và đi biến vào đêm tối.

Ít hôm sau, bọn họ trở lại, lần này họ đến vào giữa trưa. Thuận nói với dân làng :

« Tụi con phải trả ơn cô bác. Con thấy trong ấp mình có nhiều nhà phải sửa vá, con nít có lắm đứa bị đau. Đây có cô Nga—của hôm trước đó—làm y tá phát thuốc ».

Lần này không mang đàn, cô gái đem theo hộp đựng thuốc, tay đeo băng chữ thập tự đỏ.

« Tụi con phải làm mọi thứ để giúp ích cô bác » Thuận giải thích thêm :

« Mặt trận Giải phóng dạy tụi con như vậy đó ».

Đội tác động tuyên truyền này đi về làng nhiên lần. Họ bắt đầu tổ chức mít tinh nói chuyện với dân chúng.

« Nhân dân ta đã từng đổ máu tiêu diệt bọn thực dân Pháp tại trận Điện Biên năm 1954. Nhưng rồi bọn xâm lăng mới tràn tới với bom đạn, vi trùng và thuốc độc. Sớm muộn Mặt trận Giải phóng sẽ lại tiêu diệt bọn chúng. Da Dao My !

Tác động tuyên truyền. Cô gái — tên Nga — nói với đám đàn bà trong xã đang vây quanh nàng :

« Em cháu mới 16 tuổi đã phải chết về tay bọn Mỹ. Chúng thay phiên nhau hiếp nó 82 bận rồi cắt vú treo lên cây. Chỉ có mặt trận Giải phóng là hy vọng độc nhất của chị em phụ nữ Việt mình. Da Dao My !

Rồi vào một buổi chiều Thuận và đồng bọn trở lại làng mang theo một tin làm rung động mọi người.

Hôm nay bọn Mỹ và lũ giặc tay sai vừa phá hoại một ấp cách đây hai chục cây số. Con e bọn

chúng cũng sẽ đánh đến đây. Nếu cô bác có thể giúp tôi con một tay ».

Một vài người hỏi Thuận :

« Các anh cần giúp chi ? »

« Chúng ta cần những bàn chông để cắm chân bước tiến quân thù. Cô bác có thể lấy danh thương mài sắc, cứ mỗi bàn xi măng hay gỗ cái bốn năm cái với đầu sắc chông lên. Con nít cũng làm được thứ đó nữa. Đồng bào cô bác có ai hiệp lực với tôi con để bảo vệ làng mình ? »

Đến cuối tuần lễ, hầu như toàn dân làng xúm vào làm chông. Bàn chông với những mũi nhọn vẩy nước dãi trâu đầy vì trùng uốn ván, xuyên qua để gây dễ dàng khi người lính đâm phải.

Lần sau nữa, bọn Thuận trở lại. Hắn gọi dân làng đến báo cho biết là « Bọn giặc xâm lăng đã biết được chuyện làng mình đặt chông và bây giờ chỉ có cách sửa soạn tự vệ. Bọn chúng sẽ tới bóp rách hết trai làng xúng vào lính tay sai của bọn chúng. »

« Chúng ta phải càng chiến đấu ». Và sự thế bắt đầu. Mỗi ngày, Thuận huấn luyện quân sự cho các trai làng. Bọn họ chia nhau rải rác ngoài đồng hay trong rừng. Số ẩn ngoài ruộng lúa được Thuận bày cách trốn nấp dưới mặt nước và chỉ thở bằng một cọng rơm. Một số nữa ẩn trong các đường hầm đã được đào đầy rẫy trong ấp.

Bọn người trong toán « tác động tuyên truyền » cũng làm việc nặng nhọc như mọi dân làng. Ụ đất để nấp bắn được đắp lên mà nguy trang khéo đến nỗi trông như bờ ruộng. Tre nhọn tua tủa quanh các ụ đất này và những bàn chông được gài dưới mặt nước những ruộng lúa.

Bọn Thuận cũng lại xúm vào giúp dân làng trong công việc đồng áng. Thuận bảo :

« Chúng ta cùng làm, cùng ăn, cùng sống và đôi lúc cùng sát cánh chiến đấu nữa ». Rồi một buổi sáng, bọn Thuận trở về làng, trời theo một tù binh, một sĩ quan quân đội miền Nam. Ba đứa trong bọn Thuận buộc viên Sĩ quan vào cột cờ trong ấp. Thuận nói lớn : « Mời đồng bào lại đây, tôi muốn chỉ cho đồng bào một kẻ thù của nhân dân ».

Đám dân làng tò mò xúm lại. Thuận tiếp :

« Tên này là Trung úy Nguyễn đình Thảo, tên quận trưởng tay sai của bọn đế quốc Mỹ. Chúng tôi bắt được khi nó đang bóp rách một ấp gần đây. Bọn chúng bắt hết trai làng cũng vào lính và cướp lúa của nhân dân. Nó phải đền tội trước nhân dân ».

Một tên trong bọn Thuận rút dao đi tới trước viên sĩ quan thiếu não hạch tội rồi đâm một loạt năm nhát dao vào bụng người này.

Ngày lại ngày, cuộc sống trong ấp đã có nhiều

thay đổi. Chẳng bao lâu, Thuận còn tiến xa hơn. Hắn bảo với dân làng :

« Tránh quân xâm lăng không, không đủ. Đến lúc chúng ta phải gây thiệt hại cho bọn chúng. Đó là bổn phận nhân dân phải vũ trang bảo vệ quê hương ».

Hắn quay sang một thanh niên xé,

« Anh Đức, tôi muốn anh đi triệu tập tiểu đội tự vệ ấp họp mặt tối nay. Đã đến lúc để chúng ta tổ chức rồi ».

Đức nghiêm chào, tươi cười và kiêu hãnh với nhiệm vụ mới của hắn.

Vào 8 giờ tối hôm đó, Đức và chín người nữa đều là dân quân trong xã tới một chỗ do Thuận chỉ định sẵn. Trong căn nhà, chỉ có mỗi ngọn nến leo lét. Thuận và hai người lạ nữa, ăn mặc cũng giống hắn ; đứng bên một mặt bàn lớn, trên đó có đặt mô hình một đồn bót của quân đội chính phủ với đủ nhà cửa, hàng rào và chường ngại vật, cả lá cờ nhỏ nữa.

Kế hoạch. Thuận chào hỏi mọi người « A, chào anh em. Đêm nay có thêm hai đồng chí của bộ đội Nhân dân đến giúp chúng ta giải quyết một vài công việc cần làm. Nhưng sao anh em có vẻ nghiêm trọng thế kia ? Đây là cơ hội đáng vui mừng mà. Nếu anh em hành động đúng như những chiến sĩ cách mạng thì kế hoạch sẽ thành công mỹ mãn. Và mỗi anh em sẽ có thêm được khí giới mới.

« Nhưng có điều mà anh em phải nhớ là kể từ giờ phút này, mọi chuyện các anh em làm phải hoàn toàn giữ bí mật. Nếu một ai để tiết lộ vì hèn nhát hoặc vì cố ý hay tình cờ, Mặt Trận Giải Phóng sẽ coi đó như phản bội. Tên Quận trưởng hôm nọ cũng là một tên phản bội nhân dân. Các anh đừng quên những điều đã thấy rõ hôm đó.

Rồi Thuận nhường lời cho người lạ mặt. Bằng một giọng mũi nặng, người này bắt đầu đề cập tới mô hình trên mặt bàn. Hắn mô tả chiếc đồn với từng chi tiết. Hắn nói :

« Kế hoạch chúng ta thiết giản dị. Nhưng cần nhất là kỷ luật, yên lặng và nguy trang hay. Bằng hai chiếc đò, chúng ta tiến tới gần ấp đó bằng hai chiều khác nhau. Mỗi chiếc đậu cách xa 200 mét, rồi bỏ thuyền hò tới đó. Ba người trong đám anh em sẽ có kéo cắt giây thép gai, mở ba lỗ khác nhau. Ba người nữa đem chất nổ vô qua hàng rào đặt sát mỗi chòi canh.

« Đúng hai giờ, châm ngòi. Khi nổ rồi, anh em đợi ba đứa tôi trong Bộ đội nhân dân quét sạch bọn chó săn bằng súng, khi nghe hiệu lệnh tất cả tràn vào đồn dùng dao hạ hết bọn sống sót, lấy đi



CÔNG TRÌNH VÀ KHỦNG HOẢNG CỦA *LIÊN HIỆP QUỐC*

■ SHRESSH JUHAL

Năm 1965 đã đánh dấu hai mươi năm thành lập Liên hiệp Quốc. Đại Hội Đồng LHQ thứ 16 đã gọi năm 1965 là « Năm Hợp tác Quốc tế » để diễn tả niềm tin tưởng mạnh mẽ vào quan niệm « Sự hợp tác quốc tế rộng rãi là một trong những phương thức hữu hiệu nhất để đưa đến việc chấm dứt những mối căng thẳng gay go quốc tế. « Cả thế giới sẽ được hưởng lợi nhờ có một sự hiểu biết sâu sa về mức độ hợp tác quốc tế hiện nay » cũng như nhờ sự phát triển rộng rãi những chương trình đủ loại được thực hiện phối hợp trên mức độ quốc tế.

Nhưng bất hạnh thay, Liên hiệp Quốc ngày nay hiện đang phải đương đầu với những đe dọa trầm trọng có thể ảnh hưởng trực tiếp ngay đến sự sống còn của tổ chức này. Liên hiệp Quốc, mặc dầu vẫn được quan niệm như là « niềm hy vọng cuối cùng của con người » đang trải qua một cơn khủng hoảng. Việc triển hạn Đại Hội Đồng LHQ thứ 19, ngày 18 tháng Giêng 1965 đến tháng 9 với không một nghị định quan trọng nào được đưa ra từ một vài việc lật vật đã làm cho người ta thắc mắc tự hỏi không hiểu LHQ có sống dai nữa được không.

Lý do của sự bế tắc phần lớn là do khoản tài trợ những chiến dịch nhằm mục đích gìn giữ hòa bình gây ra. Khóa họp này còn được đánh dấu bằng

sự ra đi của Indonésie, quốc gia dẫn tiên rút ra khỏi LHQ. Nước Cộng Hòa Nhân dân Trung hoa (1) đã nhiệt liệt hoan hô quyết định này và đã ca tụng quyết định của Indonésie là «chính đáng, đứng đắn và cách mạng» ; mặc dù chính Trung hoa (1) rất nhiều lần trong quá khứ đã cố gắng vận động để gia nhập LHQ, ngày nay lại ra mặt chống đối LHQ và rêu rao kêu gọi thành lập một tổ chức đối lập.

Người Sinh niên, trên toàn thế giới, trong cây vào LHQ như là niềm hy vọng vĩ đại của tương lai đã phải nhìn những sự kiện trên với niềm lo lắng âu xa. Họ thành thực tin tưởng rằng sự tê liệt hiện tại của LHQ chỉ là trong đoản kỳ và LHQ sẽ hồi phục để vượt qua những trở ngại, mặc dù bản Hiến chương khởi thủy cần được tu chỉnh nếu người ta muốn nó luôn luôn phù hợp với thực trạng và hoàn cảnh thế giới đang biến hình ngày nay.

Mới đây, một vài chính khách đã bày tỏ sự ngờ vực về sự hữu ích của LHQ và chính thái độ này chắc chắn phải chịu trách nhiệm phần nào về mỗi khủng hoảng hiện tại. Thực ra, một số Quốc gia tham sự Liên Hiệp Quốc hoặc với tư cách

(1) Trung cộng (chỉ thích của người dịch...)

Quan sát viên, hoặc tính cách Hội viên từ ngày thành lập 20 năm trước đây đã quan niệm về LHQ. một cách rất mơ hồ và không minh bạch. Có những quốc gia nghi ngờ sự hữu ích của LHQ bởi vì tổ chức này không liên quan chút nào hết đến hoàn cảnh của họ. Tổ chức LÔQ đã được thành lập thoạt kỳ thủy để đáp lại nguyện vọng thiết tha của toàn thế giới là. Xóa tan những thảm khốc của chiến tranh và kiến tạo một bầu không khí hòa bình trên bình diện quốc tế. Những quốc gia đó cho là LHQ. chưa thực hiện được mục tiêu ấy khi mà tổ chức này chưa chấm dứt được tất cả những cuộc tranh chấp, Tuy nhiên, không ai có thể coi thường những công trình mà LHQ đã thực hiện trong mục đích phụng sự nền Hòa Bình Thế giới và sự tiến bộ của nhân loại. Những quốc gia đang bị đe dọa bởi sự tàn phá do vũ khí hạch nhân, mới đây, đã phản quyết rằng một tổ chức có thể bảo đảm được quyền lợi của họ có một tầm quan trọng sống còn. Hai mươi năm vừa qua đã chứng tỏ khả năng thích hợp của LHQ trong việc giải quyết thành công những vấn đề đó đã đem vinh dự lại cho tổ chức.

Quốc gia độc lập Indonésie đã trở thành thực sự năm 1949 nhờ có sự giúp đỡ của Hội Đồng cơ quan Từ Thiện (Good Offices Committee) thuộc Liên Hiệp Quốc : cơ quan này đã chấm dứt cuộc chiến tranh giữa nhân dân Indonésie chống lại thực dân trên đất họ. Cũng trong thời này mỗi hiềm khích giữa các Quốc gia Ả Rập và Do Thái (Israel) đã được LHQ hết sức dàn xếp, cho tới nay, những quan sát viên vẫn còn tiếp tục giám sát các ranh giới. Năm 1956, khi Anh, Pháp và Do Thái tấn công Ai Cập tới tấp, định chiếm cứ Kênh Suez, Liên Hiệp Quốc lúc ban đầu bị kìm hãm trong một thời gian lý do là Hội Đồng Bảo An tê liệt vì quyền phủ quyết của Anh, Pháp. Nhưng Đại Hội Đồng, nhờ có phương châm « Hợp Quần thể bảo vệ Hòa Bình » đã quyết định gửi Quân Đội đến kiểm soát vùng Gaza (3) chính nhờ có Liên Hiệp Quốc mà Hòa Bình được bảo vệ trong lãnh thổ Ai Cập, nếu không, Quốc Gia này chắc chắn không tránh được sự tàn phá ghê gớm của các cuộc chinh chiến.

Sự toàn vẹn lãnh thổ nước Congo (Léopoldville) và cuộc nội chiến lan tràn được dập tắt là do công lao của Liên Hiệp Quốc. Trong vụ này, hàng ngàn binh sĩ thuộc 21 quốc gia đã chiến đấu để giữ gìn nền độc lập cho quốc gia này — được thực dân Bỉ trả độc lập từ năm 1960 — Những chiến dịch tương tự được tiếp tục cho mãi đến tháng sáu năm 1964, ngày mà những khó khăn tại chính đã bắt buộc Liên Hiệp Quốc ngừng hoạt động. Ngoài ra, có lẽ rằng chiến cuộc ở Chypres sẽ tránh được khi Liên Hiệp Quốc đứng ra làm trái độn giữa hai vùng phân chia.

Đôi khi, sau lúc quân đội LHQ rút về rồi thì tức khắc sự hiềm khích và những cuộc tàn sát dân

lành vô tội xảy ra vì thế, sau khi quân lực LHQ rời Congo thì chiến cuộc lại bắt đầu thực ra, sự hiện diện của Cảnh sát hoặc Quan sát viên Liên Hiệp Quốc thường đem lại cơ hội cho những quốc gia trong những cơ hội để cứu xét những biện pháp hòa bình và giải quyết những điều tranh tụng. Đôi khi, một sự vận động của một quốc gia thứ ba hay những quốc gia trung lập hoặc ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc có thể được đòi bèn chấp thuận vì được đưa ra từ một nguồn gốc trung lập. Ngay cả trong những cuộc rắc rối trực tiếp giữa những cường quốc thù nghịch, ít ra Liên Hiệp Quốc cũng có thể đứng ra làm trung gian nhằm mục đích cứu vãn thể diện (cuộc khủng hoảng ở Cuba năm 1962) và giúp các quốc gia tranh, chấp tránh được những sự mất uy tín không thể chấp nhận được.

Liên Hiệp Quốc cũng đã trở thành một phương tiện để liên lạc thực tế của hơn một trăm nước. Biết bao những nước nhỏ, không thể đặt những cơ sở ngoại giao trên những kinh đô, lớn đã dùng những đại diện của họ tại Liên Hiệp Quốc để duy trì những liên lạc Quốc tế và những cuộc tiếp xúc ngoại giao. Ngoài ra Liên Hiệp Quốc còn đem lại những cơ hội để thương thuyết ngoại giao. Vấn đề đặt ra do cuộc phong tỏa Bắ Linh năm 1948-1949 đã được giải quyết qua sự trung gian của Liên Hiệp Quốc. Những việc làm của Liên Hiệp Quốc có một giá trị thật không thể chối cãi được nhất là khi nhằm mục đích dễ dàng hóa những cuộc tiếp xúc ngoại giao giữa những quốc gia trong vòng tranh chấp.

Vấn đề cấm chỉ tất cả những thí nghiệm và vũ trang nguyên tử vẫn làm bận trí từ lâu Ủy Ban Tài Giám Bình bị của Hội Đồng Bảo An LHQ. Sau khi đã họp bàn liên tiếp trong 16 tháng Ủy Ban Tài giám bình bị, gồm có đại diện của 17 quốc gia đã thảo ra bản Hiệp ước chấm dứt thí nghiệm nguyên tử được Hoa Kỳ, Liên Bang Sô Viết và Anh Quốc ký ngày 5 tháng 8 năm 1963. Bản Hiệp ước trên, cấm tất cả mọi cuộc thí nghiệm dưới lòng đất có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 1963 và hơn một năm quốc gia đã ký theo ba chữ ký kể trên. Bản hiệp ước trên là một công trình đáng chú ý nhất của LHQ mặc dù thái độ đối nghịch của những quốc gia như Trung Hoa (1) và Pháp, đó cũng là một bước tiến đến sự giới hạn cuộc thí đua vũ trang nguyên tử và do đó là bước tiến đầu tiên đến nền Hòa Bình Thế giới và An ninh cho những quốc gia bị vũ khí nguyên tử đe dọa. Những tổ chức chuyên biệt của LHQ như Unesco, Fao, Ilo, Who đã thực hiện những công tác vô cùng hữu ích khi kết quả trông thấy ngay, trong những lãnh vực kinh tế và xã hội. Phần lớn những tổ chức kể trên đều đã bắt tay vào công việc phát triển « một phần ba thế

2 Hòa Lan (chủ thích của người dịch).

giới » Ngân Hàng Thế giới và Hiệp Hội Quốc tế nâng đỡ mở mang (Association Internationale pour le Développement) đã góp phần tài trợ vào việc mở mang kinh tế những xứ kém mở mang và vào việc xây dựng lại những lãnh thổ bị chiến tranh tàn phá.

Liên Hiệp Quốc cũng đã chú trọng đến vấn đề đặt ra bởi sự tăng gia nhân số và cũng đã giúp những quốc gia đang có nạn nhân mãn giải quyết những vấn đề có sự trùng hợp với việc mở mang kinh tế và xã hội. Hiện nay, một ủy ban gồm 5 người đang đảm nhiệm vai trò Cố vấn cạnh Chính phủ Ấn Độ trong việc soạn thảo và thực hiện một chương trình rộng lớn nhằm mục đích hành động và nghiên cứu, cũng như luôn luôn chú trọng đến những biện pháp khẩn thiết nhất trong lãnh vực thiết kế gia đình kiểm soát sinh sản và kiểm tra dân số. Ủy Ban Nhân số thuộc Liên Hiệp Quốc (The United Nations Population Commission) đã phân tán thành những Ủy Ban trách vụ mỗi ngày một tăng trong những dự án trợ giúp kỹ thuật cũng như trong những công trình kỹ thuật nhằm mục đích trong lãnh vực Nhân chủng học tại Phi châu Á châu, Viễn đông cũng như tại Châu Mỹ Latinh. Tất cả những tổ chức thuộc LHQ ấy, với những khuynh hướng khác nhau, đã nghiên cứu những tai nguyên, phân phát thực phẩm, góp phần phát triển canh nông, săn sóc trẻ em thiếu thốn, đề phòng, canh chừng những bệch tật phát sinh và đào tạo những chuyên viên; đã có một giá trị thật vĩ đại và đã thực hiện được một công trình đáng chú ý trong việc nâng cao mức sống những xã hội kém may mắn trên thế giới. Không ai có thể phủ nhận được LHQ đã thực hiện được những công cuộc đáng kể. Tuy nhiên từ tháng Chạp năm 1963, LHQ đã vấp phải những khó khăn ngày một tăng. Sự hoãn hạn Đại hội Đồng từ ngày 18 tháng Giêng đến tháng 9 sắp tới không giải quyết được việc gì cụ thể cả và những triển hạn mới do LHQ đề nghị đã gây nên một niềm áy náy sâu xa. Theo lời Ông Tổng Thư ký LHQ U.Thant : « Chúng ta đang mục kích một sự đảo lộn chắc chắn của những tiến bộ chậm chạp mà LHQ đã thực hiện được trong chiều hướng xây dựng sự ổn định và nền Hòa Bình Thế giới. Nếu một bước trượt chân nữa trong chiều hướng đó không hãm được lúc, nó sẽ đánh dấu sự chấm dứt một chương sách của hy vọng lớn lao và báo hiệu một giai đoạn mới trong đó LHQ chỉ còn là một nghị trường dùng làm nơi tranh luận.

KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH

Trên bề mặt, sự tê liệt hiện thời của LHQ có tính cách pháp lý và định chế nhưng trên những khía cạnh chính trị, sự tê liệt này thật sâu xa. Những vấn đề, ngoại trừ việc cải thiện bầu không khí chiến trị tằn bĩnh diện Quốc tế, gồm có những khủng hoảng tài chính mà LHQ đã gặp phải và sự

sự khác biệt quan điểm sâu xa về những chiến dịch duy trì hòa bình trong tương lai. Sự chia rẽ nguy hiểm hiện nay đã được biểu lộ qua điều khoản 19 của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc nói về việc không đóng góp cho LHQ. Điều khoản 19 của hiến chương LHQ đã xác định rằng : « Một hội viên của LHQ chậm trễ trong việc đóng tiền cho quỹ đóng góp dùng vào việc chi phí của LHQ sẽ không được tham dự bầu cử trong Đại hội Đồng khi số tiền còn thiếu bằng hay nhiều hơn số tiền mà hội viên ấy phải đóng góp trong suốt hai năm qua ».

Liên Xô là quốc gia thiếu nó nhiều nhất với một khoản tiền nó là 62 triệu Mỹ kim, sau đó là nước Pháp và 11 nước khác nữa. LHQ vì thế hiện đã lạm chi mất 153 triệu Mỹ kim. Nếu Liên Xô không trả ít nhất là 21 triệu Mỹ kim, trong số tiền nợ tổng cộng thì theo điều khoản 19, sẽ mất quyền bầu cử trong Đại hội Đồng. Tuy nhiên Nước Nga cũng như Nước Pháp đều không thừa nhận quyền hạn cho phép những sự mạng Bảo vệ Hòa bình của Đại hội Đồng LHQ.

Cả hai nước đều tự cho là không có bổn phận đóng góp vào chi phí của những cuộc hành binh bảo vệ Hòa bình do Liên hiệp Quốc quyết định trái lại với ý kiến của họ, mặc dù có lời khuyến cáo của Tòa án Quốc tế. Nga Xô luận cứ rằng điều 24 của Hiến chương LHQ ủy nhiệm cho Hội đồng Bảo an trách nhiệm đặc biệt Bảo vệ nền Hòa bình thế giới và khi vấn đề được đặt ra là một cuộc hành quân có cần thiết hay không, điều đó liên quan đến Hội đồng Bảo an và chỉ cáo Hội đồng Bảo an chịu trách nhiệm ước lượng số tiền phải đóng góp phù hợp với những điều khoản 43, 48 và 50. Đại diện của Liên Xô ở LHQ đã tuyên bố ngày 24-10-1963 là khi đã đồng ý những quyết nghị can thiệp bằng quân sự hay chấp thuận những dự chỉ cho những cuộc hành quân Trung Đông hay Congo Đại hội Đồng LHQ đã lạm quyền và do đó những quyết định của Đại hội Đồng không có giá trị pháp lý.

Nước Pháp đã biểu lộ cùng một thái độ. Và do đó « những chi phí dùng cho những cuộc hành quân theo quyết định của Đại hội đồng sẽ chỉ do những quốc gia hội viên chấp thuận quyết nghị can thiệp bằng quân sự đóng góp ». Nếu Đại hội Đồng có thẩm quyền quyết định với đa số 2/3 các quốc gia hội viên bắt buộc tất cả các Quốc gia hội viên đóng góp, Hội Đồng sẽ có quyền hạn như một « Siêu Quốc Gia ». Nước Pháp đã phản kháng lại khuyến cáo của Tòa Án Quốc Tế. Theo khuyến cáo này thì những chi phí cho UNEF (Lực lượng LHQ tại Trung Đông) và ONUC (Lực lượng LHQ tại Congo) thuộc về « những chi phí của LHQ trong khuôn khổ điều khoản 17 đoạn 2 của Hiến Chương LHQ ».

Những quốc gia đã phải đòi hỏi phần lớn của những chi phí dùng vào việc gìn giữ hòa bình --

như Gia Nã Đại, Liên Hiệp Anh và Hoa Kỳ đòi hỏi chính thức áp dụng điều khoản 19. Theo Thủ tướng Gia Nã Đại « Họ không tìm cách đề cao quan niệm của họ mà họ sẵn sàng thực thi điều khoản trên nếu những quốc gia vi phạm không sẵn sàng tham dự vào việc đi tìm một giải pháp xây dựng. Những bối rối về tài chính phải được cắt đứt ngay».

Nếu Đại hội Đồng thứ 19, được nhóm họp theo thủ tục thông thường và áp dụng đúng theo tinh thần của Hiến Chương LHQ thì — như đòi hỏi của Đại diện Albanie — Liên Xô và Pháp sẽ mất quyền bầu cử. Điều đó cũng chứng tỏ rằng LHQ chủ trương xử dụng quyền lực ngay cả đối với những đại cường quốc. Nhưng LHQ đã không làm như vậy, lý do thật giản dị là vì nếu xét vấn đề thật kỹ lưỡng làm như vậy có thể trầm trọng hóa thêm mối chia rẽ ngay trong lòng LHQ và dẫn đến những hậu quả tai hại hơn nữa. Nếu tình thế ấy kéo dài và những thái độ khác nhau không thay đổi đi khóa hội tháng 9 chắc chắn sẽ gây ra một cơn khủng hoảng. Tuy nhiên, giới ngoại giao cho rằng mặc dầu sự vững chắc của những thái độ chống đối không có vấn đề nào là không thể giải quyết cả và người ta sẽ đi đến một thỏa hiệp. Tình thế hiện tại cho phép người ta hy vọng nhiều hơn là như ước vọng thiết tha của các Đại diện các Quốc gia Mỹ Châu Latinh, Phi Châu và Á Châu : tránh được tất cả những rắc rối trực tiếp, trái lại còn tìm ra được những sự thay đổi mới.

Sự hữu hiệu của LHQ chưa bao giờ được hoàn toàn xác nhận bởi vì ngay bản chất của sự hiện hữu cũng đã có thể gặp những mâu thuẫn với quyền lực quốc gia tối cao của những quốc gia Hội viên, Hai quan niệm không bao giờ ngừng va chạm lẫn nhau và do đó, sức mạnh và sự vĩ đại của LHQ vĩnh viễn phụ thuộc ý chí của những quốc gia, chịu gạt bỏ một phần tính cách độc tôn tối cao của mình. Trong suốt hai mươi năm hiện hữu của LHQ, Liên Xô đã dùng đi dùng lại quyền phủ quyết trong Hội Đồng Bảo An để bênh vực thái độ hay những quan niệm của Quốc gia mình. Nga cũng luôn luôn đối lập với ông Cựu Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Trygve Lie và Dag Hammarskjöld, những người đã cố gắng hành động theo ý chỉ của tập thể LHQ những khi cần thiết. « Khi ông Hammarskjöld đảm nhiệm chức vụ Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc, một thủ chức vụ Thủ Tướng, Liên Xô đã biểu lộ sự chống đối bằng cách đề nghị một « bộ ba » thay thế ông Tổng Thư ký LHQ bằng ba người ta, cũng làm việc chung trong đó 1/3 sẽ dưới sự kiểm soát của Mạc tư khoa».

Một nhà vô địch khác về tính cách tối cao của quốc gia mình là nước Pháp của ông De Gaulle, người không muốn Đại Hội Đồng LHQ có thẩm quyền chi phối vào vấn đề gửi những đạo quân gìn

giữ hòa bình mà chỉ Hội Đồng Bảo An mới có quyền quyết định, trong đó Pháp cơ quyền phủ quyết. Ngày 4 tháng hai năm 1965 ông đã kêu gọi LHQ hãy « quay trở về », với sự thận trọng và Hiến chương » ông tuyên bố rằng làm như thế có thể LHQ sẽ tìm lại được thế quân bình.

Theo Hiến Chương LHQ thì tất cả mọi lực lượng của LHQ đều phải được tổ chức và điều khiển bởi một Ủy Ban Quân sự Tư lệnh do các đại diện quân sự của năm hội viên thường trực của Hội Đồng Bảo An họp lại. Nhưng Ủy ban này trên thực tế chưa bao giờ có chút ảnh hưởng nào trên những dự án của LHQ nhắm mục đích bảo vệ Hòa Bình. Vì thế Tổng Thống De Gaulle đã nhấn mạnh đến sự cần thiết phải trở về căn bản lúc ban đầu với năm hội viên thường trực gồm có Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Trung Hoa Quốc gia và Liên Xô. Tuy nhiên Đại Hội Đồng mới chỉ cho phép có mỗi một cuộc hành quân bảo vệ hòa bình : l'Unef (Lực lượng LHQ tại Trung Đông). Trong dịp này nước Pháp đã đóng góp hết phần mình. Những cuộc hành quân ở Congo được Hội Đồng Bảo An cho phép và chính phủ của ông De Gaulle đã không phản kháng lại quyết nghị nào nói rộng dần dần tầm hoạt động của ông Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc. Khi đòi hỏi Liên Hiệp Quốc phải « quay trở lại với Hiến Chương » de Gaulle đã tuyên bố là ông mong mỗi cửu vẫn được LHQ, nhưng kết quả của chính sách của ông ta chắc chắn làm cho LHQ trở thành bất lực.

NAM DƯƠNG RÚT RA KHỎI LHQ MỘT TỔ CHỨC ĐỐI NGHỊCH.

Mối lo ngại trong nội bộ LHQ càng ngày càng tăng đến độ có thể thấy rõ được với sự ra đi của Indonésie. Người ta lo ngại rằng một vài nước sẽ theo gương Sukarno, May thay, tình thế không giống như vậy. Trái lại một vài quốc gia hội viên tỏ ý tiếc cho hành động của Indonésie và diễn tả niềm hy vọng sẽ có ngày LHQ được toàn vẹn trở lại. Riêng Cộng Hòa nhân dân Trung Hoa (1) đã hỉ hả hoan nghênh sáng kiến của Sukarno, và ông Chu Ân Lai đã nam lấy cơ hội đề đòi hỏi thành lập một tổ chức đối lập với LHQ : « Rất có thể tổ chức một LHQ Cách mạng có thể giải quyết được những thảm cảnh thù hận để cạnh tranh với cái tổ chức tự mệnh danh là Liên Hiệp Quốc nhưng chỉ có thể gieo rắc sự bất hòa và chẳng làm được điều gì tốt đẹp cả. »

Thật là kỳ quái và mâu thuẫn khi Trung Hoa (1) rêu rao đòi thành lập một tổ chức đối lập. Trong tình thế hiện tại, khẩu hiệu của Trung Cộng xuất là biểu lộ của sự căm thù.

Khi lên tiếng ca ngợi Indonésie đã rút ra khỏi LHQ, ông trùm Trung Cộng đã tuyên bố là « LHQ đã làm cho các Quốc gia Á Phi hoàn toàn thất vọng » nhưng chẳng hề có Quốc gia nào tỏ ý muốn

nói theo Sukarno cùng đừng quên rằng nước Cộng Hòa Indonésie ngày nay hiện hữu như một quốc gia độc lập là nhờ LHQ một phần. Từ Hội đồng của tổ chức từ thiện cho đến quyết nghị của Hội đồng Bảo An tháng giêng năm 1949 và đến sự thừa nhận nền độc lập của Indonésie ngày 2 tháng 11 năm 1949, tổ chức Quốc tế đã nâng đỡ Indonésie rất nhiều. Lời tuyên bố ấy của Indonésie theo đó thì LHQ chẳng làm được việc gì tốt đẹp cả » thật vô cùng khó chấp thuận.

Những mục tiêu cao cả LHQ theo đuổi — Phát triển một trật tự Quốc tế xây dựng trên sự hợp tác giữa các quốc gia gìn giữ nền hòa bình và hạnh phúc của nhân loại — hiện đang bị làm lu mờ vì cơn khủng hoảng định chế đang diễn ra trong nội bộ LHQ. Chiều hướng diễn biến mới mẻ của những biến cố thế giới không được những sáng lập viên của LHQ dự liệu là một trong những lý do căn bản của cơn khủng hoảng này. Những tác giả soạn thảo ra Bản Hiến Chương LHQ đầu óc hẳn còn bị ám ảnh bởi những hải hùng của chiến tranh nên đã tưởng tượng rằng những Đại cường quốc sẽ đồng tâm nhất trí dùng những biện pháp phòng ngừa hay trừng phạt những hành động khiêu khích để duy trì Hòa Bình. Những cường quốc ấy theo tinh thần chương 7 của Hiến Chương phải cung cấp những lực lượng vũ trang theo sự đòi hỏi của Hội đồng Bảo An trong đó mỗi một cường quốc có quyền phủ quyết. Một Ủy Ban Tư Lệnh quân sự sẽ đảm nhiệm việc chỉ huy toàn thể các lực lượng. Tuy nhiên, sự tiến triển của các biến cố trên thế giới đã lôi cuốn theo sự biến hóa của những sự sắp đặt cũ và LHQ đã không thực hiện được trọn nhiệm vụ như đã được quan niệm, những phương sách giữ gìn Hòa bình như đã được qui định trước trong Hiến Chương không thể áp dụng được mặc dù Ủy Ban Tư Lệnh luôn luôn hiện hữu. Theo lời ông U-Thant « Trong hoàn cảnh hiện tại, những tinh thần của Bản Hiến Chương đã phần nào không hợp thời nữa, chính sự lỗi thời này — sự lỗi thời không thể tránh được được trong thế giới đang biến thái của chúng ta — đã chịu trách nhiệm phần nào về sự khủng hoảng định chế và chính trị mà LHQ đang chịu đựng. Trong giai đoạn Đại hội đồng đã biến thể thành một tổ chức chính trị tuyệt đối khác biệt với Đại Hội đồng mà những sáng lập đã dự liệu. Liên Hiệp quốc 1945 chỉ có 4 Hội viên Phi Châu. Trong suốt 10 năm qua, tổng số hội viên tăng lên từ 60 đến 114 mà quá nửa là những những quốc gia Á phi mới thu hồi độc lập. Riêng Phi Châu đã có 36 hội viên. Trật tự mới nập của Thế giới đòi hỏi một sự tu chỉnh lại Hiến Chương.

Những tu chỉnh án đề nghị sửa đổi Hiến Chương LHQ được bao gồm trong hai quyết nghị được Đại hội đồng chấp thuận : đòi hỏi tăng thêm số hội viên

trong Hội đồng Bảo an LHQ và Hội đồng kinh tế và xã hội LHQ; yêu cầu tất cả các quốc gia hội viên phê chuẩn những tu chỉnh án ngày 1 tháng 9 năm 1965. Có 63 trong số 75 quốc gia hội viên đã phê chuẩn những tu chỉnh án của bản Hiến Chương.

Trong khóa họp thứ 18, ngày 17 tháng Chạp năm 1963, Đại Hội đồng đã chấp thuận những đề nghị của Ủy Ban Chính trị đặc biệt (đặt tên do sự đồng ý của các quốc gia thuộc Châu Mỹ Latinh, Phi Châu và Á Châu) liên quan đến những quyết nghị là nâng số hội viên củ Hội đồng Bảo An từ 11 lên 15 trong đó 10 quốc gia là hội viên không thường trực. Những quyết định về những vấn đề biện pháp sẽ được xác định bởi chín phiếu thuận bất cứ là của hội viên nào ; những quyết nghị về « tất cả những vấn đề khác » đòi hỏi chín phiếu thuận trong đó phải có 5 hội viên thường trực.

Phần B của quyết nghị nhắc lại quyết nghị nhắc lại quyết nghị của Hội đồng cổ vấn kinh tế và xã hội ngày 22-7-1963 và đòi hỏi nâng số hội viên trong Hội đồng từ 18 lên 27 trong số đó 9 hội viên sẽ được bầu ra mỗi năm trong một thời gian ba năm.

Đến năm 1960 nước Nga chống lại việc tu chỉnh lại Hiến Chương mà quốc gia này coi là một âm mưu của đế quốc. Chính khi đó là lúc Nikita Krouchtchev đích thân đề nghị thay thế ông Tổng Thư ký LHQ bằng một « bộ ba »; nhưng đến nay thì Liên Bang Sô Viết lại ủng hộ việc tu chỉnh Hiến chương. Tổng Thống Mỹ Johnson đã tuyên bố trước Nghị Viện Mỹ là những sự thay đổi đó vừa thực tế vừa sòng phẳng : « Hầu hết những hội viên mới là những quốc gia đã đạt tới nền Độc lập những quốc gia đã đạt tới nền Độc lập do sự giải tán trong hòa bình những đế quốc, đã cho phép một phần ba các dân tộc trên thế giới vươn lên được tới hàng quốc gia một cách Trượng Tử. Chúng ta chào mừng biến cố ấy. Những dân tộc trên thế giới sẽ được đại diện một cách trực tiếp hơn trong lòng Liên Hiệp Quốc ngày hôm nay khác hẳn với 20 năm về trước. « Biện minh cho mục đích tăng số hội viên trong các Hội đồng, ông nói liếp :

« Nhưng trong khi chúng ta chào mừng sự phát triển của LHQ, chúng ta phải nhận rằng Hội đồng Bảo an hiện thời và hội đồng kinh tế và xã hội đã không phản ảnh một cách thực tế.

Sự tăng đại diện trong hai Hội đồng kể trên lúc này thật cần thiết để tái thiết thế quân bình giữa các Hội đồng và Đại hội đồng khi Hiến chương có hiệu lực ».

Những khó khăn chính ngăn cản việc phê chuẩn đã được vượt qua bởi thái độ hòa giải giữa các Đại cường quốc và có lẽ rằng những tu chỉnh án sẽ được phê chuẩn trước kỳ nhóm sắp tới của Đại

(xem tiếp trang 43)

THỬ NHÌN VỀ WUS V. N.



LỜI MỞ ĐẦU : Thật thà mà nói cái tổ chức mang tên WUS hầy còn quá xa lạ với bất cứ một người sinh viên Việt Nam nào mặc dầu trên giấy tờ và thực tế nó là một cơ quan nhằm tương trợ giúp đỡ quần chúng sinh viên và đã chính thức hoạt động từ 6 năm nay tại mảnh đất này. Từ cái xa lạ bí ẩn ấy, người ta đâm ra thắc mắc về lịch sử cũng như cách cấu tạo của tổ chức này ? Có phải là lỗi làm việc của phân bộ Wus Việt Nam trong thời gian qua đã theo đúng hiến chương của tổ chức quốc tế đã có 45 năm hoạt động trên khắp năm châu không ? Chắc chắn là không vì cho đến giờ phút này người sinh viên Việt Nam không ghi nhận được một hoạt động nào của phân bộ Việt Nam, mà trái lại chỉ toàn là thấy một sự ếm nhem âm thầm của những người tự nhận điều khiển Wus. Nhận xét trên quả đúng với sự thật vì ngay trong tập số 12 — tháng 10/65 ấn hành nhân ngày kỷ niệm năm thứ 45 sự ra đời của tổ chức tương trợ Quốc tế Đại Học dưới tiêu đề « L'EUM en action », người đọc không

tim thấy một dòng chữ nào nói về hoạt động của phân bộ Wus Việt Nam trong các bản tường trình tỉ mỉ những công việc đã thực hiện của các tổ chức địa phương khắp trên thế giới, chẳng lẽ người ta lại quên không biết đến Việt Nam, nơi mà sinh hoạt sinh viên đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống chính trị của quốc gia, thu hút mọi sự chú ý đến thân phận của lớp người trang lứa quốc tế. Trình bày cặn kẽ một sự thối nát đã qua trong yên lặng chắc chắn không nhằm việc vạch mặt chỉ tên gây oán hờn, mà chỉ muốn làm sáng tỏ và dứt khoát một dĩ vãng tại tiếng, dọn đường cho một sự khởi hành quang đăng và tin tưởng.

VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ CỦA TỔ CHỨC WUS :

Ngược dòng lịch sử, người ta trở về khởi điểm ngọn nguồn các vật thể của con người trong đó có cái gọi là Wus. Khác với những cơ quan tương trợ hiện có, tổ chức Wus được khai sinh theo nhu cầu đòi hỏi của quần chúng đại học Âu châu chứ không phải của các lực địa nghèo khó như Á hay Phi châu, 45 năm về trước khi đã tan cuộc chiến tranh 14-18 ít lâu.

Chiến tranh quả là một điều bất hạnh cho loài người, sau nó là cảnh tượng của một trận hồng thủy trong kinh thánh. Cơ sở bị thiệt hại nhiều nhất là các trung tâm kỹ nghệ, và rồi đến trường ốc đại học vì cả hai là tiềm lực nuôi dưỡng và hướng dẫn cuộc tàn sát đẫm máu của con người « *Tôi đã từng chứng kiến nạn đói ở Ấn Độ, cảnh điêu tàn sau trận không tập của các thành phố nước Pháp, hay thị trấn động đất, nhưng thú thật chưa có nơi nào gieo nơi tôi hình ảnh địa ngục bằng đại học Vienne của năm 1920. 15.000 sinh viên vừa nam vừa nữ của đại học ấy đã sống trong tuyệt vọng đói khát và chán chường đến phải tự vẫn* » Đó là nhận xét của bà RUTH ROUSSE sau khi được tổ chức tên gọi là « Hiệp hội các đoàn sinh viên Công giáo » FUACE gửi đến quan sát tại chỗ khi hội nhận được những lời kêu cứu khẩn thiết của các quốc gia bị chiến tranh tàn phá, và cũng từ đó chính cái tên Ruth. Rousse đã đi vào lịch sử của WUS.

Vào tháng 8 năm 1920 tổ chức FUACE đã triệu tập một cuộc họp ở Beatenberg (Thụy sĩ) đã quyết định việc thành lập một đặc biệt chuyên trách cứu trợ vật chất cho các đại học đường Âu

châu, lấy tên là *European Student Relief ESR* hay « *Secours aux étudiants européens* », đề rồi ba mươi năm sau nghĩa là vào năm 1950 ESR biến thể thành *WUS*. *Word university Servite* hay *Entraide universitaire mondiale* cũng thế. Tổ chức ESR đã được chào đời, và như đã ý thức được trọng trách của mình, ESR hoạt động thật hăng say và hữu hiệu. Các chương trình cứu trợ được hoạch định một cách thực tiễn; trong khi đó qua những lời kêu gọi xin trợ giúp tài chánh, ESR đã có được 1 triệu mỹ kim cho ngân quỹ của năm đầu. Trong kế hoạch ngũ niên đầu tiên, ESR đã cứu trợ cho các đại học của 19 nước trong đó kể các nước Cộng sản như Nga Xô, Tiệp Khắc, Hung gia lợi, Ba lan v.v... với những phí khoản lên tới 2 051.400 mỹ kim. Nước Ba lan có lẽ là nước đã nhận được nhiều trợ cấp hơn hết thấy trong khoản thời gian 1920—1925, vì nơi đây chiến tranh đã để lại quá nhiều hoang tàn và bệnh tật — ESR đã thiết lập một trung tâm bài lao ở Zakopane cùng gởi 80.000 mỹ kim tặng vật gồm có thực phẩm và áo quần, và vì lý do chính trị các công cuộc cứu trợ phải bị tạm ngưng vào năm 1924 tại Ba lan. Cũng chính trong thời gian tại đó tất cả các đại học của Âu châu, tổ chức cứu trợ sinh viên (ESR) phát động một phong trào tương thân tương trợ đầy ý nghĩa, nhưng trước một tình trạng kinh tế rất vất vả và chung cho toàn thể lục địa châu Âu nên kết quả của hai chữ « tương trợ » sinh viên với sinh viên rất bị giới hạn, thành thử phát xuất lý do « người sinh viên vừa làm vừa học ». Đã có hơn 40% sinh viên làm các nghề như hầu bàn, tài xế, phụ thợ để kiếm thêm tiền trước để sống, sau để theo đuổi việc học. Thật là những chuỗi ngày đen tối u buồn nhất của sinh viên Âu châu — Mặc dầu bị tràn ngập bởi những lời kêu cứu khắp các thủ đô, nhưng trong chiều hướng cải thiện các hoạt động, tổ chức cứu trợ sinh viên đã cố gắng tổ chức sau một năm hoạt động một cuộc họp mặt giữa các sinh viên được cứu trợ và sinh viên đã đóng góp vào công cuộc ấy. Cuộc họp ở Parad (Hung gia lợi) được tổ chức vào tháng 7 năm 1923 đã mở xé những trở ngại chính của tình kết thân bạn hữu quốc tế.

Màu sắc quốc gia, ảnh hưởng chính trị đã thực sự là những vấn đề bàn cãi sôi nổi đi đến kết luận là phi quốc gia và phi chính trị trong mọi sinh hoạt của tổ chức — Qua đến năm sau, đại biểu của 30 nước lại kéo nhau đến lâu đài Elman trong dãy núi Alpes để họp bàn lần thứ 3. Trọng tâm của lần gặp gỡ này là cố tìm mọi cách để phát huy tinh thần tương trợ đại học sau khi việc cứu trợ đã khá đầy đủ. Cũng trong tinh thần ấy, trong lần hội nghị thứ tư ở miền Bas—Mornex (Pháp) tổ chức ISR được đổi tên là *ISS* (*International Student Service*). Với sự thành hình mới này, ngoài các công cuộc cứu trợ và tương trợ, các hoạt động văn hóa được đặc biệt chú ý — Những cuộc hội thảo về các vấn đề xã hội liên tiếp

mở ra cho sinh viên và các giáo sư đại học. Các đề tài hấp dẫn như « Mối tương quan giữa Đông và Tây » (Nam Tư 1926), « Những cơ quan chăm sóc sức khỏe của sinh viên và vấn đề bảo hiểm bệnh tật » (Thụy Sĩ, 1932), « Những vấn đề đặt ra bởi nạn thất nghiệp cho một thành phố được ký nghệ hóa » (Pays de Galle 1935) và « Nền giáo dục ở Ấn Độ và Nam Dương » (Hòa lan 1938) v.v... cũng trong thời gian này ISS cho xuất bản một tạp chí lấy tên là « *Vox studentium* » để làm nơi trao đổi kinh nghiệm, ý tưởng giữa các sinh viên và giáo sư đại học. Nhưng năm 1929, mọi hoạt động văn hóa bị tạm ngưng trước viên ảnh một sự tái phát tình trạng kinh tế lụn bại sau chiến tranh. Tất cả ngân quỹ của tổ chức lại được dành vào công cuộc cứu trợ. Sinh viên Bảo gia lợi vì điều kiện nhà ở và thực phẩm đã mắc bệnh lao phổi trên 50%, số tiền 26.000 mỹ kim đã tức tốc gởi đến phân bố địa phương để đóng góp và sự cứu trợ — Xứ Galle, Ấn độ, Trung hoa, Nam Phi cũng nhận được các ngân khoản giúp đỡ. Tầm hoạt động của ISS đã bắt đầu vượt ra ngoài Âu châu. Sự kiện đáng ghi nhớ trong suốt thời gian 13 năm hoạt động của ISS từ 1926-1939 là sự đổ xô đến tranh chấp thủ tiêu giữa hội với chính quyền Đức Quốc xã, trong khi đó sinh viên Đức là những người cần được cứu trợ về mọi mặt hơn hết thấy — Có lẽ vì tự ái quốc gia, chính quyền Nazie đã đuổi và đóng cửa tất cả các phân bộ ISS tại nước đó, nhưng ISS chỉ thực sự gián đoạn công việc khi một nhân viên bị đe dọa ám sát. Thêm một lần nữa, ISS đứng trước những vấn đề khó khăn do ảnh hưởng chính trị gây ra — ISS khẩn gởi lời khỏi nước của Hitler đúng lúc tình hình thế giới lên cơn sốt tốt độ, hiểm họa một cuộc thế giới đang chiến lần thứ hai ngày càng sờ ra trước mắt. Chiến tranh vốn đeo đuổi mãi tới chức tương trợ quốc tế đại học thế danh này — Đây cũng là dịp để nhưng kẻ hậu thế như chúng ta thấy sự đa dạng hoạt động của tổ chức tương trợ đại học.

Đệ nhị thế chiến bùng nổ trong dự đoán của mọi người. Cảnh cơ hàn và đồ nát không thể lường trước được — Sinh hoạt đại học hoàn toàn bị đảo lộn, sinh viên giáo sư bị tòng quân, vô số trong bọn họ bị chết hoặc bị bắt cầm tù, hơn thế nữa ở nhiều nước, cơ sở đại học bị san phẳng thành bình địa sau những cuộc dội bom kinh khủng — Trước hiện tình như thế, vào năm 1940, các tổ chức *Tương trợ* (*l'Entraide*), *Pax Romana* và *Hiệp hội các đoàn sinh viên công giáo* (FUACE) hợp nhất nhau lại và cho ra đời một cơ cấu mang tên *FESE* (*Fonds européen de secours aux étudiants*) Về sau, FESE bành trướng hoạt động sang Viên đông và đổi tên là *FMSF* (*Fonds mondial de secours aux étudiants*), tổ chức mới này hoạt động rất tích cực trong suốt thời gian của trận đại chiến thứ nhì và sau đó cho mãi tới năm 1950, năm đánh dấu sự thành lập *Tổ chức tương trợ quốc tế đại học* (*WUS* hay *EUM*) hiện diện và hoạt động mãi đến ngày hôm nay.

Trong 6 năm sinh hoạt, FMSE đã đề nghị cho người đời sau những công việc đã làm thật hoàn hảo và đầy sáng kiến.

Công việc đầu tiên quả xứng đáng mang tên cứu trợ đại học—là tổ chức các đại học (không phải chỉ có vài ba chứng chỉ) trong các trại giam, các trại tập trung của hai phe thù nghịch với bằng chứng cụ thể là hơn 6.000 người bị giam giữ gồm đủ quốc tịch đã trải qua các kỳ thi được tổ chức chu đáo trong đại học tọa lạc ở những nơi người ta cầm tù sinh viên, giáo sư (Universités de captivité). Ngoài ra công cuộc cứu trợ những người tị nạn hoặc bị mắc kẹt ở những nơi chiến cuộc xảy ra dù dãi cũng đã được FMSE tận tình chú ý — Những sinh viên này — con số lên đến 600 được FMSE bảo trợ việc học tại Thụy Sĩ và về sau đã có 105 người tốt nghiệp các văn bằng Bác sĩ, Kỹ sư, Luật sư, thương mại v.v...

Phân bộ FMSE ở Anh đã đóng góp tích cực trong công cuộc này, họ đã tài trợ cho 137 sinh viên tị nạn được đeo đuổi việc học và giúp đỡ hơn 500 sinh viên khác.

Nạn đói và chiến tranh từ xưa vẫn được người ta tưởng tượng như cái hình và chiếc bóng, nơi nào có cảnh tượng chiến tranh nơi đó có bóng dáng của nạn đói — Điều đó quả không sai—Năm 1942, nạn đói hoành hành xứ Hy Lạp của thần thoại ngàn xưa, những tiếng kêu cứu cấp thiết được gởi đi. FMSE với sự hợp tác của Hồng Thập Tự Quốc tế gởi ngay thực phẩm để cứu trợ cứ 3 tháng một lần và nhờ đó đại học ở An Thành thoát khỏi được sự sụp đổ — Tại Bỉ, sinh viên chỉ ăn uống được 1400 calories mỗi ngày và cũng đã được FMSE giúp đỡ thêm — Vấn đề sau chót của FMSE trong những năm hiện diện của mình, là việc cứu trợ các sinh viên đã ra khỏi các trại tập trung hoặc bằng cách này hay cách khác, nhiều nhất là ở Viễn Đông — Đó là những hoạt động của tổ chức thân thân của Tương trợ Quốc tế Đại học trong thời gian chiến đệ II. Công việc sẽ không chấm dứt cùng một lúc với chiến cuộc mà trải lại sau chiến tranh biết bao nhiêu vấn đề được đặt ra với FMSE. Ấy là công cuộc tái thiết Âu Châu sau chiến tranh. Miền Normandie ở bắc nước Pháp là nơi mà FMSE đỡ đỡ sự cứu trợ. Trung tâm bài lao sinh viên lại được thiết lập ở Leysin Thụy Sĩ để tiếp đón những người không may mắc chứng bệnh hiểm nghèo đó. Trong thời gian nay, FMSE đã được Tổng hội sinh viên Hoa kỳ triệt để cộng tác.

Cái tên WUS ra đời cùng một lúc các đại học Phi Châu biết tới tổ chức này — Với một thành tích thật vĩ đại trong suốt 30 năm hoạt động ở Âu Châu WUS xuất hiện trên lục địa xa xôi và nghèo khó này như một hào quang của niềm tin và thân hữu. Để làm quen với quần chúng sinh viên gia màu) WUS đã liên tiếp tổ chức các cuộc hội thảo trong đó đáng kể nhất

là cuộc gặp gỡ của đại biểu của 50 quốc gia Phi Châu tại Ghana vào tháng 12 năm 1955 với đề tài « Vai trò của WUS tại Phi Châu » Phân bộ WUS tại Ghana vẫn là phần tử tích cực nhất cho việc du nhập tổ chức này vào lục địa thứ 6 của loài người—Những công cuộc đã thực hiện được gồm việc cấp học bổng y khoa cho sinh viên bản xứ, gởi sinh viên theo học ở Đại học Đường CAP, thành lập cơ cấu SACHED (Comité Sud — Africain pour l'éducation supérieure) theo lối học hàn thụ, cấp học bổng du học cho sinh viên Nigéria v.v... Những phân bộ địa phương mới thiết lập trong năm 1965 là ở Côte d'Ivoire, Cameroun, Burundi, Malawai. Quả thật là một sự phục vụ hàng say liên tục.

Như nước chảy chỗ trũng, nơi nào con người đại học cần thêm phương tiện Wus lại hiện đến — Tuy đã có sự muộn màng vì mãi tới năm 1960, quần chúng sinh viên Châu Mỹ La Tinh mới thật sự biết tới Wus. nhưng yếu tố tích cực mới đáng kể. Sức thu hút của Wus cũng gần giống như trận động đất lịch sử ở Chí Lợi vào năm 1960 và sự khuấy gọi sự chú ý. Các đại học đường Concepción và Valdivia là mảnh chiến trường của Wus — 10.500 mỹ kim đã được gởi ngay cho các thị trấn trên — Sang đầu năm 1962, Tổng thư ký Hans Dall đã thăm viếng thiện chí Chí Lợi, Colombie, Costa Rica, Mexique, Nicaragua và Pérou trong chiều hướng thắt chặt các giây liên lạc giữa văn phòng trung ương với các phân bộ địa phương—Châu Mỹ La Tinh vẫn là cái đất quyn rũ lạ thường vì thế năm sau 1963 và vừa mới đây tháng 5/65, Tổng thư ký Dall còn đặt chân thêm hai lần nữa ở lục địa nóng bỏng này — Phân bộ Wus Chí Lợi đã tổ chức được trung tâm mua bán thân hữu ở Santiago, một quán cơm sinh viên ở Valparaiso (kính phí 2510 mỹ kim), một bệnh viện dành cho sinh viên cũng ở Santiago—Ngoài ra một kính phí 52.300 mỹ kim được dành cho trung tâm sinh viên của đại học Saint Christoph de Huamanga ở Pérou — Năm 1963, Wus lại trang bị dụng cụ cho phòng thí nghiệm của đại học Nicaragua cho trung tâm phòng ngừa y khoa (6.630 mỹ kim) — Dự án cho tương lai 1966 sẽ có nhiều nước như Chí Lợi, Guatemala, Nicaragua, Paraguay và Pérou được hưởng trợ cấp.

Bắc Mỹ, Úc châu và «Ấu châu ngày nay» (để phân biệt với Ấu châu của giai đoạn đầu) vẫn được chú trọng tới, tuy mức độ tương trợ không cần thiết bằng các nơi khác.

TỔ CHỨC WUS VÀ Á CHÂU

Á châu hiện nay là một lục địa có sức lôi cuốn kỳ diệu — Chiến tranh ở Á châu, các phong trào tranh đấu của sinh viên đều làm thế giới phải chú ý tới.

Kỳ thật vào năm 1946—47, Wus đã có những liên lạc đầu tiên với các đại học đường ở Á châu.

công việc này do Bác sĩ Malcom Si Adiseshiah, hiện thời làm phụ tá tổng giám đốc UNESCO đóng vai mai mối tìm nòng dâu — Những phân bộ địa phương lần hồi được thành lập ở Ấn độ (1947) Miến điện (1951) Nam dương (1954) và Hồi quốc (1955). Trọng tâm của chương trình Wus tại Á châu là vấn đề sức khỏe của sinh viên. Wus đã đứng ra tổ chức các cuộc hội nghị về vấn đề trên vào năm 1951, 1962 (Tích lan) giữa các chuyên viên về y khoa và dinh dưỡng. Trung tâm dưỡng lao cho sinh viên đầu tiên ở Á Châu được xây ở Mudras (Ấn độ), cái thứ hai ở Assam (cũng Ấn độ), cái thứ ba ở Tambaram và trong dự định sẽ có cái thứ 4 ở Vishakapatnam. Tại Nhật bản thì đã có 3 bệnh viện bài lao dành cho sinh viên ở Inada Nobrito, và ở Higashi Murayama — Đề công cuộc có thể đạt tới mức tối đa, Wus đã hợp tác với tổ chức Oms trong vấn đề này. Sự kết hợp hoạt động của hai tổ chức trên đã đem lại những kết quả mỹ mãn tại Thái Lan — Đại học Chulalongkorn là thí điểm được lựa chọn. Chương trình chụp phổi trở thành bắt buộc cho bất cứ ai bước chân vào đại học. Muốn đạt được như vậy, phân bộ Wus Thái Lan đã chi phí, số tiền lên đến 41.000 quan Pháp — Tuần lễ bài trừ lao phổi được tổ chức hằng năm trong các đại học đường Bangkok — Sau Thái lan, Hồi quốc Miến điện, Hương cảng cũng đã có những chương trình bảo vệ sức khỏe sinh viên vĩ đại hơn của nước thí điểm đầu tiên với sự giúp đỡ khá dồi dào của Wus — Nam dương là nước sau cùng ở Á Châu (tại sao Sinh viên Việt Nam đau phổi nhiều nhất, Wus Việt Nam lại không biết đến) bắt tay vào công cuộc Bài lao do Wus bảo trợ — Sức khỏe không thôi cũng chưa đủ, đời sống tinh thần của sinh viên cũng khá quan trọng và như một truyền thống, Wus lại đề ý xây dựng vấn đề trên — Cuộc hội nghị đầu tiên về đời sống tinh thần của sinh viên đã được mở ra vào năm 1962 ấn định việc thiết lập một trung tâm bồi dưỡng tinh thần dành cho sinh viên ở Nagoya (Nhật) và một trung tâm hướng nghiệp ở Manille — Kết thúc tường trình và Á châu mà không có một chi tiết nào và Việt Nam quả là một điều tủi hổ chòng viết, nhưng với tất cả ý thức trách nhiệm chúng tôi đặt vấn đề tiền với những ngày đã đại diện Wus VN trong vòng 6 năm trời.

Có thực sự là sinh viên VN có nếp sống cao nhất ở Á Châu không? Wus VN sáu năm qua đã tiêu xài cho ai? Về mục tiêu gì? Sở sách ra sao? Đó là tất cả những gì chúng tôi sẽ bàn tới ở mục kế tiếp —

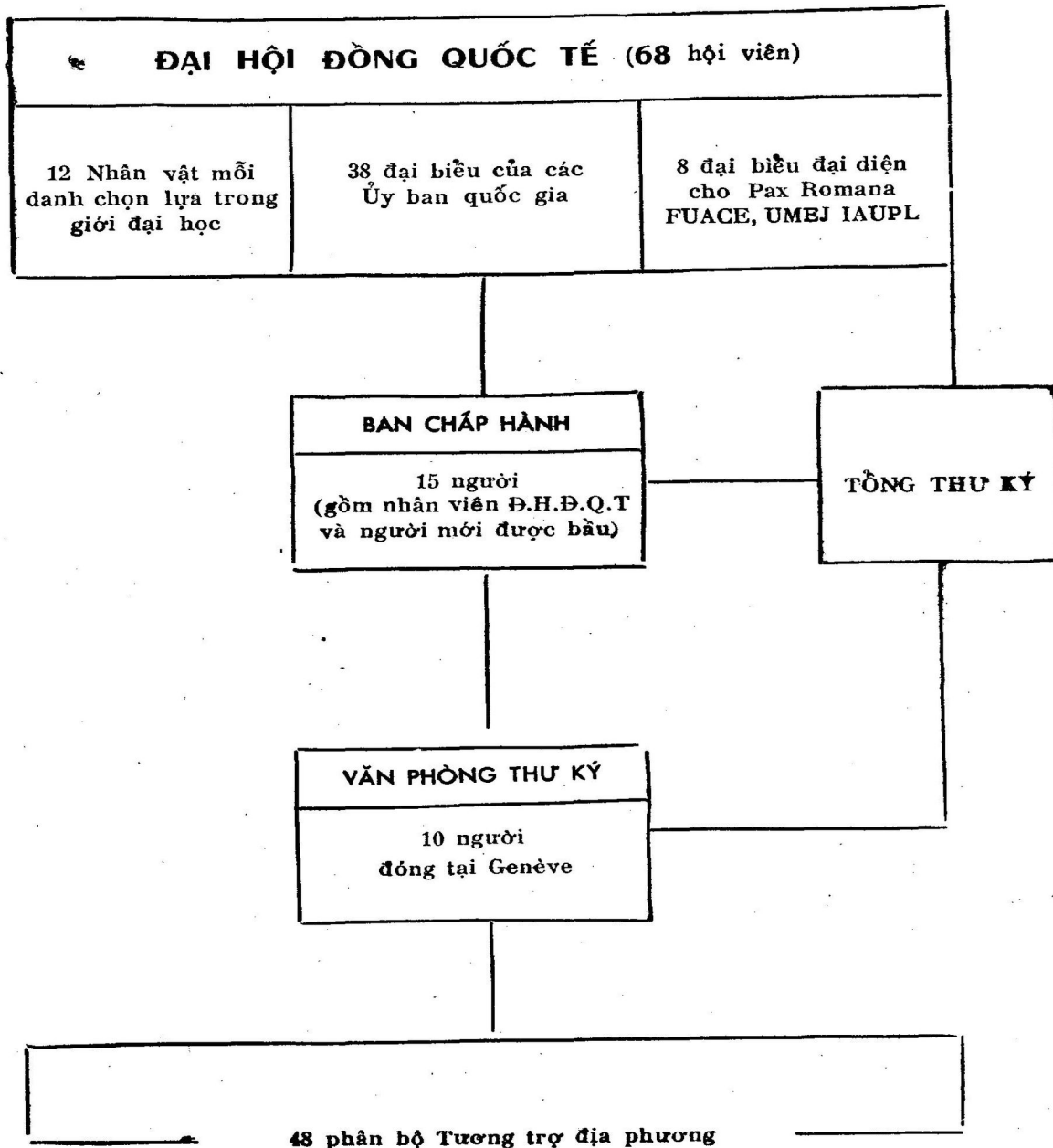
QUAY VỀ WUS VIỆT NAM

Cái ung nhọt Wus Việt Nam đã có từ nhiều năm nay nhưng người ta đã khéo dấu nó bằng một sự nin thính của tội lỗi tày trời. Thế nhưng vẫn không sao ngăn lại một sự vỡ tung bê bết máu mủ mà người chọc thủng chính là văn phòng Wus trung ương. Họ hành động theo lương tri của con người và theo truyền thống của tổ chức, tuy

thế người ta vẫn có lý do để trách cứ họ vì một sự chậm trễ đầy bí ẩn, nhưng nghĩ cho cùng, tất cả lỗi lầm đều về phần chúng ta vì có ai thương xót xứ sở Việt Nam hiện nay phải là điều bằng khuân của mọi người sinh viên chúng ta. Không một mặc cảm, không một sự trốn tránh trách nhiệm nào được chấp nhận cả. Tuổi trẻ và tinh thần Đại học sẵn sàng quên đi một quá khứ như nhóp để gọi mình tắm rửa cho một tương lai quang minh. Mọi hành vi chuyển mình giả tạo trong ý tưởng vấy máu ăn phần đều là vô ích, chỉ có giá trị của lương tri mới đáng kể lúc này — Bằng ý thức trách nhiệm của những người cầm bút sinh viên, chúng tôi kêu gọi những phau tử đã ngụp lặn trong sai lầm, trong tính toán, trong đầu óc kéo bè lập cánh hãy tự hủy hoại lấy mình vì tổ chức Wus — tức cái nghĩa của nó — không phải là nơi dung dưỡng cho bất cứ một cá nhân nào mang danh nghĩa phục vụ đại học lại làm ô danh cho truyền thống cao cả của đại học. Đã không chấp nhận từng ấy khuôn mặt đen đúa và bản thủ đó, thì dù có đòi tên lại là văn phòng làm thời, hay có bày trò xào nấu thập cẩm lẫn lộn soạn thảo nội qui này nọ thì cũng chỉ là những hành vi cuối cùng của bọn người bạc nhược, quyết bám lấy một cái mỏ vàng đã chi tiền trong sáu năm hoang phí — Như thế các điều kiện tiền quyết cho việc làm hội sinh wus Việt Nam phải là thanh toán một quá khứ tai tiếng loại bỏ các phần tử bất lực đã lũng đoạn Wus trong quá khứ và đang âm mưu chiếm đoạt lại chức vụ đã bị văn phòng Wus trung ương bãi nhiệm — Chừng nào những điều kiện đó được đáp ứng, người ta mới mong thấy một kỷ nguyên về tương trợ Quốc tế Đại học được nảy nở tích cực tại mảnh đất xót xa nhất này.

Chúng tôi xin nhắc lại ở đây một lần cuối mọi sự ngoan cố chống đối sẽ được đáp lại bằng những hành động cương quyết và kịp thời, một lối thoát trong danh dự giữa những người đại học lúc ấy sẽ không được đặt ra. Xin lương tri hãy lên tiếng trong tâm hồn văn đục của những ai không ít thì nhiều liên quan tới tổ chức tương trợ Quốc tế Đại học, cục bộ Việt Nam.

Đây là sơ đồ của Wus 1965. Có nhiều điểm cần được chú thích thêm, nhưng chưa thể tìm thấy được. Sẽ trình bày trong bài nói về hiến chương Wus



Đại Học Đông Kinh

★ TRẦN ĐÌNH TƯỜNG

L.T.S. — Trong số báo trước, Tình Thương đã cho đăng tải một loạt bài về « Sinh viên và Đại Học Nhật bản » — do chính các cây bút trong Hội Sinh Viên Việt Nam tại Nhật dịch và giới thiệu. Để tiếp tục tìm hiểu vấn đề này, Tình Thương lại cho đăng tiếp : hai bài :

— ĐẠI HỌC ĐÔNG KINH : Giới thiệu một tổ chức Đại Học kiểu mẫu của Nhật Bản.

— SINH VIÊN NGOẠI QUỐC TẠI ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ ĐÔNG KINH : Nói về những bước đầu của một sinh viên ngoại quốc trong việc học tiếng Nhật cũng như những môn căn bản khác trước khi tiếp tục các ngành chuyên môn.

Lấy đối tượng là các bạn Sinh viên tại Việt Nam muốn được biết một cách chính xác về « Quá trình tiến bộ của Đại Học Nhật Bản », chúng tôi mong loạt bài này sẽ giúp ích các bạn đó một phần nào và Tòa Soạn Tình Thương hân hoan chào đón sự góp tiếng nói của các cây bút trong Hội Bảo cũng các bạn Sinh viên Việt Nam đang du học tại Nhật.

TÌNH THƯƠNG

Một buổi chiều cuối Đông năm 1938, trên con đường nhỏ, vàng sẫm, ngoằn ngoèo giữa cánh đồng cổ bát ngát ở ngoại ô thị trấn Cưng Sơn, miền Nam đảo Bản Châu, một thanh niên dong dỏng cao, khắc khổ trong bộ đồng phục đen, lăm lăm lao người về phía trước. Bầu trời thấy, đầy mây sấm, Gió thổi mạnh, giá như mang đầy sương tuyết từ biển Nhật Bản. Tới một ngã quặt, một người đàn bà gương mặt không còn thấy một nét tươi sáng nào của tuổi trẻ, xốc xếch trong bộ quần áo xanh lam, và loang lổ, lưng còng dưới sức nặng của một gói vải nâu lớn. Trong một giây, chàng trai và người đàn bà đã có tuổi xô mạnh vào nhau. Người đàn bà ngã chúi xuống đám cỏ vàng ủa. Gói vải trên lưng bà cụ lún lóc trên nền đất sẫm. Thanh niên dừng lại. Trên gương mặt lạnh lùng đến tàn nhẫn, không một thớ thịt rung động. Bà cụ phũ ảo, lồm cồm đứng dậy, mắt ngược lên nhìn chàng thanh niên đang đứng như pho tượng trước mặt mắt bà cụ đột nhiên dừng ở cổ áo của thanh niên, rồi, như một cái máy, bà cụ cúi rạp mình, trong dáng điệu của một tín đồ trước tượng giáo chủ. Thanh niên lẳng lẳng tiếp tục bước. Đằng sau, bà cụ run rẩy :

« Đông kinh Đế quốc Đại học ».

Câu chuyện xảy ra cách đây gần ba mươi năm, ngày mà bóng cờ mặt trời còn phấp phới từ biên Mãn Châu — Tây Bả Lợi Á bằng giá, cho tới những hòn đảo nhỏ đầy nắng xích đạo trong biển Thái

Bình. Hai tháng sau về thăm nhà lần cuối ở Cưng Sơn, thanh niên đã bỏ mình trong một trận phục kích của quân đội kháng chiến 'Trường Giới Thạch ở Hoà Bắc, bà cụ cũng đã qua đời trong một căn nhà tui tàn ở bến tàu Thần Hộ sau những năm hậu chiến đói khổ, bệnh hoạn, và « Đông Kinh Đế Quốc Học » đã trở lại tên ban đầu

Sinh Viên không còn được tôn sùng đến độ như thần thánh nhưng từ năm 1871, năm trường thành lập, « Cánh cửa đỏ » cửa vào trường Đại Học Đông Kinh — hay Todai — vẫn tượng trưng cho nơi « đào tạo những chính khách lỗi lạc, những tư tưởng gia tiên phong, những nhà khoa học xuất chúng, và chuyên viên ngoại hạng », như lời người Nhật vẫn nói, và ngọn tháp đồng hồ của giảng đường Yasuda — đại giảng đường của trường — vẫn thường hiện ra trong giấc mơ của những học sinh xuất sắc của các trường trung học suốt từ Hokkaido đến Kyushu.

Hàng năm, vào một ngày cuối tháng hai, trên những chuyến xe điện đưa tới Komaba và Hongo, người ta thấy nhiều bà mẹ, trẻ trung trong bộ kimono thâm màu, vẻ mặt lo lắng. Bên cạnh là một cậu bé, nghiêm nghị trong bộ đồng phục đen, lông lánh khuy vàng của học sinh trung học, hay một cô gái, tề chỉnh trong bộ quần áo lam đậm tóc như búp bê, cặp da thật lớn trong tay. Bà mẹ thỉnh thoảng quay sang nói nhỏ với cậu hay cô bé. Họ không cười nhiều. Lối phát âm nặng cho người nghe

biết ngay là họ từ Fukushima ở miền Nam hay Sen dai từ miền Bắc nước Nhật và những cậu, cô bé là những người sắp dự kỳ thi nhập học của Đông Kinh Đại Học.

Kỳ thi nhập học gồm hai đợt. Đợt thứ nhất, thi trong một ngày, gồm những bài toán, Anh Văn và Quốc ngữ kỳ này dễ. Khoảng 80 phần trăm thí sinh vượt khỏi lần tuyển này. Mục đích: loại bớt những người thi... chơi. Sau đó ba ngày, những thí sinh đã qua đợt một lại lần chững một lần nữa, lần quyết định. Lần này khó hơn nhiều. Môn thi cũng hơi khác, tùy ngành thí sinh sẽ theo nếu đỗ — sau này. Người ta không chia thành nhiều ban nhỏ, nhưng thành những «loại» lớn:

— văn khoa, loại I: gồm những người sẽ theo học luật, chính trị.

— văn khoa, loại II gồm những người học kinh tế.

— văn khoa, loại III gồm những người học giáo dục, văn học, ngoại ngữ, và triết học, sử địa..

— lý khoa, loại I cho những người sẽ theo khoa học thuần túy hay ứng dụng, trừ những ngành liên quan tới sinh vật học.

— lý khoa, loại II cho những người sẽ theo những ngành liên quan tới sinh viên học.

— lý khoa, loại III cho những người sẽ trở thành thầy thuốc.

— vệ sinh, điều dưỡng, dành riêng cho nữ sinh

Bài thi của những «loại» kể trên hơi khác nhau nhưng vì bậc trung học, trừ một vài trường hợp, học sinh thường theo những chương trình giống nhau nên không có sự cách biệt lớn giữa các ban như ở Việt Nam. Tất cả đều là những bài thi viết, những môn quan trọng là Toán, ngoại ngữ, và quốc văn (đối với tất cả mọi «loại»). Vì vậy, bạn đừng ngạc nhiên khi quen một cô con gái luôn miệng thổ thở đòi học văn chương Đức mà giải những bài toán vi tích phân trong một vài phút đồng hồ, hoặc một anh chàng trường thợ máy mà thuộc lòng những bài Đường thi của Mạnh Hạo Nhiên.

Sau khi thi xong đợt hai chừng mười ngày, kết quả sẽ được yết trên những tấm bảng lớn dựng ở trường (khu Komaba) và được công bố trên các đài phát thanh toàn quốc. Tên trường trung học và quê quán của thí sinh trúng tuyển cũng được nêu lên và hẳn là một vinh dự lớn cho trường, và cho những người đồng hương. Số thí sinh được lấy vào hàng năm có tăng đôi chút trong những năm gần đây. Con số trung bình vào khoảng 2500. Số người dự vào khoảng trên dưới một vạn. Tỷ số cạnh tranh, 4 đến 4.5, không cao lắm, nhưng ai cũng

hiều rằng «chỉ có những người» như thế nào «mới dự thi vào Teda».

Trường gửi giấy báo tin trúng tuyển cho thí sinh, và cho biết ngày lễ nhập học. Lễ cử hành trong giảng đường Yasuda, nơi chỉ mở cửa một năm hai ba lần, vào những dịp đặc biệt. Những cậu, cô bé từ khắp các nơi trên đất Nhật sẽ được nghe «cụ» viện trưởng, già lụ khụ, đọc diễn văn nhắc lại truyền thống của trường và nhiệm vụ của sinh viên Todai đối với xã hội hiện đại. Cậu bé, cô bé ấy sẽ cảm thấy vừa sung sướng, vừa lo âu. Sung sướng là vì biết mình đã là sinh viên của trường đào tạo những nhà tiên phong cho Nhật Bản trong mọi địa hạt và lo âu khi nghĩ tới khoảng cách giữa mô kiến thức bé nhỏ của mình và trí thức rộng lớn của người đi trước nổi tiếng.

Mấy ngày sau, sinh viên làm thủ tục, và thực sự bắt đầu sinh hoạt của Todaisei.

Trong hai năm đầu, sinh viên học ở Komaba. Những cơ kiến trúc ở Komaba hiện giờ một phần mới thành lập, một phần là những tòa nhà của Daiichi Kotogakko, «Trường Trung học đệ nhị cấp thứ nhất», còn sót lại từ thời tiền chiến. Người ta còn thấy pho tượng bán thân của một người Đức trước là giáo sư của trường trên, trong khu đất bên cạnh thư viện. Ngay khi bước vào trường, mắt du khách sẽ ngược lên ngọn tháp đồng hồ, ngọn tháp vẫn được in hình trên bia những tạp chí loại «duyên thi». Những lớp học, giảng đường mới được xây cất rất khoa học. Tuy nhiên, việc giáo sư kéo mãi mà tấm bảng đen không hạ xuống, hay việc máy vi âm vô cớ thét lên như còi tàu thủy là chuyện xảy ra hàng ngày. Những dãy nhà cũ làm bằng gỗ, tối tăm, đầy mùi rêu ẩm. Cảnh tượng thật thảm thương khi một sinh viên tập đánh kiếm về, lê đôi guốc gỗ ẩm ỹ trên nền nhà. Trong khu này, có những dãy nhà dùng làm cư xá cho học sinh. Đặc điểm: bản không thể tưởng tượng được. Tuy vậy, hàng năm, số người xin vào bao giờ cũng vượt quá số hạn định. Về khu Komaba, người viết thấy cái đáng ghi nhất là hàng cây icho. Loại cây này mọc hai bên con đường thành hai phần. Một vị viện trưởng của trường, từ tước Hamano Hirata, đã sai trồng cây này trong trường (cả ở Komaba lẫn Hongo), và ngày nay, huy hiệu trường mang hình

Đã phát hành:

NGỒI LẠI BỆN CẦU

Tập truyện TRẦN PHONG GIAO

GIAO ĐIỂM

xuất bản

là icho Quang cảnh trường giờ nghỉ trưa, với những màu áo xanh đỏ của nữ sinh, điểm giữa đám nam sinh mặc đồng phục đen chuyên động linh hoạt dưới vòm lá icho là bức ảnh đầy màu sắc Komaba.

Trước hết, sinh viên phải theo một chương trình giáo dục tổng quát, lâu một năm rưỡi (ba học kỳ). Chương trình giáo dục tổng quát là một đặc điểm của chế độ giáo dục cao đẳng Nhật sau chiến tranh. Chương trình có mục đích đào tạo cho sinh viên một thức «căn bản và chuyên môn», theo lời giải thích của những nhà giáo dục Nhật.

Một cách đại cương, sinh viên các ngành văn khoa phải học nhiều về các môn nhân văn, và đối với những người thuộc lý khoa, khoa học tự nhiên, và đặc biệt là toán giữ địa vị quan trọng nhất trong chương trình. Ngoại ngữ hẳn còn chiếm một số thì giờ đáng kể. Một điểm đáng chú ý là sinh viên bắt buộc phải theo những giờ thể dục vừa lý thuyết, vừa thực hành, trong suốt thời gian này. Sinh viên ở Komaba thường gọi năm đầu là «trung học đệ nhị cấp năm... 4» (vì phải học nhiều môn quá, tương tự như ở trung học, chứ không phải vì trình độ thấp). Khoảng một năm trở lại đây, vấn đề «nên hay không nên rút ngắn chương trình giáo dục tổng quát đã được đem ra bàn cãi sôi nổi trên mặt tờ báo của trường tờ «Tokyo daigaku shimbun».

Cuối học kỳ thứ ba (giữa năm hai), sinh viên lại phải làm đơn xin theo những ngành rõ ràng hơn và dựa vào kết quả những kỳ thi trong ba học kỳ đầu, nhà trường sẽ quyết định ngành học của sinh viên. Sinh viên được quyền chọn một trong số ngành đã định, tùy theo «loại» đã lựa khi nộp đơn thi nhập học. Trường hợp sinh viên xin học cơ khí và được xếp vào ban đóng tàu — cả hai, đều thuộc lý khoa loại I) là chuyện có thể xảy ra.

Từ học kỳ thứ tư (nửa sau của năm hai), sinh viên chính thức thuộc các ban với tên tuổi rõ rệt hơn, thí dụ : hóa học ứng dụng, lịch sử, hàng không và bắt đầu học những môn có tính cách chuyên môn hơn. Từ năm thứ ba, trừ một vài ngành như về sinh điều dưỡng, sinh viên sẽ theo hầu hết những giờ giảng ở một khu khác, khu Hongo, và đây mới là khu chính của Todai.

Trong năm cuối của trận thế chiến thứ hai, gần như toàn thể thành phố Tokyo đã biến thành cánh đồng gạch vụn dưới những trận oanh tạc không kể ngày đêm của những pháo đài bay B-52 xuất phát từ những hàng không mẫu hạm của Hải Quân Mỹ ở Thái Bình Dương, nhưng những dãy nhà của Đại Học Đông Kinh vẫn còn nguyên vẹn. Lý do : phi công Mỹ đã được lệnh không được xâm phạm đến trung tâm học thuật của Nhật Bản. Những tòa nhà hiện giờ phần lớn được xây cất sau khi trường bị động đất năm 1923 phá hủy.

Khi mới «lên» Hongo, thế nào sinh viên cũng tìm chuyện viết về cho bạn bè. Những tấm sinh viên mua trong hiệu sách của trường thường mang ảnh một trong những nơi sau đây :

— «Akamon» — «Cánh cửa đỏ» —

« Ông ấy ở Akamon ra đấy » — thành ngữ có ghi trong những quyển tự điển Nhật — có nghĩa là «Ông ấy tốt nghiệp đại học Đông kinh». Akamon là cửa vào cửa trường. Trước cửa có một tấm bảng giải thích rằng cửa có từ năm 1827, và được làm nhân dịp con gái của một vị shogun-tướng quân về nhà chồng. Vào ngày lễ tốt nghiệp, khách qua đường thế nào cũng để ý đến cảnh những cô con gái, mặc kimono sắc sỡ, tay cầm mảnh bằng cuộn tròn, đứng ngạo đầu làm duyên dưới akamon, trước ống kính máy ảnh.

— « Itokuen » — « Vườn đức đức ».

Giữa vườn là cái hồ hình chữ tâm. Trong một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Natsume Soseki, có đoạn trong đó nhân vật chính, Sanshiro, ngồi bờ bên này, thoáng thấy bóng một thiếu nữ về sau người đọc được biết tên là Miniko — thướt tha bên bờ hồ, nên hồ còn có tên là... Sanshiro (chứ không phải là hồ... Mineko) Đúng là... Nhật !) Tùy lúc hồ có thể thật trong thật sạch in hình tháp đồng hồ, và những tòa nhà ở gần đó, một cách nên thơ, và là một nơi thật đáng thu vào ống kính. Tuy nhiên cũng có những ngày hồ đục lờ lênh bênh rác rưởi. Khi đó phải gọi là « ao » Sanshiro, cho đúng ike, và với sự thực.

— « Kaitokukan » — « Quán Hoài Đức »

Một năm chỉ mở cửa một vài lần để tiếp khách quý, chẳng hạn người viết bài này.

— « Yasuda kodo » — «Đại giảng đường Yasuda»

Nơi làm lễ nhập học, tốt nghiệp, hay phát bằng danh dự cho những nhà lãnh đạo ngoại quốc. Giảng đường mang tên nhà mạnh thường quân đã bỏ tiền xây.

— « TogoToshokan » — thư viện trung ương.

Một tòa nhà bê tông, màu vàng sẫm, do tờ chú Rockfeller tặng trường ở đây có đủ tiện nghi (chỗ ngồi, máy photocopy...) cho những người nào thích đọc sách thuộc bất cứ loại gì. Trên tường của những phòng đọc sách người ta thấy ảnh của những người đã tặng sách (thường thường, người nào cũng cho hàng vạn quyển). Trước cửa thư viện có một ông Cụ giữ cửa sẵn sàng gây sự với những ai vào mà không trình thẻ sinh viên.

Những nơi vừa kể ở rải rác trên một khu đất rộng. Từ Akamon đến cửa Nông học bộ, xe điện (Toden) dừng bảy chỗ, và đường đủ dài để hai người vừa đi vừa bàn một vấn đề quan trọng tới kết luận.

Trên những bãi cỏ giữa những tòa nhà, người ta thấy nhiều bức tượng của những vị cựu viện trưởng giáo sư,... người Nhật hay ngoại quốc (phần lớn là người Đức) đã có công nhiều trong việc phát triển trường.

Những tòa nhà dùng làm giảng đường, phòng thí nghiệm cho sinh viên những học bộ sau đây :

— pháp học bộ.

gồm ba học khoa: tư pháp, công pháp và chính trị.

Sinh viên cả ba học khoa bắt buộc phải học luật hiến pháp. Sinh viên tư pháp còn phải theo các môn dân luật, luật thương mại, hình luật, luật lao động, pháp chế sử,... Sinh viên công pháp phải dự những giờ giảng về luật hành chính, luật quốc tế, và những người học khoa chính trị phải theo đủ chương trình sử chính trị, hành chính công cộng... Ngoài ra còn có một số môn nhiệm ý.

Hầu hết các nhà lãnh đạo guồng máy nhà nước của Nhật Bản đều xuất thân từ pháp học bộ của Todai. Câu « hần là sinh viên Hogaku-Todai (pháp học bộ đại học Đông Kinh) đây » thường được người Nhật-nhất là các bà mẹ có con gái nói với giọng đặc biệt. Đây là một đoạn trong câu chuyện giữa hai bà mà người viết tình cờ nghe được trong một chuyến xe điện đông người.

— Con bé Yoshinaga Sayri thông minh thật. Có lẽ không kém gì Takamine ngày xưa đâu.

— Ông cụ cô ta ở Hogakubu Todai ra đấy.

— A thế à ! Thảo nào.

— Kinh tế học bộ.

Trước kia là một ngành của pháp học bộ, sau tách thành một học bộ độc lập, và gồm hai học khoa : kinh tế và kinh doanh. Ngoài ra một viện nghiên cứu kinh tế Nhật cũng được thành lập trong khuôn khổ học bộ này.

Ngoài những giờ giảng, sinh viên phải theo những buổi hội thảo (seminar) có hướng dẫn hàng tuần.

Sau pháp học bộ, kinh tế học bộ của đại học Đông Kinh là nơi đào tạo khá nhiều chính khách, trong đó có đương kim thủ tướng Sato Eisaku

— Văn học bộ.

đổi thành hình thức hiện tại từ năm 1949, và gồm những học khoa :

— Nhân văn

— Sử ký

— Ngôn ngữ, văn học

— Tâm lý, xã hội

Nếu bạn bắt một người Nhật kể đến những nhà văn, những nhà bình luận nổi tiếng mà không xuất thân từ văn học bộ Đông Kinh, người ấy sẽ lúng túng không ít.

— Giáo dục học bộ,

trước kia thuộc văn học bộ. Sinh viên theo một trong những học khoa sau đây :

— Cơ sở của giáo dục

gồm hai ban:—Triết học giáo dục và giáo dục sử

— Giáo dục xã hội

— Giáo dục học đường.

— Hành chánh giáo dục và

— Thể dục.

Một trường Trung học đệ nhị cấp (kotogakko) một trường trung học đệ nhất cấp (chugakko), và, một lớp gồm 20 đôi trẻ em song sinh cũng được đặt vào phạm vi nghiên cứu của học bộ này.

— Công học bộ.

Hậu thân của trường kỹ thuật bộ công nghệ Nhật, và học bộ bách khoa của đại học Đông Kinh.

Ở tất cả những nhà máy lớn, những trung tâm nghiên cứu khoa học, kỹ thuật trên khắp nước Nhật, vai trò của cựu sinh viên công học bộ đại học Đông Kinh có tính cách quyết định.

— Kiểu lộ

— Kiến trúc

— Kiến thiết và thiết kế đô thị

— Cơ khí

— Cơ khí tạo tác.

— Cơ khí chính xác

— Đóng tàu

— Điện

— Điện tử

— Vật lý thực hành

— Toán thực hành

— Kỹ sư nguyên tử

— Khai thác khoáng sản

— Luyện kim

— Hóa học kỹ nghệ

— Hóa học tổng hợp

— Nhiên liệu

— Công nghệ hóa học.

Một viện nghiên cứu, sogo kenkyusho, cũng được xếp vào danh sách những cơ sở thuộc công học bộ.

— Lý học bộ.

Năm 1887, một sắc lệnh của Thiên Hoàng biến Đông Kinh đại học thành Đông Kinh đế quốc đại học. Ngay sau đó Lý học khoa được mở rộng và thành Lý học bộ. Những lý thuyết gia đầu não của Nhật về khoa học tự nhiên thường có trong tay Bằng rigakubu hakushi (lý học bác sĩ, học vị cao nhất của lý học bộ) của Todai.

Sau học bộ này gồm những học khoa và những viện nghiên cứu sau :

— Toán.

— Vật lý.

— Vật lý địa cầu.

— Hóa học.

— Sinh vật học và sinh hóa học.

— Động vật, thực vật và nhân loại học.
— Địa chất (gồm những ban địa chất, khoáng vật và địa lý).

- Nông học bộ :
Gồm những khoa.
- Nông sinh vật học.
- Nông hóa học.
- Lâm học.
- Lâm sản.
- Thủy sản.
- Kinh tế nông nghiệp.
- Kỹ sư canh nông.
- Thú y.
- Y học bộ gồm.
- Trường thuốc (đào tạo y sĩ).
- Trường vệ sinh và điều dưỡng.
- Viện nghiên cứu não.
- Viện y học điện tử.

Nhà thương thuộc y học bộ đại học Đông kinh là một nơi làm chết nhiều người nhất. Lý do : không phải học bộ là tổ yabuisha, lang băm, nhưng vì chỉ có những bệnh nhân « không chắc gì sống » sau khi đã chạy chữa ở khắp các nơi trên nước Nhật mới được đưa tới bệnh viện Todai.

— Dược học bộ :

Được những người du học ở Đức (khoảng 1887-1912) về tổ chức lại có hai học khoa :

— Dược học

— Dược hóa học

Cũng như ở các đại học trên thế giới, tỷ số nữ sinh ở dược học Đông Kinh rất cao.

Học xong chương trình một trong những học bộ, trên, sinh viên tốt nghiệp với bằng gakushi. Nếu cần những bằng cấp cao hơn để dễ hoạt động hay nếu thích học sâu thêm hay nếu thích cả hai, sinh viên có thể ghi tên vào các lớp shushi (thường thường hai năm), và sau đó lớp hakushi (ít nhất ba năm), hoặc xin nghiên cứu ở các viện nghiên cứu đặt dưới sự quản lý của trường (viện nghiên cứu văn hóa Đông Phương, xã hội học, báo chí, lịch sử, địa chấn, vi sinh vật học, vũ trụ tuyến, nhân nguyên tử, hải dương học, hàng không...). Người viết mong có dịp nói chuyện bằng cách này hay cách khác, về những bậc học cao nhất và về các cơ sở nghiên cứu của đại học Đông Kinh.

Về những « người », giáo sư, sinh viên Todai, có nhiều điều đáng ghi.

Trong số những vị giáo sư thực thụ, có một người được bầu làm viện trưởng. Chức vị « viện trưởng viện đại học Đông kinh » có một ý nghĩa lớn đối với dân Nhật. Bài diễn văn của viện trưởng đọc trong dịp lễ tốt nghiệp thường được báo chí đăng tải và giải thích tường tận. Chưa có giống họ nào sản xuất được hai vị viện trưởng cho đại học

Đông kinh kể từ ngày thành lập trường. « ba đời viện trưởng », sandai socho, là thành ngữ chỉ những gì không thể thực hiện được.

Ban giảng huấn cũng tổ chức với những quy luật chặt chẽ. Số giáo sư thực thụ được ấn định rõ rệt, vì vậy khi một vị giáo sư thực thụ quá vắng hay về hưu, người mừng nhất là ông giáo sư phụ tá.

Trừ vài trường hợp đặc biệt, giáo sư Todai đều là những người tốt nghiệp đại học Đông kinh.

Được nhận vào ban giảng huấn của đại học Đông Kinh là một vinh dự lớn, nhưng một khi gia nhập hàng ngũ giảng dạy rồi, các giáo sư thực thụ, giáo sư phụ tá, giảng sư, giảng nghiệm viên, ai cũng than. Than rằng không có... tiền. Tiền nghiên cứu và cả tiền lương.

Còn sinh viên ? Phải chia làm hai : Nam và nữ.

Về con trai, có hai điều phải ghi. Thứ nhất là học thật giỏi, và thứ hai là thường bị phái nữ hắt hủi. Không biết hai sự kiện này có những tương quan nhân quả như thế nào, nhưng cả hai đều là sự thực. Về học giỏi nên người viết mới giám phóng bút khen hết lời trong những đoạn trên, còn sự thực thứ hai thường được chính các đương sự nói ra miệng, hay viết trên mặt bàn học (« Aiko ơi, sao em « dạn » thế ?, hoặc « sao em « ác » thế hử Kimie ? ») hay bị phát giác trên mặt báo dưới tiêu đề « Tedai sei, metenai ? ».

Còn con Gái ? Ít khi nhận ra và phần lớn lẫn vào đám đàn ông.

Hỏi một cậu Todai « con gái Todai thế nào » lập tức cậu sẽ trả lời là « dạ không dám » — « enryo shite okimasu » —, và mấy cô Todai cũng bủi mủi « mấy ông Todai không thể thương được » — « miriyoku ga naiwa ».

Vì vậy một cậu Todai mê một cô Todai, và cô Todai không hề hững hờ nghĩa là hai người yêu nhau, thì quả là một chuyện lạ. Tuy nhiên người viết quả quyết rằng chuyện lạ ấy có, và nơi chứng kiến là quảng đường từ Akamon đến cửa Nông học bộ, và hồ Sanshiro, hình chữ tâm.

Đông Kinh đại học sắp được 100 tuổi. Vai trò của Todai đối sự tiến bộ của Nhật bản không hề giảm sút. Hàng năm một lớp người rời trường, nhường chỗ cho những người trẻ. Những người đi trước bảo lớp đi sau. Bảo rằng :

Dento no hata

Todai no hikari

Tatael tataen

Tatae, tataen

Hãy nên cao ngạo cơ truyền thống,

Hãy ca ngợi ánh sáng Todai.

TRẦN ĐÌNH TƯỜNG

(Hội Báo 6-7)

sinh viên ngoại quốc

tại Đông Kinh Ngoại ngữ

ĐẠI - HỌC

Vào năm 1954, một khóa học đặc biệt (1 năm) dành riêng cho Sinh viên ngoại quốc được mở tại Đông kinh Ngoại ngữ Đại học.

Khóa học chú trọng vào việc dạy tiếng Nhật cùng những môn học căn bản cho những sinh viên định học tiếp tục các ngành chuyên môn. Cho đến năm 1960, khóa này được thay bằng khóa học hiện tại : Phân khoa Trung gian dành cho Sinh viên ngoại quốc (Intermediate college for Foreign Students), Chương trình học là 3 năm.

1) MỤC ĐÍCH VÀ TỔ CHỨC

Phân khoa này được mở ra với mục đích đào tạo, trong 3 năm, những Sinh viên được học bằng do chính phủ Nhật cấp, từ các nước Đông Nam Á, Cận và Trung Đông, hiểu biết Nhật ngữ và Xã hội Nhật bản và những môn học trong chương trình giáo dục tổng quát, sinh ngữ, thể thao và thể dục.

Đôi khi đề phù hợp với chương trình Giáo dục năm thứ hai của các trường đại học và đề sau đó sinh viên có thể theo học tại bất cứ một trường đại

học quốc lập nào ở Nhật, một vài môn học đặc biệt sẽ được giảng dạy nếu xét thấy cần thiết.

Tuy nhiên, phân khoa này chỉ nhận những sinh viên chuyên học các ngành về khoa học nhân văn và xã hội.

Một số sinh viên tự túc sẽ được thu nhận qua một kỳ thi, khi số sinh viên dự định chưa đủ, và sinh viên cũng có thể theo học với tư cách dự thính trong một năm.

Số sinh viên hạn định cho mỗi lớp là 30 người như vậy tổng cộng cả phân khoa không bao giờ lên, 90 người.

2) CHƯƠNG TRÌNH HỌC.

a) Năm thứ nhất :

	Môn học	Giờ học 1 tuần
Nhật ngữ	: Nhật ngữ	: 28
Sinh hoạt Nhật bản	: Xã hội, Văn hóa N.B.	: 2
Sinh ngữ (I)	: Anh văn	: 4)

Số giờ học trong một tuần 30

(1) Giờ này dành cho Sinh viên chưa đủ khả năng Anh ngữ.

b) Năm thứ hai và năm thứ ba : điểm số (credits)

Nhật ngữ : Thính thị : 4
Đổi thoại : 4
Giảng văn : 4
Tập làm văn : 4
Sinh hoạt : Đại cương về Văn hóa N.B. : 4
Nhật bản : (năm thứ 2)
: Đại cương về Sử N.B. Cận đại : 4
(năm thứ 3)

Giáo dục tổng quát :

Khoa học : Văn học : 4 : 3 môn cho khoa học nhân văn.
nhân văn : Sử ký : 4 : 2 môn cho khoa học
: Triết học : 4 : xã hội
: Giáo dục : 4 :
Khoa học : Kinh tế học : 4 : 3 môn cho khoa học xã hội
xã hội : Luật học : 4 :
: Chính trị học : 4 : 2 môn cho khoa học nhân văn
: Xã hội học : 4 :

Khoa học : Tự nhiên kh. h. : 4 : chỉ phải chọn 1 môn
tự nhiên : Toán học : 4 :
: Nhân loại học : 4 :
: Tâm lý học : 4 :
Tổng số điểm số bắt buộc 24

Sinh ngữ :

Anh văn sơ đẳng : 4 : 1 sinh ngữ sơ và cao đẳng
Anh văn cao đẳng : 4 : 1 sinh ngữ sơ đẳng
Pháp văn sơ đẳng : 4 :
Pháp văn cao đẳng : 4 :
Đức ngữ sơ đẳng : 4 :
Đức ngữ cao đẳng : 4 :
Tổng số điểm số bắt buộc : 12

Thể thao và thể dục : 2 điểm số bắt buộc

c) Năm thứ Ba. —

Văn học sử N.B. : 4 : Môn học dành riêng cho những người ngoại quốc.

Triết học sử lược : 4 : Sinh viên chuyên về :

Ngữ học đại cương : 4 : Văn học và Triết học.

Thực tập : 4 :

Sử học đại cương : 4 : Môn học dành riêng cho những.

Thế giới sử đại cương : 4 : Sinh viên chuyên về :

Xã hội tâm lý học : 4 : Sử ký và Xã hội học.

Thực tập : 4 :

Kinh tế nguyên lý : 4 : Môn học dành riêng cho những.

Kinh tế sử : 4 : Sinh viên chuyên về :

Thương mại : 4 : Kinh tế học và Thương mại

Thống kê học : 4 :

Thực tập : 4 : Luật học và chính trị học.

Luật học khái luận : 4 : Môn học dành riêng cho những.

Bang giao quốc tế : 4 : Sinh viên chuyên về :

Thực tập : 4 :

Giáo dục sử : 4 : Môn học dành riêng cho những.

Phát triển tâm lý học : 4 : Sinh viên chuyên về :

Mỹ thuật sử lược : 4 : Giáo dục và Mỹ thuật.

Thực tập : 4 :

Tổng số điểm số bắt buộc : 12

3.— Bảng cấp và chứng chỉ

Sinh viên sau khi học đủ các môn học bắt buộc sẽ cấp văn bằng và chứng chỉ cho những sinh viên dự thính lớp Nhật ngữ, nếu thấy cần thiết.

Văn đề vào trường chuyên môn

Sinh viên đã học xong khóa này sẽ được nhận vào bất cứ một trường quốc lập nào ? Nhật đề chuyên học các môn về : Văn học, Luật học, Kinh tế học, Thương mại, Giáo dục hay nghệ thuật tùy theo họ chọn lựa.

Tuy nhiên, sinh viên chỉ có thể được thu nhận qua sự tham khảo ý kiến giữa ông Tổng trưởng bộ Giáo dục và ông Viện trưởng trường Đại học mà sinh viên dự định theo học, căn cứ vào phiếu điểm và sự chuyên cần của sinh viên trong khóa học.

Những sinh viên tự túc cũng được thu nhận theo thủ tục trên : tuy nhiên trên thực tế những sinh viên này thường gặp khó khăn hơn.

(HỘI BÁO 8)

tình thương — Số 25

TƯ TƯỚNG TIỀN PHONG CỦA **NHẬT BẢN CẬN ĐẠI**

IENAGA SABURO

LỜI NÓI ĐẦU : Trên đài phát thanh NHK trong chương trình Kioyo Daigaku Koza, Ông Ienaga Saburo, giáo sư trường Đông Kinh Giáo dục Đại học đã liên tiếp trình bày về đề tài : « **TƯ TƯỚNG GIA NHẬT BẢN CẬN ĐẠI** ». Những bài giảng này của giáo sư Ienaga đã được nhà xuất bản Yushido ghi chép lại và xuất bản.

Giáo sư Ienaga tốt nghiệp về Nhật bản sử tại trường Đông Kinh Đại học và đã đỗ bằng Thạc sĩ Văn học. Hiện giáo sư chuyên nghiên cứu về Nhật bản Tư tưởng sử.

Những biên tác chính của giáo sư là những cuốn : (Lịch sử và Giáo dục) (Nhật bản Cận đại Tư tưởng Sử Nghiên cứu), (Nhật bản Đạo đức Tư tưởng Sử). (Các nếp sống khác nhau của những nhà tư tưởng)...

Trong cuốn « **TƯ TƯỚNG GIA NHẬT BẢN CẬN ĐẠI** » mà chúng tôi định giới thiệu trên tờ Hội Báo này, tác giả đã đề cập đến những nhà tiên phong tư tưởng cận đại Nhật, những nhà tư tưởng đã xuất hiện trước thời Minh trị truyền bá những tư tưởng phong kiến đang được thịnh hành hồi đó, tác giả đã nêu lên ba nhà tư tưởng tiêu biểu cho nhóm này. Sau đó, tác giả mới đề cập đến những tư tưởng cận đại qua tám nhà tư tưởng đã đóng góp rất nhiều trong công cuộc canh tân nước Nhật bản.

Từ hôm nay, chúng tôi sẽ bắt đầu nói về đề tài « **Tư tưởng Gia Nhật bản Cận đại** ». Trước khi vào đề, ta phải định nghĩa thế nào là « **Nhật bản Cận đại** » ; muốn thế, trước hết cần phải hiểu « **Cận đại** » là gì. Sự thật, đây là vấn đề hết sức tế nhị, ngay cả giữa những nhà học giả vẫn có những điểm bất đồng. Nói theo trí thức thông thường, danh từ « **cận đại** » bao gồm quá trình cận đại hóa Nhật bản kể từ thời Minh trị, hay một cách cụ thể, là sự phát triển chủ nghĩa tư bản tại Nhật cùng với những cuộc vận động theo chiều hướng lịch sử xuất phát từ chủ nghĩa tư bản. Cuộc vận động ấy gọi chung là « **có tính cách cận đại** » và ở đây, ta hãy tìm hiểu về tư tưởng gia Nhật bản cận đại theo nghĩa những nhà tư tưởng đã cống hiến vào sự phát triển tư tưởng có tính cách cận đại.

Trọng tâm cuộc nói chuyện này là nói về những nhà tư tưởng từ thời Minh trị đã góp sức vào công cuộc phát triển có tính cách cận đại theo nghĩa vừa trình bày ; nhưng cuộc phát triển đó không phải khởi đầu từ Minh Trị Duy Tân mà ngay từ trong thời đại Giang Hộ (Edo 1603-1853), thời đại mà xã hội phong kiến đang được xem là hợp lý, đã có

những cuộc vận động chuẩn bị cho sự phát triển cận đại từ thời Minh Trị. Nói cách khác, ngay từ khi xã hội phong kiến còn đang thịnh hành trong thời Giang Hộ, ta có thể tìm thấy những mầm tư tưởng cận đại ra đời, những nhà tư tưởng tiên phong cho công cuộc phát triển của thời Minh Trị.

Do đó, đầu chủ đề của cuộc nói chuyện này nhằm vào những tư tưởng gia cận đại thời Minh trị, nhưng trước hết ta phải xét đến những người đã mở đường cho nền móng tư tưởng cận đại hồi Minh Trị. Đề nói đến những nhà tư tưởng tiêu biểu cho Nhật bản cận đại, ta hãy ghi những chiều hướng tư tưởng toàn diện làm bối cảnh cho những nhân vật đó cùng với những biến chuyển lịch sử về sau. Nếu không, ta khó mà hiểu được đầy đủ về vị trí, về vai trò mà mỗi nhà tư tưởng hiện diện trong một trào lưu rộng lớn ở thời đại ấy.

Trước hết, ta hãy xét đến những tư tưởng cận đại xuất hiện trong giới tư tưởng của thời đại Giang Hộ.

Thời đại Giang Hộ có thể xem là thời điển hình của xã hội phong kiến, trật tự xã hội được chia cắt khe thành bốn giai cấp : Sĩ Nông Công Thương trong đó Vũ sĩ là giai cấp điều khiển duy nhất trong khi nông dân, thương gia là thứ dân phải phục tùng tuyệt đối giai cấp vũ sĩ. Như ta đã biết, ở thời này vũ sĩ có quyền sinh sát (kirisute gomen) đối với những giai cấp dưới, mỗi khi một người dân thường có một hành vi vô lễ nào với họ, họ có giết người đó cũng không hề gì ; điều đó nói lên hình thức tội độ của xã hội phong kiến thời Giang Hộ. Nói vắn tắt, xã hội là xã hội trong đó nông dân dùng sức lao động để sản xuất nông sản rồi hằng năm cống hiến những gì thu hoạch được cho giai cấp vũ sĩ, trong khi đó, vũ sĩ mãi mãi duy trì một cơ cấu xã hội như thế. Đề cơ cấu đó khỏi phải thay đổi, vũ sĩ không cho thứ dân có quyền bàn đến những vấn đề chính trị, thêm vào đó họ tạo một hố cách biệt rõ ràng giữa vũ sĩ và thứ dân. Thứ dân không bao giờ được bước lên hàng vũ sĩ, và không những thế, ngay trong hàng thứ dân, theo nguyên tắc, nông dân chẳng hạn không có quyền trở thành thương gia. Ngoài ra, dưới thứ dân, còn có một giai cấp « **bần dân** », gồm những người gọi là cùng đinh, phi nhân, giai cấp này cũng phân biệt hẳn với thứ dân. Sự tạo những giai cấp giữa người và người, và những giai cấp đó chia xã hội thành những thành phần cố định là lẽ lối tổ chức xã hội cơ bản của thời đại Giang Hộ :

Thời đó, ngay trong lãnh vực tư tưởng, người ta thường xem quan điểm chính thống là quan điểm thừa nhận lễ lối tổ chức xã hội như vậy là hợp lý. Nho học đóng vai trò chính trong thời kỳ này. Những thời đại từ thời Giang hộ, thời đại Kamakura (1142-1333), Muromachi (1343-1500) hoặc trước nữa thời đại Bình An (Heian : 806-1192), Phật giáo chiếm địa vị quan trọng nhất trong lãnh vực tư tưởng, và sự có mặt những tư tưởng triết học thâm thúy cũng do từ Phật giáo, còn khi nói đến Nho Học, người ta nghĩ đến việc đọc sách vở cổ điển của Trung Hoa hay việc khảo cứu về văn học Tàu. Nhưng dưới các thời Kamakura, Muromachi, một môn phái triết học mới trong Nho Học ở Trung hoa — Chu-tử-học — đã bắt đầu truyền sang Nhật bản, rồi sang thời Giang Hộ, Chu tử học phát triển mạnh và đã thay thế vị trí của Phật giáo, chiếm địa vị trung tâm trong lãnh vực tư tưởng.

Chu tử học chủ trương một thứ trật tự «Thượng Hạ», và có khuynh hướng tôn trọng tiết lễ giữa những cái «thượng hạ» đó. Điều đó rất thích hợp với những đòi hỏi của giai cấp điều khiển trong xã hội phong kiến, xã hội mãi mãi duy trì địa vị lãnh đạo trong tay vũ sĩ bằng cách khư khư giữ cố định các bậc tưởng giai cấp. Vì thế Việc Chu tử học chiếm giữ địa vị chính thống trong lãnh vực tư tưởng thời đó là một điều hết sức tự nhiên. Có một giai thoại ám chỉ đến sự tương hợp của Chu tử học đối với chế độ cai trị hồi đó như sau. Khi thuyết cho rằng địa cầu tròn truyền đến Nhật bản, những học giả theo Chu tử học phủ nhận ngay, vì nếu địa cầu hình tròn, «trời» không những chỉ ở trên đầu còn ở cả phía dưới nữa xét theo bề sau của của trái đất. Họ cho rằng «Trời» và «Đất» chính là trật tự tự nhiên của thế giới, trời ở trên, đất ở dưới ; nếu nói trời không những ở trên mà còn ở dưới nữa thì cái «thượng hạ» của xã hội sẽ bị đảo lộn. Lý do đó làm họ tố cáo thuyết Chris là tà giáo, Chừng đó có thể làm ta hiểu tại sao Chu tử học qua nguyên tắc căn bản của cái trật tự «thượng hạ» là tư tưởng hợp cách với thể chế xã hội thời ấy.

Qua lý do như đã trình bày, ở thời Giang Hộ, những giáo điều của Nho giáo qua Chu tử học trở thành cơ sở đạo đức. Điều này không những chỉ được xem là kiến thức căn bản, quan trọng nhất đối hàng vũ sĩ mà còn được truyền dạy cho cả hàng thứ dân nữa. Tuy nhiên, dầu sao đi nữa, xã hội phong kiến không phải mãi mãi mang một hình thức cố định. Lịch sử là một sự phát triển không ngừng và sự tổ chức xã hội bằng những nội lực tiềm tàng trong chính nó — luôn luôn được «đổi mới» ; đó là nguyên tắc bất di bất dịch ta tìm thấy qua lịch sử cổ kim. Tầng lớp cai trị cho dầu có muốn giữ mãi cái xã hội phong kiến ấy bằng cách nào đi nữa họ không thể nào ngăn cản sự vận chuyển của chiếc xe khi nó mang hàm răng của lịch sử.

Ở thời Giang Hộ, vì bị câu thúc vào việc bề quan tòa càng hay vào những điều kiện cố định của trật tự giai cấp, sự biến đổi cấu tạo xã hội không xảy ra một cách nhanh chóng, nhưng xét từng phần,

ta thấy có vài điểm được cải thiện, chẳng hạn, trong nông nghiệp, kỹ thuật canh tác đã cải tiến dần dần tăng năng suất canh tác. Ngoài ra, đồng ruộng mới được khai khẩn thêm, sự sản xuất tăng dần, từ đó xã hội phong kiến dần dần thay đổi từ bên trong. Rồi việc buôn bán phát đạt dần, nhiều thương gia càng ngày càng trở nên giàu có, càng ngày càng trở nên có thể lực hơn so với vũ sĩ, những người đang giữ một vai trò tiêu cực trong đà phát triển đó. Như ta đã thấy, trong xã hội phong kiến, vũ sĩ và nông dân được xem là thành phần chính của xã hội trong lúc thương gia thành phần đã bị xem là thừa thãi — lại dần dần có thể lực lớn. Điều đó, là một sự thay đổi nằm ra ngoài nguyên tắc của xã hội phong kiến và là xuất phát điểm đưa đến sự suy đồi hình thức chính thống của tư tưởng phong kiến.

Thương gia, kể theo thứ tự sĩ nông công thương, bị đặt vào địa vị thấp nhất và đã bị khinh miệt nhất, nhưng thực tế, trong xã hội, họ đã đóng vai trò quan trọng và không bao giờ họ cảm thấy phải cam chịu về chính địa vị của mình. Ít lâu sau, ta thấy trong hàng ngũ thương gia xuất hiện quan niệm cho rằng thương gia cũng có thể làm nên đại sự, thương gia không phải là kẻ đáng bị khinh thị. Ông Ihara Saikaku và Ông Chikamatsu Monzaemon — hai tác giả nổi danh trong nhóm « Văn học thương gia » (Chomin Bungaku) đã nói rõ trong tác phẩm mình những tư tưởng đó. Chẳng hạn ông Ihara trong hý tác Shoen Ookagami, qua lời của một nhân vật trong tác phẩm mình có nói, giữa một ông quan to mang hai bầu vật và mình kết cuộc có khác gì đâu ; tác giả ngụ ý, đứng trên bình diện con người, một ông quan to cũng giống như một người đi buôn. Ngoài ra, một nhân vật trong cả khúc Yugiri Awanonaruto của ông Chikamatsu, có nói «sự tôn kính vũ sĩ cũng như sự khinh chê kẻ đi buôn đều không hẳn là đúng, sự tôn kính chỉ ở tại lòng ta» (Samurai totemo totokarazu, chomin totemo iyashi karazu. totoi mono wa kono mune hitotsu). Điều đó họ muốn nói rằng không phải vì cái gọi là giai cấp mà sự bình đẳng căn bản của con người bị chà đạp, trái lại cho dầu có phân biệt sĩ nông công thương ở trong xã hội, đã là người, ai cũng bình đẳng với nhau cả.

Những tư tưởng như thế phủ nhận ngay từ căn bản cái «trật tự giai cấp». Ta phải chú ý rằng những tư tưởng đó đã xuất hiện từ các triều vua Genroku (1688-1704), Kōho (1716-1736) (nằm trong thời đại Giang hộ) các triều đại xã hội phong kiến bắt đầu biến chất. Cùng lúc đó, uy quyền của Chu tử học — học thuyết chiếm địa vị trung tâm trong xã hội phong kiến — không còn được tôn sùng như trước nữa. Ngay cả bên trong Nho học, có học phái mới đối lập với Chu tử học. Học phái này gọi là «cô học», cho rằng Chu tử học là một môn phái triết học mới có từ đời nhà Tống, chủ trương loại bỏ những môn phái triết học mới có từ đời nhà Tống, chủ trương loại bỏ những thứ triết học mới như thế, trở về với Khổng tử của thời Trung Quốc xưa cũ.

Đó là chủ nghĩa hồi cổ (fukko shuyugi). Nhưng thật ra, khi mang danh «hồi cổ học phái trên có dụng ý trục bỏ uy quyền của Chu tử học để vận động

hành lập một học thuyết mới thực tế hơn. Người đầu tiên khởi xướng điều đó là ông Yamaga Soko (1622-85) sau đó có ông Ito Jinsai (1627-1705), một học giả tương lai ở Kyoto, ông Ogiyu Sorai (1666-1728) là các nhân vật chính của phái cổ học.

Đi thêm một bước nữa, ta còn thấy có nhóm muốn tách khỏi Nho học ngay từ căn gốc, chủ trương học hỏi về chính nước Nhật bản, và cho rằng đó là người Nhật, việc thu lượm cái cặn bã của Tàu là điều dở. Họ khởi đầu công cuộc vận động việc nghiên cứu về Nhật bản cổ điển. Đó là Nhật Bản học (Quốc học trong danh từ người Nhật dùng). Các học giả Kamenos Mabuchi (1697-1769), Motoori Morinaga (1730-1801) đã xúc tiến ngành Nhật bản học này. Ông Motoori quan niệm rằng, học vấn không phải là việc khư khư theo đúng những điều thầy dạy mà phải sáng tạo những ý tưởng do chính mình suy tưởng. Hãy đề sang một bên việc xét đoán đúng hay sai những tư tưởng của mình, sự khư khư giữ y theo những lời dạy của người xưa không đúng với tinh thần học vấn; Cho dầu giữa anh em có những điều trái ngược hẳn nhau cũng không cần, điều tốt hơn cả là hãy nói ra một cách thành thật những gì mình nghĩ là tốt. *Nhật Bản học tự nó có tính cách hoài cổ, nhưng nó còn đi đúng với tinh thần nghiên cứu tự do một mẽ nữa.* Chỉ có một điều là Nhật Bản học quá chú trọng vào việc nghiên cứu Nhật Bản cổ điển, nên đối với nhiều người, vì nó không trực tiếp đến hội hiện đang bao quanh họ, Nhật bản học không được chú ý một cách nhiệt thành.

Như chúng tôi đã trình bày từ trước, ở thời Giang hộ, thời mà lãnh vực kinh tế rất hoạt phát ta thấy phát sinh một ngành học không phải chỉ cần chuyên nghiên cứu vấn đề cổ điển đã được in sẵn trên sách vở mà phải va chạm trực tiếp vào xã hội hiện đang sống, ngành học này bây giờ tương đương với môn xã hội học, nhưng theo danh từ hồi ấy là kinh tế học lấy theo nghĩa của "kinh-bang-tê-thể". Ở đó ta tìm thấy có những tư tưởng hết sức canh tân. Chẳng hạn, ông Ando Shoeki, mà sau này chúng tôi có dịp bàn đến, là người triệt để đi tìm một xã hội lý tưởng, hoặc ông Kaibo Seiryō, (1755-1817) một học giả, — trái với sự khinh rẻ thương gia của vũ sĩ trong xã hội phong kiến cùng với quan niệm cho rằng việc buôn bán là việc dơ hèn chỉ có thương gia mới làm thôi, đã bình luận thẳng vào bản chất của nền kinh tế, cho rằng việc buôn bán mang lại hạnh phúc cho nhân dân bằng cách cho lưu hành các vật liệu, đó là việc không thể không có được trong đời này, do đó không có lý do gì khinh chê nghề buôn bán được cả.

Cùng với kinh bang tế thể học, còn có một điều ta phải chú ý nữa là Hòa lan học (1) đã được bắt đầu theo học từ khi người Nhật bắt đầu tiếp xúc với tư tưởng Âu châu qua người Hòa lan, đầu về sau có việc bề quan tòa căng. Họ đã chỉ học qua người Hòa lan, nhưng không bỏ qua những khoa học cận đại từ Âu châu truyền sang. Sự tiếp nhận khoa học cận đại là một hiện tượng thời đại trên lãnh vực tư

tưởng Nhật bản. Từ xưa, nghệ thuật và tôn giáo rất thịnh hành ở Nhật nhưng không đã không có khoa học dùng theo nghĩa môn nghiên cứu các đối tượng bằng thực nghiệm, nghiên cứu chân lý bằng các phương pháp khoa học. Qua Hòa lan học, người Nhật hấp thụ các môn trong khoa học thực nghiệm rồi đến các ngành khoa học tổng quát, trừ khoa học nhân văn, từ đó họ hấp thụ được cái tinh thần khoa học; điều đó là một trong những điều quan trọng nhất. Sự phát triển khoa học tại Nhật dưới thời Minh trị, xét từ nguồn, nó đã đi từ Hòa lan học ở thời Giang hộ sang Tây học (Yogaku) sau khi ngoài Hòa lan người Nhật còn tiếp xúc với nhiều nước Âu Mỹ khác như Pháp, Anh, Hoa kỳ... Xét cho cùng, việc có thể thâm nhận được tư tưởng khoa học cận đại Tây phương của các thời trước đã đề xướng một cơ sở vững chắc cho sự phát triển tư tưởng cận đại dưới thời Minh trị.

Trên đây, ta đã xét qua nhiều phương diện khác nhau, một cách vắn tắt, trong những cuộc vận động xã hội dưới thời Giang hộ, xuất hiện nhiều nhà tư tưởng phải nói là đã xây đắp nền móng cho tư tưởng cận đại đã gặp những thử thách trong những sự xung đột giữa tư tưởng mới và cái xã hội phong kiến mà họ không thỏa mãn. Trong lãnh vực tư tưởng của một thời Giang Hộ như thế, chúng tôi xin chọn ba nhân vật, mà chúng tôi đã có dịp nghiên cứu kỹ, đã phát biểu tư tưởng của họ một cách rõ ràng mới mẻ, đó là Ông Tominaga Nakamoto, Ông Ando Shoeki, và Ông Yamagata Banto. Ba nhân vật này ở vào ba thời kỳ khác nhau, suy tưởng và ba phương diện khác nhau, và phát huy các sắc thái khác nhau. Qua ba nhân vật này, những tư tưởng cận đại được bành trướng rộng dưới thời Minh Trị, và trước hết ở thời đại Giang hộ, ta hãy xem đã xuất hiện dưới hình thức như thế nào. Trong các kỳ tới, ta hãy kiểm thảo đặc biệt qua ba nhân vật ấy, ba nhà tư tưởng độc sáng dưới thời Giang hộ được xem như những nhà tiên phong cho công cuộc phát triển tư tưởng cận đại dưới thời Minh trị.

Tominaga Nakamoto con của một gia đình thương gia ở Osaka, sinh năm 1715 (Chính Đức thứ 5). Như ta đã biết, sang đến thời Giang Hộ, từ trong hàng ngũ thứ dân xuất hiện nhiều nhà văn nóa bậc nhất; trên lãnh vực nghệ thuật chẳng hạn, thương gia nắm địa vị chỉ đạo tuy nhiên về phương diện học vấn, giai cấp vũ sĩ vẫn giữ vai trò quan trọng, nhưng dần dần nhiều học giả xuất thân từ gia đình thương gia. Đó là điểm đặc sắc của thời đại này. Tominaga Nakamoto ở điểm này, có thể

(1) *Chú thích.* Hòa lan học là các ngành học của Tây phương được nghiên cứu theo tiếng Hòa lan, bắt đầu có từ khoảng giữa thời Giang hộ. Nhưng học giả Hòa lan học đều là những người tôn sùng Nho học, họ chỉ học hỏi nền kỹ thuật của Âu châu chứ không học về khoa xã hội học. Sự phê phán chính sách của họ về tầng lớp cai trị thời chưa đi đến chỗ phê phán cái xã hội phong kiến nhưng họ đã tạo cơ sở thâm nhập khoa học cận đại cho thời Minh trị sau này.

xem là đại biểu của tinh thể học thuật hồi đó. Ông theo học Không học tại một trường lấy tên Hoài đức Đường do thương gia dựng lên ở Osaka. Vì thế ta phải kể ông ở trong lớp người theo Nho học theo nghĩa rộng, nhưng thật ra ông không muốn tự khép mình trong khuôn khổ Nho học; đối với ông, theo Nho học để lấy tạo cho mình một kiến thức căn bản để tự mình trưởng thành trong tư tưởng. Đó là điểm vĩ đại nhất của nhà tư tưởng này; ông đã phá hủy cái thành trì của Nho học mà ông đã hấp thụ đã không bị cấu trúc vào một học phái đã có sẵn, thực tế, và luôn luôn đi tìm những tư tưởng mới.

Điều đó đối với thời bây giờ không có gì phải được trọng đại hóa nhưng như ta đã biết, ở Nhật bản ngày xưa, truyền thống mang một quyền uy mạnh mẽ không thể nào nghịch lại được, nghĩa vụ của người trí thức là phải theo đúng giáo thuyết của thầy truyền lại và việc phát triển những gì do chính mình nghĩ ra đều bị xem là tà đạo. Để hiểu rõ điểm này, tôi xin đưa ra một thí dụ. Ngày nay thỉnh thoảng ta thấy có trường hợp có kẻ lấy của đã viết của kẻ khác rồi làm nhận là do mình làm ra, đó là một điều cho là xấu nhưng trái với lấy tên mình đặt lên của kẻ khác trong thời bây giờ, ngày xưa lại có trường hợp người ta không đề tên mình lên tác phẩm của họ mà lại cho đó là của người xưa truyền lại.

Ngày xưa, những điều thiếu tính chất truyền thống khó mà mang ra phổ cập cho mọi người được, vì những phát kiến thường không được thưởng trong khi đó lại hoan nghênh việc truyền bá những điều người xưa để lại. Ở một thời đại như thế, tên lãnh vực học thuật và tư tưởng, việc phát biểu tư tưởng của chính mình bài xích nho học là điều quá to gan mà người ta không thể tưởng tượng được, vừa đánh dấu quan trọng trước thời đại: đó là một điểm ta thấy nơi nhà tư tưởng Nakamoto.

Trong các tác phẩm của Nakamoto, cuốn « Xuất định hậu ngữ » (Sautsujokoro) là một tác phẩm Nakamoto đã bày công nghiên cứu. Đó là một cuốn sách nghiên cứu về Phật giáo, nhưng không phải nhằm mục đích truyền bá Phật giáo. Ông đã đề cập đến sự phát triển theo ba lịch sử của Phật giáo. Nhưng câu ghi trong kinh điển không phải đều do đức Thích ca truyền dạy khi ngài còn tại thế. Người Phật tử họ dựa trên nguyên lý căn bản trong lời Phật dạy rồi thay đổi dần. Kinh điển Đại thừa Phật giáo rất được tôn sùng tại Nhật chẳng hạn Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng nghiêm thật ra là những thư vật viết sau khi đức Thích ca nhập diệt mấy trăm năm. Điều đó ngày nay hầu như ai cũng biết, nhưng ngày trước người ta tin Kinh là những gì người ta ghi chép lại từ những lần đức Thích ca thuyết pháp. Nakamoto đã phân tích cẩn thận điều đó đã chứng tỏ những sự tiến triển trong tư tưởng Phật giáo. Đây là vài nét tóm lược trong cuốn Xuất định hậu ngữ. Cuốn sách này viết bằng Hán văn là một tập biên khảo chuyên môn về Phật giáo chứ không phải là một tác phẩm dùng để phổ cập cho mọi người, nhưng tác phẩm đó mở đầu cho những công cuộc nghiên cứu bao gồm tính sáng tạo, không dựa vào quyền uy của những gì

từ xưa truyền lại và nhằm vào sự hiểu biết về sự phát triển nếp sống của con người; Nói tóm lại, nhà tư tưởng Nakamoto đã đặt sự nghiên cứu trên một tinh thần tự do.

Một tác phẩm khác được thổ thông trong dân chúng là cuốn Okina no fumi, cuốn sách Nakamoto đã phát biểu tư tưởng trực tiếp của mình.

Cuốn Okinanofumi tóm tắt nội dung cuốn « Xuất định hậu ngữ », và ngoài ra còn nghiên cứu đến Không Giáo, những trào lưu tư tưởng triết học Trung Hoa, lịch trình phát triển những trào lưu đó, thêm vào đó khảo sát về sự biến hóa tư tưởng Nhật bản, đề kết luận, tác giả nói thêm về quan niệm đạo đức của mình, về con đường phải theo đối với con người sống trong thời đại Giang hộ của tác giả. Cuốn Okina no fumi là một tác phẩm viết bằng Nhật ngữ vì thế rất dễ hiểu và tư tưởng Nakamoto bày tỏ một cách rõ ràng. Ở điểm đó, tác phẩm ấy đã làm Nakamoto có cái danh dự của một nhà tư tưởng.

Trong tác phẩm ấy, Nakamoto đã nói như sau:

Ở Nhật bản, từ xưa đối với người Phật giáo là một giáo lý cao siêu nhất. Đối với người theo Nho giáo là con đường duy nhất của con người. Nhưng, Phật giáo là con đường thời thượng cổ của Ấn độ, không phải là con đường của Nhật bản hiện tại. Phật giáo có thể là con đường thích hợp cho Ấn độ ngày xưa chứ không phải là con đường của Nhật bản ngày nay vì sự khác biệt về phong thổ và thời đại. Nho giáo là con đường của Trung hoa ngày xưa chứ không phải là con đường của Nhật bản ngày nay vì không cùng thời không cùng phong thổ. Như thế con đường của Nhật bản là gì? Những người theo Thần đạo, họ bài xích Phật giáo lẫn Nho giáo cho đó là những tư tưởng của các giống dã man, đó không phải là con đường phải theo của nước Nhật bản linh thiêng. Con đường người Nhật phải theo đối với họ là con đường của thần thánh; nhưng con đường của thần thánh là con đường của Nhật bản thời thượng cổ chứ không phải là con đường của Nhật bản hiện đại. Vậy Phật giáo, Nho giáo, Thần đạo ngày nay không còn là con đường của Nhật bản.

Đối với chúng ta qua cái nhìn hiện tại có thể cho rằng tư tưởng của Nakamoto là một điều hiển nhiên, nhưng chúng ta không thể xem nhẹ vai trò lịch sử của những người đã phát biểu lần đầu những điều có tính cách hiển nhiên được. Điều này có thể làm các bạn nhớ đến cái trứng nổi danh của Christopher Colombus! Thật ra, ở thời đại mà chân lý hiển nhiên không được nhìn thấy trong khi những gì trái ngược với cái chân lý hiển nhiên đó cho là đúng, việc phát biểu một chân lý hiển nhiên một cách thần thần như trường hợp của Nakamoto là điều chúng tôi nghĩ rất đáng được đề cao.

Để hiểu rõ hơn, ta hãy xét những khuynh hướng thông thường về cách suy tưởng ở thời đại Giang hộ. Thời đại ấy uy quyền có từ trước của xã hội phong kiến cứng rắn đến nỗi có thể chụp mũ là xấu trên bất cứ điều gì mới được đưa ra như đã thấy trong bài trước khi ta xét qua những điểm khác

quát trên lãnh vực tư tưởng của thời đại này, việc thống trị thứ dân cùng với tham vọng duy trì mãi mãi cơ cấu xã hội, đề cử cố địa vị thống trị của mình, giai cấp vũ sĩ vì e ngại những cuộc biến đổi trong guồng máy xã hội, đã luôn luôn nghĩ rằng những tư tưởng mới là phản động.

Ngay đối với Phật giáo, hồi dưới thời Kamakura (1192-1333), ta thấy xuất hiện nhiều tôn phái như Thiền Tôn, Tịnh Độ tôn, Nhật liên Tôn Phật giáo trên lãnh vực tư tưởng đã mang một sắc thái hết sức côi mờ nhưng bước sang thời Giang Hộ (1603-1868), ta không thấy xuất hiện thêm một tôn phái nào khác, điều đó vì lẽ tầng lớp cai trị đương thời đã không để một tôn phái nào mới xuất hiện.

Trên phạm vi học vấn cũng vậy, Chu Tử Học được đặc biệt tôn sùng nhưng việc đề xướng học thuyết mới chống lại Chu Tử học, không được hoan nghênh lắm, tuy không chính thức bị nghiêm cấm. Yamaga Sokoo (1622-1685), người đầu tiên đề xướng Cồ Học đã bị lưu đầy vì phê phán gay gắt Chu Tử Học trong một tác phẩm của Ông.

Do đó, hồi ấy ai cũng nghĩ là cứ giữ đúng như lời người xưa truyền lại cho yên chuyện, và nhờ khuynh hướng đó tư tưởng Phật giáo hay Nho giáo, những tư tưởng đã có truyền thống từ xưa đã không thể thay đổi được. Nhưng Nakamoto đã can đảm phủ nhận cái quan niệm đang được thịnh hành đó và cho rằng tất cả những tư tưởng kia không thích hợp nữa đối với Nhật bản hiện đại.

Nakamoto đã nói như sau. Các nhà thần đạo quan niệm rằng phải giữ đúng những điều tổ tiên đã dạy, nhưng hãy xem lẽ nghi của người xưa, khi gặp nhau người ta chấp tay và bái nhau bốn lần hoặc ăn cơm thì trên lá « bách », hay khi có người chết phải khóc lóc, ca những bài ai điếu, rồi lúc tang lễ xong xuôi người ta dẫn nhau ra sông làm lễ trừ tà ma ; những nhà thần đạo đầu thực hành y như thế ; nhưng ta thử hỏi tại sao có thể làm như vậy ? Mặt khác, thời bấy giờ không thể dùng tiền dùng bạc làm hóa tệ, nhưng cái đó ở Nhật xưa kia không có, những nhà Thần đạo quả thật họ không dùng tiền, nhưng tại sao lại phải làm chuyện đó ! Nhà Thần đạo còn bảo phải trở lại thời « Thần Đại » ngày xưa, nhưng ta còn nhớ thời đó người ta gọi cha là « Kaza », mẹ là « Iroha », thời bây giờ ta thử dùng xem có ai thông cảm được không ? và tóm lại, ta thấy việc bó buộc phải theo đúng điều người xưa truyền lại không có ý nghĩa gì cả.

Như vậy trên căn bản tư tưởng, Nakamoto tin rằng lịch sử là sự tiến hóa. Bất cứ cái gì đầu có một quyền uy nào đi nữa, nó là sản vật của lịch sử nó là vật do sự phát triển lịch sử của loài người nó không thể mãi mãi mang một hình hài bất di bất dịch. Đó là một tư tưởng hết sức quan trọng, và ngay cả trong lãnh vực học thuật hiện đại, quan niệm căn bản của xã hội học và sử học, không có một sản phẩm nào của lịch sử văn hóa, xã hội của nhân loại mong tính bất diệt tuyệt đối trước lịch sử. Nakamoto chỉ đã không dùng ngôn từ của hiện đại, nhưng tôi nghĩ ta có thể nói Nakamoto đã tìm ra nguyên tắc

trên. Trường hợp cuốn « Xuất Định Hậu ngữ » mà tôi đã có dịp trình bày, khi nghiên cứu về tư tưởng Phật giáo, tác giả cũng đã dựa trên nguyên tắc đó, và thật ra khi áp dụng nguyên tắc này, tác giả đã khám phá ra sự tiến triển bên trong của Phật giáo. Ông đã dùng thành ngữ « gia thượng » khi áp dụng nguyên tắc đó vào lịch sử tư tưởng mới hơn. Bởi đây một tư tưởng mới vào một tư tưởng của ta được một tư tưởng mới hơn. Nếu « gia thượng » một điều mới vào một điều đã có, điều ấy sẽ dần dần biến đổi. Đó là quan điểm căn bản mà Nakamoto đã làm sáng tỏ khi ông phát biểu về quá trình tư tưởng của Phật giáo và không giáo. Thành ngữ « Gia thượng » mà Nakamoto đã dùng, theo danh từ hiện tại, xứng hợp với nguyên lý về sự tiến triển, dựa vào nguyên lý đó Nakamoto đã phủ nhận mọi uy quyền có định trên lãnh vực tư tưởng, có những quan niệm thực tế, và đã có thể bắt đầu suy tư về những đối tượng mới.

Tư tưởng đó cũng là một bài học cho chúng ta hiện tại. Bất cứ thời nào cũng có chủ trương phục cổ. Nếu phục cổ có nghĩa là trở về thời xưa đã phá tình trạng hiện tại để tiến lên, ta còn chấp nhận được, nhưng không phải thế, chủ nghĩa phục cổ chủ trương, vì hiện tại quá chán chường, hãy trở lại thời xưa, hãy quên việc phát triển về sau. Lỗi suy luận đó đi nghịch lại với trào lưu của lịch sử, là lỗi suy luận có hại cho sự tiến bộ của loài người. Trước chiến tranh ở Nhật bản, tư tưởng đó rất thịnh hành và ngay cả dưới thời Minh trị duy tân, người ta đòi phải trở về với nếp sống của đời Thần vũ (vị Thiên hoàng đầu tiên của Nhật bản, theo lời truyền lại, vị Thiên hoàng này ở vào khoảng 600 trước tây lịch).. hoặc trong thời chiến tranh Thái bình dương, có chủ trương cực đoan đòi phải trở về với tinh thần Nhật bản, và muốn thế phải bài trừ tất cả những gì mang lại từ nước ngoài vào. Chúng ta khi đã hiểu lịch sử là một sự phát triển tiến bộ, chúng ta phải ngăn chặn cái chủ trương có hại đi ngược lại dòng lịch sử của chủ nghĩa phục cổ, và chính đối với những khuynh hướng nguy hiểm trên lãnh vực tư tưởng, tôi nghĩ tư tưởng Nakamoto đối với chúng ta ngày nay là một bài học có ý nghĩa.

Tư tưởng đó ảnh hưởng đến công cuộc Minh trị duy tân, làm tiến lực tinh thần cho công cuộc đó. Về sau, ta sẽ còn gặp một Fukuzawa Yukichi, nhà tư tưởng đại biểu cho tư tưởng cận đại, đã can đảm chống lại sự trấn áp những tư tưởng mới của chính phủ Minh trị vào khoảng năm 1878, phản đối lại chủ trương duy trì tư tưởng Nho giáo, và chính Fukuzawa đã kêu gọi nhân dân Nhật bản hãy từ bỏ chủ trương trở về trước, hãy nỗ lực làm cho ngày mai tươi sáng hơn ngày hôm nay, hãy mạnh tiến về tương lai.

Là người đặt viên gạch cho chủ nghĩa tiến tiến đề đối lại chủ nghĩa phục cổ, Fujinaga Nakamoto phải xem là một ngày tư tưởng quan trọng trong lịch sử Nhật bản.

(HUỖNH MÙI dịch Hội Báo)

NGÃ NÀO LÀ

HỌC ĐƯỜNG MỚI

TRẦN HỮU NGHĨA

L.T.S.— Trần hữu Nghĩa, một giáo sư công lập ở Mỹ Tho đã từng đăng nhiều bài về giáo dục trên Tinh Thương. Quan điểm của tác giả tất nhiên không phải của tờ báo, nhưng chắc chắn sẽ làm phong phú thêm đề tài thảo luận. «Học Đường Mới» vẫn thường được xem như một biến chuyển khá quan trọng của nền giáo dục ở đây, nên cho đăng bài này, Tọa Soạn Tinh Thương chỉ có mục đích duy nhất là mở một cuộc đối thoại giữa những người có trách nhiệm với các thức giả từng lo lắng nhiều cho tương lai văn hóa nước nhà.

TINH THƯƠNG

Trong mùa khai trường 1935, những ồn ào quanh vụ CTY, những xô xát của học sinh do mấy kỳ thi có thể được bãi bỏ, vài tin tức về cải tổ chương trình đã khiến chúng ta ít chú ý tới một cái tên mới liên quan rất nhiều tới giáo dục : phong trào Học Đường Mới.

Cũng có lẽ chúng ta đã nghe nói đủ mọi thứ mới rồi nhưng ở đâu cứ bao nhiêu cái cũ nên chúng ta không muốn đề tâm. Rồi giả sinh hoạt cứ tăng như Hoa Kỳ leo thang ở Bắc Việt nên phần lớn mấy thầy thích phiên hà lương hưởng hơn là có phải làm điều gì mới ở Học Đường. Thêm chỉ 4 trường lớn ở thủ đô được chọn làm thí điểm thôi. Trung Vương, Gia Long, Pétrus Ký, Chu văn An. Kỳ dư đến hồi sau phân giải.

Mãi tới mới đây, trong kỳ đại hội thường niên của các cựu sinh viên đại học sư phạm, người trong nghề mới thấy vấn đề từ lâu tính bỏ quên đặt ra mỗi lúc thêm cấp bách. Mấy người thuộc Học Đường Mới đều ra ứng cử chức này chức nọ mà kết quả là tuột dù hết trơn. Còn người từ lâu bao thầu cái hội mấy năm nay lẽ ra kỳ này phải tuột, nhờ mấy lời công kích vị lãnh đạo ngành văn hóa giáo dục xứ nhà được ngồi yên chỗ cũ. Dầu mấy lời công kích rất đáng đề tâm lại không thuộc vấn đề Học Đường Mới chút nào, chúng ta thấy qua cuộc hội nghị uy tín của Học Đường Mới chưa có. Mà uy tín chưa có nói lẽ ra nó phải có cái đó mới nguy. Đồng ý rằng giáo dục VN cần cải tổ tận cội rễ. Cải tổ nghĩa là thể (dầu thể bằng cách nào mau, hay chậm) cái mới vô cái cũ. Bởi trông vào giáo dục VN, nội dung đã cũ mà hình thức lại đáng bỏ phũ de. Chương trình lối dạy cơ cấu tổ chức, kỹ thuật thi hành, lễ lối làm việc, sinh hoạt, tổ chức học đường, xem ra cái nào cũng không ăn khớp với cái nào.

Thành ra đổi mới phải là nhu cầu số một nhưng đổi mới có ba, bảy đường. Tất nhiên ai cầm đầu ngành giáo dục có quyền thử cách của mình. Phải chăng cái thể thảm của Học Đường Mới hay của giáo dục hiện giờ bắt đầu từ chỗ đó. Nói vậy xem ra quá hồ đồ nên phải xin đi sâu vào chi tiết.

Điều nói trước tiên là đầu nhìn ở mặt nào để rồi đi theo ngã nào đang phê phán Học Đường Mới, thiết nghĩ không ai dám phủ nhận cái gan của G.S tổng ủy viên. Ông đã dám gạt bỏ sang bên mọi thủ tục hành chánh chỉ chít phức tạp, luộm thuộm, triệt tiên mấy đòn phép của các chuyên viên già chuyện giấy tờ để thực hiện cho bằng được ý nghĩ mới của mình. Việc làm thiết bạo và thiết đáng vỗ tay mừng. Ông đã rút nhà giáo kiêm nhà văn (T.Đ. từ) trường tiểu học xa xôi về Saigon cho khỏi dầy để chỉ làm công việc viết văn cho tờ Học Đường Mới. Tờ báo được Bộ giúp tiền, phương tiện tưởng đề hồ trợ lý thuyết cho phong trào. Rồi để có người thực hiện chương trình, những nhân viên của phong trào được kéo từ mọi trường ở những nơi xa xôi, rừng rú nhứt : về ngụ tại 4 trường kiểu mẫu khang trang giữa đô thành, chỉ với 1 tiêu chuẩn : do mấy nhà lãnh tụ của Học Đường lối đề nghị. Nhưng bằng cách nào có được những nhà lãnh tụ đầu tiên đó. Nghe đâu trong những dự án mà G.S. tổng ủy viên định tâm làm sẽ cải tổ học đường theo thuật vết dầu loang. Và để tạo điểm tựa sẽ giao cho 1 ê kíp được coi như có khả năng, có thành tích với từng chứng tỏ có tâm huyết và thiện chí. Ê kíp được gọi tới trình diện nhân danh những nhà giáo từng nhiều năm ở chung nhau trong, đoàn thể : đoàn thể Hướng Đạo. Lại nữa, họ xác nhận thêm rằng mới đây họ vừa làm chung trong 1 hệ thống : chương trình công tác hè 65. Song song với việc chương trình đồ sộ

cũng được đề ra. Nhiều ước mơ của học đường hi vọng đạt được. Ước mơ thúc đẩy học sinh quan tâm và tham gia tích cực vào đời sống xã hội. Bởi học đường là con đẻ của xã hội. Học đường phải luôn luôn nghe ngóng những kêu gọi của xã hội mà tiến lên, hướng tới. Phải tiếp xúc với xã hội mới biết mình sẽ làm gì khi lao mình phụng sự xã hội. Nghĩa là học sinh được chuẩn bị từ năm 12,17 để hành động ở năm 21, 23. Ước mơ tạo được mối liên lạc thiêng liêng, thân thiết giữa thầy và trò theo truyền thống Đông Phương. Mối liên lạc vắng bóng từ khi trò coi thầy là kẻ đến lớp bán chữ để tháng tháng lãnh lương nhà nước (trường công) hay chính của phụ huynh mình (trường tư) Những thành kiến sai lầm, những mâu thuẫn những ảo ảnh giả trá giữa thầy trò phải nhờ những lần hội thảo, những cuộc bàn luận, những lần đi trại chung mà vứt bỏ. Ước mơ Học đường được gia đình cộng tác chặt chẽ trong việc giáo dục học sinh. Ước mơ học sinh góp tay đôi mới học đường. Chính học sinh tự tay xây thực viện, tổ chức lớp học đầy mạnh sinh hoạt học đường (báo Xuân, diễn kịch)... Những ước mơ trên thật đúng là ước mơ của mọi người. Nên bởi thế chương trình Học đường Mới xứng đáng là chương trình của mọi người, mọi trường cũng như cần mọi bàn tay.

Nhưng tại sao lại chỉ chọn 4 trường làm thí điểm. Phải chăng những người thực hiện nghi ngờ ngay khả năng và thiện chí của chính mình không đầy mạnh nổi phong trào trên toàn bộ. Và tại sao lại là 4 trường ở Thủ Đức.

Nghe đâu sự chọn lựa nào cũng có lý lẽ của nó. Saigon là trung tâm văn hóa. Lại nữa nếu có quyết định nào bị thủ tục giấy tờ ràng buộc, có thể giải quyết nhanh chóng. Trung ương coi chừng dễ, phúc trình lại lẹ. Nếu có điều gì bất trắc, tiếp máu, phản ứng sẽ mau. Dự trù trên thiệt đúng. Chiếc xe Học Đường Mới mới đầy đi là bị nhiều kỳ đà cản mũi.

Điều cản trở đầu tiên hết thấy là sự xung đột cũ mới giữa các giáo sư tại 4 thí điểm những kẻ mới đến còn đương lao xao ngoài cổng thì những người bịn rịn những bạn bè ra đi vừa bức bối vừa lo cho phần số của mình. Mặc cảm nghi kỵ chưa chỉ thành hình. Từ nghi kỵ tới bất hợp tác chỉ là khoảng cách của một bước chân. Và cái thê thảm là mỗi người về phần mình đã bước bước cuối cùng đó. Thành ra, một trường có hai phe. Họ thủ thế rồi đã kích nhau và thế là không bao giờ hợp tác. Kể cũ coi kẻ mới như có bốn phạm phải thì hành những cái gì của chương trình vạch ra hay là mới tới để lãnh thầu 1 công tác mới. Còn họ không có bốn phạm gì trong đó hết. Không nhúng tay. Không dính phần. Nhiều khi còn phá đám chút chút nữa. Cho nên phe Học Đường Mới cứ than thở là họ

thiếu người vì bạn mà thành thù bao giờ cũng rất nguy hiểm. Có người cho là nói quá khi tách hai phe cũ mới thành thù địch. Làm gì có vậy. Bề nào cũng là thầy giáo với nhau. Cùng muốn đám « hậu sinh tiến bộ ». Họ cùng giảng chung 1 công thức, cùng có chung những tiêu chuẩn để chấm 1 bài luận văn kia mà. Đồng ý họ có cùng mấy thứ trên kia nhưng đã không thể cùng ngồi chung bàn chương trình để thực hiện Học Đường Mới, không thể cùng có 1 tiêu chuẩn để thẩm định kết quả của một ngày trại hay không cùng ngắm qua một cái trước sự biến chuyển của sinh hoạt học đường. Cứ bên mừng thì bên lo, bên thờ ngắn thì bên than dài. Trước tình cảnh đó, học sinh đau từ lâu mong ước học đường được đổi mới đầu tránh khỏi lo âu. Chuyện gì sẽ xảy ra cho chúng và chúng sẽ chọn thầy cũ hay thầy mới khi cả hai cùng là thầy của họ cũng đều cho chúng bao lời hay lẽ phải. Thành ra chúng chưa dám hưởng ứng, hay chỉ hưởng ứng sơ sơ. Tại sao có, có sự bên nước bên dầu này. Lỗi tại ai. Sao không đổi mới hết 1 lượt cho rồi. Ngập ngừng chi vậy bị trục trặc bất ngờ. Học Đường Mới lại mang tiếng hơi oan. Lần này kỳ đà lại là Nha Trung Học. Số là do tình trạng tưởng rằng một số giáo chức phải vào Thủ Đức cũng như vì G.S. tổng ủy muốn truyền cái sinh hoạt gấp rút cứu người như chữa lửa của nhà thương vào sinh hoạt thâm thấu của Học Đường nên hội ý với các chức sắc lâu năm trong nghề điều khiển giáo dục để ký nghị định bắt mỗi giáo sư dạy thêm 2 giờ và phải làm 4 giờ văn phòng. Nha Trung Học nghe sai, hội các ngài hiệu trưởng lại đề bàn luận. Tất nhiên các ngài hiệu trưởng bằng lòng (Hiệu Trưởng nào lại không muốn kẻ thừa hành của mình mang thêm trách vụ cũng như đầu ngài Hiệu Trưởng nào muốn trái ý «bê trên») nghị định ra bị chống đối dữ quá (chúng ta không xét ở đây chống đối đó đúng hay sai và bây giờ làm cách nào cho hợp lẽ), Hiệu Trưởng đề cho nha Trung Học, Nha Trung Học đề cho G.S. tổng ủy. Con ăn mắm mẹ khát nước. Kể không biết do đâu lại có lệnh 6 giờ đó là chuẩn bị để làm Học Đường Mới. Nhưng không có chỉ thị rõ rệt nên chỗ nào chưa có Học Đường Mới, nó thuộc quyền xử dụng của Hiệu Trưởng. Rồi có trường không thi hành; có trường bắt giáo sư vừa làm thầy vừa làm thư ký văn phòng kiêm giám thị. Để chuẩn bị cho Học Đường Mới nên tất nhiên Học Đường Mới mang tiếng!

Lại thêm việc thi hành chương trình Học Đường Mới không được sửa soạn tâm lý, không có 1 chỉ thị, kế hoạch gì đàng hoàng hết và cũng không ai thêm lưu ý tường tận cho hết thấy nên ngoài mấy người có thẩm quyền trong chương trình, phần đông mấy thầy với gần hết thầy học trò đều mù tịt cạc cạc. Có chỗ coi Học Đường Mới như 1 hiện tượng quái lạ. Có chỗ nghe Học Đường Mới nhưng không biết gì ngoài đó là cái tên có 3 tiếng ghép

lại. Cái gì mờ mờ ám ám người ta hay mời cho lắm. Với lại rất dễ trốn trách nhiệm ; cũng như đồ lỗi cho nhau khi thất bại và tranh cướp công lao khi thành công chỉ là hiệu quả phải có của tình trạng tranh tối tranh sáng dầu cố tình hay vô ý những người thuộc chương trình những cơ sở, lắt đầu cho mình là đứa con hoang của Nha của Bộ. Con hoang là tại không được khai sinh. Ôi !

Nhưng dài dòng này giờ không cốt đề biện hộ là Học Đường Mới hoàn toàn bị tiếng oan. Mấy thầy làm Học Đường Mới đáng bị đòn lăm. Lý thuyết nói là tờ báo Học Đường Mới sẽ hỗ trợ cho lập trường của chương trình dóm tới dóm lui nó chỉ đáng được xếp vào loại báo... thiếu nhi vừa đúng đắn vừa khô khan. Vậy mà mới đây chỉ vì lý do mà 50% là chuyện đàn bà (người trong cuộc tiết lộ), báo Học Đường Mới đóng cửa tạm thời và chưa hẹn ngày ra.

Còn mấy ước mơ cao quý nói tới ở trên chưa được thực hiện phần nào vì ngoài vấn đề lùn cùn mẫu thuẫn nhân sự còn là vấn đề phương tiện. Có trại bị hủy bỏ vì không có xe chở người.

Theo lời của Học Đường Mới, bộ Thanh Niên năm tới mới có những xe nên giờ chưa có xe cho mượn còn xe của ty tiểu học thì bận luôn và bộ thì không có xe. Đề cập tới vấn đề phương tiện tại nước An Nam chậm tiến này để từ chối trách nhiệm phần mình, thật dễ ợt nhưng sao các hội đoàn có phương tiện nhiều nhời gì đâu mà trại vẫn có đều đều. Hay tại vì đâu là Học Đường Mới, mấy thầy đó vẫn là công chức vẫn là sinh hoạt trong nguồn may giáo dục từ trẻ và chưa ai muốn thoát xác hết. Thành ra vấn đề là có tích cực để tạo phương tiện hay không.

Dầu có thiện cảm với lý tưởng Học Đường Mới tới đâu rồi dám ra có thiện cảm ít hay nhiều tới chương trình Học Đường Mới hiện tại, chúng ta ai cũng đồng ý, điều là khi quan niệm 1 chương trình đúng đắn và lý tưởng như vậy, không thể không dự trù một kế hoạch thực hiện. Mà đã nói tới kế hoạch là không thể quên dự trù những trở ngại phải có đáng khắc phục. Phương tiện, xe cộ... là trở ngại muôn thuở và tự phụ đã hoạt động xã hội trong giới thanh niên tất phải biết. Sao không dự trù đề bây giờ đồ lỗi cho nó. Trách không dự trù nghĩa là trách kế hoạch dở đó.

Kế hoạch dở tất nhiên những người thuộc phong trào phải chịu cũng như khi đề cập tới tính chất tích cực đã là muốn đề cập tới vấn đề nhân sự rồi nghe đâu ngoài những quá khứ không thể xác định được bản lĩnh giáo dục và cải đời đã nói ở trên, những người thuộc Học Đường Mới cũng chưa bày tỏ 1 tâm huyết hay nhiệt chí nhiệt cuồng nào. Có người đã cười thầm khi thấy việc đầu tiên của mấy thầy Học đường Mới khi khăn gói về tới Saigon là đi ghi danh ở các phân khoa đại học : Văn «duật», Khoa học... với gương mặt rạng rỡ : về đây (Saigon)

mới học tiếp được ». Vừa học vừa làm, ai cũng khuyến khích việc đó hết nhứt là bản thân của mình. Nhưng hình ảnh đó chứng tỏ điều gì. Xin đề mỗi chúng ta trả lời rồi cái đáng đề cập hơn là ngay các thầy đó chúng ta cũng chưa thấy họ cố gắng gì. Chính họ nói từ từ đã chớ, đổi mới cả 1 tinh thần của học sinh đâu phải là chuyện dễ.

Học Đường Mới chưa làm được gì chớ đâu phải là sẽ không làm được gì. Ôi, cứ lấy câu chuyện ngụ ngôn con thỏ và con rùa để làm hậu thuẫn biện luận hay để làm đòn pháp dọa nhau thì thật dễ nhưng nếu biết rằng một năm học chỉ khoảng 7 tháng không tròn và đề đào tạo một học sinh Trung học chúng ta định chỉ có 7 năm. Mấy tháng đã trôi qua không biết có tạo nên một phân số thất bại đáng cho chúng ta suy gẫm chưa ?

Nhưng phai chăng là điều khôi hài khi chúng ta định thay đổi tinh thần học sinh bằng cách chỉ thay đổi hình thức sinh hoạt học đường ?

Khi còn chương trình nhồi sọ, tham lam, luộm thuộm, khi còn lối dạy của các thầy hiện nay, khi trường tư còn là 1 kỹ nghệ, trường công là ân huệ cho kẻ không tiền lẫn kẻ nhiều tiền, thì cứ còn dùng bữa phép bởi người ta còn cần giựt bằng cấp cho nhanh thì làm sao trách học sinh đừng tối ngày phải giả gạo cho được. Khi vẫn bao nhiêu sách giáo khoa tấp nham, cộp nhật đó khi vẫn bao nhiêu khi cụ giải trí (toán là thứ đầu độc) cho học sinh bé lớn đó, khi vẫn một hoàn cảnh xã hội bon chen, thù tha này, làm sao học sinh có dịp dăm dỗi mới tinh thần của mình. Học sinh nào dám (thí nghiệm con đường mới và bất trắc thật không lường) khi vẫn những người đó điều khiển ngành giáo dục, khi họ định sản xuất một loại học sinh để thỏa mãn những nhu cầu trong 1 xã hội tri tri trẻ khuôn phép mà họ đang cầm đầu chiếm ưu thế, cái mới nào ngoi lên cho nổi. Ngay cả việc chọn 4 thí điểm giữa hàng mấy ngàn trường Trung học trong toàn quốc cũng chỉ là trò chơi con trẻ. Phải chăng người ta muốn sanh non để bóp chết nó. Nói khác đi có những phong trào không thể bắt đầu bằng thí điểm được. Muốn hủy hoại, nhiều cái quá xấu xa phải cần một trận cuồng phong bất ngờ dũng mãnh mà không bị biết từ đâu tới. Những ngọn gió hề chỉ làm các thui tha thêm nồng nặc mà thôi.

Thành ra Học Đường Mới bị sa lầy vì những nguyên nhân không mới chút nào. Đó là lẽ lối làm việc nô nức, những quan niệm giáo dục tác trách. Bây giờ thật chưa muộn nhưng muộn ở chỗ chưa ai dám làm hay nói đúng hơn chút nữa, có người muốn làm nhưng không ai phụ giúp và đã sắp ngã quỵ trước đòn pháp của lớp người phản tiến bộ. Các hình ảnh trên đã có từ lâu rồi và do đâu mà còn tồn tại. Rồi giáo dục VN sẽ đi về đâu hay ngã và o là Học Đường Mới. Kết cuộc chỉ có trời mới biết sao

TRẦN HỮU NGHĨA

MÙA XUÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA TUỔI TRẺ

NGHỊ HỮU AN

MỘT DI SẢN ĐAU THƯƠNG.

Lại một lần nữa chúng ta đón một xuân về trong khói lửa... Người ta vẫn thường nói mùa xuân là mùa của tuổi trẻ, của huy hoàng, của hạnh phúc và quả thực mùa xuân vẫn là mùa của tuổi trẻ, của huy hoàng của hạnh phúc, của lứa tuổi đôi mươi nhưng với lứa tuổi đôi mươi Việt Nam chúng ta, chưa bao giờ có mùa xuân thật sự...

Những tràng pháo Tết, những cây nêu, những hội mùa xuân dân tộc đối với chúng ta chỉ còn là kỷ niệm hay là ý niệm... Tiếng nổ rền của những tràng pháo Tết được thay thế bằng tiếng đạn bom khủng bố, núi rừng mùa xuân đầy hương sắc chỉ còn là những cạm bẫy cánh đồng xanh lúa con gái chỉ còn là bãi chiến trường... Tuy mới trên dưới tuổi đôi mươi mà bạn bè chúng ta trán đã hiện những nếp nhăn ưu tư mắt thoáng vẻ yếm thế, hoài nghi, nụ cười đã thoáng nét chua chát, hoảng hốt. Một năm mới về là thêm một tuổi, thêm một khoảng thời gian đã trôi đi mà bao nỗi đau thương của cả dân tộc còn đó, bao nhiều đe dọa trong tương lai... Làm sao hồn nhiên cho được trong khi lọt lòng mẹ đã nghe tiếng súng, chưa đi vững mà đã chạy loạn khắp nơi. Làm sao cười cho tươi, hát cho vui được khi tự thừa mới học nói tai đã chết tiếng đạn bom, mắt đã quen nhìn bao đồ vỡ chết chóc... Làm sao thấy đời rực một màu hồng, tươi mát và ngát hương như hoa xuân khi biết bao bạn cũng trang lứa đã gục ngã thảm khốc bên này hay bên kia chiến tuyến và biết đâu chính mình cũng sẽ gục ngã nay mai...

Đĩ vãng không quá khứ tươi đẹp để tự an ủi, hiện tại đầy rẫy những khó khăn để có thể tự tin, tương lai mịt mù biết bao đe dọa... Lứa tuổi đôi mươi hiện tại thật quá bất hạnh! Hai chàng chúng ta — thế hệ trẻ — sinh ra để hưng chịu lấy những tai ương của dân tộc? Chúng ta đã làm gì để đón nhận lấy những thảm họa như thế?

Đĩ nhiên là chúng ta không làm gì nên tội trong quá khứ và cho đến nay cũng chưa hề đắc tội với tổ quốc. Chiến tranh khói lửa đã có tự thừa chúng ta chưa cất tiếng khóc chào đời, CHÚNG TA ĐÃ THỪA

HƯỞNG CUỘC CHIẾN TRANH THÂM KHỐC NÀY DO THẾ HỆ CHA ANH ĐỂ LẠI. Một quê hương chia cắt tàn phá, một dân tộc đói khổ bệnh tật, một xã hội tào loạn... đó chính là di sản chúng ta tuổi trẻ V.N — được thừa hưởng.

Chưa có sử gia nào xuất bản những sử liệu về mấy chục năm chính chiến gần đây nhưng với người hiện tại, những biến cố lớn của lịch sử đã đều được đánh dấu trong đời họ bằng những cái chết của người thân yêu hay những lần chạy loạn, và bài học lịch sử đó còn nằm mãi trong tâm hồn chúng ta.

Có ai không biết Dưới sự đô hộ của Thực Dân Pháp, dân tộc ta đã vùng lên kháng chiến anh dũng dưới sự lãnh đạo của bao nhiêu các đảng phái, kháng chiến trong đó có đảng Cộng sản. Các phe các nhóm vì mãi mê chống đối, thanh toán lẫn nhau nên rốt cuộc chính họ bị Cộng sản thanh toán, cướp công kháng chiến của toàn dân, chiếm cứ một nửa đất nước miền Bắc để rồi thiết lập trên đó một chế độ độc tài hà khắc phi nhân. Các đảng phái còn lại hết chạy sang ngoại quốc rồi chạy tuốt trở về miền Nam, mảnh đất tự do còn sót lại, vẫn không ngừng chia rẽ chống đối, thanh toán lẫn nhau để mưu cầu quyền lợi riêng tư làm cho đất nước càng ngày càng suy yếu trong suốt hơn mười năm qua. Cùng với làn sóng xâm lăng đến từ miền Bắc, chiến tranh lại bùng phát tại miền Nam từ năm năm nay và đạt tới cường độ thảm khốc nhất trong năm qua. Còn ai không biết Thanh niên miền Nam đã hy sinh trong chiến cuộc vừa qua và còn đang tiếp diễn không phải là ít và hàng trăm ngàn bộ đội miền Bắc đã được tung vào để bổ xác trên chiến trường miền Nam.

Chúng ta thử tự hỏi những người lính miền Bắc, đại đa số đến dưới đôi mươi, vượt núi qua đèo, ăn đói nhịn khát nằm gục chết như con thú trên hàng rào kẽm gai có phải là kẻ thù chính cống của chúng ta hay không? Họ có Thực sự là người Cộng sản hay không? Những người trai Việt ấy cũng đã sinh ra trong khói lửa cũng lớn lên trong khói lửa, đã hoặc đang hoặc sẽ trưởng thành trong khói lửa, nhưng đáng thương thay đã bị Cộng sản mê hoặc, lừa gạt để cầm súng bắn vào đồng bào ruột thịt anh em.

Cả hai bên chiến tuyến trong hơn mười năm qua không biết bao nhiêu người tuổi trẻ đã gục ngã. Trách nhiệm về ai ? Không ai có thể chối cãi được là không phải Cộng sản ; nhưng. Nếu Cộng sản là thủ phạm trong chiến cuộc chiến tranh thảm khốc hiện tại thì những người lãnh đạo Quốc gia, những người cầm quyền phải chịu trách nhiệm về sự lớn mạnh của Cộng sản trong mười năm qua. Nếu chỉ ước lượng tai hại do chiến cuộc gây ra trong mấy năm qua bằng số tonton thất nhân mạng, ta có thể coi tai họa đó như một cuộc tàn sát trong đó thủ phạm là những người lãnh đạo Cộng sản cũng Quốc gia, những kẻ thuộc thế hệ Cha anh, và nạn nhân là thanh niên Việt Nam, thế hệ đàn em ngày hôm nay. Lứa tuổi đôi mươi ngày hôm nay đang phải trả bằng xương máu một món nợ rất đắt mà họ không vay, không được hưởng, đang chịu hình phạt đau đớn thảm khốc về một tội lỗi mà họ không phạm. Phải chăng đó là một thứ tội tởn, như nhân loại phải chịu tội đồ đầy vì Adam và Eve đã ăn trái cấm ? của riêng lớp người trẻ Việt Nam ?

SÀI HOC XƯƠNG MÁU CỦA TUỔI TRẺ V.N.

Không ai có thể phủ nhận được sự sai lầm và nguy hiểm cho đời sống nhân loại của chủ thuyết Cộng Sản thế mà cho tới ngày nay CS. vẫn còn tồn tại và nguy cơ bành trướng CS không khỏi là nhỏ. Là thanh niên Việt Nam am hiểu điều này hơn ai hết. Những môi trường bành trướng của CS thật dễ nhìn thấy : những quốc gia chậm tiến, những quốc gia diệt què vì chiến tranh, những quốc gia có nạn bè phái chia rẽ... Mảnh đất thân yêu hình chữ S của chúng ta đã là nơi hội đủ những điều kiện trên.

Trước năm 1954, người ta đổ lỗi cho người Phái

đã giúp cho CS bành trướng ở Việt Nam hoặc những lý do này, những lý do khác nhưng từ 1954 cho tới nay, Miền Nam không hề có ngoại xâm lại được các nước trong khối tự do hết lòng giúp đỡ trên mọi lãnh vực, thế mà CS vẫn bành trướng được — thì có rộng lượng tới mấy người ta cũng không thể phủ nhận được sự bất lực, sự thối nát và sự phản bội của những đáng phái, những đoàn thể, những cá nhân tự nhận có nhiệm vụ lãnh đạo và xây dựng quốc gia. Đề cũng có địa vị, gia đình họ Ngô đã không ngăn ngại thẳng tay đàn áp các đảng phái Quốc gia khác và nuôi CS để nhận thêm viện trợ. Nếu không có một số quân nhân can đảm, nếu không có cuộc bạo động của tuổi trẻ Sinh viên học sinh làm hậu thuẫn cho cuộc Cách Mạng thì có lẽ còn lâu nhân dân miền Nam mới thoát được ách bạo tàn gia đình trị. Từ sau ngày Cách Mạng, lẽ ra tình thế phải một ngày một sáng sủa hơn, phần khởi hơn thì trái lại càng suy sụp hơn vì những cuộc tranh giành quyền lợi và địa vị của phe này nhóm nọ. Những vụ chém giết lẫn nhau xảy ra khắp nơi, những chính khách suốt mười năm qua thỏa hiệp với kẻ phản bội lợi dụng thời cơ nhẩy ra tham chính để bòn rút xương máu của dân tộc rồi chạy ra ngoại quốc an hưởng đời sống hòa bình ; những tướng lãnh có nhiệm vụ diệt Cộng ở ngoài tiền tuyến thì kéo quân về làm đảo chính, mở rộng biên giới cho CS xâm nhập. Hậu quả tai hại do việc làm của họ ngày hôm nay không ai là không biết rõ.

Mỗi phe, mỗi nhóm, mỗi cá nhân kẻ trên Quốc gia cũng như Cộng Sản để đi đến mục đích của họ đều đưa ra những chiêu bài thật đẹp thật kêu, đôi khi thật là dễ tin : giải phóng miền Nam, Xã



Rừng đã lớn trên vai

tình thương — Số 25

và loài rong nổi buồn thảng hạc
em như ngựa hồng sai vó trong đêm
bờm tóc rối mang theo nhiều hơi thở
của những chiều thành phố mưa giông

bầy đom đóm xanh trong khu vườn cũ
dẫn dắt anh vào lầy lội mùa Mưa
những quả bóng hững hờ trong trí nhớ
dẫn dắt em vào giấc ngủ sương mù

rời mùa thu thôi tròn tiếng nói
những lãng quên bỗng sống sót trong lòng
anh đốt thuốc băng qua vùng bão biển
còn sỏi đá buồn ngái ngủ quanh em

lần trở về bỗng đông thành xa lạ
khi ngược nhìn rừng đã lớn trên vai
mái tóc đeo chuông từng hồi kỷ niệm
trong ăn năn lạnh giá cũng sắp đầy

MIÈNG TÓC BIÊN
(trần thị giaoan)

hội chùa nghĩa, Công bình bác ái, Tự do tín ngưỡng, ấm no hòa bình... Nhưng những người gánh nhận hậu quả, những người gục ngã trong mọi trận tuyến vẫn mang những khuôn mặt trẻ. Người lính Cộng Sản phơi xác trên hàng rào thép gai hay người lính Quốc gia tan thây trong những cuộc phục kích đều trong vòng hai mươi đến ba mươi tuổi, đời sống chưa một ngày được hưởng thanh bình, quá khứ đầy rẫy những đau thương, loạn lạc đối khổ...

Còn những người lãnh đạo từ miền Bắc đến Nam những nhà chính khách tai to mắt lớn, những người nhân danh dân tộc, nhân danh chủ nghĩa đề đốt lửa chiến tranh, đề nhận viện trợ để bắt xén, đề đưa Tuổi trẻ Việt Nam vào một cuộc huynh đệ tương tàn vẫn tiếp tục an hưởng vinh quang trên sự đói khổ của cả dân tộc, trên xương máu của cả dân tộc, trên xương máu của tuổi trẻ Việt Nam. Nói đến những người đã chết vì chiến tranh trong bốn năm năm nay, xin đừng gọi họ bằng quân đội miền Nam Quốc gia hay quân đội miền Bắc Cộng sản. Hãy gọi họ bằng tên đúng nhất: người tuổi trẻ Việt Nam. Vậy thì hàng trăm ngàn người tuổi trẻ Việt Nam đã gục ngã trong đau thương. Nếu thay vì bỏ xác ngoài trận địa họ đem sức ra cày ruộng ở miền Nam, khai khẩn kỹ nghệ ở miền Bắc, đánh cá ở miền duyên hải thì dân tộc Việt Nam sinh sống trên một giải đất dài gần 2500 cây số với những hầm mỏ kỹ nghệ miền Bắc, với những cánh đồng phì nhiêu miền Nam, với suốt một bờ biển 2500 cây số đâu cá lo thiếu gạo, thiếu muối, thiếu thực phẩm...

Thực bi đát. Cả một thế hệ đàn anh đã chìm đắm nước vào vòng chiến chinh điêu tàn và tuổi trẻ VN ngày hôm nay đang gánh chịu hậu quả đó...

Ước vọng thiết tha nhất của mọi người dân Việt Nam vẫn là được vui sống hòa bình no ấm và ai cũng đều hiểu rằng muốn có được ước vọng thiết tha ấy thì phải tiêu diệt CS. Làm sao có thể thắng Cộng sản khi xã hội chúng ta còn đầy rẫy những thói nát bất công và chia rẽ thuận tiện cho CS này màm?

Vấn đề sống còn của miền Nam không thể chỉ giải quyết bằng một chiến dịch hay một cuộc điều đình mà phải là một cuộc Cách mạng trong mọi địa hạt, mọi lãnh vực, toàn diện đề phục hưng lại đất nước trong đó chỉ còn lớp người tuổi trẻ đủ sự nhiệt thành và trong sạch đề lãnh đạo. Tuổi trẻ VN phải kịp thời ý thức được vai trò lịch sử ấy. Thời gian của lớp người đi trước đang qua đi và sẽ phải qua đi. Thế hệ cha anh đã phản bội vai trò lịch sử của họ, và đã gieo quá nhiều tai ương cho dân tộc, đã đưa, dân tộc và tuổi trẻ VN ngày hôm nay vào lò sát sinh hiện tại. Chúng ta đang ở vào một giai đoạn của lịch sử thế giới mà Cố Tổng thống Hoa kỳ Kennedy đã nhận định như sau :

«Đã đến lúc ta cho một thế hệ lãnh đạo mới, những còn người mới đứng ra đương đầu với những vấn đề mới và cơ hội mới...»

Những nhận định trong bài này có lẽ sẽ làm nhiều chính trị gia già nổi giận và lên án kẻ viết là châm ngòi những mâu thuẫn chống đối giữa hai thế hệ già và trẻ. Chắc chắn là kẻ viết bài này cũng không muốn mở một cuộc cãi vả vì như thế sẽ chẳng đưa đến một kết quả nào tốt đẹp. Sir Winston Churchill có nói : «Nếu chúng ta mở cuộc cãi vả giữ hiện tại và quá khứ chúng ta sẽ gặp phải mối nguy là đánh mất tương lai.»

Hiện tại của cả dân tộc và tuổi trẻ Việt Nam từ Bắc đến Nam đã quá bi đát và đen tối vì sự bất lực và phản bội của lớp người đi trước. Chúng ta không muốn đánh mất tương lai. Có những sự thật đau lòng khi phải đề cập đến những làm thế nào khác hơn là nhìn thẳng vào sự thực đề tìm ra một giải pháp thích đáng, trừ phi chúng ta, tuổi trẻ Việt Nam muốn chiến tranh mãi mãi kéo dài, phò mặc đất nước thân yêu này trở thành môi ngon cho những tham vọng, những những lạm và tương tranh điên cuồng vì tư lợi hay chủ nghĩa, muốn lớp người trẻ trở thành những công cụ chém giết đề tàn sát lẫn nhau. Thực tế bi đát trước mắt đối với người tuổi trẻ Việt Nam không phải là lý do đề chủ bại hay thối chí mà là một bài học — BÀI HỌC XƯƠNG MÁU — về vai trò lịch sử của thanh niên ngày hôm nay.

Chế độ Cộng sản miền Bắc càng ngày càng suy sụp, chắc chắn sẽ có lúc tuổi trẻ miền Bắc ý thức được sự lừa bịp phi nhân của CS và sẽ đứng vùng lên làm Cách mạng Giải phóng. Vấn đề là Lớp người trẻ ở miền Nam phải gấp rút thực hiện cuộc Cách mạng toàn diện đề quét khỏi xây dựng một miền Nam lòng cuồng có thể tiếp tay cho Cuộc Cách mạng đập tan CS ở miền Bắc... Như thế ngày Thống nhất đất nước chắc chắn sẽ không xa.

Giờ đây Xuân đã về trên khắp đất nước thân yêu. Hoa mai nở vàng miền Nam cũng như hoa đào đã nở thắm xứ Bắc... Mùa xuân bao giờ cũng vẫn là mùa của tuổi Xanh nhưng mùa Xuân năm nay báo hiệu một giai đoạn mới : Giai đoạn của tuổi trẻ VN can đảm nhận lãnh vai trò lịch sử cứu nước và dựng nước. Trong niềm thông cảm chung niềm đau của thế hệ, Lớp người Trẻ VN chúng ta hãy cùng nhau nguyện tranh đấu cho quê hương được thanh bình, dân tộc được tự do no ấm, đập tan Cộng sản xâm lược miền Nam và độc tài miền Bắc đề xây dựng lại một Tò Quốc Việt Nam hùng mạnh.

NGUYỄN HỮU AN

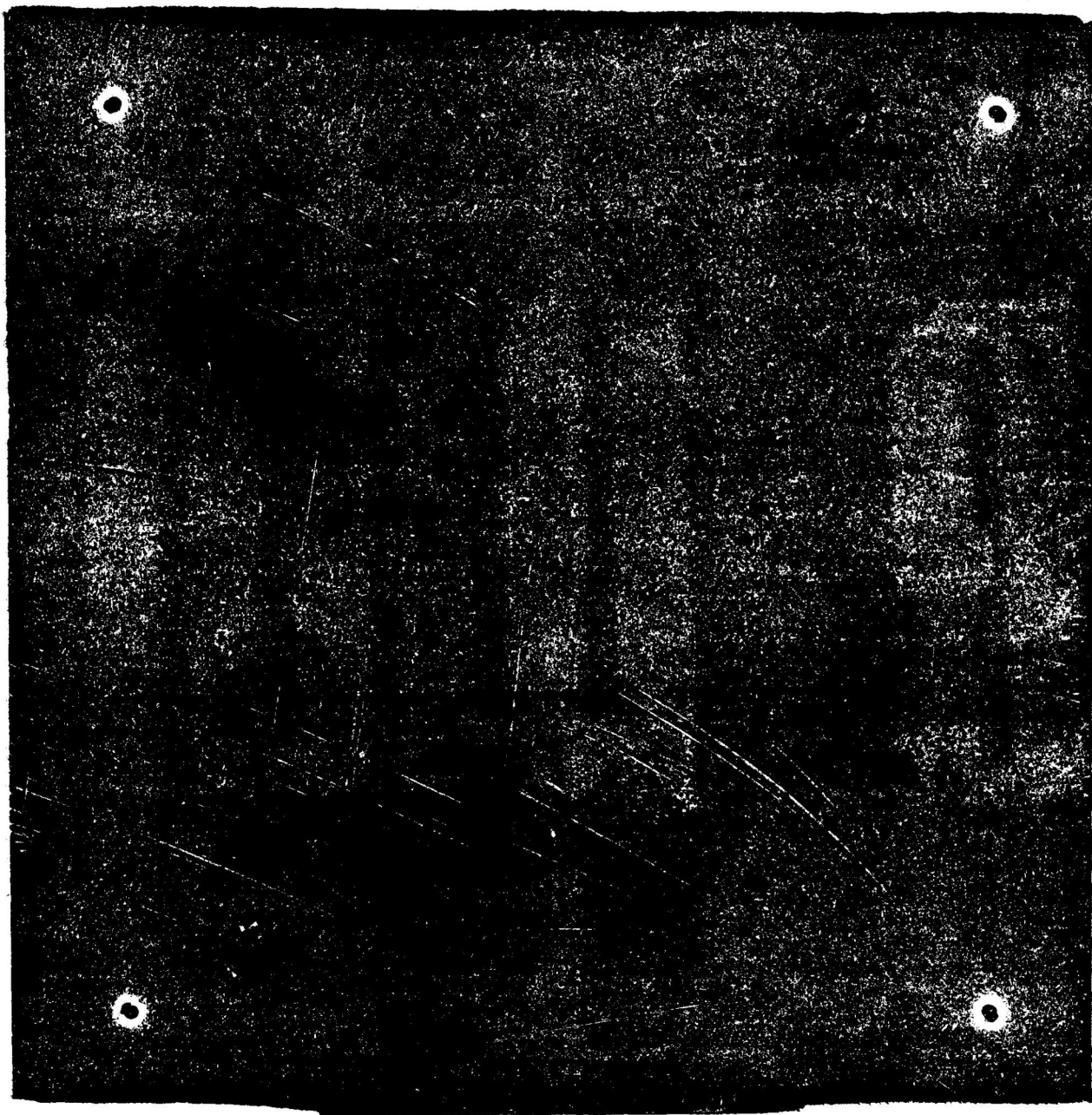
★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★

SINHVIÊN và ĐẠIHỌC

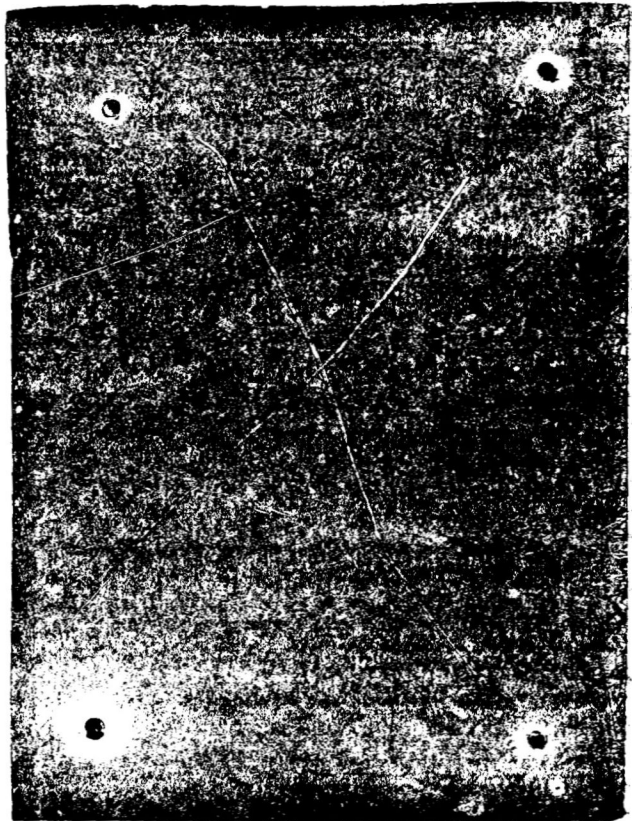
SINHVIÊN và ĐẠIHỌC

SINHVIÊN và ĐẠIHỌC

★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★







• MỘT ÂM MƯU GÌ ĐÂY ĐỐI VỚI TỜ QUẬT KHỞI

Mọi người đều công nhận thiện chí và lòng hăng say của những người trẻ đang chủ trương tờ Quật Khởi, bằng chứng là Quật Khởi đã khởi sắc với thời gian. Nhiều vấn đề quan trọng được mổ xẻ và đã đụng chạm ít nhiều với các thành phần, phản lại sự tiến hóa của Quốc gia, nên đã có một âm mưu nhằm ngăn cản sự phát hành của Quật Khởi. Đứng trước sự kiện là Tỉnh Thương xin tỏ bày lập trường là chống đối đến cùng mọi hành vi lũng đoạn các nhà phát hành vì mục đích tư thù và trả đũa, và khẩn thiết yêu cầu các vị giám đốc các nhà phát nên hành động theo lương tâm của mình trước đây, Tỉnh Thương cũng đã gặp tình cảnh như thế này của Quật Khởi. Với ý chí, chúng ta sẽ vượt qua.

• MỘT CHÍNH SÁCH THANH NIÊN

Ngày 12-12 vừa qua, hội Thanh Niên Thiện Chí đã tổ chức một buổi hội thảo về đề tài « Thử tìm một chính sách thanh niên » để đóng góp tiếng nói của những người trẻ đã và đang hoạt động xã hội với dư luận ; sau khi y sĩ trung tá ủy viên thanh niên đã trình bày « một chính sách thanh niên » của nội các chiến tranh.

4 Buổi hội thảo kéo dài suốt ngày với 5 đề tài — Nhận định 20 năm hoạt động của thanh niên — Thử tìm vài yếu tố cần thiết cần cho 1 chính sách thanh niên tốt — Vai trò của thanh niên trong các quốc gia chậm tiến — Nhận định về 1 chính sách thanh niên chỉ hay — Thử đề nghị 1 chính sách thanh niên.

Kết luận của buổi hội thảo là sau khi bị đè nén, bóp chặt, ngột ngạt, vu khống, thanh niên hiện tại đang vươn lên đầu đã không được cảm thông và nâng đỡ. Tất cả cùng đồng ý là xếp quá khứ tốt lẫn quá khứ xấu vào bảo tàng viện và người người thanh niên hiện tại không mang một mặc cảm, không bị một ám ảnh nào cả. Áo tưởng kháng chiến, áo tưởng chậm tiến, được xét lại lời cất kỹ tất cả đồng ý qua mấy chính phủ, không chính phủ nào có, chính sách thanh niên. Toàn là muốn nắm thanh niên, muốn lợi dụng và thành ra chạy theo đuôi.

Tất cả thiết tha có, chính sách thanh niên trường kỳ cốt để đào tạo, lớp người tới giữ vai trò lãnh đạo cũng như vai trò thừa hành trong một hoàn cảnh hoàn toàn mới ở ngày mai. Còn trách vụ của thanh niên là đầu không nâng đỡ và trợ giúp văn phái «sẵn sàng chuẩn bị, bảo tồn lực lượng để xung phong hành động ở ngày mai».

Tất cả hi vọng trên bước đường hiện thực hóa các đoàn thể hiện có, song song với việc đề các đoàn thể tự do phát triển hầu tiến tới ước mơ cuối cùng của mọi người là dân chúng hóa chính quyền (chính quyền được đặt ra để làm việc cho dân, để nghe dân), chính quyền nên triệt để giúp thanh niên mọi phương tiện hoạt động và thanh niên hóa các phương tiện đó càng nhanh chóng càng tốt.

Một chính sách thanh niên thành công là chính sách thúc đẩy được thanh niên dần dần thân, xắn tay nhận lãnh trách nhiệm. Thanh niên, càng xung phong nhận lãnh trách nhiệm càng nhiều chính sách càng thành công nhiều. Tất cả công kích quan niệm ba thanh niên được lập ra để tạo một đoàn thể cạnh tranh được và ăn đức càng đoàn thể tư nhân hay quan niệm công ủy viên thanh niên hay là suy ủy viên chỉ phối, nắm sai khiến được nhiều Thanh niên.

THANH NIÊN VỚI VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ

Ngày 19-12, hội Thanh niên Thiện chí đã tổ chức một buổi hội thảo về đề tài «Vai trò của những người thiện chí trong việc xây dựng nền báo chí Việt Nam». Thuyết trình Viên là ông Nguyễn

Ngọc Linh, Tổng giám Đốc VTX. Có 1 số đồng' các nhà báo đến dự. Thuyết trình viên đã phân ra làm 3 loại người thiện chí cần có để xây dựng báo chí. Độc giả thiện chí, Người làm báo Thiện Chí, và chính quyền Thiện Chí. Đoạn đầu thuyết trình viên trình bày trên vị trí một người đã ở 15 năm trong nghề báo chờ không phải ở vị trí 1 năm ở trong chính quyền, thuyết trình viên đã mở xẻ cặn kẽ, súc tích và đầy đủ những tính chất thiện chí của độc giả, của người làm báo và nói rất sơ lược về thiện chí của Chính quyền (thông cảm và giúp đỡ).

Ngoài ra thuyết trình viên cũng đề 1 phần nói về tương lai của báo chí qua những dự án sắp thực hiện dành nhiều cho VTX. Cái gì thuyết trình viên bàn sơ thì lại được cử tọa mở xẻ cặn kẽ. Ông Nguyễn Lý, chủ nhiệm báo Tiếng Việt cho thiện chí của chính quyền là quan trọng hàng đầu sau mới tới mấy thứ khác. Ông đã chứng tỏ sự thiếu thiện chí của chính quyền trong vấn đề kiểm duyệt, Hội đồng Báo chí, cung cấp tin tức... Ông Nghiêm xuân Thiện, Chủ nhiệm báo Thời Luận cho rằng nên đặt ngang hàng hai thứ : thiện chí chính quyền và thiện chí của người làm báo và ông kêu gọi nhiều đến thiện chí của độc giả (bớt bớt đọc truyện chường, bớt bớt khoái tin giật gân, nếu không...)

Hai Anh Ngô thế Vinh, và Phạm đình Vy tổng thư ký và chủ nhiệm Tình Thương đã đề cập đến trường hợp mà tờ Tình thương gặp phải trong khi muốn phản ánh lập trường của sinh viên hiện tại. **CÓ MỘT VỢ TÀI THÌ XẤU MỘT MẸ ĐÓNG ĐÓNG TÌNH THƯƠNG CHẾ THƯỜNG PHẢI C** **CHÍNH SÁCH MÀ K ĐƯỢC NGƯỜI LÀM BÁO CHÍ** **CÓ MỘT MẸ ĐÓNG ĐÓNG TÌNH THƯƠNG CHẾ THƯỜNG PHẢI C**

Thuyết trình viên nói là không được biết tình trạng của tờ Tình thương và đầu chính quyền còn khuyết điểm về vấn đề báo chí nhưng phải công nhận là hiện tại có rất nhiều tiến bộ.

Tất cả khi ra về đồng' nói rằng chính quyền không nên có mặc cảm là báo chí sinh ra là để chửi chính quyền và báo chí ngược lại không nên ôm mặc cảm là lúc nào chính quyền cũng muốn bóp chặt, phi phối báo chí.

Không hiểu mặc cảm có để xóa bỏ hay không!!

chương vàng. Như Cl. Bernard, con người thiên phú sanh ra để cứu nhân loại khỏi nanh vuốt tử thần này không biết làm tiên. Năm sau, ông vào làm việc trong viện chủng ngừa của B.V. St. Mary do thầy ông, G.S. Almoth Wright điều khiển suốt đời ông làm việc với thầy khá kính Wright trong cái phòng thí nghiệm tòi tàn buổi bậm này. Nhưng chính trong cái phòng bần chệt ấy mà trí ông luôn luôn sáng chói, danh ông lừng lẫy khắp năm châu bốn bể. Hiện nay phòng thí nghiệm này được sửa sang và trang bị dụng cụ tối tân và mang tên hai nhà bác học : Viện Wright — Fleming.

Ông nghiên cứu tất cả các vi trùng. Nhưng công trình phải gián đoạn bỏ dở vì tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc; ông phải tạm biệt phòng thí nghiệm xung vào quân đội với cấp bậc Trung úy y sĩ Q.Đ. Hoàng gia Anh hồi thế chiến 14-18. Sau ông được thăng lên đại úy. Trong thời gian này ông vẫn nghiên cứu vi trùng. Vết thương nào cũng được ông tìm vi trùng (!) Ông quên biết và đề ý một cô y tá người Ái Nhĩ Lan, có Sarah Marion Mac Elroy. Trong dịp nghỉ phép vào tháng 9-1915, ông thành hôn cùng cô y tá xinh xắn ấy. Chiến tranh chấm dứt, họ giả từ chiến trường về xây tổ ấm ở khu mỹ nghệ Chesseca ở Luân Đôn. Chính tại đây cậu Robert Fleming ra chào đời (1924).

Sau thế chiến, ông Flem, tên tắt mà các bạn ông thường gọi trong quân ngũ, trở lại phòng thí nghiệm ở St Mary để tìm một chất đã giết chết vi trùng mà không hại cho tế bào người. Một hôm ngẫu nhiên nói ngẫu nhiên chớ kỳ thực nó thai nghén tìm tòi trong tiềm thức ông từ mười mấy năm qua, ông nhận thấy trong hộp cấy trùng Staphylo, nơi nào có mốc mọc tua tủa thì trùng Staphylo không sanh sản được (1928). Ông cho đó là những « đóm ma quái ». Ông thắc mắc tự hỏi tại sao ? — Bởi vì nước đã trung hòa được trùng staphylo (!) ông nhận ra đó là nấm *Penicillium Notanum*. Thế là ông đã tìm ra được thần dược khả dĩ cứu được bằng triệu người khỏi bị vi trùng giết chết oan uổng.

— Ông nhớ lại xưa kia, quân La mã dập các vết thương bằng một giống mốc mà ông nghiệm là mốc penicillium. (Chính sự hiểu biết y lý cổ giúp ông thai nghén ý niệm về thần dược PNC. Sự quan trọng của Bảo Tàng Viện Y Khoa Jà ở chỗ đó. Tình thương 18). Nhưng thuốc PNC của ông linh nghiệm gấp triệu lần thuốc xưa. Việc khó khăn nhất là làm sao cho thuốc dùng được vô hại. Ngày 13-1-1929, như một sĩ tử lập cập run rẩy, ông trình bày công trình khảo cứu linh dược PNC, thiếu linh động và hấp dẫn đề khắc phục các hội viên Hội khảo cứu y khoa, làm cử tọa lặng im như bàn thạch.

Bởi thế, như công trình về chất mốc ấy của các tiền bối : L. Pasteur 1877 (Pháp)

K.B Dochle 1889 (Đức)

B. Gosio. 1896 (Ý)

A. Gratia 1923-39 (Bỉ)

Penicillium notamun của ông rơi vào trong lòng quên. Còn người ấy vẫn trì chí tìm tòi đề 11 năm sau (1940) thuốc được công nhận. Thuốc được đem ra thử lần đầu tiên cho loài người : các phi công Hoàng gia Anh bị thương nặng khi bảo vệ Luân Đôn chống đoàn chim sắt Đức quốc xã. Họ lành mạnh thật nhanh chóng. Chứng đó, thế giới mới chú ý mới chú ý đến chất nấm linh nghiệm của ông. Tháng 7-1944. Anh Hoàng Gorge VI ân thưởng và phong cho ông chức Bá Tước A. Fleming. Danh vọng nhất cho nhà bác học Flem là năm 1945 ông được trao tặng giải thưởng Nobel. Khắp nơi trên thế giới gửi tặng ban khen và ca ngợi ông.

Thầy ông, G.S. Wsight chết, ông được giữ chức Giám đốc viện vi trùng học St Mary (1946).

Thần dược P.N.C. chỉ được dùng rất thận trọng trong trường hợp nguy ngập vì thuốc hãy còn hiếm. Nàng Sarah lâm bệnh. Ông tận tụy luôn luôn bên giường bệnh để cứu chữa. Đau đớn thay ! tử thần mang nàng đi (22-11-49) để lòng ông quặn đau buồn. Thần dược P.N.C vô ích đối với bệnh nàng. Nó cứu không biết bao nhiêu người nhưng không cứu được nàng Sarah suốt đời tận tụy lo cho ông. Nhà bác học hết sức đau khổ thổ lộ cùng BS. Young rằng : «Đời tôi đồ vô hết rồi».

Phước bất trùng lai, họa vô đơn chí, cậu Robert Fleming lại tới tuổi đi quân dịch ở hải ngoại. Cảnh nhà buồn tẻ lại càng quạnh quẽ thêm. Đề thỏa nỗi buồn, ông tìm thú vui trong việc làm và du lịch. Trong dịp viếng cổ thành Athènes, ông gặp lại cô học trò cũ trẻ đẹp, có làn da nâu nâu với đôi mắt xanh cháy lòng, Amalia Contsouris Verouka, cử nhân khoa khóa 1951. Cô là con một y sĩ Hy Lạp, được tòa đại sứ Anh cấp học bổng đến học lại St. Mary. Ông xin cưới cô (ngày 9-4-53).

Hai năm sau, ngày 11-3-1955, ông đã trở về với cát bụi. Anh quốc mất đi một nhân tài, thế giới mất một vĩ nhân. Bà Flem ở lại Anh tiếp tục công việc tại phòng thí nghiệm của chồng.

Khoa học tiến bộ không ngừng. Sau PNC. là Streptomycine, tới Chloramphénicol, Kanamycine.v.v.. cả chục thứ mycine. Tên ông vẫn còn mãi trong y dược sử vì ông là cha đẻ của kỷ nguyên trụ sinh. Chưa có thuốc nào khai tử được nó, như nó đào mồ chôn Daganan.

PHAN-ANG-SANG

Những người áo trắng

ALEXANDER FLEMING

(1881-1955)

PHAN GIANG SANG

Trước đệ nhị thế chiến, Dagenan là một linh dược, đau gì uống cũng hết. Sau thế chiến, thuốc Dagenan lu mờ dần và đi vào lịch sử y dược bởi ngôi sao sáng chói của Pénicilline. Thần dược mới này đánh dấu một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên trụ sinh với thuốc Pénicilline, Streptomycine, Chloramphénicol, Kanamycine...

Hè nóng, có ghê, ung nhọt, bị thương... người ta tìm thấy y tá hay bác sĩ vườn (y tá) chích cho một mũi Pénicilline. (P.N.C.), chứ có ai biết tới người cha sanh ra nó Alexander Fleming đâu?

oOo

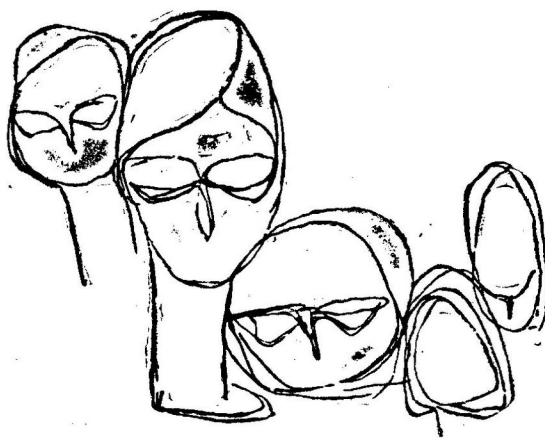
Bá tước A. Fleming là một người trầm ngâm, nhỏ thó và khó khăn ít nói. Đôi mắt sáng long lanh sau đôi kính gọng vàng làm cho người ta tưởng lầm ông là nhà kinh doanh Mỹ hơn là một kẻ tháo gia, một vỏ sĩ bởi sóng mũi bị gãy vì tai nạn.

Thích y học, nhưng ông không dám ước được trở thành một y sĩ, vì ông là một con trai út một gia đình nghèo với tám con, cha làm nghề cấy mướn.

Ông sanh ngày 6-8-1881 tại Lockfield Farm, Glasgow bên Anh. Ông thân qua đời rất sớm lúc ông lên bảy. Anh cả ông phải thế cha tảo tần lo cho đàn em nhỏ. Ông theo học trường bách nghệ ở tỉnh. Tốt nghiệp xong, ông phải lăn lóc vào đời thật sớm lúc tuổi đời mới 16. Ông làm thợ vẽ chữ cho hàng thủy vận. Nhưng con người này đâu có chịu dừng chân nơi đây. Ước vọng của ông là kiếm tiền để theo đuổi ngành thuốc. Nghề này chỉ là nghề bắt đực vì trong bước đường đầu đời ông thôi.

Say mê thể thao, ông ước đội thủy cầu của ông thắng giải tỉnh.

Định mệnh đưa đẩy đến năm 21 tuổi, bắt ngờ ông thụ hưởng một gia tài nhỏ. Gia tài này giúp ông thực hiện giấc mơ. Ông liền phiếu lưu đeo đuổi mộng tưởng mà ông ôm ấp từ lâu không hề thổ lộ cùng ai. Thôi việc, ông lên kính thành hoa lệ Luân Đôn ghi tên vào trường y khoa tại b.v. Mary...Tuy khiêm khuyết hơn các bạn vì nghỉ học đã lâu, nhưng ông tỏ ra là 1 s.v. mần cán xuất sắc. Bảy năm sau (1908) ông tốt nghiệp y khoa với huy



vài giòong mền gửi **TÌNH THƯƠNG** vừa đầy ba tuổi NGÔ GIA HY

Trong thời thơ ấu, có lẽ không tuổi nào đẹp bằng, tuổi lên ba. Đôi mắt thơ ngây, đã biết biểu lộ vui buồn, mừng, giận; đôi tay xinh xắn choàng cổ mẹ xiết chặt tình thương; đôi chân nhỏ bé, thoăn thoắt bước vào ngưỡng cửa cuộc đời, mền yêu mọi vật và được mọi người mền yêu. Cả tính chưa nẩy nở nhưng đã mọc mầm và chớm nở. Cả một tương lai, cả một đời người trước mắt. Một bản nhạc đời mới gảy âm điệu mở đầu.

« Tình Thương » đã được ba tuổi. Ra đời sau bao ngày bão tố, chính những người sinh ra nó đã trực tiếp hay gián tiếp tham gia vào vòng chiến đấu, để mở một kỷ nguyên mới. Rồi hai năm trôi với những biến cố liên tiếp làm lu mờ dần ngọn lửa thiêng của những ngày đầu cách mạng.

Sinh ra giữa súng đạn, máu lửa, lớn lên trong những biến chuyển dồn dập, hoàn cảnh bất thường ấy chính là lò hun đúc con người, rèn luyện kiên nhẫn, mở tầm suy luận để trong muôn nẻo đường, nhận thấy đâu là Đại lộ. Rồi can đảm dẹp lòng vị kỷ, chiều hướng an thân, góp phần đấu tranh với dân tộc bằng công việc, và bằng lời. Ngoài sách vở, học đường, giữa lúc sống còn của đất nước, người Sinh viên đã biến hóa nhịp sống với xã hội chung để khỏi thẹn với mình là đứng bên lề giòong sông lịch sử. Nhất là người Sinh viên Y khoa, mà đau khổ là lẽ Sống, Tình thương là ngọn đèn dẫn lộ, lại càng không thể bịt mắt, che tai để khỏi nhìn thấy chết chóc, khỏi nghe thấy rên siết... và chờ ngày lãnh bằng Bác sĩ, sống nghề Tự do. Nghề tự do? ời danh từ? vì mi mà bao người đã trong suốt một thế hệ vừa qua, khư khư ôm lấy mi, ấp ủ mi, mặc

cho sóng gió đảo lộn quốc gia. Dưới thời Pháp thuộc, nó lệ xiềng xích toàn thể dân tộc, thì kẻ hành nghề tự do cũng chỉ là con chim nhót trong lồng son. Con chim ấy, nếu là con Người biết tủi nhục thì chắc đã không ngồi yên vị.

Rồi qua thời Nhật, thời Việt minh, thời Bảo đại thời nhà Ngô... và những năm gần đây, có những con chim ấy vẫn ngày ngày nhảy nhót. Mặc ai chống Pháp, ai kháng Nhật, ai giết giặc Cộng, ai đánh đổ độc tài, ai lo âu cho đất nước, những con chim ấy vẫn luôn luôn sống bên lề xã hội. Có một điều, sơ đẳng nhất là khi quốc gia chưa có tự do, thì chẳng có nghề nào là nghề tự do hết, mà họ cũng không nhận thức nổi. Và khi chưa có tự do bị đe dọa, thì không một người công dân nào có quyền ngồi yên với cái nghề gọi là tự do của mình. Vì với chính sách độc tài Đổ, thì không bao giờ có nghề tự do; với ý thức hệ giai cấp đấu tranh, thì nghề tự do là một nghề hóc lột và kẻ hành nghề tự do là giai cấp tư sản, phải diệt trừ tận gốc. Bởi vậy muốn bảo tồn nghề tự do của mình, thì chính bản thân những con chim còn đang ngủ ấy phải vùng giãy sống chết với kẻ thù chung, hay ít nhất, cũng dám công khai có một lập trường quốc gia vững chắc. Thụ động là nỗi giặc cho giặc. Vị kỷ lúc này là kẻ có tội. Lập trường không vững chắc là miếng mồi ngon cho Đế quốc Cộng sản. Tôi nói Đế quốc Cộng sản chứ không phải Việt cộng. Tôi thương yêu người Việt bất luận ở vùng nào, còn con người Cộng sản không có quốc gia, và không còn là người Việt nữa, Trần giặc này là giặc chống ngoại xâm không phải trần giặc huỳnh đệ tương tàn. Bảo rằng huỳnh đệ tương tàn, chẳng hóa ra

kết tội, hàng vạn chiến sĩ quốc gia đã bỏ mình trên chiến địa hay trong bóng tối âm thầm hay sao ? Hòa bình ? Hòa bình trong nó lệ cũng là hòa bình, Hòa bình trong xiềng xích độc tài cũng là Hòa bình, Hòa bình trong nông trại, công trường, trong tổ khổ, gia đình tan rã cũng là Hòa bình ? Chắc chắn không một người Việt nào, đáng gọi là người Việt, lại mong ước thứ Hòa bình vậy.

Hòa bình chỉ thực hiện được khi Công sản bại trận, trên chiến trường, trên lãnh vực chính trị, Kinh tế và Xã hội. Nói thế để nhận thức rằng, đấu tranh còn đầy gian khổ và lâu dài, và nói đòi hỏi một huy động toàn lực quốc gia dù rằng, trong một thời hạn, cần phải *tạm hy sinh* mọi tư lợi, tư tình tư ý mà trong đó có cả những nghề tự do. Những người có trách nhiệm lãnh đạo quốc gia, nhất là lại có nghề tự do, hãy nêu gương hy sinh trước đi, hãy chịu cực khổ trước đi, cũng như những thành

phần có trách nhiệm hướng dẫn tinh thần thanh niên và Sinh viên.

« Tình Thương », đã được ba tuổi. Nó đã mạnh dạn đóng góp phần nào vào công cuộc chung, nói lên bằng những lời thành khẩn, trung trực, không sợ dỗi, nịnh hót, những sự thật nhiều khi đến phũ phàng, chua chát nhưng không ác ý. Mong rằng, những người nuôi dưỡng « Tình Thương » khi ra đời sẽ còn giữ được mãi lập trường đó, sẽ xây dựng nhiều hơn nữa không những bằng lời mà có bằng việc, không những bằng tình thương mà cả bằng ý chí quật cường để đem lại ấm no, hạnh phúc cho mọi gia đình, để làm rạng rỡ chánh nghĩa quốc gia đang bị chìm trong bóng tối ; Và những ai có trách nhiệm, hãy xúm tay vào, và tất cả con dân đất Việt hãy vùng lên viết trang Sử mới.

G.S NGÔ GIA HY



Buổi chiều bích thủy

cho Nước Bình Dương

chiều nay thấy buồn đó em
trễ hẹn cho nên em hờn
ngỡ là anh đây lỗi hẹn
giận rồi !! không đợi anh hơn

chiều nay thấy buồn đó em
lang thang phố xuống mưa đầy
nghe vũng cô đơn ngun ngút
xa em trong vòng bàn tay

chiều nay thấy buồn đó em
con đường tình yêu âm thầm
nước mưa ít hơn nước mắt
nỗi buồn ngày tháng anh ôm !

chiều nay thấy buồn đó em !
êm dãi thức giấc chong đèn
anh đếm dấu chân con gái
chẳng có cái vào của em ! !..

chiều nay thấy buồn đó em
bàn tay mất mát xanh dần !!
trở về liêu trai thề xác
buổi chiều này mang tên eu

NGUYỄN THÀNH PHƯỚC

tình thương — Số 25

VỀ LÀNG

CHUNG DI-SUK

Số người Tây Phương đọc qua các truyện Đại Hàn đều nhận định rằng : chỉ thấy toàn những tối tăm đói khổ ở trong các truyện. Đó là một sự thật. Bởi đối với người cầm bút cũng như người học ở Đại Hàn, những cảnh đời tươi sáng hạnh phúc là những điều không thật qua bao nhiêu thế hệ bị nghèo đói và áp bức. Truyện « Về làng » của Chung Pi-Suk là một. Chung là một nhà văn hiện đại rất nổi tiếng của Đại Hàn ; từng du học tại Nhật và là chủ bút nhiều tạp chí. Sức sáng tác phong phú, ông viết rất nhiều truyện ngắn và cả tác phẩm trường thiên.

« Free Lady » xuất bản năm 1953 bán chạy nhất trong năm và rất được giới trẻ tán thưởng.

« The Flower on the Mountain » ra mắt năm 1956 cũng rất được hâm mộ.

« VỀ LÀNG » được trích trong tuyển tập « Collected Short Stories from Korea » do Trung tâm văn bút Đại Hàn chọn và xuất bản — mô tả phút hồi sinh của một đất nước Đại Hàn vừa được giải phóng.

Vào tiết thu, trời quang không gợn một đám mây. Phía chân trời đằng xa, rặng núi xám như yên ngựa. Đoàn người vẫn đi dọc theo con đường xuyên núi. Tiếng thác đổ đầu đây âm thanh vang dội trong những khe đá. Lão già Choy tự nhủ thầm «phải, nhớ ra rồi, tiếng thác đổ».

Lão mang nặng trên lưng, tay chống gậy bước đi khập khểnh. Đưa con quay sang hỏi :

«Có thác nước gần đây sao thầy ?»

Đang khuôn nặng trên lưng, nó muốn phá tan sự yên lặng và nói cho quên mệt. Vợ nó lẻo đẻo theo sau, vai đeo con, tay ôm đồ.

Đi suốt ngày, lại vác nặng tất cả đều mệt nhoài. «Phải, thác Piryoung cách đây chừng dặm rưỡi». Yên

lặng trở lại. Chỉ còn nghe tiếng thác đổ và bước chân đi của ba người. Về gần tới làng xưa, đôi vợ chồng trẻ vẫn vô tư lự, trong khi lão Choy rối bời những ý nghĩ về quá khứ. Lão bỏ làng xóm đi Manchuria từ hăm mốt năm trước, khi lão mới có bốn mươi, cùng người vợ ngoài ba mươi và đưa con trai năm tuổi. Cả hai đều không muốn bỏ làng xóm để tới nơi đất lạ quê người. Nhất là vợ lão kêu khóc suốt suốt khi ra đi. Cũng tại chỗ dừng chân này, vợ lão quay sang hỏi chồng : «Mình bỏ đi, vậy đến bao giờ mới lại về đây nghe thác đổ».

Lão tìm cách trấn an vợ : «Tôi Manchuria, vợ chồng mình chịu khó làm lụng trong mười năm để dành tiền mua vải sào đất rồi về mà ngửa mặt sống

với bà con lối xóm. Minh đi lập nghiệp, mẹ nó đừng có kêu khóc gì nữa».

Tại Manchuria hai vợ chồng lão quần quật làm việc nhưng sau đó vợ lão đau yếu luôn vì không hợp phong thổ và buồn hơn nữa là cả hai không có thêm được đứa con nào.

Lão Choy vẫn ao ước có thêm con, và lại theo thầy tướng và tử vi, số lão còn có thêm con trai nữa. Nhưng mười năm qua đi, chả đứa nào đẻ. Vợ chồng lão tính ở lại làm ăn thêm mười năm nữa. Chưa tới năm thứ tám, vợ lão lần ra chết để lại mình lão với đứa con. Lão không muốn bỏ vợ nơi đất khách quê người, nên vẫn nuôi ý định đem về chôn nơi quê nhà. Và giờ đây, nghe tiếng thác đổ nhớ lại lời nguyện ước xưa với vợ, lòng lão buồn vô hạn. Lão vẫn nói với con là «khi tình thế mà em thấy sẽ đi mộ má con về làng». Bất ngờ chiến tranh chấm dứt, quả lão thoát khỏi ách người Nhật và lão lại có thể tính chuyện trở về.

Họ vẫn bước lẫm lũi, ít nói; tiếng chim cu rúc dội lại thật buồn.

«Từ đây tới làng mình còn xa không thầy?»

Lão quay sang nói với con.

«Còn độ 6 dặm nữa. Đằng kia là ngọn núi Kooksoodang. Đứng đó có thấy được làng mình. Hồi bé thầy vẫn bày trí ở đó».

«Làng mình to không thầy?»

«To chứ, có đến hơn bốn mươi nóc. Thầy đoán giờ phải lớn hơn xưa nhiều; sống ở đó dễ thở lắm».

«Để sống sao thầy lại bỏ đi?»

«Hồi đó còn nhỏ xiu con chưa biết. Có một người Nhật tên Okamwra tới mua mười mẫu đất làm vườn trái, thầy đi làm rẽ, hẳn đuổi nhà mình đi. Thầy phải đưa má con đi Manchuria lập nghiệp. Nhưng giờ thì bọn Nhật đi rồi, xứ mình sẽ sung túc trở lại».

Đồi núi và khe suối vẫn như xưa, nhưng lòng lão tràn ngập những hy vọng mới. Lão rảo bước tới trước với cảm tưởng chỉ mỗi bước nữa đủ đưa lão về tới làng.

«Con coi, sông núi quang cảnh đẹp thế kia chả trách người ta gọi xứ mình là đất lúa là».

Lão Choy giờ gầy chỉ về góc núi đổ chồi dưới nắng. Tiếng đứa con dẫu reo lên.

«Trời đẹp quá, hoa gì vậy thầy?»

«Hoa dâu! trông giống hoa nhưng là lá cây phong đó. Xuân với hạ thì xanh nhưng cứ vào tiết thu, lá phong đâm ra đỏ ối».

Người con gái ngạc nhiên và thích thú vì nàng chưa hề thấy cây phong

ở Manchuria. Còn lão già Choy sung sướng lên giọng giảng giải cho con dẫu.

Cả ba tới đỉnh Kooksoodang và bắt đầu thấy làng mạc. Lão nhón gậy chỉ cho hai con, giọng run rẩy cảm động «hai mươi năm rồi!» Những mái rạ thấp thoáng sau lùm cây, trên vài nơi mái có phơi ột đồ chơi. Bao nhiêu năm trước, dân làng đã đem gạo bánh trưng ra tiễn giúp vợ chồng lão lên đường và chúc ngày tái ngộ chẳng một ai tin vào chuyện đó. Bỗng, lão Choy la lên «Bây thầy quên cả! phải tới vài thần Kooksoodang chớ». Lão xếp hành lý bỏ mũ tới vài một thân cây lớn — có thần ngự ở đó. Rồi lão bảo hai con làm theo. Hai đứa vâng lời lão tới vài cây rồi trở lại ngó xuống làng.

«Mái ngói đỏ là nhà lão Kim còn mái tranh bên mặt là nhà mình, má sanh mày ở đó».

«Còn cần nhớ kể bên nhà mình là gì thầy?»

«Cần nào! à, cần bên dốc suối kể đó là nhà xay».

Mất lâu dừng lâu nơi ngôi lều, đầu óc hồi tưởng lại ba mươi năm về trước và mỗi tình đầu với nàng Tansil. Trong làng, Tansil là cô gái đẹp nhưng rất nghèo, Đêm đêm hai người đều hẹn nhau tới nhà xay trò chuyện. Rồi nàng Tansil phải lên tỉnh. Nàng phải đi làm lẽ lão Kwon giàu có. Lão Kwon lấy nhiều vợ nhưng vẫn chưa có con nối dõi, lão muốn cưới thêm Tansil làm vợ.

Đêm cuối cùng gặp nơi nhà xay, Tansil van nài Choy giết nàng và hai người ôm lấy nhau buồn khóc thảm thiết.

Sau này Tansil sinh con trai. Thiên hạ đồn đại đứa bé không phải con lão Kwon, nhưng vui sướng quá, lão bắt cần tới đàm tiếu và từ đó nàng Tansil được sống cuộc đời chiều chuộng hơn các thê thiếp khác. Nhưng có điều chẳng bao giờ nàng về thăm bố mẹ ruột và sức khỏe nàng ngày một yếu đi.

Hơn mười năm sau, khi gia đình lão Choy và vợ con đã rời đi Manchuria, Tansil cho người nhà tìm đến mang theo tiền và cả quần áo ấm.

Lão già hồi tưởng những sự việc đi như trong giấc mơ. Lão đứng bật dậy và lại bước tới.

«Lại đi thôi. Cha con nghỉ vậy đủ rồi».

Họ tới làng vào chập tối. Trên đường về nhà, Lão gặp mặt nhiều người nhưng tất cả đều xa lạ khiến lão tưởng mình vừa tới một nơi không quen. Núi non, đồng nội, nhà cửa vẫn như xưa nhưng sao con người ta thay đổi quá vậy? Lão đã mơ suốt hai mươi năm nay vẫn những khuôn mặt đó.

Khi làng xóm hay tin lão về, các bạn cũ đổ tới.

«Trời, thay đổi quá»

«Tôi chẳng nhận nổi ra bác nữa»

«Bác còn nhận ra tôi không?»

«Tôi tưởng bọn mình chẳng còn bao giờ gặp lại nữa. Đàm giải phóng là một điều hay, lúc này mình mới lại thấy nhau».

Nhưng sao, hai mươi năm rồi. Lâu quá ư? Tất cả thay đổi quá. Bọn trai tráng mới hôm qua nay tóc đã bạc phơ. «Trời bác già quá. Có gặp ngoài phố cũng khó có nhận ra nữa».

Họ sung sướng nói với nhau «Dù tuổi già nhưng lòng mình còn trẻ; tội mình sống quây quần với nhau thế này và sẽ trẻ trung mãi, xứ sở này bây giờ là của mình».

Và khi nhắc tới tên vài người bạn cũ lão Choy được biết.

«Hắn chết rồi. Hắn chết cách đây, cả mười năm rồi».

Người bạn thân nhất của lão cũng đã chết. Tuổi sáu mươi mà đã là tuổi chết rồi sao.

Khi cười nói, khi than thở, đám bạn già uống rượu chung vui đến quá nửa khuya. Hôm sau, tiệc rượu vui lại tiếp tục giữa những ông bạn già cho đến xế trưa. Giữa lúc đó một thanh niên dáng lễ độ bước vào:

«Kia, thủ lĩnh Kwon, mời anh nào».

Ông già đưa tới Kwon ly rượu, trong khi mấy hô lão khác khen ngợi công việc làm đặc lực của hắn.

«Con nghe nói có bác từ Manchuria mới về, con rẽ vào đề gặp mừng bác».

Kwon hướng về lão Choy, cúi mình chào lễ phép. Lão Choy đáp lễ xong nói.

«Cảm ơn cháu, nhưng bác chịu không nhận ra cháu là ai».

«Sao mà anh biết được. Cậu ấy là con trai bác Kwon ở trên tỉnh».

Lão Choy cúi đầu về phía trước, lão nghĩ đến Tansil và cố tìm nét giống mẹ nó.

«Từ Manchuria về đây xa vậy con chắc là bác một lắm».

«Cảm ơn, bác không có sao. Còn thầy cháu vẫn mạnh chứ?»

Một ông bạn già nói ngay: «Anh đang mơ chuyện ngày xưa sao, ông Kwon chết cả hơn mười năm nay. Cậu này đã tốt nghiệp trường canh nông và hai mẹ con cậu ấy mới dọn về đây».

Lão Choy ngồi nghe trầm ngâm rồi tiếp:

«Má cháu thì còn chứ?»

«Dạ, mà bà ấy cứ đau yếu luôn».

«Trời, má cháu bệnh gì vậy?»

«Con không biết nữa, bà ấy đau từ bao năm nay rồi».

«Nghe vậy bác cũng buồn. Còn anh được mấy cháu rồi».

«Con chưa cưới vợ mà bác?»

«Ồ, anh còn độc thân?»

Một ông bạn già nói cắt ngang:

«Làng mình có cậu ấy đỡ lắm, giúp ích bằng cả trăm người thương lặn. Tôi chưa nói chuyện cậu ấy tập hợp các thanh niên thành đội tự vệ, tổ chức giữ gìn làng xã ngon lành hơn thời Nhật nhiều. Cậu ấy đứng ra chỉ huy, mọi chuyện tội tôi nhờ cậy cậu ấy hết».

«Tôi ngại nhiên là bọn thanh niên nhảy ra làm việc được quá».

«Thật bọn mình không làm sao hiểu nổi tội nó, cứ như vậy tương lại xứ sở khỏi có lo gì nữa».

Lão già Choy ngược nhìn gã thanh niên:

«Lừa già bác hết xài rồi tương lai nước nhà là trông vào đám trẻ tội cháu».

Gã thanh niên mỉm cười nói:

«Lũ tội con nhỏ tuổi chưa có chút kinh nghiệm chúng con có làm được gì là theo lời khuyên của mấy bác».

Kwon ngưng nói rồi chau mày tiếp:

«Tội con nghe tin là quân đội Nga Mỹ đã đổ bộ vào Cao Ly».

Mọi người giục mình trước tin đó. Mấy ông lão đặt mạnh ly rượu xuống bàn nhìn nhau lo âu. Họ bàn tán nhỏ to và đều tỏ vẻ ngại: khiến Kwon phải trấn an là quân đồng minh có công giải thoát Cao Ly, họ cũng là dân văn minh nên chắc sẽ đối xử tốt với dân chúng và mình cũng nên biết ơn mà ăn cần tiếp đón họ. Nghe nói vậy các họ lão thấy an tâm trở lại.

«Họ là khách phải được mình tiếp đón là chuyện dĩ nhiên, nhưng chỉ ít lâu thôi chứ!»

«Bác nói phải. Không có gì ngăn cản tình hữu nghị đó cả nhưng nếu họ cố tình đóng lâu tại đây họ sẽ mất hết lòng yêu mến của quân chúng».

Vài người lại tỏ ý lo ngại là dân chúng sẽ lại chia rẽ vì các khuynh hướng chính trị như trước hồi Nhật thuộc.

«Không, cảnh đó không thể tái diễn nữa, Đấu tranh giữa đồng bào mình là điều ghê tởm».

« Nông dân sẽ không gầy rỗi mà luôn luôn nghe lệnh chính phủ. Mọi chuyện sẽ có nhà nước giải quyết ».

« Phục vụ hai ông chủ cùng một lúc chẳng phải là một chuyện dễ ».

Lo âu cũng dịu dần, họ lại nâng ly chuyện trò. Kwon cáo từ và cho biết có khẩu phần đặc biệt dành cho đồng bào tị nạn chiến tranh và bác Choy có thể được cấp dưỡng những thức cần thiết.

Lão Choy cảm ơn hẳn.

« Cháu cứ lo việc làng nước đi. Chuyện các bác rồi cũng chạy mà ».

Dư luận Hán Thành có bất mãn nhưng toàn thể làng mạc tiến triển êm đẹp. Con trai lão Choy cũng nhập vào đám thanh niên của Kwon trông nom việc làng nước. Trong làng có đầy đủ an ninh, dân chúng trở lại nói tiếng mẹ đẻ, quên dần đi ám ảnh áp bức xưa kia của người Nhật.

Ít hôm sau, vào một buổi sáng lão già Choy có ý định đi thăm người tình xưa. Nàng Tansil đang lâm bệnh. Nhà nàng không xa nơi nhà xay nhưng ở phía dưới dốc suối. Khi bước vào nhà, lão Choy thấy người đàn bà nằm yên trong một góc buồng có nắng. Lão cất tiếng hỏi :

« Chị còn biết tôi là ai không, Hyunsoo Choy ở Manchuria đây ».

Lão ngồi xuống cạnh đấy. Vẫn khuôn mặt quen thuộc ngày xưa tuy hóp đi và nhăn nhiều. Tóc nàng cũng đã bạc gần hết.

«Trời bác Choy. Tôi vẫn mong sao được gặp lại bác. Tôi có nghe tin bác về mà tại đâu quá không lại thăm bác được».

«Chị cứ yên nghĩ, đừng gượng dậy làm gì. Tôi cũng buồn khi nghe chị đau».

«Tôi nghe nói con trai và con dâu bác cũng về đây luôn, có phải vậy không?»

«Vâng có cả tụi nó. Mà chị đan phải nằm như vậy từ hồi nào?»

«Bao lâu nay tôi cứ vậy hoài. Tôi chắc cứ nằm vậy cho đến chết quá».

«Hồi trẻ chị mạnh lắm mà».

Người đàn bà khép mắt cười khẽ ; lúc quay ra mắt hai người đều ngẩn lẹ.

«Bác nghĩ coi còn bụng dạ đâu mà giữ gìn sức khỏe nữa».

Đăm đăm nhìn khuôn mặt người đàn bà, lão Choy hồi tưởng lại những ngày xưa và cuộc đời đổi thay, đến như vậy. Xúc động đến sâu xa, lão muốn ôm lấy Tansil và khóc. Lão nói :

«Hôm trước tôi gặp đứa con trai chị. Nó khá quá, cả làng ai cũng khen nó».

Nghe nói vậy, Tansil hỏi lại yếu ớt :

«Còn bác cũng thấy vậy sao?»

«Phải. Có đứa con như nó bằng cả mười đứa khác».

Người đàn bà lặng yên nhìn vào mặt lão Choy rồi nói :

«Nó trông giống bác hồi còn trai tráng mà!»

Tansil nhắm mắt để lệ tràn ra hai bên má. Lão Choy chớp mắt hỏi «Nó giống tôi sao?» Rồi lão nắm lấy tay người đàn bà «Chị nói vậy là sao?»

«Phải, ông Kwon thật sự không có con».

Giọng lão run lên, tim lão như thoát khỏi lồng ngực. Lão chợt nhớ lại tin đồn khi Tansil có con và cùng một lúc lão nghĩ tới người thầy bói — hẳn đoán số lão có hai con trai.

«Nó là con anh. Tôi đau lòng phải đặt cho nó tên họ người khác. Rồi tôi ngã đau, hơn 20 năm nay đứa bé vẫn mang tên đó — không đổi lại được nữa. Giờ anh rõ, anh trông nom cho nó. Tôi vẫn cầu mong sao gặp lại anh để nói điều này. Tôi chờ, chỉ những chờ...»

Hơi thở dồn dập, người đàn bà không thể dứt được câu nói. Mạch máu đập mạnh nơi thái dương, lão Choy ôm bàn tay nàng Tansil không cất được một tiếng nói. Ngày xưa họ yêu nhau Tansil đã định tự vẫn ngay trong nhà xay và khi vợ chồng lão Choy bỏ đi Manchuria, nàng còn nhớ cho người đem quà biếu tới.

Lão già Choy về nhà vào buổi chiều. Dù không một ai biết đến, lão vẫn hân hoan khi biết mình có thêm được đứa con trai. Đứng lão thầy bói, đoán được những điều mà người thường không sao biết nổi.

Lão lại leo lên núi và từ đó nhìn xuống làng. Cái gì cũng có vẻ quen thuộc và ấm cúng hơn. Đang mãi nhìn xuống khóm nhà dưới làng thì có hai thiếu niên qua đó, gặp lão cúi người chào lễ phép ; trên cánh tay mỗi đứa đều có mang dấu hiệu của đoàn tự vệ.

«Ồ, bọn cháu khá lắm. Cả đoàn của các cháu nữa. Các cháu con ai?»

«Cháu là cháu của ông Voh»

«Còn cháu là con thứ ba của ông Cho».

«Ồ, vậy sao? bác biết cả ông và ba các cháu? Ban thiết của bác mà. Các cháu làm việc được lắm, gặp các cháu bác mừng hết sức».

Nhiều bạn củ của lão đã qua đời, nhưng đây là con cháu họ. Trước đây lão muốn được chết. Nhưng lúc này lão nghĩ đến lũ con mình, con bạn lão bỗng tin làng mạc sẽ lại giàu có. Chính phủ tổ chức lại, mọi chuyện sẽ êm đẹp và ngôi làng của lão sẽ thịnh vượng hơn mọi làng khác. Nhìn xuống làng lão tự mỉm cười và lấy làm bằng lòng. Chỉ còn mỗi chuyện phải làm nữa là di mộ vợ lão từ Manchuria về đây.

CHUNG DI SUK

Hội thơ Hán Thành

(Tập Bút — CAO XUÂN TỨ)

Những kẻ trời không quen triu về trên vai chúng tôi, nặng trong hơi sương muối và loàn trên dãy phố ngút dài vào một buổi chiều hàn đới. Hàng cây trơ lá ngằn ngơ nhìn đông hành lý nép trong bóng giá của phi trường, chờ chuyển xe đưa về khách sạn. Bàn tay se, càng se thêm hơi thở đặc và buốt bốc rừ những tầng băng ở phương trời bắc nào, trút vô trong ngọn gió lốc đầu mùa. Hán Thành lạnh và trơn trên da. Hán Thành trụi cây lá bỏ ngõ tiếp thu chúng tôi về, bầy chim ngơ ngác vừa mới cánh bay khuất miền của nắng chói chang phía chân trời xích đới, đập vào xứ mùa lạnh kinh niên. Một nơi thật xa. Xa tít, xa mù, xa mãi vào lớp hương khói mờ mờ trong ký ức...

Bỗng đứng cảm giác lạc loài lúc ban đầu tan nhanh không một phút ngơ ngàng. Nụ cười hồn nhiên mở trên viên môi tròn và thắm của người nữ sinh tặng hoa, những cái bắt tay thật siết, hơi ấm truyền qua nhạy và đậm thắm ở tình cảm tuy ban sơ nhưng trung thực, đuổi về xa ấn tượng rét mướt của một ngày lạnh khát khe của đất trời ở địa dư này. Những bộ mặt yêu sống và cương nghị, tầm vóc lớn cao của lớp thanh niên, sinh viên xứ này dễ dàng chinh phục cảm tình và gây niềm tin cho đám khách lạ chúng tôi... Phố Hán Thành rộng thênh thang và dài miên man, băng những ngọn đồi chót vót làm mỗi cả rừng taxi lao quanh triền dốc chẳng chệch vào nhau như một khung cửi khoáng đại. Những tòa nhà cao lêu nghêu tọa trên vườn cỏ

êm nhung và xanh nõn sau lớp sương buổi sớm làm dịu hẳn mắt sau khi đi qua khu thương mại với những lớp màu chói mắt. Dấu vết chiến tranh đã được xóa đi một cách diệu huyền nhờ nhiệt tình và đức chăm làm của cả một dân tộc. Sự phục hưng mau chóng về lĩnh vực kinh tế được thể hiện ở những ngân hàng cất lên san sát và số máy điện thoại mắc ở những tư gia. Điện thoại ở Hán Thành không còn là một xa xỉ dành cho giới thượng lưu khách sạn, nhà hàng... mọc lên như nấm giữa đám thảo mộc nhiều hương và đủ loại khác nhau trong bàn cờ ngựa xe ở chốn kinh kỳ này. Một đôi khách bỗng lạc chân rẽ vào một lối ngõ quanh co đi giữa hai dãy nhà nhỏ thấp. Nắng trong trẻo tay còn ứ nhiều hơi lạnh đêm qua in hằn lấy bóng đám trẻ nô cưỡi, đưa lại cho chúng tôi cảm giác thoải mái lúc được rời xa cái bức bối của thành đô cát bụi để dẫn thân vào một cuộc nghỉ mát cuối tuần ở miền núi hay vùng biển cát. Cũng trong những ngõ hẹp này, chúng tôi nhận thấy những sợi dây của họa nghèo khó vẫn còn vương vít một cách vững chãi ở đất nước này mà cả một dân tộc đang ra sức vứt bỏ đi.

Đêm về; khí nhẹ và mỏng. Ánh neon rõ ràng làm mờ đám sao dày trên kia và hôm đẹp trời. Cái lạnh cắt da làm co rút thêm mấy tấc thân cơ ro. Sau cuộc đi bộ đã có phần long đôi chân, cổ đã se càng se thêm trong cơn gió cuồng thổi ngược cả mớ tóc thời trang của đàn thiếu nữ đi mua hàng tối thứ bảy, chúng tôi ngừng

bước ở tiệm trà nằm trên một con đường êm ả trong khu phố tiếp cận khách sạn Bondo. Hương trà ngát ngát thoát ra qua cách cửa khép hờ, trầm mình trong tiếng nhạc. Ly trà sâm đưa hơi nồng bốc khói và mùi vị ngọt ngào và lạ kỳ của thứ thảo mộc đặc biệt địa phương này thấm vào hòng ẩm từng thớ cơ thể thật nhỏ trong chúng tôi. Trà thất ở Hán Thành được nhiều nét mặt mà, thêm vào nét dịu dàng ở sự bày biện bàn ghế và lối nếp đãi ưu ái của những chiêu đãi viên. Ở đây người du khách thoải mái thả hồn theo những bản ca phổ thông Đại Hàn, lắng nghe, thiết tha và chờ nhiều màu sắc dân tộc điển hình là điệu « Arirang » mà chúng tôi có dịp học thuộc qua những buổi liên hoan với sinh viên Đại hàn và quốc tế. Mức thưởng và không khí đáng yêu của tiệm trà Hán Thành dễ làm cho đôi bạn mới quen cảm thấy gần gũi và thân nhau hơn, như đuổi kịp cả không gian và thời gian. Không gian thu nhỏ lại và kết tinh thành những cọng trà nhỏ thỏ, thấp thoáng đậu xuống đáy tách, những tách trà sâm nâu và trong không bị khuấy động soi được cả ánh mắt tìm mau và vằng vặc trong hờn giọng nói ấm như hơi thở của chính Hán Thành. Thời gian không bay cũng không đậu, tìm về trên búi tóc đen huyền và trên đuôi mắt nhiều duyên của người nữ sinh viên đại học Ehwa và Sykmyong.

Trên lối về cư xá, đường thưa với hân người sau những hồi não loạn ban đầu đêm. Tôi miên man nhớ đến Saigon hiện đang ru vào giấc ngủ trên cánh gió nhẹ ngoài sông hoặc từ đồng nội trời về. Saigon mát và hiền lành như gái mười tám lúc nửa đêm. Hán Thành làm máu đông ở vành tai và khô cứng môi lúc nửa đêm. Đêm nồng nàn nhiệt đới và đêm tái tê hàn đới. Nhưng giấc nửa đêm thì bình yên và lắng dịu ở cả hai miền. Người bạn đồng hành trao cho tôi nắm hạt dẻ nóng bỏng cả tay vừa mua ở sạp hàng rong bên vệ đường. Hương và vị hạt dẻ về ngập trong trí nhớ rõ mồn một, trong hiện tại và tương lai bé bỏng của đất nước rách nát và cả của chính mình cả quê hương vơi xa cũng dần về trên tay. Quê hương say trong giấc ngủ muộn và đang nằm mơ vùi lấy cánh tay nỡn và mềm của dải đất lạ này. Gió mùa nhiệt đới bỗng dâng lên cuộn cuộn trên biển cao và rộng, vào một đêm lạ lùng và ngấm trong rét giá. Dưới đồng chăn kéo trùm kín cổ, tôi vẳng nghe tiếng ngấm khê ở ngoài xa kia, trên bãi cát mỏng manh hai bên bờ sông, Hàn, và dưới thấp này của hồn mình :

« Tôi về ngõ vườn len mắc cỏ
tôi về ngõ khói ngọn bắc đèn ».

Liên Hiệp Quốc

(tiếp theo trang 8)

hội đồng vào mùa thu năm nay chúng ta cần một sự thay đổi trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc để có thể thích ứng nó với một thế giới đang chịu những thay đổi mau chóng, vì chúng ta cần có một LHQ chính đổi mau chóng, vì chúng ta cần có một LHQ chính nó 20 trước đây đã hiện ra như niềm hy vọng chói lọi của nhân loại LHQ hiện nay đang trải qua những lúc khó khăn nhưng như Dag Hammarskjöld đã nói : LHQ phản ánh trung thực thế giới — lý tưởng của thế giới cũng như sự thấp kém của nó sự cao quý cũng như sự man rợ của nó. Chúng ta nhận LHQ như một tổ chức Đại Diện nhằm mục đích thiết lập và duy trì một trật tự quốc tế. Mặc dù sự ra đi của Indonésie, 114 hội viên taong LHQ thường luôn luôn đồng tâm về sự cần thiết của nó. Ngay trong những giai đoạn khủng hoảng nhất trong nội bộ LHQ, nhiều quốc gia đã vận động để gia nhập LHQ. Thật là lạ lùng khi mặc dù gặp nhiều khó khăn trăm trọng, LHQ vẫn tiếp tục thực hiện những chiến dịch nhằm mục đích duy trì hòa bình ở truy Đông và ở Chypre. LHQ cũng đã thành công trong việc thuyết phục hai phe chống đối ở Saint

Domingue đồng ý một cuộc đình chiến giới hạn đã kéo dài thêm thời gian vừa qua và trở thành cuộc ngừng bắn hiện tại.

Có lẽ một thời gian hai mươi năm không đủ để ta xét đoán giá trị của LHQ và những thất bại mà LHQ đã chịu trong thời gian ngắn ngủi đó không chừng tỏ được là chúng ta sẽ thất bại. Người sinh viên trên toàn thế giới, trên đường đi tìm kiếm Hòa Bình vĩnh cửu và sự hợp tác đặt hết tin tưởng vào giá trị lớn lao và sự hiện hữu cần thiết của tổ chức LHQ giải pháp cho những tranh chấp và những vấn đề quốc tế không phải căn cứ vào sự tan rã của LHQ hay thành lập một tổ chức khác mà chính là việc phục hồi LHQ biểu tượng cho những niềm hy vọng của thế giới vươn lên, của thế giới đana phát triển. Những vấn đề đặt ra với nhân loại như tăng gia nhân số khai thác những nguồn lợi thiên nhiên, cải thiện nền canh nông, Diệt trừ nạn đói kém và Bão hàn sẽ tìm được giải pháp tốt đẹp hơn và hữu hiệu nhiều hơn nữa trong khuôn khổ của Liên Hiệp Quốc tăng cường và mạnh mẽ.

SHREESK JUYAL
(NGUYỄN HỮU AN dịch)

Chim Trời mỗi Cánh

TRẦN MỘNG LÂM

Hà cầm phong thư và nhận ra nét bút của Vũ. Hà hơi ngạc nhiên và đoán biết có việc quan trọng vì nếu không Vũ đã đến nói thẳng với Hà. Vũ là con của Quang, bạn thân của Hà, đã qua đời từ lâu. Hà xé giấy và lật lá thư ra đọc, nét chữ thật bay bướm dễ thương.

Chú Hà thân mến,

Thưa chú, cháu xin lỗi sẽ làm mất thì giờ của chú nhưng xin chú hiểu cho, lòng cháu đang bối rối vô cùng. Cháu đang cần sự khuyên bảo của chú. Ba cháu mất sớm, cháu chỉ còn có chú là người thân. Từ ngày còn nhỏ, chú vẫn là người mà cháu hằng cảm phục.

Ngay từ khi mới bước vào trường y khoa cháu đã tự nhủ sẽ cố gắng để có thể trở thành một nhà giải phẫu như chú. Đến nay, giấc mộng mà cháu hằng ấp ủ đã có cơ thực hiện. Cháu đã thi đậu được một học bổng để học trong năm năm tại ngoại quốc.

Chắc chú đang mỉm cười vì nghĩ rằng câu chuyện của cháu chẳng có gì đặc biệt phải không? Thực ra, câu chuyện của cháu sẽ không có gì khó nghĩ nếu không có Linh xen vào. Chú biết Linh chứ, cô bé mà chú đã khen là dễ thương hôm nào đó mà. Cháu yêu Linh và muốn được chung sống cùng Linh.

Khi cháu gặp Linh và báo cho nàng tin mừng đã thi đậu, trái với điều cháu nghĩ, Linh đã tỏ ra buồn phiền khi nhận được tin trên. Linh đã khóc và bảo cháu :

— Linh muốn anh đừng đi học nữa. Làm bác sĩ thôi không đủ sao?

Và Linh nói thêm — Cháu xin lỗi nếu có làm chú giận :

— Học giỏi như chú Hà có ích gì đâu sống cô độc một mình với một danh vọng hão huyền có gì là hạnh phúc.

Linh bảo là người con gái chỉ có một thời và nếu cháu ra đi, nàng sẽ không đợi cháu được.

Chú Hà ơi,

Hạnh phúc là gì? Đời chú có hạnh phúc không? Giữa hai con đường : Ở lại, lấy Linh, làm một người thầy thuốc ở một tỉnh nhỏ, sống một đời sống êm đềm hay ra đi, học hỏi thêm, đem tài năng mà trời đã phú cho để phục vụ nhân loại nhưng sẽ mất Linh, cháu sẽ phải theo con đường nào.

Cháu chờ đợi sự trả lời của chú trong sự nóng ruột vô cùng.

Cháu của chú

Vũ

Lá thư được chấm dứt với một chữ ký nguệch ngoạc, như thói quen của Vũ. Hà gấp lá thư, cho vào túi, đứng lên.

Hà chưa muốn suy nghĩ gì vì một trường hợp giải phẫu khó khăn đang chờ chàng. Hà cần có một sự sáng suốt tuyệt đối.

Hà tiến tới chỗ rửa tay và quay sang người cộng sự đứng cạnh.

— Anh cho sửa soạn bệnh nhân.

oOo

Hà siết mạnh mối dây cuối cùng và thở ra khoan khoái. Một lần nữa, chàng đã thành công. Cuộc giải phẫu thật khó khăn nhưng với kinh nghiệm và khả năng thiên phú, Hà đã vượt qua một cách dễ dàng.

Cởi bỏ bộ áo mổ, Hà bước xuống vườn hoa. Trời đã về chiều, gió thổi nhẹ trên những hàng cây. Pho tượng đồng đen đứng lạnh lẽo bên chiếc ghế dài. Bệnh viện thật vắng vẻ trong buổi chiều cuối năm. Người lao công đang cúi húi quét dọn kính cần cúi chào khi Hà đi qua.

Đặt bàn tay lên trên pho tượng đồng, Hà thấy rõ sự lạnh lẽo truyền vào người chàng. Hà ngắm nhìn pho tượng và nhớ tới Quang, người bạn đã hết lòng tận tụy với chàng. Hà cúi nhìn giòng chữ khắc ở chân pho tượng :

Đề kỷ niệm ngày khai trương bệnh viện của bạn. Những lời chúc mừng chân thành nhất của tôi, Quang.

Hà thở dài buồn bã. Tám năm trời đã trôi qua nhanh như một giấc mộng và Quang cũng đã qua đời.

Hà cúi đầu đi trên hè phố và thấy lòng mình cô đơn.

Hà mãi miết đi mãi và không chú ý đến chung quanh. Những buổi chiều cuối năm thường làm Hà khó chịu vì ý thức được sự đơn độc của mình.

Đến một góc phố, Hà bỗng ngừng đầu lên. Một ngôi nhà đồ sộ màu trắng đứng xừng xững trước mắt chàng. Hà lầm bầm một mình : Trường Y khoa, và cảm thấy lòng quận đau. Cả một dĩ vãng hiện ra trước mắt chàng. Dĩ vãng mà chàng đã cố chôn vùi trong cùng tận đáy lòng...

oOo

Mười lăm năm về trước.

... Thuở ấy, Hà là một sinh viên xuất sắc của Đại học y khoa được thầy yêu và chúng bạn nể vì. Hà còn nhớ rất rõ những buổi thảo luận mỗi khi có những trường hợp bệnh lý khó khăn. Hà luôn luôn là một ngôi sao sáng và những lý lẽ chàng đưa ra bao giờ cũng được các thầy coi là xác đáng. Đề cử cử địa vị, Hà đã phí rất nhiều thì giờ lục lọi và tham khảo các sách của Thư viện nhà trường. Các bạn Hà rất kính phục chàng và thường đến nhờ chàng chỉ bảo những nỗi khó khăn.

Ngày khai trường năm đó, Hà lên đến năm cuối cùng của đại học Y khoa. Chàng thanh niên suốt đời chỉ biết học, bỗng nhiên cảm thấy thiếu thốn một điều gì,

Trong một buổi dạ hội tất niên tổ chức cho toàn thể các sinh viên y khoa, Hà gặp Vân lần đầu và bỗng cảm thấy say mê nàng vô cùng. Vân là một sinh viên mới vào trường.

Người thiếu nữ đó có mái tóc bồng bềnh và đôi mắt thật đẹp.

Nàng tươi cười luôn miệng và tinh nghịch vô cùng. Từ buổi được biết nàng, Hà bỗng thấy trong lòng sống gió. Hà luôn luôn tìm dịp để gặp Vân trong các giờ thực tập ở bệnh viện giảng giải cho nàng.

Hà nói thao thao bất tuyệt và Vân thường tròn mắt kính phục sự hiểu biết của chàng. Tình trạng đó kéo dài được mấy tháng thì Hà tìm cách đến nhà Vân.

Ở nhà này, Hà thường gặp Thanh cũng đến thăm Vân. Các bạn Hà nói cho chàng biết là Thanh cũng đang theo đuổi Vân. Trong những lần này, Hà bao giờ cũng mỉm cười rất tự tin.

Hà thầm nghĩ : Thanh đâu phải là đối thủ ngang tay của mình. Hắn học dở hơn mình quá nhiều mà nhà lại nghèo nữa.

Và rồi thời gian vẫn trôi đều, êm đềm như mặt nước ao hồ.

Cho đến một hôm Hà quyết định tỏ tình cùng Vân.

Hà còn nhớ rõ hôm đó trời rất đẹp Hà ăn mặc sang trọng, nét mặt đầy tự tin đến tìm Vân.

Vân mặc một chiếc áo lụa màu tím làm nổi bật làn da trắng muốt của nàng, Vân yên lặng ngồi nghe Hà nói trong suốt một giờ. Hà nói rất nhiều về các dự định trong tương lai của chàng, nào là chàng sẽ đi học ngành giải phẫu ở ngoại quốc, nào là chàng sẽ mở một bệnh viện thật tối tân, Vân chăm chú nghe, thỉnh thoảng lại mỉm cười.

Cho đến khi chàng vào đề, nói với Vân ý định xin cưới nàng, nét mặt Vân bỗng trở nên thật trang nghiêm.

Yên lặng một lúc lâu, nàng nhỏ nhẹ lên tiếng :

— Vân rất tiếc, thưa anh, Vân đã nhận lời Thanh mất rồi.

Hà bỗng cảm thấy chóng mặt, điều mà chàng không bao giờ ngờ tới đã được Vân nói ra. Hà đau lòng, đau vì yêu Vân thì ít mà vì tự ái thì nhiều. Lần đầu tiên trong đời, Hà đã thất bại.

Cuối năm đó, Hà xuất ngoại và đi theo con đường chàng đã định. Hà đã thành công và trở nên một nhà giải phẫu nổi danh, làm chủ một bệnh viện nổi tiếng. Ngày chàng trở về nước, Vân và Thanh có gói giấy mừng chàng. Qua những lời nói chuyện của bạn bè, Hà được biết Thanh và Vân đều làm thầy thuốc ở một tỉnh nhỏ, nơi quê hương Vân. Hà vẫn thường tự hỏi không hiểu trong suốt cuộc đời, có khi nào Vân hối hận đã từ chối tình chàng hay không ?...

oOo

Hà vẫn đứng vững trên lề đường, bên kia là trường Y khoa. Một toán sinh viên rời khỏi trường. Nhìn về mặt tự tin, yêu đời của họ, Hà bỗng thấy nhớ tiếc chuỗi ngày xanh.

Một chiếc xe hơi phóng mạnh sát lề. Nước mưa còn đọng trên lề đường hắt mạnh vào người chàng.

Hà bước đi, lòng sầu lắng lắng. Tiền bạc, danh vọng chàng có đầy đủ nhưng chưa bao giờ Hà thấy hạnh phúc.

Có tiếng còi xe hơi sau lưng Hà, Hà quay lại và nhận ra Loan em họ chàng là bạn của Vân. Loan mời chàng lên xe để đưa về nhà nhưng Hà từ chối. Chàng muốn được tự do suy nghĩ trong buổi chiều cuối năm. Hà nhớ lại ngày đám cưới của Vân, Loan có hỏi chàng:

— Anh Hà có ghen với anh Thanh không ? Hà đã thẳng thắn trả lời.

— Không khi nào, anh chỉ tức giận nếu Thanh giỏi hơn anh về mọi phương diện, đáng này, Thanh quá tầm thường nên anh chỉ ngạc nhiên về thái độ của Vân mà thôi. Loan e dè :

— Chị Vân nói chị ấy muốn lấy một người chồng tầm thường biết lo cho vợ con chứ không thích lấy một người suốt đời chỉ chạy theo danh vọng.

Màu đối thoại ngắn ngủi trên đã làm Hà suy nghĩ rất nhiều. Hà và Vân là hai loại người khác hẳn nhau. Chẳng vấn cho Vân là tầm thường nhưng trong buổi chiều cuối năm này, đi trong phố vắng, giữa những hàng cây cao vút, chàng bỗng thấy Vân có lý. Sự cô đơn mà chàng đang chịu đựng làm chàng chán nản vô cùng.

Đã biết bao nhiêu người đàn bà đi qua trong cuộc đời chàng. Chàng gần họ vì dục vọng hơn là vì thương yêu. Người đàn bà duy nhất mà Hà yêu vẫn là Vân, mãi mãi là Vân.

Sau Vân, tình yêu không đến nữa với Hà. Đó là lý do khiến Hà vẫn sống độc thân.

Hà đã đi tới cổng nhà mình. Chàng mở cửa và bước vào. Căn nhà vắng lạnh. Người lão bộc vẫn ở với chàng đã xin phép về ăn tết cùng con cái. Hà tiến vào phòng khách và thấy Vũ, đang ngồi chờ chàng.

Hà rót cho Vũ một ly rượu và nói :

— Uống đi cháu, rồi kể chuyện chú nghe, chuyện của cháu và Linh. Có phải cái cô bé có mái tóc như Nhật bản mà cháu chê là mập quá phải không ? Sao tự nhiên đổi ý mau thế ?

Vũ mỉm cười :

— Hồi đầu cháu cũng thấy nàng mập quá nhưng sau nhìn mãi hóa quen cháu lại thấy nàng không còn mập nữa.

Hai chú cháu phá lên cười thông cảm. Hà ngồi vào chiếc ghế rộng, trong góc tối của căn phòng và yên lặng nghe Vũ nói. Chàng thanh niên, đầy nhiệt tình, nói say mê về người mình yêu, về mình, về những giấc mộng mà mình đã ấp ủ trong lòng ngay từ thuở ấu thơ, và về nỗi bất đồng ngăn cách hai người yêu nhau Vũ ngừng nói đã lâu mà không thấy Hà trả lời. Hà vẫn đắm mình trong suy tưởng mông lung.

Hà nghĩ về cuộc đời Hà, nghĩ về Vân, về Thanh, về những khuôn mặt quen thuộc của mười lăm năm về trước. Hà lấy Vân và sống một cuộc đời êm đềm trong một tỉnh nhỏ, với đàn con xinh đẹp, không hiểu Hà có tìm được hạnh phúc hay không.

Hà bung cốc rượu tiến về phía cửa sổ, nhìn đắm đắm lên bầu trời. Trời sáng, thật trong và có nhiều sao. Ánh sáng trắng rơi xuống sân nhà. Những lá cây in rõ nét trên bầu trời xanh. Hà bỗng mỉm cười

khí nghĩ đến câu chuyện éo le cần phải giải quyết. Không hiểu Hà có còn là Hà của mười lăm năm về trước hay không ?

Tiếng hát của cô ca sĩ vang lên từ căn nhà bên cạnh, bản L'âme des poètes mà Hà hằng ưa thích : Long-temps, long-temps... Có tiếng động ở phía sau, Hà quay lại và nhận ra Vũ đã đứng cạnh mình từ lúc nào. Hà mỉm cười với Vũ. Chàng thanh niên trông thật dễ thương với gương mặt cương nghị.

Hà đặt tay lên vai Vũ, giọng thật trang nghiêm.

— Có nhiều cách để giúp ích cho nhân loại. Cháu có thể giúp đỡ rất nhiều cho những người xấu số mà không bắt buộc phải là siêu nhân. Chú không dám khuyên cháu phải theo nhất định một con đường nào. Cháu phải quyết định lấy một mình và chỉ một mình. Hãy làm điều mà cháu thích và đừng bao giờ ăn hận về việc đã làm.

oOo

Đưa Vũ về nhà xong, Hà không biết đi đâu. Trời lất phất mưa, những giọt nước mưa đọng trên kính xe làm mờ mắt Hà, Hà phóng mạnh và nghe gió thổi ù ù bên tai. Hà đã ra tới bờ sông, chàng mở cửa xe bước xuống.

Chàng nhìn giòng nước đục ngầu, chảy cuồn cuộn, bọt trắng xóa. Gió thổi mạnh, một chiếc hoa lila khỏi cành rơi xuống dòng nước và bị nước kéo đi. Hà nhìn theo cánh hoa và thấy lòng băng khuâng. Hà tự nhủ :

Nếu ta là Vũ thì sẽ không chạy theo ảo ảnh nữa.

Hà nghĩ vậy nhưng không thể khuyên thẳng Vũ. Hiểu tính cháu, Hà tin rằng Vũ thế nào cũng sẽ ra đi, tình yêu của Linh không đủ để cầm chân Vũ.

Giữa Hà và Vũ là một khoảng cách, khoảng cách đó là mười lăm năm trời đằng đằng.

Một con chim ăn đêm kêu lên những tiếng rì rạt.

Đưa tay kéo cao cổ áo, Hà cảm thấy mỗi một vô cùng.

TRẦN MỘNG LÂM

tình thương — Số 21

tuyết trắng

NGUYỄN ĐÌNH THỌ

Em mến thương,

Khác hẳn với những lần trước, khác hẳn với những đêm buồn cô đơn ở Lyon để viết những lá thư gửi về em, người em nhỏ nhỏ và đầy triu mến; đêm nay, anh đang ngồi dựa lưng lên thành giường trong một căn nhà ở Le Tour, một làng nhỏ cạnh nước Thụy sĩ, chung quanh là những thảm tuyết trắng chạy dài xa tít, có núi Alps bao quanh... để viết thư này về em.

Như em đã biết, mỗi năm, sau kỳ thi đệ nhất lục cá nguyệt, anh cùng bạn của anh được nhà trường cho phép đi nghỉ ở miền núi một tuần để tập đi trượt tuyết (ski), để quên hết những ngày mệt nhọc, vui đùa vào sách vở, với những công thức khó khăn và cũng để chuẩn bị cho kỳ thi cuối năm. Tụi anh có tất cả bảy trăm người và chia ra nhiều nhóm: nhóm thi đi Les deux Alpes, nhóm thi đi Pyrénées v.v..., anh cùng gần bốn mươi bạn khác thì chọn Le Tour. Tụi anh có một bà Giáo Sư hướng dẫn.

Trên đường đi đến Tour, ngồi trong tàu, anh đi qua những thành phố của xứ Pháp, những làng nhỏ, những đồi núi, những mái nhà đều phủ tuyết trắng. Anh đã say sưa nhìn ngắm cảnh vật chung quanh. Anh đã đi qua Lac du Bourget, nước xanh ngắt, linh động, buồn mơ màng, chỉ có vài con chim đứng ngơ ngác bên hồ... mà ở đây, ngày xưa, Lamartine đã sáng tác bài thơ bất hủ «Le lac».

Tất cả khung cảnh cảnh tình từ ấy đã làm cho mỗi những hình ảnh yêu dấu của quê hương, nào sông Hương vào những chiều hoàng hôn ử rữ, nào bãi bờ Thuận-An của Huế vào những buổi bình minh rạng rỡ, nào cầu Trường Tiền với những mái tóc dài lộng theo chiều gió... Có lẽ em sẽ nghĩ rằng những đồi núi phủ tuyết trắng, hồ Bourget với nước xanh ngắt là những khung cảnh thần tiên lắm. Anh không phủ nhận sự tưởng tượng của em. Anh thấy chúng đẹp, đẹp quá nhưng anh thấy trong nét đẹp ấy có thiếu một màu sắc mà anh chỉ tìm thấy qua những cảnh vật của quê hương, đó là màu sắc của tâm hồn Việt Nam và theo anh nghĩ, không thể có một màu sắc nào khác, đẹp và linh động bằng màu sắc ấy.

Ngày xưa, hồi còn ở quê nhà, anh đã hằng mơ ước được thấy Paris, kinh thành của ánh sáng với Tour Eiffel cao vợi vợi, với vườn Luxembourg lảng

buồn khi mùa thu về thay lá, với những bouquiniste trầm ngâm ngồi bán những chồng sách cũ bên bờ sông Seine... Anh đã sống qua những giờ phút vô cùng thiết tha với những mơ ước ấy. Cho đến ngày anh được thấy tận mắt, sự thật đã không làm cho anh thất vọng với những mơ ước ngày xưa. Anh thấy chúng đẹp như với sự tưởng tượng của anh, nhưng dù sao đi nữa, đó là những hình ảnh của xứ người. Anh có thể quên những vẻ đẹp ấy mà không luyến tiếc gì hết. Bây giờ, xa cách quê hương gần trọn nửa trái cầu, anh tìm thấy rõ những nét đẹp đậm đà, thầm kín của quê hương vì theo anh nghĩ, mỗi khung cảnh có một tâm hồn riêng và chính nó đã làm tăng thêm sự sống động.

Sau khi nghỉ một ngày chủ nhật, Anh đi dạo lang thang chung quanh làng. Tour là một làng nhỏ, vốn vẹn hơn ba, bốn chục mái nhà. Những mái nhà đều phủ tuyết trắng. Trên những đường làng đều ngập tuyết, nên anh phải mang giày «après-ski» vì nếu không thì lạnh chân lắm và dễ té nữa. Ở đây thật yên lặng, người dân ở đây có phần đơn giản hơn ở thành thị. Vì quá xa phố phường, có nhiều bà già nhìn thấy anh là người Á-châu, họ có vẻ lạ lắm. Chiều hôm ấy, anh vào một quán nhỏ tìm mua vài tấm hình, bà bán hàng nhìn anh có vẻ ngạc nhiên, bà mỉm cười hỏi ngay anh có phải là người Nhật hay Trung hoa. Ở đây, người ta chỉ biết người Nhật và Trung hoa vì trong thế chiến thứ hai, người Nhật đã gây nhiều sóng gió, còn người Trung hoa chỉ vì họ quá đông.

Đêm hôm ấy, ngồi trong phòng bên khối thuốc mờ bay, anh nhìn ra ngoài, bóng tối phủ lên vạn vật. Có một vài ánh đèn của một làng nhỏ, cách Tour không xa lắm. Anh bước ra ngoài hành lang nhìn cảnh vật, gió đêm lạnh quá, anh đành trở lại phòng, lặng nhìn khói thuốc vẫn thản nhiên tỏa đều. Tự nhiên lúc ấy, anh cảm thấy cuộc đời anh cô đơn và trống trải quá và tình nhớ thương quê hương gia đình nhẹ nhàng xâm chiếm cả cõi lòng anh. Sống tha hương, anh nhận thấy con người luôn luôn bị ràng buộc với quê hương, với căn nhà mà mình đã sống qua những ngày thơ ấu, với gia đình với những kỷ niệm nhỏ nhẹ buồn vui, với nhiều, nhiều lắm..., để rồi ai ai cũng quyến luyến, khao khát trở về quê hương mỗi khi sống tha hương. Một khung cảnh buồn buồn, một cánh chim trời bay lang thang giữa bầu trời thu ảm đạm, một cánh cò bơi lội

từng điểm tuyết trắng thản nhiên rơi đều vào những buổi chiều đông lạnh giá... Tất cả những hình ảnh ấy đã khơi lại cho kẻ tha hương biết bao nhiêu niềm nhớ quê.

Sáng hôm sau, sau khi nghe tiếng «lục lạc», anh cùng các bạn thức dậy. Ánh sáng xong, tụi anh chia ra từng nhóm nhỏ, mỗi nhóm chừng mười người và do một huấn luyện viên hướng dẫn. Nắng vàng ban mai tỏa lên thảm tuyết trắng, gió lạnh lạnh, trong lành, trên đỉnh núi cao vời vợi, tuyết trắng nổi bật dưới nắng vàng, khung cảnh thật hùng vĩ. Anh cảm thấy yêu thiên hạ. Mới hơn chín giờ sáng; thế mà đã có đông người đến đây để trượt tuyết.

Sau khi mang «Spatule» vào chân, hai tay cầm hai cái gậy, anh bắt đầu tập lướt trên tuyết, tập leo những dốc. Anh phải mang một cái mũ len (bonnet) kéo lạnh đầu và lạnh tai quá. Hồi trước, anh có dịp xem những người trượt tuyết tài giỏi trong những phim chiếu bóng, anh tưởng dễ nhưng bây giờ, sự thật, anh thấy khó. Mỗi tập bước thôi, thế mà anh đã bị té rất nhiều lần. Nói thật với em là sáng ấy, anh không cảm thấy thú vị gì hết vì cứ đi hai, ba bước là bị té rồi. Và cứ như vậy, đến gần mười hai giờ thì tụi anh trở lại phòng. Vừa nghỉ một được gần mười lăm phút, chỉ kịp cởi giày, cởi «găng», tụi anh lo sắp dọn chén đĩa để rửa soạn cho buổi ăn trưa. Mấy tụi bạn Pháp của anh tuy thân xác thì cao lớn nhưng còn «con nít» lắm. Ngồi ăn mà hát ầm ĩ, cười nói nhộn nhịp. Riêng bà thầy đã làm cho anh kính phục. Theo thường lệ, mỗi bữa ăn có một nhóm lo mang, dọn đồ ăn cho các bàn khác. Ăn xong thì phải lo dọn dẹp bàn ghế, lo rửa chén đĩa. Anh ngạc nhiên khi thấy bà thầy đi rửa chén đĩa, phụ giúp tụi anh. Anh mến sự bình dân, vui vẻ của bà. Bây giờ, anh càng nhận thấy rõ sự làm cao bề ngoài chỉ là một lớp sơn giả tạo. Muốn được người khác kính nể mình, sự bình dân, hòa nhã đóng một vai trò quan trọng.

Sau khi nghỉ mệt, ngồi sưởi nắng ở hành lang, đến hai giờ chiều, tụi anh đi tập ski. Chiều hôm ấy, anh thấy có hơi tiến bộ. Anh đã trượt khi trên những thảm tuyết xốp và khá bằng phẳng. Anh cảm thấy cuộc đời lên hương khi trượt được một quãng dài ba, bốn chục thước với một vận tốc trung bình. Ở dưới chân thì lạnh, ở trên thì nóng vì có nắng ấm, bầu trời xanh ngắt. Tuy thế, chiều ấy, anh bị té cũng không ít! Cũng may vì tuyết mịn và xốp nên té cũng không đau lắm. Có một lần anh bị té và ngồi dậy lại không được, tuyết thì trơn trượt, anh đang cố gắng tìm cách ngồi dậy, bỗng một tiếng «vèo» làm anh giật mình. Anh quay lại, một bà già lớn tuổi, chừng năm mươi, cười và bảo anh nên quay về phía trái. Anh làm theo sự chỉ dẫn của bà thì anh đứng dậy lại được.

ngay. Bà mỉm cười và khuyên anh không nên sợ, lúc nào sập bị té thì cứ để yên, đừng chống cự lại gì hết. Anh chỉ biết cười và và cảm ơn bà. Rồi anh nhìn theo bà và phải phục vì đã khá lớn tuổi mà bà trượt ski thật nhẹ nhàng.

Chiều hôm ấy, anh huấn luyện nên dẫn tụi anh đến một thảm tuyết, ở đó có những túp lều nhỏ của những kẻ chần cừ (chalet) nhìn những túp lều bị tuyết trắng phủ ngập tận mái, tự nhiên anh cảm thấy thương chúng quá. Anh nghĩ đến những đêm bão tuyết, chúng phải sống cô đơn trong đêm lạnh không có một ai ở đây để sưởi ấm chúng. Anh nghĩ đến khi mùa xuân trở lại, khi những mớ tuyết hôm nay tan theo thời gian, sẽ có những chủ chần cừ bình thần dẫn những đàn cừu ngo ngoe lên đây và sẽ sống ở đây cho đến cuối mùa hè và như thế, những túp lều cô đơn hôm nay sẽ tìm lại một nguồn an ủi.

Nhìn những túp lều, anh lại nhớ đến câu chuyện «Les étoiles» của Alphonse Daudet trong «Lettres de mon moulin». Anh đã cảm động nhiều khi nghĩ đến tình thương lý tưởng, quá cao đẹp và trong trắng trong mà chủ chần cừ tội nghiệp đã trao gửi về Stéphanette với mái tóc dài vàng óng ả. Ngay lúc ấy, anh muốn giả từ hết và anh muốn trở thành một chủ chần cừ, suốt tháng ngày sống ở đồi núi cao, trong những túp lều nhỏ, dù lạnh giá, dù cô đơn bao nhiêu đi chăng nữa, anh cũng không sợ... đề rồi có một ngày xa xăm nào đó, em sẽ mang đến cho anh đôi chút lương thực, đề rồi có một đêm lạnh, anh sẽ ngồi cạnh em, anh sẽ phủ lên em tấm da cừu của anh để sưởi ấm em Anh và em, chúng mình sẽ hưởng mát về những vì sao xa năm, trong khoảng không gian vô tận và anh sẽ kể em nghe những mẩu tình sau :

Đến năm giờ chiều, tụi Anh trở về tổ ấm. Sau khi uống trà nóng, anh nghỉ mệt. Có vài bạn của anh làm «bản thống kê», đi hỏi mấy người khác bị té bao nhiêu lần để bầu «người vô địch». Nghĩ mà vui em nhỉ.

Tối hôm ấy, sau khi ăn xong, anh được xem chiếu bóng về ski, leo núi, những phong cảnh đẹp. Anh đi ngủ lúc mười giờ đêm. Nằm trên giường, bên ngoài sương lạnh, chân tay anh mỗi đã được sau một ngày mệt nhọc. Anh sung sướng và cảm động khi nhớ lại những kỷ niệm về những cuộc chơi lớn trong cuộc đời hướng đạo; ban đêm, chân tay cũng mỗi mệt như đêm nay. Anh cảm thấy bằng lòng vì vừa trải qua một ngày lành mạnh, trẻ trung và đầy nhựa sống. Thiên nhiên hùng vĩ đã đem lại cho Anh nhiều cảm nghĩ hay hay và trong trắng. Sự bình dân, giản dị của bà thầy là một bài học

đích đáng cho anh về cách sống ở đời. Anh mỉm cười sung sướng.

Cứ như thế, cuộc đời anh vẫn tiếp diễn, một ngày anh học thêm nhiều điều mới lạ, một ngày anh đi ski càng tiến bộ thêm. Anh tập đi ski ở Col de Balme, ở đó có những piste rất rộng lớn. Vì Col de Balme là một đồi khá cao nên anh không thể đi ski lên đó và phải dùng téléski. Anh ngồi trong một cái ghế, cái ghế ấy được gắn vào một sợi dây « cáp » treo giữa trời rồi có một hệ thống cơ khí kéo sợi dây ấy và mang theo cả anh lên tận đỉnh đồi.

Chiều thứ năm rồi, anh được nghỉ một và được ngồi téléski lên Col de Balme để uống coca cola café, trong những quán nhỏ ngồi ngắm thiên nhiên. Ngồi ở téléski cùng với một thằng bạn, tụi anh có mang theo một cái Radio transistor để nghe nhạc cho đỡ buồn. Anh cảm thấy thoải mái nhìn bầu trời xanh ngắt, núi cao oai vệ sừng sững, nổi bật giữa một khung trời gió lộng. Nhạc ở cái transistor vẫn trôi dạt trong không gian. Đến ba giờ chiều thì nhường lại cho phần tin tức nước Pháp và thể giới. Đang vui nhấm nháp cảnh vật, bỗng dưng anh buồn một mốt buồn quá đột ngột xâm chiếm cả cõi lòng anh khi nghe nói về tin tức về chiến tranh ở quê nhà, có người chết, có người bị thương... Anh nhìn xuống, những thảm tuyết trắng thờ ơ chạy dài, có những em bé nhỏ mặc áo đỏ, xanh đang tung tăng tập đi ski, đùa giỡn giữa tuyết trắng bên cạnh một huấn luyện viên như một con gà con được chăm sóc, bảo vệ của gà mẹ. Thấy cuộc đời sung sướng vô tư của các em bé ấy, anh thở dài, buồn nhiều khi nghĩ đến những em bé quê ở quê hương xa xăm, những em bé vô tội, thơ ngây, không may mắn sống trong thời loạn lạc chiến tranh, chẳng bao giờ các em này mới được vui đùa như các em bé Pháp mà anh đang thấy. Đã thế, các em lại thiếu tình thương của người cha vì có thể, cha của các em ấy đã ra đi theo tiếng gọi của non sông, ra đi không hẹn ngày về. Anh mỉm cười khinh bỉ những con người cứ hô hào giải phóng dân tộc, trong khi ấy, họ đã giết biết bao nhiêu em bé vô tội, làm tan nát, tiêu điều biết bao nhiêu gia đình. Những đêm bom đạn rền trời, mẹ của các em mấy làm sao đủ sức ấm tắt cả các em để tìm chỗ ẩn trốn. Anh nghĩ đến những đêm hãi hùng ấy, có những em bé vô tội, yếu ớt, gắng gượng chạy trốn chiến tranh. Khung cảnh mà anh đang thấy trước mắt, khung cảnh mà anh đang tưởng tượng, thật là trái ngược nhau và chính vì thế mà anh đã cảm thấy sự phũ phàng của cuộc đời.

Anh đã thấy những bà cụ già, những em bé, mặt hốc hác, sợ hãi vì những tiếng bom đạn, qua màn ảnh của vô tuyến truyền hình.

Anh đã thấy hình ảnh ngã gục của những chiến sĩ trên chiến trường...

Anh đã thấy hình ảnh một binh sĩ Mỹ ôm một em bé chừng hai, ba tuổi vào vòng tay. Em bé ấy

đã chết ngất lịm vì lúc chạy trốn bom đạn, mẹ của em không kịp mang em theo rồi cũng không thể trở lại nhà vì bom đạn dẽ rồi em phải chết đói... »

Em ơi ! Anh đã khóc nhiều khi xem phim « Jeux interdits » ; Có một đôi vợ chồng và một đứa con gái còn nhỏ, chừng năm, sáu tuổi thôi, sống trong thời chiến tranh loạn lạc. Có một hôm, cả ba cha con phải chạy trốn bom đạn, rủi và đau đớn thay, có một loạt đạn tàn ác đã giết chết đôi vợ chồng, để lại đứa con mồ côi vô tội... dẽ rồi em bé ấy phải sống trong đau khổ, trong sự phũ phàng của cuộc đời, thiếu hết cả tình thương với những ngày tiếp nối.

Em ơi, anh đã suy nghĩ nhiều và càng suy nghĩ, anh càng cảm thấy sự vô vị của cuộc đời. Một tin tức tình cờ của vô tuyến truyền thanh pháp, trước sự vui đùa của các em bé Pháp giữa tuyết trắng đã làm cho anh nghĩ thêm nhiều đến sự đau khổ náo nức của quê hương vì chiến tranh.

Biết bao giờ mùa thanh bình mới trở lại trên quê mẹ em nhỉ... ? dẽ rồi có những đêm trăng sáng trong lành sẽ có những em bé quê nắm tay nhảy múa dưới trăng... Khung cảnh mà anh đang tưởng tượng, tuy không huy hoàng, rực rỡ như khung cảnh của những em bé Pháp mà anh đã thấy nhưng trong khung cảnh ấy, anh đã tìm được vẻ đẹp linh động, cao quý của nó vì trong đó đã chan chứa một tình thương bao la rộng lớn. Em ơi, anh đã âm thầm cầu nguyện ngày ấy chóng trở lại với tất cả cõi lòng.

Chiều hôm ấy, sau khi đến đỉnh đồi, ngồi trong một quán café, tụi bạn anh vẫn vô tư, vui cười đùa giỡn, anh chỉ trầm ngâm ngồi nhìn cảnh vật bên cạnh một cốc café nóng, đã lạnh từ hồi nào. Đến thật chiều, anh mới trở lại nhà. Ngồi ở téléski trên đường về, gió chiều lạnh quá, vẫn khung cảnh cũ, vẫn núi non hùng vĩ, linh động trước những tia nắng vàng sắp tắt, vẫn những thảm tuyết trắng chạy dài nhưng vắng người, tự nhiên anh cảm thấy buồn man mác và thấy rõ sự nhỏ bé của con người trước vũ trụ.

Đêm hôm ấy, anh đi ngủ sớm.

Qua ngày sau, trước khi về lại Lyon, tụi anh được đi Ski, vượt biên giới Pháp—Thụy sĩ và đến Châtelard, một làng nhỏ của nước Thụy sĩ. Đây là một chuyến đi đầy cam go và mệt nhọc vì tụi anh phải chạy ski một quãng đường dài sáu, bảy cây số, qua những đồi núi hiểm trở. Có lúc, tụi anh không thể trượt ski nên phải mang « spatule » lên vai. Anh phải leo núi với một độ cao chừng một ngàn thước, bước thì khó khăn vì chân phải ngập tuyết. Tuy mệt nhọc nhưng anh cảm thấy thú vị vì anh có dịp thấy thêm những cảnh đẹp, lạ, những cảnh thông phủ những mớ tuyết trắng, vẫn có nắng vàng, vẫn có màu xanh hy vọng của mây trời. Lên tận đỉnh núi, gần cách biên giới Pháp—Thụy sĩ, anh chỉ thấy một bia đá khá lớn, một bên khắc chữ « France », một bên khắc chữ « Suisse ». Ở đây, anh có thấy

những người Thụy sĩ đi ski qua thăm xứ Pháp. Sở dĩ anh biết vì anh nghe họ nói tiếng Đức. Từ ngày hôm qua, hình ảnh đau thương của quê hương vẫn luôn luôn ám ảnh anh nên khi thấy những người Thụy sĩ đi Ski qua xứ Pháp cũng như có những người Pháp qua thăm xứ Thụy sĩ, tại bạn anh chẳng hạn ; biên giới Pháp. Thụy sĩ cũng chẳng có ai kiểm soát, chỉ vón vện một bia đá trên đỉnh núi cao, anh nghĩ đến giòng sông Bến Hải ngàn chia hai mảnh đất Việt Nam, ở đó, tuy cùng là một dân tộc, một giòng giống, nhưng người ta có thể giết nhau một cách dễ dàng.

Đến Châtelard, anh thật mệt nhọc, chỉ được nghỉ ngơi đôi chút rồi phải đáp tàu về lại Four ngay.

Em mến thương.

Đêm hôm nay, như thường lệ, tại bạn anh xem chiếu bóng và anh ngồi một mình trong phòng để viết thư này về em. Mấy ngày đầu, anh cảm thấy vui nhiều nhưng từ ngày hôm qua cho đến hôm nay, anh không còn cảm thấy vui nữa. Có nhiều lúc, nhất là chiều nay, đứng nghĩ một ở biên giới Pháp — Thụy Sĩ, giữa thiên nhiên rộng lớn, chung quanh toàn là người Pháp và đôi người Thụy Sĩ, họ vẫy tay chào nhau, tự nhiên anh cảm thấy cô đơn và lạc lõng quá. Không phải anh thấy lạc lõng vì anh thiếu bạn bè, tại bạn Pháp vẫn vui vẻ và đùa giỡn với anh luôn nhưng vì cảm thấy những sự mâu thuẫn của cuộc đời : người Pháp và người Thụy Sĩ là hai dân tộc khác nhau nhưng họ thật vui vẻ, thân mật trong khi ấy, ở mảnh đất miền Nam xa xăm kia, cùng là một dân tộc, thế mà người ta nở giết nhau không gớm tay. Những lúc ấy, tình thương quê hương, thương đồng quê, thương gia đình và hình ảnh của em lại sống dậy trong lòng anh.

Dù trong hiện tại, em chỉ là một hình ảnh trong ảo tưởng của anh nhưng anh có cảm tưởng chừng như em luôn ở bên cạnh anh, để an ủi anh trong những lúc anh cảm thấy buồn nhớ quê và lạc lõng. Bước đường mà anh đang đi và phải đi qua, có nhiều khó khăn, em đã đem đến cho anh nhiều niềm vui trong công việc làm hiện tại của anh, em đã

đem đến cho anh nhiều cảm nghĩ, nhiều tư tưởng cao đẹp và trong trắng, trong trắng quá em ạ, trong trắng như những mỏ tuyết trắng trên đỉnh núi cao ngất mà không có một ai có thể lên đến đó để làm như chúng. Suốt những năm tháng ngày sống tha hương, nhưng lúc buồn, anh thường viết thư tâm sự cùng với em. Những bức thư ấy, anh vẫn giữ kỹ và anh quý trọng chúng nhất trong đời anh vì anh nghĩ rằng một ngày mai đây, khi hình ảnh của em trở thành sự thật, anh sẽ trao tặng em những trang thư này và anh tin rằng em sẽ sung sướng, cảm động, hạnh diện và hiểu anh nhiều khi đọc những giòng chữ ấy. (1)

Đêm hôm nay, ngồi viết đôi giòng chữ này về em, bên ngoài trời tối và lạnh lắm. Anh nghĩ đến những mỏ tuyết trắng trên những đỉnh núi cao ngất, anh nghĩ đến một mai đây, khi mùa Xuân trở lại, chúng sẽ tan đi, tan theo gian, tan thành nước, bụi đời sẽ làm như chúng, chúng sẽ bị cuốn trôi về đại dương xa xăm vô tận... tự nhiên anh cảm thấy thương em và tự thương anh quá.

Em ơi, nếu thời gian thường làm tiêu tan, làm chết đi những gì trong trắng, anh nghĩ rằng đó không phải là một định luật tuyệt đối của cuộc đời và hình ảnh của em vẫn luôn ở mãi bên anh. Anh tin tưởng, tin tưởng hết sức mãnh liệt một ngày mai đây, dù xa xăm bao nhiêu đi chăng nữa, hình ảnh của em trong ảo tưởng, hiện tại của anh sẽ trở thành sự thật.

Anh sẽ đi tìm em, anh sẽ tìm em mỗi một khi, anh nhận thấy anh đủ sức để tranh đấu với đời, đủ sức để đóng góp một phần nào cho xã hội trong việc đào tạo nên một lý tưởng bình dân, đó là mục đích chính của anh. *

Anh luôn luôn nghĩ đến em và trong ảo tưởng hay trong sự thật, anh sẽ mãi mãi trao đến em tất cả những niềm thương trong trắng nhất cuộc đời :

Thương mến em,
Le Tour đêm Fév-1965.

(1) Nếu niềm tin ấy không in sâu vào lòng anh thì những bức thư mà anh đã viết và đang viết cho em sẽ từ nên vô nghĩa và chẳng khác gì những trang giấy trắng.

nói với bạn bè

tôi từng đêm cắt tiếng hát điên
tiếng hát cao linh hồn đã thú
ngồi ru hoài giấc ngủ cô miên
đôi tay gầy nước mắt loang lổ

hỡi Quảng hỡi Loan hỡi Hương
thôi bây giờ đã chạy nhanh vào quá khứ
cho tôi xin một lời kêu la một bài hát cổ

ca tụng quê hương và tuổi thơ
cho tôi xin thấp sáng ngọn đèn mờ
ngọn đèn mờ không soi sáng đêm đen

bom đạn nổ trong lòng ngực nóng
bom đạn nổ trong lòng tay khô
đi dù chỉ loài côn trùng bé nhỏ
tôi la vang dưới vùng đất mặt trời

CAO GIOẢN NGHIỆM
(an xuyên mùa thu)



đêm cuối cùng

Anh hãy gọi giùm tôi ly rượu nữa
Xin cho tôi say trọn hết đêm này
Bao nỗi buồn anh rót cả vào đây
Hồn hiu quạnh chưa quên sầu dĩ vãng
Tôi lỡ đi hoang vào lòng năm tháng
Tóc hoa niên lần lửa cũng phai màu
Chín năm đời chưa biết giạt về đâu
Thuyền lặn dạt phương trời không bến đó

Tôi đã trải hồn làm con đường nhỏ
Năm âm thầm nghe ngóng bước chân qua
Thờ trầm hương da thịt của đàn bà
Rời diên đại bởi chân nàng dẫm bước
Các em từng đoàn cười vui lũ lượt
Rũ nhau vẽ khai hội giữa lòng tôi
Dâng môi hồng kín đáo hay lá lơi
Trao mắt biếc ngỡ ngàng hay dăm đuôi
Các em tặng tôi cũng làm yên ủi
Vì ngày mai tôi biết các em đi
Và không mong gì nữa các em về
Tình qua ày một lần thôi đã lắm

Hãy để tôi say, cơn sầu chưa lắm
Anh ơi, đêm nay là đêm cuối cùng
Tôi tìm trong đáy cốc một mùa xuân
Trong men rượu chút men tình phai ứa
Tôi sẽ già từ vìa hè đại lộ
Những niềm vui bên quán nhỏ cô đơn
Những ánh đèn mờ trong tiếng nhạc buồn
Những khuôn mặt đàn bà tôi vừa thương vừa ghét
Tôi sẽ quên, quên đi và quên hết
Các em ơi, anh mất mát quá nhiều
Anh chỉ còn vẹn một thứ tình yêu
Rất trong sạch là tình yêu đất nước

TRANG CHÂU

Nhũ'ng ngày rồi

PHẠM NGỌC LÂN

18-11-65. Buổi sáng.

Rượu, vẫn đủ. Đó là ý nghĩ của tôi về căn bệnh thường thấy trong khu bệnh lý nội thương này. Bệnh viện Nguyễn văn Học, những ngày đầu của thời kỳ thực tập chương trình bệnh lý nội thương. Bệnh báng (ascite). Thực ra, đó là biến chứng của những căn bệnh nội thương khác. Thời kỳ nặng và rõ nhất là bụng chương phình, gương mặt hốc hác hay chân tay sưng phù v.v...

Người đàn ông vào nằm từ lúc sáng sớm với tình trạng hôn mê (coma) Người vợ hốt hoảng, mếu máo vừa đi vừa chạy bên cạnh chiếc xe đẩy. Tình phụ thê là lúc này. Bà cúi mình trên chiếc xe, lau sạch đàm nhớt từ miệng người chồng sùi ra. Bà kể khổ hôm qua ông còn cười nói om sòm vậy mà tối lại ông nằm im như chết, kêu không từ hử gì hết, thiệt khổ thân tui

Vị bác sĩ đi lần đến giường người đàn ông đang nằm thiêm thiếp. Người vợ như đã tỉnh táo và bớt lo sợ hơn. Một perfusion de serum được làm ngay sau khi từ phòng phòng ngoại chẩn đưa vào trại. Bác sĩ đến. Trường hợp gì? Anh sinh viên năm thứ 6 đọc hồ sơ bệnh lý. Bác sĩ hỏi người vợ: Ông nhà có uống rượu chứ bà? — Thưa có. Từ bao lâu?

— Dạ thưa từ lúc tui lấy ông, ông trước đó có uống rồi, dạ hơn hai chục năm nay.

Đó là một. Hãy đề ý đến đôi chân sưng phù, da vàng bệch, và bụng hơi chương lên. Tình trạng coma calme.

Bên kia giường, một người đàn ông khác bụng chương lên, bóng lưỡng, da vàng bệch, mạch máu xanh chạy khắp trên dưới da bụng nổi rõ, rốn cân thẳng, đôi chân phù sưng, ông có uống rượu? Dạ có.

Đó là hai, Hãy xem nước chảy ra sau khi làm ponction từ vôi cao su vào một cái chậu tráng men trắng. 2, 3 lít rồi. Đôi khi lẫn máu.

Tôi nhớ đến lời một ông thầy: trước một trường hợp ascite, các anh cứ hỏi xem mấy ông uống một ngày bao nhiêu xị. Mỗi ngày ông làm lai rai bấy, tám xị chớ? Dạ thưa bác sĩ đâu có dữ vậy, dạ độ 4, 5 xị. Để hả? Dạ thưa bác sĩ, ế. Ông thầy nói tiếp: « các anh phải bắt nọn và chặn trước, không thôi mấy ông cứ chối đầy đầy, không ông nào chịu mình uống rượu cả. Nói thật nhiều, tự động mấy ông rút xuống là vừa! Một ngày 4,5 xị, tôi không tưởng tượng nổi, nhưng đó là sự thật.

Rượu? Vẫn đủ. Đến một căn bệnh hiểm nghèo. Đến một cái chết nếu cứ tiếp tục say sưa và không điều trị,

Tôi không hiểu đó là thói quen hay sao mà mỗi lần trước một trường hợp ascite tôi hơi chán và khổ khổ. Ngày xưa, trị Tây lập công ty rượu (thường gọi là rượu ty) đề thứ nhất, dành ưu tiên cho một số tay sai bản xứ làm giàu cho kinh tế thuộc địa, và thứ hai, để đầu độc dân mình. Một dân tộc nghiện thuốc phiện và rượu là một dân tộc hèn rồi. Kết quả của mấy mươi năm, con sâu rượu quanh quẩn trong máu những người đàn ông Việt Nam mặt mũi hủ nào cũng đỏ gay hay tím bầm, mắng vợ buổi sáng, đập con buổi chiều, căn bệnh ập đến với cái chết rất gần.

Hình ảnh gần tôi nhất là ông Năm Bụng. Đó là nhân vật trong tiểu thuyết trường giang của Nhất Linh: Xóm Cầu mới. Nhân vật Năm bụng sinh hoạt trong cuốn sống điển hình giữa hàng trăm cuộc sống nhan nhản lúc bấy giờ với Cộ Mùi, với hàn

bác Lê và đàn con, vôi phố Huyện và cây cầu sơn hắc ín vôi con đường cũt... Ông Năm Bụng nấu rượu lâu bán trong lòng phải lặn rượu vào bụng, mỗi lần 4, 5 chai nên bụng ông ta thật bự. Hồn danh Năm Bụng từ đó.

Từ bụng bự vì dẫu rượu lậu thuế để qua mắt tay đoan đến bụng chương lên chỉ cách nhau bằng vài năm và những xị rượu tiếp tục vôi mỗi ngày. Buổi sáng. Buổi trưa. Buổi tối.

Rượu, vẫn đủ. Bệnh nhân vào nhà thương vôi ít nhiều khổ sở trong một cuộc sống vật chất làm căn bệnh thêm phần trầm trọng. Bữa cơm rất nghèo nàn, thiếu chất bổ, nhưng không thể thiếu rượu. Đó là thói quen hay tệ hơn nữa, một chứng nghiện. Người ta uống rượu chạy, gặp đâu uống đó, một đồng, hai đồng. Người ta khề khề bèn mâm rượu thịt trong những buổi hè hội làng quê vôi lý tưởng vôi cụ tiền chi, vôi phó lý và cai tuần, trong đám ma neo gần một tuần lễ vôi mùi xác chết lẫn mùi men rượu, mùi thịt quanh mấy khuôn mặt ngất ngưỡng đỏ kè.

20-11-65.

Tại mình vẫn gọi đùa căn gác nhỏ ấy là tòa «hắc ốc». Ở đó những dự tính. Ở đó những cơn ngủ vùi. Ở đó những chán nản mệt mỏi vôi nán buổi trưa hăm hấp trên đầu. Ở đó dự định về một tờ báo được nói đến, hăm hồ, hy vọng, dù dưới ánh đèn cây. Buổi tối phân công mỗi người một việc. Bây giờ, nơi đó vẫn những dự tính chưa thành nhưng đầy náo nức. Bài vở nằm đó. Manchette đang lo.

Thằng H. vẫn hèn hệt vôi những đôi thay chức vụ. Cao Nguyên mùa cuối năm đang chờ. Những giao động và thất vọng vôi nó, phải chính nó, một lần đã nói : tao có độc trong một cái lưới chụp xuống. Và căn gác đó nó về ngủ vùi sau một đêm lang thang suốt sáng

22-11-65. 22 giờ.

Mình có thể làm gì hơn vôi những ngày đầy ắp công việc. Buổi sáng đi thực tập bệnh viện. Buổi chiều, những giờ cours nơi giảng đường.

Chiều này, gặp lại vị giáo sư kính yêu ấy trong giảng. Bài cơ thể học còn sót từ năm ngoái. Thầy vẫn trẻ trung trong tinh thần, khôi hài và lúc nào cũng đầy linh hoạt trong giờ giảng. Những chuỗi cười rộ của bọn con trai. Các cô hơi đỏ mặt một chút, cúi đầu giờ cours vẫn nhẹ nhàng như thế. Ba năm rồi, tôi không học lại giờ nào của thầy. Vậy đã hơn ba năm, đã qua bao nhiêu lớp bụi phủ trên sách học, trên đó tôi cúi mặt ?

Tình thương — Số 25

23-11-65

Qua khung cửa sổ trên đầu giường người bệnh mình nhìn ra một bãi cỏ non. Lá rụng vàng một khoảng dưới gốc cây, Trời sắp cuối năm...

Ý nghĩ về một xa cách bất chợt trong tâm hồn làm tôi băn khoăn. Mình vẫn có thói quen im lặng trước những quay quắt của ý nghĩ. Làm sao có thể cất tiếng nói qua những khắc khoải đó ? Làm sao có thể cúi đầu quên đi trong sự nuối tiếc không thôi. Cảm giác về một mất mát sau này, về một trống rỗng của ý nghĩ, một sa lầy trong đời sống làm mình lo âu. Như một vết tích của tuổi ngọc. Như một cơn mây trên trời xanh. Như một xao lộng của mặt hồ. Mình đứng im và tự hỏi : làm sao mình không ăn năn khi cái gì cũng quá muộn và ngoài tầm tay ?

Mình vẫn yên chí và đỡ lo khi được thư nhà nói ai đấy bình yên. Có mình, chỉ còn mình vôi những cơn bão ngầm. Saigon bây giờ chán ngắt. Mình nói như vậy vôi một thằng bạn hôm nó đi ra Trung. Bắt đầu từ Xuân Lộc, đường xá hư hao nhiều. Địa đầu miền Trung và vết loang của chiến tranh. Mình nghĩ về gia đình và thằng em vôi tuổi lớn và sự mời gọi của những chuyến đi. Cũng được. Mình không cần, dù sao nó phải sống.

23-11-65 — Buổi chiều.

Phải bắt đầu lại vôi bài vở. Năm nào cũng thế. Chạy vẫn không kịp vào cuối năm. Thoảng chớp kỷ thi đến bây giờ và lúc đó lại cả phê, thuốc lá đen và những đêm xám.

Nhìn lại mình, mấy ngôi sao thêm thêm. Vẫn thế. Đi qua đầy xác chết trên bàn đá vẫn thấy nặng mùi. Ngày đó mình thập thò ngoài cửa. Một năm học lại dong chơi. Bây giờ qua rồi những chiếc găng nhàu mủ người, chiếc dao mổ sứt da, những mũi kéo cắt phạm. Hành lang giảng đường như vắng hơn. Bãi cỏ mọc hơi cao. Vòi nước vẫn quay. Còn mình như già cỗi. Chừng nào mình ra trường, một chuyến quyết định sẽ đi về một quận lỵ heo lánh nào đó. Ngày mặt trời đỏ đầu. Đêm bóng tối buốt ngực và đã nghe như ngọn cỏ đâm lưng. Ở đó yên nghĩ trong chiến cuộc — ở đó người thân yêu tìm mộ bia. Mình sẽ nằm nhìn lên trời và sẽ thấy một ngôi sao nhìn xuống. Tưởng tượng đó là ánh mắt một người. Ai ?

oOo

Những thằng bạn,

Tại bây nói cũng đúng. Bây giờ bọn này chỉ còn mây. Một mình mây thôi. Ráng nghe không. Tại tao

vực đi. Đờ bỏ. Tao làm thính. Bây giờ mày ở đâu, Tây Ninh, Vũng Tàu, An Phú Đông, Biên Hòa, Quảng Ngãi ? Mỗi lần qua lâu 3 Võ Tánh củ tao vẫn nhìn lên. Từ trên đó, hồi xưa nhìn xuống khu nhà ga Phạm ngũ Lão, bulding đèn màu đường Trần Hưng Đạo, Snack-bar Puerto Ricco đèn đỏ, nhà thờ Huyện Sĩ gác chuông nhọn cao, quán café mở ra một góc đường...

Và tiếng hát củ. «Trời xưa mưa rơi âm thầm...»

Bức tranh người đàn bà xỏa tóc treo trên vách gỗ bây giờ lạc mất. Trên lớp sơn dầu, bụi đồng từng khoảng. Căn gác thật nằng. Phía dưới bức tranh vào lúc cao hứng, đã ghi : Bain à midi.

Bây giờ căn gác đó ra sao ? Sửa lại cho Mỹ mướn giá hơi lắm ? Có thể. Quên nó được không ? Tụi bây ?

23-11-65 — Đêm

Mai lại cứ tiếp tục như thế. Đều, thật đều. Bổng

dưng nhớ đến khuôn mặt đàn bà trẻ con. Bây giờ giấc ngủ bỗng rất khó. Tôi đâm hoang mang, không biết làm sao sống yên ổn với chính mình. Áo tưởng vẫn mật ngọt. Dỹ vãng triền cỏ non ướt sương. Nhưng tôi vẫn muốn thấy mình trong kích thước nhỏ cũ ngày tháng đi, về tầm thường như một loài sâu bọ. Những chu kỳ uể oải. Những oi động tạm bợ. Những ý nghĩ đóng rêu. Có lẽ mới trốn tránh trong công việc ? Một khoảng hành lang rộng, sạch, hàng giường trải drap trắng, dãy hình hài bệnh tật làm tôi nhòm ra ngoài và tha thiết với cuộc sống hơn.

Ở đây, tôi sống yên lặng, âm thầm. Ở đây tôi có thể nhớ lại kỷ niệm ấy, cái nhìn ấy, nụ cười ấy, lời nói ấy, những ngày bắt đầu khoác chiếc áo blonde với một sao lẻ loi.

Lời nói mật ngọt nuôi một vùng cỏ xanh tuổi nhỏ, làm mát một khoảng trời, Và bây giờ. tôi vẫn hoài hoài còn muốn nghe. Amen.

PHẠM NGỌC LÂN

GLUMACALCIUM B 12

ampoules buvables de 10 cm³

FORMULE :

Glutamate de calcium 0,50g
Pantothénate de calcium . . . 0,20g
Vitamine B₁₂ 100mc
Vitamine B₁ 0,01g
Chlorhydrate de pyridoxine 0,01g
Sorbitol 2g
Jus d'orange 2ml
Excipient q. s. p. 10ml

TRỊ :

Chăm lớn, Đau mới mạnh,
thiếu trí thông minh và
trí nhớ, Rối loạn thần
kinh, lo âu, Cơ thể và
tinh thần suy nhược.

Số : 1207 — BYT/QCDP ngày 9/7/1965



thức giấc
vào buổi sáng

sớm mai nhô mình ngoài khung cửa
bắt đầu một ngày
tình yêu thấp cánh bay qua hơi buổi sáng
tiếng động thành phố dâng
tôi đứng và nhìn xem nỗi buồn trở dậy

hơi thở chào hơi nắng quen
nắng trời chào mọi người trên tầng cây đổ
tôi quay tìm hơi thở mắng
nghe bước chân lớn dài nhưng nhớ

ở đó buổi sáng xoay cầu thang vòng
mái tóc buộc hờ thả vai thoáng mùi nệm ấm
ở đó còn vắng bàn tay anh
ở đó còn xa tình yêu mình
bởi đêm còn nói bằng lời cô độc

buổi sáng đi rất chậm quán cóc vắng kim đồng hồ
không trôi
giọt cà phê tiếp thu ngày mưa vội
tôi nhìn buồn mình rơi xuống ly thủy tinh
với khuôn mặt khắc đen nỗi buồn chạm trở

tôi bắt gặp nhìn mình bờ ngõ
đôi mắt âm thầm xa lạ hỏi tôi
vẫn còn sống sau những lần tự tử

PHẠM NGỌC LÂN

1965

mỗi độ Xuân về

Từ buổi anh đi sâu vạt thuở
Buồn dâng mí mắt ướt vai gầy
Phân hương rú rượi phai màu thắm
Môi nhạt tóc sấu rồi cò mây

Em nhớ anh nhiều anh biết không ?
Trời đan mưa trắng tựa tơ hồng
Và tan thương nhớ vào tấm gương
Mỗi độ xuân về chớm cỏ bông

NHƯ THOA

đáng buồn mùa xuân

*xuân đến bao giờ, tươi cánh mai
hoa đào khoe sắc, rộn lòng ai
xuân đến, xuân đi, màu tóc ủa
hoa tàn, hoa rụng, sắc hoa phai.*

YÊN THẢO

Tôi mơ màng thức giấc trong tiếng nhạc dịu dàng. Giọng hát Thái thanh trong và cao vút. Ý nhạc thoáng gợi một chút xao động trong lòng. « Hoa đào đã xóa lối mòn bao chiến xa... » Miền Nam vẫn còn chiến tranh tàn khốc, miền Nam không có hoa đào, nhưng thời tiết miền Nam vào những ngày cuối năm thật đẹp và nhẹ nhàng gợi buồn... Nó phảng phất hương mùa thu nơi đất Bắc... Tôi vươn vai, duỗi thẳng hai chân ; máu trong người tôi chảy mạnh khiến tôi thấy mệt mỏi một cách dễ chịu. Con mèo già nghe tiếng động kêu lên nho nhỏ và nhảy lên cạnh tôi tìm chỗ nằm. Tôi vuốt nhẹ trên lưng con vật cảm thấy tiếng thở rừ rừ của nó trong lòng bàn tay. Tôi chợt mỉm cười vì cứ chỉ có vẻ con gái của mình. Hình như tâm hồn tôi không được ổn định. Có lần mẹ tôi đã bảo :

— Thành-Vũ nó đồng bóng làm sao ấy. Khi thì dữ tợn như quỷ sứ, lúc thì lại làm cảm như trẻ con.

Loan, em gái tôi, đã trêu :

— Mẹ cứ nhìn mặt anh ấy thì biết ; đầy những râu mà lại có núm đồng tiền...

Tôi ngồi dậy, khoác chăn trên vai và mở cửa bước ra, miệng thổi sáo theo điệu nhạc. Loan đang ngồi trước gương chải tóc. Em cười với tôi, trong gương :

— Hôm nay anh Vũ dậy muộn nhớ ! Cười. Tôi cười, trêu :

— Trời lạnh thế này ai mà dậy sớm được. Có phải ai cũng như cô đâu, chẳng cần ngủ vẫn tươi.

Rồi tôi nghiêm giọng :

— Loan này, giá em pha cho anh 1 ly café Loan uøm tôi :

— Khỏe trêu người to thì đi mà pha lấy tôi cười trừ... Tôi biết, tuy Loan hay nói bướng như vậy nhưng chưa bao giờ em trái lời tôi. Thật vậy, Loan đã thoán thoát sửa soạn, bước chân em gọn và nhanh đôi bàn tay nhỏ trông thật linh hoạt.

Tôi đứng tựa bên cửa, nhìn ra sân. Nắng màu hồng dịu. Cây mai đã trở lừn lừ đám hoa vàng. Vài

con bướm nhỏ chập chờn bay lượn. Mùa xuân lại về với muôn loài, gợi trong lòng mọi người những niềm vui nhẹ nhàng, những mơ ước vu vơ, và đôi khi những nỗi niềm thương quá khứ... Tất cả những cảm giác lâng lâng và lự lự ấy hòa lẫn với nhau mọi người đều cảm thấy, nhưng không một ai có thể ghi trên mặt giấy... chính tôi, tôi cũng đắm mình trong cảm giác băng khuâng và êm ái đó...

Giọng Loan tỉnh nghịch :

— Anh Vũ điệu nhớ ! Chắc lại đang nghĩ đến ai?

Tôi giả vờ giật mình :

— Hà ? ừ...ừ.. anh đang nghĩ đến Sơn... Sơn là người yêu của Loan. Sơn hiền lành nhút nhát nhưng thật dễ thương. Nghe nhắc đến Sơn, Loan đỏ mặt, gãi tay định cầu vai tôi. Tôi lùi lại, nhân mỗi :

— Khiếp, con gái gì mà dữ như sư tử ấy.

Ái mà mớ phải cô...

Lọan bịu môi :

— Ai cần nào ? Cứ tưởng bỏ.

Đoạn em đưa cho tôi ly Café và dục.

— Thôi, anh Vũ uống đi không nguội hết. Tôi đổ ly nước đặc sánh trong tay Loan và nhấp một ngụm nhỏ. Café đắng quá làm tôi nhăn mặt. Loan mỉm cười :

— Nhà hể đường. Anh chịu khổ uống đắng một chút.

Rồi em nói như phân trần :

— Đáng nhẽ em đi chợ sắm sửa với mẹ, nhưng anh còn ngủ nên mẹ bảo em trông nhà. 27 tết rồi còn gì.

Tôi giật mình :

— Chết, hôm nay anh garde. Sao Loan không nhắc anh ?

Tôi sửa soạn vội vàng và lấy xe ra đi. Trời lạnh. Gió mạnh thổi từng cơn. Cây hoàn liên là lược uống

minh theo Chiều gió. Trước thềm, lá rụng ngồn ngang. Tôi vừa sang số thì nghe Loan gọi với. Tôi dừng lại chờ đợi. Loan đưa cho tôi một gói giấy màu :

— Anh Vũ cầm gói kẹo vào ăn cho đỡ buồn. Em mới mua hôm qua đó !

Tôi lắc đầu :

— Thôi để cho tụi lỏi... Anh già rồi còn gì.

Loan cười : già mới cầm ăn nhiều chứ ! Nói đùa đấy, anh cứ lấy đi, tụi nó có rồi.

Tôi gật đầu và thấy lòng mình ấm lại trong sự săn sóc dịu dàng của Loan.

oOo

Những phiên trực cuối năm thường thường dễ chịu. Các bệnh nhân nhẹ đều xin phép về nhà ăn tết. Nhịp sống bệnh viện trầm hẳn lại, và tôi nhận thấy rõ ràng sự trầm lặng đó bằng cả một buổi chiều không công việc. Cho đến bây giờ, đã gần nửa đêm mà vẫn chưa thấy ai gọi. Tôi bắc ghế ngồi ở hành lang và đưa mắt thần thờ nhìn cảnh vật. Bầu trời đen như mực. Trăng cuối tháng mọc chậm ; các vì sao sáng hắt lên, lấp lánh như những hạt kim cương đặt trên một tấm thảm nhung huyền. Tôi chợt nhớ đến Uyên. Ngày xưa, khi còn yêu nhau, tôi và Uyên đã từng ngồi hàng giờ dưới giàn tì gôn trước cửa đề ngắm sao trời. Uyên đã chọn 2 ngôi sao sáng nhất và gần nhau nhất để « tượng trưng cho 2 đứa như lời Uyên nói. Tôi đưa mắt tìm lại hai vì sao ngày xưa ấy : chúng vẫn còn long lanh sáng bên nhau. Tôi không nén nổi tiếng thở dài. Thì ra, trong vũ trụ mênh mông và truyền bí này, mọi vật đều có định, chỉ có lòng người là thay đổi... Tôi trở vào phòng rót 1 ly café nóng. Chát đắng của café cùng hơi ấm bốc lên làm tôi bình tĩnh lại. Từ chiếc transistor vang lên một điệu nhạc buồn.

Lúc đó, có bệnh nhân cần cấp cứu, tôi chạy vội lên lầu. Đứa nhỏ nằm bất động trên giường, mặt nhợt nhạt. Hơi thở đã ngừng hẳn nhưng người còn nóng. Tôi đặt bàn tay lên ngực : tim vẫn còn đập mạnh, tuy nhịp đập không đều. Tôi ngồi xuống thành giường để làm cử động hô hấp nhân tạo trong khi Cô y tá chích thuốc kích thích trong khi hô hấp. Độ gần nửa giờ sau, đứa nhỏ chợt hít một hơi dài. Tôi chưa kịp mừng rỡ thì đã hoảng hốt vì bàn tay của tôi trên ngực nạn nhân không còn cảm thấy tiếng tim đập nữa. Tôi kêu lên :

— Cho adrénaline, mau !

Tôi cầm mạnh kim vào ngực nạn nhân, chỗ trái tim. Một giòng máu đỏ loan trong séringue Tôi bơm thuốc và bóp tim cho đứa nhỏ, nhưng rất cuộc tôi đành thúc thủ. Bệnh nhân ngực mạnh, mồm mấp máy như đang thì thầm nói chuyện với ai rồi im hẳn. Nó

đã chết. Một linh hồn lạc loài bơ vơ lìa khỏi xác. Tôi vuốt mắt cho nó và se sẽ thở dài. Hình như đứa nhỏ không có thân nhân và xác nó không có người nhận lãnh. Tôi thoáng rung mình vì lạnh hay vì sao tôi cũng không hiểu nữa. Từ đằng xa, phía cuối hành lang vọng lại những tiếng khóc náo nùng, Lại một linh hồn về bên kia thế giới. Người ta chết dễ dàng quá, và những sự khổ sở thường đến một cách bất ngờ. Tôi muốn bịt tai lại để khỏi phải nghe tiếng khóc náo nùng ấy. nhưng không được. Tôi nhìn về phía xa. Bóng gác chuông nhà thờ và cây thánh giá mờ ảo in trên nền trời. Trước mặt tôi mọi vật chợt hỗn loạn và trong trí tôi hiện ra một cảnh đồng quê bát ngát, có những lũy tre xanh có những thửa ruộng trề gốc rạ khô cằn, có những mái đình cong vút, và con sông Thương nước chảy dịu dàng... Quê hương của tôi đối Quê hương xa ngàn trùng, nơi đó. Huy, em tôi đã an giấc ngàn thu... Huy là em ruột tôi ; Em mất cách đây đã 18 năm, ngày em mới được 2 tuổi, và tôi 6 tuổi. Ngày đó, Loan chưa ra đời... Có nhiều lúc, Loan đã rơm rớm nước mắt hỏi tôi về Huy, nhưng tôi không sao hình dung ra nét mặt của em được nữa. Ngày ấy tôi còn nhỏ quá. Hình ảnh duy nhất mà tôi còn nhớ được và thường làm tôi khóc là hình ảnh mà tôi vừa thấy thoáng hiện trong đầu. Đó là hình ảnh một cánh đồng mênh mông vắng vẻ, hình ảnh của một nấm mộ mới lo thơ vài khóm cỏ non, hình ảnh của mẹ tôi, áo dài, tóc xõa gục đầu bên mộ khóc nức nở ; Tóc mẹ tung bay cùng vành khăn trắng và quện lẫn khói hương ; hình ảnh của một đứa nhỏ lên 6 tuổi, hình ảnh của tôi 18 năm về trước, gục đầu trong lòng mẹ và hòa tiếng khóc trẻ thơ trong tiếng nức nở nghẹn ngào của mẹ... Hình ảnh cũ buồn và thâm trầm quá làm lòng tôi tê tái. Tôi thấy mắt mình cay cay... Tôi chớp mắt... Gác chuông nhà thờ vẫn in bóng trên nền trời... Một ý định kỳ lạ chợt tóc lên. Tôi quay vào phòng, đến bên giường đứa nhỏ mới chết và đặt vào lòng nó gói kẹo mà Loan cho tôi buổi sáng.

Tôi thì thầm :

— Anh để làm quà tết cho em...

Và tôi quay ra, cúi đầu lầm lũi đi trong hành lang vắng vẻ. Bóng tôi chập choạng in trên tường...

oOo

Một mình lang thang đi trong chợ hoa. Giữa làn sóng người nhộn nhịp và vui tươi ấy, tôi thấy mình cô đơn lạc lõng vô cùng... Kim thì đã lấy vợ. Quân và Thư, sau mấy tháng giận nhau đã làm lành trở lại. Tôi vừa thấy hai người chụm đầu thì thầm bàn tán giữa mấy khóm hoa. Hình như Quân đã nhận ra tôi, hẳn đưa tay vẫy vẫy và chỉ vào lưng « vợ » Tôi chỉ mỉm cười đáp lại vì không muốn làm mất tự do của hai người. Đáng nhẽ Loan đi cùng với tôi, nhưng rất cuộc em cũng bỏ tôi một mình để đi với các bạn.

Không hiểu Loan đã gặp Sơn chưa ? Lúc nấy gặp tôi, Sơn hơi có vẻ ngượng ngập. Hắn đừng nói chuyện mà mắt cứ đảo đảo nhìn quanh. Tôi biết hắn định tìm Loan, nhưng tôi mặc kệ. Tôi muốn hắn phải tự thú nhận ý nghĩ của hắn trước mặt tôi thấy thích thú khi Sơn bẽn lẽn hỏi :

— Thưa anh, Loan có đi cùng với anh không ?

Tôi nghiêm trang :

— Có đấy. Nó đi với mấy cô bạn. Cậu chịu khó đi tìm thế nào cũng gặp.

Mắt Sơn sáng lên. Hắn chào tôi thật lễ phép và lẩn vào trong đám đông.

Tôi rẽ vào hàng hoa để mua một bông hồng đỏ. Tôi đã có ý định là nếu gặp Hào, tôi sẽ tự tay cài bông hồng đó lên tóc bé... Lúc quay ra, tôi gặp Uyên. Nàng đang đi bên chồng. Đã lâu lắm tôi không gặp Uyên, nhưng hình như Uyên không có gì thay đổi. Vẫn nét mặt ngày xưa, vẫn nụ cười tươi và đôi mắt mở lớn. Tôi thấy rõ vẻ e thẹn và bối rối trong mắt Uyên, và chính tôi cũng thấy lòng xao động. Tôi trịnh trọng cúi chào nói vu vơ về mùa mưa mùa nắng rồi vội vã cáo từ. Tôi không muốn nói chuyện lâu vì cả hai đều ngượng ngập. Lúc chia tay tôi còn quay lại nhìn theo. Uyên tựa sát vào vai chồng và ngược mặt lên cười khúc khích. Bây giờ thì chắc là Uyên đã quên hết chuyện ngày xưa... Tôi thẩn thờ dừng lại trên hè phố và đốt một điếu thuốc.

Tiếng Loan ngạc nhiên :

— Anh nghĩ gì mà đứng thân ra như vậy ?

Em đem người đẹp lại cho anh đó. Tôi quay lại và thấy Hào đang đứng với mấy cô bạn. Hào mặc áo dài màu hoàng yến, trông đẹp như một nàng tiên. Tôi gật đầu chào mọi người và đưa cho Hào đóa hoa hồng. Tôi khựng lại ngắm nhìn lên tóc Hào như đã dự định. Cừ chi cù, tôi sẽ lộ làng nếu tôi thực hiện ở đây, giữa mọi người, giữa các bạn của Hào. Bé cầm bông hoa rồi mỉm cười, quay đi. Chắc lại giận. Tôi đưa mắt nhìn Loan dò hỏi. Em kiễng chân, nói thầm vào tai tôi.

— Tại anh đó. Ai bảo anh nói chuyện với chị Uyên.

Biết Loan định trêu, tôi nháy mắt :

— Tại anh nói chuyện với «anh Sơn» thì có.

Loan hứ một tiếng rồi quay đi. Tôi thoáng nghe cô bạn Loan nói nhỏ :

— Ông anh mày ngang như cua đấy !

oOo

Tôi giật mình thức giấc vì tiếng pháo. Tuy chính phủ đã cấm pháo từ mấy năm nay, nhưng các chú

ba Tàu vẫn tìm ra để đốt. Tôi uể oải ngồi dậy. Giàn lan bên cửa sổ vừa nở mấy bông hoa làm căn phòng nhỏ chan hòa một mùi hương thoang thoảng.

Loan hé cửa thò đầu vào định gọi. Thấy tôi ngồi lìm dìm như ngủ gật, Loan dục :

— Giao thừa rồi, anh sửa soạn mau đi lễ. Ông cụ bà cụ đang chờ anh đó !

Tôi đáp, giọng ngái ngủ :

— Ừ... Ừ... anh mệt quá.

Loan bước vào phòng, cuộn màn cho tôi. Em đắp hai bàn tay lạnh buốt vào má tôi và cười khảnh khách :

— Để cho anh hết buồn nga.

Tôi chợt thấy Loan tươi và xinh đẹp vô cùng. Chiếc bandeau màu hồng trên tóc làm mặt Loan có một vẻ gì đặc biệt. Tôi buột miệng khen :

— Hôm nay, Loan đẹp quá !

Loan sung sướng cúi mặt, mỉm cười. Tôi trêu :

— Chẳng thế mà thằng Sơn...

Loan đỏ mặt, cấu mạnh vai tôi và bỏ chạy ra nhà ngoài. Tôi cũng lững thững bước ra phòng khách. Cậu mẹ tôi sửa soạn xong, đang ngồi uống trà để đợi. Mấy thằng em tôi vừa dậy mắt ngáp dài ngáp ngắn. Tôi ngồi xếp bên chậu quất ; Những trái chín đỏ hồng trông thật đẹp mắt. Tôi hái một trái và nhai ngon lành. Mà tôi nhìn tôi, rồi nhìn cha tôi tỏ ý trách móc. Tôi biết bà cụ định quở nhưng lại sợ động. Tôi mỉm cười khoan khoái đã trêu tức được bà cụ trong dịp đầu năm. Loan nhìn tôi gật gù tán thưởng.

Tôi ề ề :

— Thôi cậu mẹ đơ với con Loan, để con ở nhà tội tôi.

Loan gật đầu :

— Vàng cũng được. Chờ anh sợ trễ mất giờ lành.

Tôi uể oải đứng dậy mở cửa. Trời tối đen và lạnh vô cùng. Mấy cánh mai vẫn còn tươi... Mấy chậu cúc đã nở đều một màu vàng chói lọi. Tôi thoáng buồn. Năm nào cũng vậy, Xuân đến rồi Xuân đi, hoa nở rồi hoa lại tàn... Một năm nữa đã qua, liệu đời tôi có những gì gì thay đổi ?

Tiếng Loan thì thầm :

— Anh có nhắn gì với Hải không ?

Tôi se se lắc đầu, và cảm thấy mình cô đơn.

YÊN THẢO

NHỮNG NGÀY CÒN LẠI

● truyện ngắn HOÀNG ĐÌNH HUY
lặng Hân, Nhựt, Thiệp (Thứ đức khóa 21)

Tôi nhận được tin Phụng có chồng vào những ngày đầu mùa đông. Lâu rồi, từ ngày tôi rời bỏ Nha Trang về sống ở đây, lần đầu tiên tôi nhận được tin Phụng, dù tin đó không đem lại cho tôi một niềm vui nào. Những ngày tháng ở đây buồn chán trôi qua, tôi chưa làm được một công việc gì. Tôi không ngờ tuổi trẻ của tôi lại bất lực đến thế. Thời buổi này tôi thậm chí mình còn sống được là một điều hay. Hiện diện giữa cuộc đời tôi vẫn thường tự cho là điều bất hạnh. Bây giờ tuổi nhỏ đi qua thật xa, chỉ còn mình với niềm cô đơn an ủi. Ngày xưa tôi yêu Phụng tôi chẳng muốn chiếm giữ gì ở nàng nhiều tình yêu với ngàn ấy vuốt ve cũng đủ. Dự tính để xây dựng cho mình một tương lai và gần gũi với người yêu suốt đời tôi chưa bao giờ dám nghĩ đến. Phụng cũng biết là tôi không thể lấy nàng nhưng Phụng vẫn yêu tôi tha thiết. Thời buổi này người con gái nào cũng có danh dự cho mình một tình yêu như thế đó. Những ngày còn lại của tuổi trẻ tôi đều phung phí tất cả để rồi dự bị lên đường. Người con trai nào không có những hành diện đó. Cuộc chiến này bắt buộc chúng ta phải có mặt và gắn liền với đời sống quê hương. Tôi cũng chỉ dành được cho Phụng bằng tất cả những phung phí của mình. Bây giờ Phụng có chồng và tôi như rời xa nhiều kỷ niệm. Hôm cuối cùng hai đứa còn dắt nhau đi chơi suốt một ngày rong rã. Buổi chiều về ngồi nơi công viên nghe những bản nhạc ngoại quốc vang lên từ một rạp chiếu bóng bên cạnh. Phụng hỏi tôi về ý nghĩa sự xa cách khi tôi xa nàng. Tôi không biết nói gì, chỉ biết vuốt ve vuốt tóc dài óng ả của Phụng. Những sợi tóc mềm mại của người con gái gây cho tôi nhiều xúc động mạnh. Lá cây ở công viên bắt đầu vàng và rơi rụng nhiều. Những tháng hè đi qua thật nhanh chóng. Mùa thu trở về với bầu trời xanh vát và lá ngoài đường rụng nhiều. Tôi kể cho Phụng nghe về những kỷ niệm thời ấu thơ của tôi. Những kỷ niệm mà đến bây giờ tôi khó quên đi được. Không ngoài những hình ảnh thân yêu của gia đình, những niềm quyến thuộc với quê hương. Bạn bè hồi đó bây giờ không còn một ai. Có đứa ở bên kia vĩ tuyến, có đứa vào lính và có đứa đã chết. Hồi tưởng lại những khuôn mặt đó cũng không hình dung được gì. Có chăng là nỗi chua xót về cuộc đời, về sự từ ly giữa những người thân yêu với nhau. Hình ảnh quê tôi với lần trở lại thăm nhà, những đồng ruộng, những nhà cửa, dòng sông, chiếc cầu đều bị tàn phá đổ nát. Quá khứ tuổi thơ bị vùi chôn cùng chiến tranh. Thấm thoát lớn khôn lại mình nhiều kỷ niệm không người. Ngày tháng đến với mình bằng những khuôn mặt mới rồi vụt biến mất như một giấc mộng, như những kẻ lạ mặt gặp nhau trên hè phố. Không còn một

niềm vui nào an ủi lấy mình nữa. Tôi về đây trong ba tháng dài buồn bã, chưa thực hiện được gì cho ý tưởng mình. Tỉnh nhỏ với cuộc sống thăm lặng cũng không đem đến cho tôi một nao nức nào. Quen thuộc với từng con đường từng căn phố. Đời sống cứ tầm thường trôi qua. Thết rồi tôi trở thành một kẻ hư hỏng Dự định bỏ một khoảng thời gian để hoàn thành cho xong một tác phẩm dài, tôi cũng chưa bắt đầu. Mỗi lần cầm viết trên tay với tập giấy trắng trước mặt, đầu óc tôi lại trống rỗng không còn gì để viết. Tôi tự hỏi mình có thể bất lực đến thế sao. Cố gắng lắm cũng chỉ một nhòai với nhiều ý nghĩ không đầu. Mãi rồi tôi cũng bỏ cuộc. Định về lại Nha Trang tìm Phụng để sống bằng những ngày phung phí cũ tôi lại được tin Phụng đã lên xe hoa về nhà chồng, âu đó cũng là định mệnh cho mỗi đứa. Trước kia tôi ít khi để ý đến tai tiếng của người con gái, dù người con gái đó là Phụng. Tôi nghĩ thời buổi này người con gái khó sống được tròn vẹn. Người đàn ông nào dù có ngu dại đến đâu cũng hiểu được điều đó. Có những nhu cầu cấp thiết quyền rũ được người con gái một cách dễ dàng. Không nói là những đam mê cần phải có. Bây giờ Phụng có chồng dù sao tôi cũng yên tâm hơn phần nào. Sự yên tâm mà chỉ có mình tôi hiểu đầy đủ ý nghĩa của nó. Câu nói cuối cùng của Phụng hôm hai đứa còn dắt nhau đi chơi ám ảnh tôi đến bây giờ : «Không chắc gì anh đi xa lại quên được em. Chỉ sợ em có chồng anh lại tiếc. » Quả thật mất Phụng cũng là điều bất hạnh cho tuổi trẻ của tôi. Ít ra còn Phụng tôi cũng còn có mục đích để đeo đuổi. Bây giờ thì kẻ như không còn gì để níu kéo lại được. Phụng có chồng và những đứa con lần lượt ra đời, cuộc sống của nàng cách xa không thể tưởng. Tôi thì hoang phí suốt khoảng thời gian còn lại. Có đơn bao trùm xuống thế xác và tâm hồn dày đặc. Dù thế nào tôi cũng cầu mong cho Phụng có hạnh phúc. Người đàn ông nào cũng chỉ có một lòng bao dung sau cùng. Tôi tự nhủ như thế suốt thời gian ở đây, Ngày ngày ngồi trên căn gác nhìn xuống con đường vắng lạnh dưới mưa bụi. Cây cối hai bên đường trút lá và bay xào xạc trong gió. Cố gắng hút từng điếu thuốc để tìm sự ấm cúng cho tâm hồn. Đầu tay trở nên vàng và khô thuốc bay ngập phòng. Tôi tìm thấy trong những vòng khói thuốc đó nhiều hình ảnh thật gần gũi : có khi là khuôn mặt Phụng, có khi là khuôn mặt mẹ tôi cũng có khi là khoảng bóng tối dày đặc. Có lẽ tôi bị ám ảnh mất rồi. Tôi chỉ còn chọn lựa cho tôi một thái độ cuối cùng. Sự quyết định đó là một con đường thoát duy nhất. Tôi cũng cầu mong tôi không phải là một thằng con trai hư hỏng như mẹ tôi vẫn thường nói trước đây.

Buổi chiều trời vẫn mưa không dứt. Bầu trời thấp hẳn xuống và xám đục một màu chì. Mây đen bay từng đoàn qua khung cửa sổ. Ở đây mưa nhiều nhất về buổi chiều. Tôi khoát chiếc áo mưa đen xuống phố tìm đến nhà Long. Chiếc cầu thang bằng gỗ lâu năm long ra từng mảnh, mỗi lần tôi lên xuống cứ rung phập phồng. May là chỉ có một mình tôi chứ nhiều người lên xuống có lẽ nó gãy đổ mất. Tôi xuống nhà dưới gặp bà chủ nhà đang sửa soạn bữa cơm chiều. Bà hơi ngạc nhiên thấy tôi bỏ xuống phố trong giờ này. Tôi mỉm cười cho bà yên tâm và dặn bà có ai đến tìm tôi thì nói tôi đi vắng. Đó chỉ là phòng xa vậy thôi, thật ra bà chủ nhà cũng biết tôi rất ít bạn bè ở đây. Ngoài trời mưa càng lúc càng nặng hạt, có lẽ suốt đến ngày mai không dứt. Tôi co ro trong chiếc áo mưa một mình làm lủi ngoài đường. Trời còn sớm nhưng mặt trời bị mây che kín nên cứ tối sầm lại. Tôi đến nhà Long tìm hân nhưng hẳn lại không có ở nhà. Yến em Long ra tiếp tôi cũng vội về nhà như mọi lần. Về ngày thơ ấu tôi tìm thấy duy nhất ở Yến. Lúc nào Yến cũng mở đầu bằng một câu nói vồn vập :

— Anh đến thăm Yến đó à.

Tôi chỉ biết mỉm cười nhìn vào đôi mắt tròn xoe đầy ngạc nhiên của Yến. Đôi mắt trong sáng lạ thường đúng là cửa sổ vào linh hồn của cô bé. Đôi mắt đó chưa bao giờ thoáng hiện một nét buồn nào. Tôi cố tìm cách đùa Yến :

— Không, anh đến thăm Long đấy chứ. Yến thì có gì bắt anh phải đến thăm.

Yến và giận dữ quay nhìn ra phía cửa sổ, cử chỉ ngây thơ thật đáng yêu.

— Nói thế Yến không thèm tiếp anh đâu.

Có tiếng chân người ở phía nhà ngoài rồi bóng Long hiện ra ở ngưỡng cửa phòng khách. Tôi được dịp không bỏ lỡ cơ hội phá hai anh em Long. Tôi vụt cười vang, hất hàm hỏi Long :

— Cậu đi đâu để cô bé xua đuổi tôi thế này.

Long cũng cười. Hắn đến kéo ghế ngồi đối diện với tôi rồi bảo Yến :

— Em không pha nước mời anh Hoàng sao ?

Yến lườm anh rồi bỏ xuống nhà dưới. Phòng khách chỉ còn tôi và Long ngồi diện nhau. Ngoài trời mưa vẫn đều hạt. Qua khung cửa kín lờ mờ những đỉnh cây cao xao động trong gió. Tất cả đều mang một vẻ ướt át và điều hiu. Chính lúc này tôi biết mình không vui gì nhiều. Dù thế nào tôi cũng quyết định một thái độ. Long nhìn tôi dò xét :

— Cậu tìm tôi giờ này chắc có việc quan trọng.

Tôi không một phút do dự, nói thẳng ý nghĩ của mình với Long :

— Tôi định xin vào Thủ đức khóa này. Cậu nghĩ thế nào ?

Long không lạ gì tính tôi nhưng việc này làm hắn ngạc nhiên nhiều. Tôi cũng đoán biết thế nên im lặng ngồi chờ phản ứng của Long. Ở đây tôi chỉ còn

Long và Yến là hai người thân duy nhất. Chúng tôi hiểu nhau và chưa bao giờ giấu giếm một điều gì. Tôi không muốn tôi trở thành một kẻ hư hỏng. Ba tháng dài sống trong sự suy tưởng để tôi hiểu được lòng mình. Cuộc chiến này đến lúc không thể trốn tránh được nữa. Nhiều người tuổi trẻ đã ngã xuống và kẻ khác vẫn tiến lên. Tôi không thể buông xuôi hai tay để đứng ngoài tầm cuộc chiến đấu. Tự ái của người thanh niên không cho phép tôi làm thế. Và tôi đã quyết định...

Giọng Long vang lên đột ngột, cắt đứt những điều suy nghĩ của tôi.

— Nhưng lúc này chưa phải đến phiên cậu.

— Tôi biết. Nhưng đó là thái độ chọn lựa sau cùng của tôi. Những ngày sống ở đây đã gợi lại cho tôi nhiều hình ảnh thật gần gũi. Tuổi thơ chúng ta chưa một lần vui, bây giờ lớn khôn chẳng lẽ cứ sống tầm thường như thế này sao ? Cuối cùng rồi ai cũng phải có một lý tưởng để đeo đuổi. Cậu đừng nghĩ là tôi dại dột lao mình vào vòng chém giết. Ở đây tôi chỉ còn cậu và Yến là người thân, tôi lúc nào cũng nói thật với ý mình.

Trời tối sầm hơn lúc trước. Có ánh chớp lóe vào phòng rồi tiếng sấm nổ ở gần nhà. Yến vừa trở ra nghe hết câu nói của tôi, cô bé nhìn tôi thật lâu, thẳng thốt hỏi :

— Anh nhất định rồi sao ?

Tôi thoáng thấy trên đôi mắt vô tư của Yến có một nét buồn vương vất nét buồn duy nhất bây giờ mới có — Những người thân dù không là ruột thịt vẫn thấy xao xuyến khi phải xa nhau. Tôi lúc nào cũng xem Yến như cô em gái ngoan ngoãn của tôi. Tôi không muốn Yến phải buồn. Chiến tranh đã cướp mất tôi một đứa em gái bằng tuổi Yến. Nếu nó còn sống có lẽ tôi có trách nhiệm nhiều với nó và không đến nỗi tôi phải phung phí như trước đây. Chiến tranh có phải là đả san bằng sự đau khổ cho mọi gia đình như người ta vẫn thường nói không ? Dù sao chiến tranh cũng có một ý nghĩa riêng tư của nó và chính nghĩa lúc nào cũng thắng. Tôi cố gắng tạo không khí vui tươi cho Long và Yến yên lòng. Người thân mình không có bao nhiêu, làm buồn họ quả là điều tôi không muốn chút nào. Tôi nói đùa :

— Đi lính thì có gì mà Yến phải lo. Đờ nửa năm sau anh về oai ra «phết» cho xem.

— Sợ rồi Yến phải điều tang anh mất thôi.

Tôi phì cười trước câu nói khôi hài nhưng đầy đủ ý nghĩa của Yến. Long vẫn ngồi trầm ngâm trên ghế, có lẽ Long biết một khi tôi quyết định chẳng có gì lay chuyển nổi. Tôi cầm ly nước lên tay do Yến mang ra uống cạn rồi đứng lên, Tôi không muốn Long và Yến lúc này đều nghĩ nhiều về tôi. Không ích gì và làm bận thêm trí óc mình. Gió lạnh tạt vào từ khung cửa khép hờ làm tôi rùng mình. Trời còn mưa lác đác nhưng không biết sẽ lớn lúc nào. Mùa đông ở đây tạo trong người nhiều nỗi buồn man máng vô cớ. Nhìn một con đường phố hay nhìn những

hàng cây ú rú dưới mưa bụi bỗng thấy không còn gì thiết tha với cuộc đời này nữa. Tất cả có một vì gì điều hiu lạnh lùng.

Tôi cầm tay Long siết thật chặt :

— Mai tôi vào Nha trang lại, nếu cần gì cậu cứ viết thư cho tôi. Tôi còn một tuần nữa để lo giấy tờ và sửa soạn vào Thủ đức.

Long nói không cần đo tôi thích thái độ thẳng thắn như vậy :

— Thôi cậu cứ thực hiện ý mình. Tôi mong cậu sẽ đạt được lý tưởng. Tôi thì còn Yến, còn nhiều bổ buộc gia đình, cậu chắc hiểu điều đó. Tôi lại cậu để chúng mình tâm sự như ngày còn đi học ở trung học.

Long và Yến đưa tôi ra đến cửa. Tôi không quên nói đùa với yến một câu trước khi từ giả :

— Còn Yến, anh chúc cậu sớm có ý trung nhân để anh về ăn đám cưới.

Sau câu nói, tôi và Long cùng cười vang. Yến đỏ mặt bỏ chạy vụt vào phòng trong. Tôi nhìn theo để tưởng đó là đứa em bất hạnh của mình đã mất.

Về đến nhà tôi bỗng thấy xa rời không khí thân mật của Long vào Yến hết sức. Mưa bụi vẫn bay đầy trời, ngồi một mình trong phòng tôi thấy lạnh lẽo và cô đơn ghê gớm. Bây giờ không biết mẹ tôi đang làm gì ở Nha trang ? Thật suốt đời bà, tôi chưa một lần làm mẹ tôi vui. Hoàn cảnh xã hội thường làm tách rời những người thân yêu với nhau. Tôi nghĩ đến mà thương mẹ tôi vô cùng. Chắc tôi về bà mừng lắm nhưng nếu bà biết được quyết định của tôi chắc bà lại buồn hơn. Bà mẹ nào lại không lo âu cho số

phận con mình, nhất là thời chiến biết đâu để đo lường. Còn Phượng chắc giờ này nàng không bao giờ nhắc nhở đến tôi nữa. Xa cách quá rồi còn gì. Mỗi người có một cuộc sống riêng phải chu toàn. Dù sao tôi cũng thấy mãn nguyện với thái độ của mình. Chỉ còn có sự góp mặt vào cuộc chiến đấu hiện tại là hợp lý. Hòa bình có đến hay không là điều không cần thiết. Nhiều người bạn đã gục ngã cùng một lúc, dù không xúc động cũng thấy mình có trách nhiệm với quê hương với dân tộc. Tôi vẫn nghĩ như thế để tự ủi mình. Chiến tranh rồi sẽ chấm dứt, chẳng lẽ cứ kéo dài mãi thế này, ~~đời sống~~ Tuổi trẻ không cho phép tôi bị quan đến thế. Những ngày còn lại tôi đã phung phí quá nhiều. Tuổi thơ đã vui đầu trong bom lửa, giờ lớn khôn cũng cứ làm lùi bước đi như thế sao ? Phải đứng lại và chọn lựa cho mình một thái độ. Lý tưởng thì có rất nhiều nhưng thực hiện lý tưởng là một điều khó khăn, đó khi phải đi vào con đường phiêu lưu. Tôi vẫn lý luận như vậy để không còn do dự, để bệnh vực những ngày còn lại của mình xem như những sửa soạn để lên đường. Đó là điều tôi mãn nguyện hơn bao giờ hết và tuổi trẻ của tôi chỉ có ngần ấy hi vọng để tạo dựng tương lai.

Tuy hòa, mùa đông 1965

HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN



Chiều phố cuối

bụi chiều xuống phố cuối năm

bàn chân dỏm thấp, buồn thăm lên cao

bỗng đứng hồn biển gió gào

nỗi xa xứ đó rơi vào trong tôi

cưỡi ngày phố khép cửa rồi

thời gian nhỏ bước lờ lờ chia tay

thôi mình còn lại gì đây

với đêm hối tiếc với ngày ăn năn

một mình đi phố cuối năm

bước hờ hững bước buồn thăm rưng rưng

LÀN

DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ

HANS KILLIAN

(HINTER UNS STEHT NUR DER HERRGOTT)

• Bản dịch của NGUYỄN-VINH-ĐỨC
và NGHIÊM-SỸ-TUÂN

QUYẾT ĐỊNH TO TÁT

(tiếp theo)

Vừa nhủ hăn làm, tôi cảm thấy căng thẳng không thể cắt nghĩa được. Chưa bao giờ, trước khi mổ tôi lại có thể căng thẳng đến thế; như máy, tôi quay về phía trái chỗ cô y tá đang chờ đợi; tôi bắt gặp ánh mắt của Monica. Nàng đã đi quanh chiếc bàn và lặng lẽ đứng trước mặt tôi. Đôi mắt nàng to và đen như đôi mắt nai, mọi khi rất bình tĩnh, hôm nay lộ vẻ lo sợ không thể kìm hãm được, một vẻ lo ngại gần như mất trí. Tôi có cảm tưởng đôi mắt ấy cố gắng hỏi tôi một lần chót: « Có chắc là anh có lý không có chắc không? Hoàn toàn chắc không? »

Lúc đó, có điều gì nổi lên trong tâm trí tôi như một sức kháng cự điên dại không thể kiểm soát được. Không, tôi không chắc gì cả; phải có một việc nhằm lẫn nào, một điều nhầm lẫn ghê sợ... Tôi đặt con dao mổ xuống và hét lớn:

— Tôi không muốn! Tôi không thể tin được! Không thể được!

Như trời trồng và ngạc nhiên hết sức, mọi người trong phòng mổ đứng trơ như tượng đá câm như hến. Tôi cầm tay anh sinh viên đang sắp sửa chích thuốc và tỉnh mạch...

— Đề tôi lấy thử lần nữa xem sao. Lúc này tôi sợ chưa đủ vào sâu.

Cố chống lại xúc cảm còn ghì chặt lấy cổ, tôi lại hơ chiếc que *platine* lên đèn cồn và cúi xuống thái dương sưng tấy của người bệnh, liền đó, một giòng mủ chảy từ chỗ hồng bị loét: tôi còn đem theo cả một đám thịt bị thối mà không chảy máu gì cả. Tôi không quệt lên kính nữa, mà để cả vẩy dính đầy mủ và thịt tróc vào một ống nghiệm đã khử trùng rồi lấy bông dẩy lại.

Không ai dám nói khi tôi đang làm công việc tế

nhị này. Nhưng, trong đầu tôi, nổi lên một cuộc đối thoại, đối thoại với chính mình.

« Tại sao mình làm vậy? Có phải vì đôi mắt đẹp của cô bạn đồng nghiệp biểu tỏ một niềm lo sợ vô vọng? Có phải vì đến phút sắp mổ, một sức mạnh không thể kìm hãm nổi đã ngăn cản? Hay đúng hơn vì tự hào — niềm tự hào vô lý vì Pfaundler đã trả lời rõ ràng rành mạch như vậy? Thế mà, Pfaundler, mình biết rõ hăn hơn ai hết; hăn không phải là tay gà mờ, mỏ trắng (*blanc-bec*), hăn được mọi người mến phục và tin tưởng... »

Tâm trạng con người thật kỳ diệu: không thể chấp nhận lời trách móc hay mắng mỏ vì đã hành động trái với lý trí và biện luận. Tôi đã phản ứng thật tự nhiên, gần như không tự nhận biết, phản ứng với chính những lời tố cáo của mình. Bác sĩ Siegel đã chẳng định bệnh là quần đĩnh rồi đấy ư? Một y sĩ già hành nghề tại khu ngoại ô kỹ nghệ này hơn ba mươi năm trời phải có nhiều kinh nghiệm và đã gặp nhiều trường hợp quần đĩnh hơn tôi, một y sĩ đã hết mình theo chí hướng, luôn luôn nhạy cảm và nhiệt tâm không bao giờ chấp nhận một án chẩn vội vã... Nên tự tin vào điều phê phán của chính mình còn hơn là dựa trên độc có một miếng kính quật mù!

Nhưng tôi không muốn vồ vể tự ái riêng tôi, nói đúng hơn tôi không muốn tự dối mình về bao chữa: những lý lẽ đẹp đẽ trên, tôi thấy đúng và thật lắm chứ, không phải đến cùng một lúc và có tính cách quyết định. Ngay giây phút rời bỏ con dao mổ, tôi đã tuân theo những điều khác, rõ hơn là do một sức mạnh thâm kín, không thể phân tích rõ được và cũng không thể định nghĩa cho được. Một sức mạnh, tùy theo tâm tính hay niềm tin cá nhân, có thể gọi là « linh tính », hay « lý trí » hay « thần linh run rủ ».

DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ—DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ—DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ—DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ

Trong khi đó, Charles, sứ giả của tôi cử đến Viện Pasteur đã về... một lần nữa. Chưa biết thế nào cả. Em đem ống này đến B.S. Pfandler. Tôi sẽ gọi điện thoại cho ông ấy ngay. Nhanh lên nhé. Cần lắm.

Hắn cầm ống nghiệm và chạy bỏ xuống cầu thang. Phần tôi cũng nhẩy xô đến điện thoại.

— Cho tôi nói chuyện với Viện Pasteur, —Bác sĩ Pfandler. Vâng. Cũng số ấy... lệ lên l... lệ lên l

Ông nghe hầu như muốn chuồn khỏi đôi tay tôi. Bất nhẫn và nổi nóng, tôi giật tung đôi găng cao su. Vừa phút sau, giọng Pfandler ở đầu dây.

— Xin lỗi anh...lại phải nhờ anh...thử lại xem... một lần nữa...tôi chưa thể mở được. Tôi đã đi sâu vào thêm nên lấy một lần nữa đây. Tôi có lấy cả vậy nữa. Nhân viên sẽ đem đến anh ngay, hẳn vừa đi xong. Mong anh giúp cho, xem lại kính hiển vi hộ cho nhé. Có gì báo ngay cho tôi nhé. Tôi vẫn chờ đấy. Ở trong phòng mổ..

Tôi đã đoán trước phản ứng của Pfandler ; Đối với hắn chỉ có một ý nghĩa ; Tôi không hoàn toàn tin ở hắn ! Nhưng bây giờ không phải là lúc nói đến chuyện tự ái, nề nhau và tế nhị nữa.

Khi trở vào phòng mổ; người bệnh, vẫn nằm trên bàn mổ, quay nhìn về phía tôi. Tôi cảm động và ngỡ ngàng khi thấy trong ánh mắt còn mở của người bệnh hiện niềm tin tưởng trọn vẹn. Nụ cười tôi làm hắn bình tĩnh hơn, hẳn lại mỉm cười trả lại như cũng đề ủng hộ tôi.

Tôi lại ngồi trên chiếc ghế đầu, trong một góc phòng gần cửa và lại vui mình trong tư lự. Linh tính, lý trí. Những điều ấy có thật không ? Và nếu có, ta có thể nào tin được những điều ấy không ? Quả thật là những câu hỏi tư lự mà con người, nếu chân thành với chính mình không bao giờ dám tự trả lời. Những phút chầm chậm lại là bước làm sưng tấy ý nghĩ trong im lặng nặng nề. Chưa bao giờ tôi lại hiểu rõ thời gian là một ý niệm tương đối như thế ! Tôi luôn luôn nhìn đồng hồ quả lắc. Charles phải đến Viện Pasteur từ lâu rồi ! Pfandler chắc đang nhuộm màu đây...

Monica, đứng gần tôi không thể im lặng được nữa.

— Bác sĩ có muốn tôi gọi điện thoại Viện Pasteur không ? Nàng nói như thăm thì nắn nít. Tôi cũng trả lời rất nhẹ.

— Không cần. Chỉ làm rộn anh Pfandler thôi. Anh ấy không chậm một phút nào đâu. Anh ấy hiểu rõ tình hình ấy.

Lại im lặng. Bên ngoài ngay trước cửa sổ, vài con quạ bóng dáng ần ần hiện trên màu xám của đàn mây, đang kêu inh ỏi để tránh gió. Nếu tôi là người

xưa, tôi sẽ tin đó là điềm xấu; nhưng ngay trong thời đại này, tôi tự nhủ, có lúc con người không để gì xua đuổi những điều dị đoan cũ mèm ấy...

Hai mươi lăm phút rồi... thật không thể hiểu được. Hay Charles bị tai nạn gì ? Tôi nghĩ đến chỗ hay xảy ra tai nạn nhất là « chỗ quẹo đờ » — chỗ này con đường quẹo và gặp một chiếc cầu dành cho xe lửa. Chỗ này xe cộ đi nhiều như mắc cửi hơn nữa xe nhỏ hay vượt mặt các xe hàng nặng chở gỗ và xi măng.

Không thể chịu được, tôi đi bách bộ từ bàn mổ đến chỗ đặt điện thoại. Có lúc, tôi ngừng trước máy, chống chọi với mình để không gọi điện thoại cho Pfandler. Chuông điện thoại reo khi tôi quay phía bàn mổ lần thứ 50. Hai bước nữa tôi đến cầm ống nghe.

— Allô, Đây là phòng mổ...

Tôi nhận được giọng Pfandler. Trái lại, mới đầu không thể hiểu được Pfandler nói gì bởi hắn nói nhanh quá. Hiên nhiên, hẳn xúc động quá. Đừng mở — Đừng mở nhé... Đừng mở nghe ! Nếu thì đi đời rồi !... Ghê quá.. Đây vì trùng, chùm cầu vàng đây cả như một canh cây !

Trong khoảng khắc, tôi không thể nói được lời nào. Pfandler lại càng không hiểu tại sao tôi im lặng. Hẳn hết như tuyệt vọng.

Cô nghe tôi nói không ? Có hiểu không ? Trả lời đi ! Anh đã...

— Không. Cứ an tâm. Không có gì cả. Tôi chưa mở.

Tôi đặt ống nghe. Bỗng nhiên tôi cảm thấy như quay cuồng đứng không vững. Hai chân run run, tôi phải tựa vào tường. Phải mất hơn một phút mới có thể vào được phòng mổ. Cơn bão vừa qua, tôi trở lại và nói lớn :

— Không mở đâu. Anthrax đó.

Không ai nói được cả nhưng tôi nghe thấy như mọi người đều thờ nhẹ nhõm. Bầu không khí căng thẳng đã nói rộng. Cố làm về bình tĩnh, tôi cúi xuống nhìn bệnh nhân và một lần nữa tôi lại quan sát nhọt mủ có vẩy mực trắng trắng đã lâu khô tôi không nhớ. Bỗng nhiên một ý nghĩ loé lên. Tôi hỏi người bệnh.

— BS Siegel có bôi gì vào cái nhọt mủ ở thái dương cho ông không.

— Có ạ. Ông ấy nói thoa bằng át-xít nhiều khi hay lắm.

Tôi khẽ ả một tiếng. Tại sao tôi không nghĩ sớm hơn ? Có thể Siegel đã bôi acide trichloracetic nên nó mới mọc vẩy trắng. Chỉ một chi tiết nhỏ này thôi nếu biết trước có phải đỡ lo đỡ sợ không.

Bây giờ, thật là rõ như ban ngày. Tôi đặt lên chỗ sưng đỏ những miếng gạc khử trùng thấm vaseline rồi quấn lại. Tôi bảo đem bệnh nhân xuống phòng

và thấy Monica bước vội khỏi phòng mờ. Tôi liền theo nàng bèn gót. Mặt tôi méo, đôi mắt nhắm chặt, nàng tựa vào tường. Tôi khẽ nói.

— Thế nào — tôi không muốn ai nghe câu chuyện giữa chúng tôi nên nói như thầm thì — sao vậy cô ? Có thể mà sao đã cảm đau sâu vậy ?

Nàng mở mắt và khẽ cười :

— Xin lỗi... thế là xong rồi. Vài hạt nước mắt còn dính trên mí. Cảm động vì lòng can đảm của Monica, tôi suýt ôm nàng. Lúc bấy giờ tôi vẫn chưa biết nàng sẽ là vợ tôi.

Chúng tôi lại vào phòng mờ. Mấy người y công lại dẫn một bệnh nhân khác đến. Công việc thường ngày lại tiếp tục, luôn luôn bận rộn cho đến chiều.

Khi màn đêm xuống đã từ lâu. Tôi rời bệnh viện, mệt nhọc, tôi gặp chiếc băng ca trên có một xác người mặt phủ bằng tấm khăn trắng đang tiến ra cửa sắt. Tôi hỏi ông gác đêm.

— Hôm nay có người chết à ?

— Vâng. Bà cụ sáng nay đây ! Bác sĩ quên rồi ư ?

— Phải, tôi nhớ ra rồi. Phải, thật chua chát một đám tang tốn ít tiền...

o o o

Rồi ngày qua trong việc bận rộn ở phòng mờ, nhònh nhận bệnh... Tôi quên không nghĩ tới B.S. Pfaundler.

Đêm hôm đó, tôi bị dựng giấc bởi chuông điện thoại.

— Bác sĩ Kilian đây hả ? Tôi là vợ Pfaundler đây. Phiên Bác sĩ đến hộ. Chồng tôi...

— Bị tai nạn hả ?

— Không ạ. Nặng hơn. Chỉ có bác sĩ mới giúp được anh ấy, Van Bác sĩ, xin bác sĩ đến cho.

Giọng người đàn bà run run, lo sợ cả lời nói. Tôi không thể diếc trước lời gọi cảm động ấy.

Khi ra đến cửa, mưa lạnh như cắt làm tôi tỉnh hẳn. Mười lăm phút sau, tôi bấm chuông nhà Pfaundler. Bà Pfaundler đã mở cửa. Bà đã đợi từ lúc điện thoại cho tôi.

— Không biết làm sao đề cảm tạ bác sĩ đã đến. Tôi lo quá có lẽ phát điên mất...

Qua hành lang, bà chỉ về một môi cánh cửa trắng đã róc sơn từng mảng.

— Cũng may các cháu ngủ cả. Bác sĩ đưa tôi mặc cái áo mưa...

— Có việc gì đấy ạ ?

— Chồng tôi đi làm về nom tiêu tụy quá. Anh ấy không ăn tối. Vào ngay phòng làm việc về thất vọng, buồn bã chẳng nói chẳng rằng. Theo chỗ tôi biết và suy đoán ra, anh đã phạm một lầm lỗi lớn. Anh ấy luôn miệng nói suýt nữa gây nguy hiểm đến

tính mạng một người bệnh. Xin bác sĩ giúp cho... chỉ có bác sĩ thôi.

Bà ngừng lại và úp mặt vào hai bàn tay khóc thút thít.

Hơi ngượng ngịu, tôi giả vờ khó mở những chiếc khuy áo mưa. Thiếu phụ đang khóc và tuyệt vọng này. Tôi biết lắm. Tôi biết nàng khi thành hôn với Pfaundler, nhí nhảnh ngây thơ và duyên dáng... Hôm nay, bà có vẻ già trước tuổi, chồng bận việc ở phòng thí nghiệm, năm con mọn phải chật chiu mới đủ tiêu. Lương tháng của chồng cũng vừa đủ ăn tuy dầy thêm và làm việc cho vài tháng của chồng cũng không mở mảy mảy mặt cho lắm !

Tuy vậy Pfaundler là một thiên tài giỏi và rất thông minh, ông đã viết nhiều bài nói về các công việc nghiên cứu của mình nên tên ông rất quen thuộc trong giới y học. Nhưng khổ thay ông luôn luôn làm việc say mê trong tháp ngà nên không thể nhận thấy cuộc sống chật chiu, dè sẻn gần như luôn luôn thiếu thốn đã làm khổ vợ mình. Cha hiền, chồng thảo Pfaundler đã hết sức mình làm việc quần quật để bù vào chỗ thiếu thốn ấy cho gia đình êm ấm hơn. Nhưng trên con đường chức nghiệp Pfaundler đã chọn không phải trái bằng tiền rừng bạc bể.

Tôi hỏi nhỏ :

— Chính ông nhà đã bảo bà gọi tôi đến đây à ?

— Không ạ. Anh ấy không biết tôi đã gọi điện thoại cho Bác sĩ. Tôi van bác sĩ, hãy cố khuyên như anh ấy hộ tôi.

Tôi đẩy cửa phòng làm việc. Pfaundler, gục người trên bàn, đầu úp vào đôi bàn tay run rẩy, tuyệt vọng. Anh như thần cả người không biết gì cả. Lâu lắm mới nhận được ra tôi. Sau cùng, anh quay đầu lại và rất ngạc nhiên, đứng dậy phía tôi.

Anh đấy, à... khuya rồi... À tôi hiểu, chắc là vợ tôi... xin lỗi đã làm phiền anh đến đây... có lẽ nàng có lý...

Đến đây anh ngừng tiếng và cúi đầu. Khuôn mặt sắc sảo và thông minh đang bị tuyệt vọng và bờ lãn phá và hằn từng nét. Con người đứng trước mặt tôi đã biết bao trọng khoảng thời gian vài giờ trước đây ! Anh mời tôi ngồi rồi ngồi phịch xuống chiếc ghế bành.

— Cảm ơn anh khuya khoắt thế này, mà anh cũng đến. Thành thật cảm ơn anh. Tôi hết cả sức lực, không thể nào nghĩ được và tập trung tư tưởng nữa anh ơi. Sau khi gọi điện thoại cho anh, sáng nay tôi không tiếp tục làm việc nữa. Tôi ngừng hết cả công việc ngay cả công cuộc nghiên cứu của tôi nữa. Tôi về nhà suy nghĩ hầu lấy lại sức lực. Nhưng không thể nào được, hồi hận quá, tôi xúc động quá. Tôi không thể nào suy mọi chỉ tiếc sáng nay: tôi đã

nuôi sẹo

TRIỀU - SƠN



CHƯƠNG XI

(tiếp theo)

Nuôi Sẹo bước vào bờ hè, vẫn im lặng, con chó con vẫn không mở mắt. Trong nhà trống huếch hoác như đang dọn đồ hay vừa bị giặc cướp đến phá phách, lấy hết đồ đạc. Một người đàn bà gầy, bụng chừa nằm trên giường tre ở góc nhà. Người này nhìn Nuôi Sẹo mắt như chết, hai bàn chân thò ra ngoài vẩy nâu và dục, gầy và nhỏ như chân ếch,

xanh quá xanh bóng tường như có thể nhìn suốt qua được, thì phều phào hỏi Nuôi Sẹo đến có việc gì? Nuôi Sẹo giặt mình một lát mới trả lời: «Jo đo đòi nợ!» Rồi ngay lúc ấy, gã lớn tiếng chửi liên chẳng chờ người đàn bà kịp nói một câu, nhưng người đàn bà không ra vẻ muốn nói gì, nhắm hai mắt lại. Nuôi Sẹo thấy hai mu mắt thị đen và mọng.

Nuôi Sẹo chửi một lát rồi ra ngồi ở bậc cửa nhìn vào khắp nhà, gã muốn kiểm cái gì để đập phá, nhưng trong nhà chẳng có cái gì đáng đập phá. Một cái vông dút tua tua ở một góc nhà, cạnh một bãi phân chó đã mốc meo. Phía trên sân nhà Nuôi Sẹo trông thấy một lọ gì như một lọ mắ, Gã nghĩ: cái này có thể đập được, nhưng không biết là mắ gì? Nuôi Sẹo không thích đập những lọ mắ cái. Xưa nay gã vẫn không thích ăn và thích ngửi mắ cái. Ở một góc nhà, đối diện với cái vông dút, ba hòn gạch đã nhóm khói đứng chung quanh một mớ tro củi tre bạc phếch và những que củi ráo đã cháy dở. Cạnh đó một cái rá rách, một cái thúng, một miếng lá lót. Trên tường phía đầu giường Nuôi Sẹo trông thấy một cái áo đàn ông rách. Gã nghĩ đến một cái bàn thờ để mà phá cũng không có thì biết làm cái gì? Gã lại chửi hai ba câu nữa. Gã sờ vào túi định lấy một mảnh sành ra vạch mặt năm vạ, nhưng thấy người đàn bà không mở mắt gã lại thôi.

Thấy một chiếc guốc dút ở gần chân giường tre gã đứng lên cầm chiếc guốc ra để cạnh chiếc guốc ở gần chỗ con chó nằm. Gã thấy hai chiếc guốc không phải cùng một đôi, «một chiếc dài thì sơn đen» sơn đã bật đi gần hết để tro nền gỗ trắng. Con chó mở mắt một lát, lơ lơ nhìn gã rồi lại nhắm mắt, mình vẫn chẳng cử động, chó thì thật chó con mà ra vẻ như già nua chán cảnh đời, Nuôi Sẹo nghĩ cái con chó này mà có nấu món dựa mận cũng chẳng ngon được. Gã đã ngồi trên bậc cửa nhẩn bóng. Nuôi Sẹo để ý nhìn những hạt bụi bằng hà sa những hạt bụi nhỏ li ti đi lại nhờn nhờn tự do trong cái màng nắng ở trên trời đổ xuống chênh chếch vào bờ hè. Gã thấy hơi lạnh lạnh, người nổi gai ốc. Gã liền bước ra sân.

Bây giờ Nuôi Sẹo mới thấy cái sân đầy những lá bưởi lẫn lá tre khô. Có lẽ nhà này không ai quét

NUÔI SẸO ○ NUÔI SẸO ○ NUÔI SẸO ○ NUÔI SẸO ○ NUÔI SẸO ○ NUÔI SẸO ○ NUÔI SẸO ○ NUÔI SẸO

sân. Gã định đi vào hỏi xem lão tư Khánh đi đâu? Và không biết hai vợ chồng có được nhiều con không? mà không đứa nào ở đây cả. Nhưng gã đã thấy một cái cối đá vỡ nằm úp xấp ở ngay trước mặt, thẳng ngay trước mõm con chó con. Gã tới đặt đôi gối trên cối đá. Gã cảm thấy hơi nóng của cối đá ngấm vào mông dẹt ấm ấm. Ánh nắng chiếu vào lưng gã. Gã thấy người đỡ nổi gai ốc. Ánh nắng bây giờ đã đầy cả trời, những đồng rơm nửa vàng nửa xảm hiện rõ ở góc sân, cạnh gốc mấy cây bưởi. Ngồi một lát, Nuôi Sẻo thấy đời sống ở chỗ này không có vẻ gì là hoang vu như lúc gã mới lại. Mấy con chim nháy trên cành bưởi. Ở chân đồng rơm một đàn gà con lú rú đi theo gà mẹ, vừa đi vừa bới lảng nhăng như bới đề nghị hơn là đề tìm mồi. Nhìn qua cái bờ rào tre phía sau những cây bưởi, Nuôi Sẻo thấy một người đàn bà ở trong nhà ra phơi mấy cái quần áo nâu. Khi người đàn bà vào thì có tiếng lẹa kêu ừn ừn ở phía sau đưa lại. Nuôi Sẻo chú ý nghe xuyên qua tiếng ừ ừ xay lúa, tiếng này như bay ở trên không trong ánh nắng, không ở phía nào đến cả. Trong mùi ẩm ẩm mùi đất lẫn mùi lá thối bị ủ nóng, Nuôi Sẻo như ngửi thấy thấy thoang thoang mùi hoa cau. Nhưng gã chẳng thấy cây cau nào.

Ánh nắng chiếu vào Nuôi Sẻo mãi, gã thấy hơi nóng ở làn áo sát vào lưng và ở đám tóc bộp trên đầu. Gã khẽ xoay người lại một chút, mắt đưa thẳng ra phía công đề cho nắng chiếu vào cạnh sườn, vào vai. Vẫn còn nóng, cũng không vào trong bóng dâm được vì gã biết vào đó bây giờ thì lại lạnh. Gã đưa tay vuốt tóc nóng và cũng như những rễ bèo tây mà người ta vớt phơi nắng ở một bờ ao. Ngay lúc ấy, gã nghe thấy tiếng vông, kiu cà kiu kít ở một cái nhà phía đằng sau đưa lại. Và theo tiếng vông gã nghe thấy tiếng người hát ru em: (con chó khóc đứng khóc ngồi, mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng). Tiếng hát trong kéo dài ra, như có sức chứa đựng im lặng. Nuôi Sẻo tưởng như tiếng hát ấy len lõi bỗng bành trong ánh nắng và gã tự nhiên sợ khi tiếng hát hết thì ánh nắng cũng hết luôn. Một con chim kêu: choét-choét ở ngọn tre. Nuôi Sẻo chưa nhìn thấy nó ở đâu thì đã nghe thấy cánh chim bay đi. Có tiếng người đàn bà nào gọi: « Tào ơi, Tào ơi » như gọi con chim về, không có tiếng chim bay hay tiếng người trả lời, nhưng ngay lúc ấy thì tiếng hát cũng im, chỉ còn tiếng vông cọt két. Nuôi Sẻo nghĩ: « chắc nó đã ngủ rồi? » Gã thích nghe những tiếng hát ru em lẫn với tiếng vông kiu cà kiu kít trong một gian nhà vắng. Nhưng bây giờ thì không hề có tiếng hát kia trở lại.

Buồn buồn, gã thấy sạo mà người nóng và say rượu Phong Ten. Đồng thời cũng thấy ngứa ngáy, buồn buồn khắp cả. Gã biết rằng rận nóng chỗ đã bò ra. Gã liền cởi áo vút xuống đất cạnh cái cối

đá. Rồi gã mới đưa mười ngón tay lên gãi. Gã cũng thấy làm lạ sao việc gãi nó tầm thường như thế này mà có lẽ từ năm ngoái đến bây giờ gã mới gãi. Gã gãi từ cổ cho đến ngực, từ ngực cho đến bụng, lưng và thò mãi tay vào trong quần mà gãi. Tay gã đưa đến đâu thì những vết trắng ngoằn ngoèo trên làn da rộp đến đấy làm cho một thứ bụi rơi xuống trắng cả quần gã. Bây giờ thì gã gãi đã nhanh tay. Nhưng gã càng gãi thì cái ngứa nó cứ như là ở trong người đã tườn ra mãi không ngớt, gã chưa gãi xong chỗ này thì chỗ khác đã ngứa. Gã càng gãi nhanh hơn, mạnh hơn, gã gãi say sưa cả người run rẩy, mười ngón tay cứng như sắt cao mãi về những vết trắng ngoằn ngoèo trên làn da rộp, chỉ trong một lát người gã đã bắt đầu bật máu ra nhiều nơi. Nhưng gã còn gãi, gãi nữa, mười đầu ngón tay đều vẩy trong những vết ngoằn ngoèo tủa máu. Đến khi mồ hôi sẫm sẫm trên da trộn vào với máu đã làm cho gã tê buốt và năm đầu ngón tay của gã đỏ như máu, gã mới chịu ngưng gãi. Bây giờ thì gã sợ đưa tay vào người, gã cũng sợ nắng gãi vào những ngoằn ngoèo tủa máu kia. Gã đi vào chỗ bóng dâm lại thấy người ghê ghê rợn gai ốc. Gã trở lại cối đá nghĩ thêm một cuộc tắm dầm người ở dưới sông Ngò. Có lẽ trong lúc này ở bên đó Sen những trẻ con đang đùa nhau tắm, bơi theo dòng ngang, và có lẽ cụ Tý cũng ở giữa đám trẻ con ấy. Gã định về ngay phố, đi thẳng ra bến đò cởi quần áo vút lên bụi lau hay móng cầu mà ngầy ừm xuống nước. Gã kéo cái áo lên mặc. Nhưng những con rận lại bò buồn buồn rang khắp cả. Gã liền cởi áo ra bắt rận. Rận bò lồm ngồm ở khắp nơi. Ở chỗ cái đường viền ở nách áo và ở cổ, chúng đứng thành đàn, đông như những đàn trâu mà những người lái trâu thường đánh đi qua phố An Giang luôn. Nuôi Sẻo tóm hai con một bỏ vào miệng, đánh cặp hai răng cắn kêu như gõ rang trên chảo nóng. Bắt đã mỗi tay, cắn đã mỗi xương hàm một lúc vẫn thấy không hết rận, gã đi vào trong nhà kiếm được một cái chai không, đem ra để cái áo lên cối đá lẫn chai mà xiết như người ta xiết đậu nấu chè. Gã xiết kỹ nhất là chỗ cổ áo và những nách áo. Làm xong công việc này, gã hơi mền mẹt. Gã để cái chai xuống bên cạnh, mặc áo vào còn thấy ngứa ở cặp quần, gã kéo quần lá tọa ra, cúi gò cổ xuống, đưa mãi cặp quần vào răng mà nhai mãi. Một lát, gã thấy đỡ buồn và ngứa. Gã cảm thấy hề hảm như vừa thắng một trận lớn mặc dầu gã thấy mền mẹt vào khắp người, gã còn cảm thấy sốt. Gã cầm cái chai quăng ra chân đồng rơm. Giữa lúc ấy thì gã còn cảm thấy sốt. Gã cầm cái chai quăng ra chân đồng rơm. Giữa lúc ấy thì gã nghe tiếng một con gà « cục ta cục tác » ở đằng đầu nhà. Gã đi ra đầu nhà thấy con gà hoa mơ đã thôi cục tác nhưng vẫn co do đứng đó nghiêng cổ nhìn Nuôi Sẻo như muốn khoe cái trứng mình vừa mới đẻ. Bên cạnh nó một cái rổ rách bên trong lót

rom. Nuôi Sẻo đuổi con gà vỗ cánh chạy đi, đến cầm cái rổ rách bên trong lót rom. Rồi quay về cõi đá mẻ, gĩa mớ măng sành chộc hai cái lỗ ở hai đầu quả trứng và đưa trứng lên miệng mà bú. Một niềm khoan khoái mát rượi tràn xuống bụng gã. Nuôi Sẻo quên cả ngứa, cả xót. Mặt trời đã gần đứng bóng, gã đi vào trong hàng hiên. Vui vui gã nhét miệng lên hát: « Ma ma ma mầu hậu ha ha hậu ơi là hậu hậu hậu ời... » Con chó con giắt mình, mở mắt rồi đứng giẫy nhìn Nuôi Sẻo sủa. Nuôi Sẻo khế đá cho nó một cái thì nó lại càng gâu cồ lên mà sủa gâu. Tức quá, ghét quá, gã cầm chiếc guốc đứt định ném thì con chó nhanh không ngờ đã chạy vào trong nhà, vẫn còn ngoái cồ ra hiên mà sủa. Nuôi Sẻo nhìn con chó khinh bỉ. Con vật gâu cồ hếch mõm càng cố gắng sủa cho đàng hoàng, nhưng tiếng sủa nhanh nhách làm sốt ruột và khó chịu. Nuôi Sẻo đột nhiên nghĩ đến Đốc Tít và mẹ con bà Huyện. Gã trợn mắt cầm cái gậy ném con chó nhưng không trúng. Và con chó đã chui vào một cái lỗ hổng ở bờ tường chạy thọt ra ngoài. Nuôi Sẻo tức lắm, tức quá. Gã nghĩ rằng, nắm chặt hai tay nhìn người đàn bà hăm hăm. Người đàn bà mở mắt từ bao giờ nhìn lại gã không nói. Gã chửi: « Đe Đe Đe Đéo mẹ cả nhà Tư Khách », người đàn bà vẫn không nói. Gã nghĩ: « Đéo mẹ mày không nói, mày khinh ông à? ». Gã chửi luôn một hồi nữa. Người đàn bà vẫn không nói, cũng chẳng cự mình. Nuôi Sẻo tức sôi máu lên: « À mày làm như mày thương hai ông hả, » Gã đến túm luôn lấy hai chân thì lồi tuột xuống đất, cả người y rơi xuống như một bao gạo. Gã dấm vào ngực thì hai ba cái. Người đàn bà kêu giời. Nuôi Sẻo thoi vào ngực vài cái nữa. Bây giờ thì tiếng kêu chỉ còn ầm ừ, người chỉ còn oằn oại chứ không giẫy được nữa. Nhưng gã nhìn cái bụng chứa vẩn phồng lên ở giữa người như một cái bánh rỗng phồng, gã lại tức thêm. Gã dẫn ngựa người lên ngồi trên ngực, quasy dít về phía mặt. Rồi hai tay gã dấm thùm thụp như bả củi vào đúng cái chỗ phồng phồng đáng ghét kia. Một lát, cái xác thịt bên dưới đã nằm im và cái chỗ phồng phồng cũng không phập phồng gì nữa, nuôi Sẻo mới chịu đứng dậy. Gã thấy mệt, ánh nắng mấp mé ở đầu hè. Bên ngoài và bên trong đều im lặng. Nuôi Sẻo nghe thấy tiếng vo ve của mấy con ruồi bay ở trên tường. Từ nền đất nhà hơi lạnh tỏa lên, gã để ý nghe không thấy tiếng văng kêu kéo cạ, kéo kẹt nữa. Chắc thằng bé đã ngủ rồi, gã nghĩ. Khéo không chị nó cũng ngủ rồi mà lại để cái đầu em ngoẹo vào cạnh sườn, nước giải ước chảy cả vũng. Gã vẫn thấy mệt, miệng gã lại hơi đắng đắng. Cái bắp chân người đàn bà thò ra ở dưới gấu cái váy bị kéo xéch lên chột làm Nuôi Sẻo chú ý. Cái chân này từ khoảng cổ chân trở xuống thì xanh, nhưng còn giữ phẳng phất một màu nâu, trái lại từ

cổ chân trở lên thì da lại trắng, trắng xanh. Cựa dấm da trắng xanh ấy, Nuôi Sẻo thấy một cái sẻo. Phải, một cái sẻo dài và thon như một cái lá tre, nổi lên da chân như một miếng vải mới vá lên áo cũ. Gã tự hỏi sao người đàn bà lại có thể có cái sẻo như thế này được, bị cướp dấm hay bị chổng đánh hay là đi chăn trâu ngã phải cọc? Gã vẫn thấy mệt gã liền ngồi xuống cạnh cái chân có cái sẻo và nhìn mãi cái sẻo. Đít dưng vào nền cát mát lạnh, gã thấy lưng mỏi như muốn gập đôi lại. Gã nằm dài xuống đất, mặt để gần vào cái chân người đàn bà.

Gã sờ vào cái sẻo dài như lá tre kia. Trong một lúc gã sờ thấy cái xương ống chân sắc như sừng dao dũa lần da nhéo nhẹt trườn trên cái xương ấy như ở khoảng giữa xương và da, người ta đã cho dầu. Gã lại trở về sờ mó mân mê cái sẻo. Gã cứ sờ và mân mê cái sẻo mãi, gã thiu thiu thấy buồn ở cái sẻo trên mặt gã, gã thấy chập chờn cái mái nhà, cái giường và cái chân người đàn bà đều nhập nhoạng, văng vẳng rung rung. Dần dần mấy đầu ngón tay gã chỉ phơn phớt trên cái sẻo lá tre kia. Rồi gã ngủ thiếp đi, nước giải tuông ở cái miệng há hốc của gã trôi xuống mặt đất ngay cạnh cái chân vẫn không cử động.

Khi Nuôi Sẻo thức, gã thấy miệng đắng hơn và thấy bụng đói lắm. Gã lấy làm lạ tại sao gã lại nằm cạnh người đàn bà đang ngủ này, một lát gã nhớ là gã đi đòi nợ. Gã định đem người đàn bà lên giường nhưng gã ngại nặng lại thôi. Gã tự hỏi: « Chồng con đi đâu mà mãi chưa về ». Đứng ngơ ngần một lát ở giữa nhà, gã cầm gậy đi ra ngoài cổng. Ánh nắng bây giờ đã đứng bóng hẳn. Nhưng trời không nóng bao nhiêu. Bờ tre êm quá, không có một chút gió, nắng này thoi thắt được. Nuôi Sẻo nghĩ gã phan hác ngực đi vội vã. Mấy con chó đã sủa rang gâu gâu.

Nuôi Sẻo đi qua cánh đồng, tới nghĩ chân ở cây đa mậm xôi. Cành đa nằm ngang xèo ra như cái tén, bóng dâm lập lờ, chỉ chút vơi nắng lấp loé phủ cả đám đất trơn rộng đến vài sào. Những rễ lớn, gân guốc bò chung quanh gốc quăn quại như những con trăn bị đánh chết khô. Gió lạo xạo trên lá cành lúc này đầy những búp lá non búp loáng những ánh nắng. Những trẻ chăn trâu ngồi trên đám đất rọi quanh gốc đa. Chỗ này thì vài đứa đánh đáo chỗ kia mấy đứa đánh ô, chỗ khác nữa một đám sóc đĩa cò con. Ở một đám cỏ rậm, một người thợ cày nằm ngủ, một cái quạt mo che kín gần hết mặt. Ở trên một cây lớn, Nuôi Sẻo trông thấy cả Bĩ ăn cơm vừa xong đang hút thuốc lao diều cày. Vợ cả Bĩ ngồi gần đó đang bọc cái miếng mào lại.

— còn nữa —

KENNETH WALKER LỊCH SỬ Y HỌC

bản viết văn của hà hợp nghiêm

AMBROISE PARÉ (1510-1590)

(tiếp theo)

Nổi về vóc dáng, người ta vẫn mô tả Paracelse như là một người mảnh khảnh, bàn tay dễ xúc động và run rẩy, đầu to, sỏ, tóc xung quanh không thứ tự, mắt lõm sâu; tia nhìn nghiêm khắc và sáng. Tính ông dễ cáu giận. Người ta không biết ông học ở đâu và theo những thầy nào. Trong những tác phẩm liên quan đến Paracelse nhiều tên đã được nhắc nhở: đó là những người ông đã gặp trong các chuyến phiêu lưu và có ít nhiều ảnh hưởng đến ông. Triết gia, hóa học gia, sinh viên, tu sĩ, Paracelse đã học nhiều ở họ, và có lẽ nơi nhiều kẻ vô danh khác. Nhưng hơn hết ông đã tận dụng cái nguồn tự tâm hồn ông phát xuất. Có lẽ người ta có thể đến chân lý bằng nhiều con đường khác nhau.

Paré và Paracelse là hai mẫu người bản tính rất khác nhau, nhưng họ giống nhau ở một điểm: họ là những siêu nhân. Nơi hai người đó tính xấu cũng như nét tốt đều tỏ lộ rõ ràng. Hoài công tìm kiếm người ta không thể thấy nơi họ một cái gì gọi là nhỏ nhen được. Đó là hai hình ảnh lớn nhất trong y học vào thời Phục hưng. So với họ những kẻ hậu sinh chỉ là những kẻ tầm thường không đáng kể. Tuy nhiên muốn cho đầy đủ ta nên kể thêm tên của hai người Anh nữa đó là Thomas Linacre và John Caius: ngoài công nghiệp về y học họ còn góp phần vào sự thiết lập cơ cấu lớn nhất về y khoa, Hàn lâm viện Hoàng gia Y học.

Thomas Linacre (1460-1524)

Ông sinh ở Canterbury, gia thế của ông không ai biết rõ, nhưng điều đó không mấy quan trọng vì ảnh hưởng đến ông nhiều nhất không phải là gia đình ông, mà là một người bạn, William Tilling người ở Selbing, một tỉnh nhỏ ở gần Hythe Tilling là một người thuộc lớp quý tộc, ngay từ thiếu thời ông đã tới Oxford bằng phương tiện riêng. Ở Oxford ông đã nhận thấy rằng một người muốn được giáo dục đẳng hoàng bắt buộc phải học Hy Lạp. Có lẽ Tilling là người đã dạy Linacre những bài học Hy

lạp đầu tiên, và chắc chắn là Tilling đã khuyên bảo cũng như giúp đỡ về tài chánh để Linacre có thể tới Canterbury Hall, Oxford, sau này sẽ trở thành trường đại học Christchurch. Năm 24 tuổi Linacre cùng với Tilling đi Ý đại lợi theo một phái đoàn do vua Henri VII cử đi Vatican. Linacre chỉ là một đoàn viên thứ yếu nên ông bỏ đi thăm Florence và ở đây ông may mắn được vào châu Lorenzo. Ông gặp nhiều người danh tiếng, trong số đó có Bác sĩ Nicholas Leonicensis một học giả lừng danh chuyên nghiên cứu về Hy Lạp và cũng là một giáo sư y học. Theo lời khuyên của nhà học giả Linacre rời Ý đại lợi và trở về Oxford tiếp tục học y khoa. Năm 1497 ông gặp học giả Erasmus đương lưu trú tại đây và có vẻ rất thích nơi này. Erasme viết về Oxford như sau: « Không khí nhẹ nhàng. Mọi người đa cảm, thông minh. Nhiều người có học thức rất là sâu rộng. Họ biết nhiều về các tác giả cổ điển và như vậy dù không đi Ý đại lợi tôi cũng chẳng thiệt gì mấy. Khi Colet nói tôi có cảm tưởng như được nghe Platon. Linacre là một nhà tư tưởng thâm trầm và sắc sảo nhất mà tôi được gặp. Grocyn là cả một kho tàng kiến thức và Thomas Moore là một người rất dịu dàng, hạnh phúc.»

Linacre trở thành một nhà học giả cổ điển cừ khôi, và cũng là một y sĩ giỏi. Hoàng đế Henry VII cử ông làm thái phó và y sĩ riêng cho hoàng tử Arthur. Những năm về sau ông làm ngự y, và nhờ những mối liên lạc với hoàng gia ông giúp cho nghề nghiệp được nhiều hơn. Linacre nhận thấy có nhiều kẻ đang hành nghề mà rất ít học thức, hạnh kiểm đáng ngờ. Nhà tu mù chữ, những nhà cao đơn hườn tán, những tên lang băm đương làm hại xã hội và làm cho y khoa xuống dốc. Linacre vận động với Vua Henry VIII thành lập một hội đồng y sĩ, sau này trở thành Hàn lâm viện Hoàng gia Y học. Viện này được nhà vua ủy quyền sát hạch và cấp chứng chỉ cho các y sĩ và quyết định những ai được phép hành nghề ở Luân đôn và những

KENNETH WALKER — LỊCH SỬ Y HỌC — KENNETH WALKER — LỊCH SỬ Y HỌC — KENNETH WALKER

vùng phụ cận. Viện cũng có quyền phạt và kẻ nào hành nghề không có phép. Vị chủ tịch đầu tiên của viện chính là Thomas Linacre, và chẳng còn ai xứng đáng hơn nữa. Ông là nhà học giả cổ điển vào hạng nhất thời đó, và được mọi người trong y giới kính trọng và tin cậy. Năm 1524 ông từ trần và được chôn cất ở nhà thờ St Paul.

● John Caius (1510-1573)

Caius được bầu làm hội viên Genville Hall Cambridge ngay lúc ông còn rất trẻ, và sau đó ông đi Pydoue học y khoa. Trở về Anh ông hành nghề ở Norwich và sau đó ở Shrewsbury, ông trở nên nổi tiếng và được vời vào triều đình vua Henri VIII. Ông là y sĩ của Edward VI, Mary và Elizabeth. Caius kế vị Linacre làm chủ tịch Hàn lâm viện Hoàng gia Y học.

Caius viết rất nhiều. Ông là người đã đưa y nghệ lên một địa vị cao, nhất là quy chế của các nhà thủ thuật. Caius là người đầu tiên nhận làm giáo sư về cơ thể học cho liên đoàn thợ cạo — thủ thuật gia mới thành lập.

CHƯƠNG VII

Thế kỷ Mười Bảy : thiên tài xuất hiện.

Nếu thế kỷ Mười Sáu vượt bậc về văn chương và nghệ thuật, thì thế kỷ Mười Bảy là thời đại hoàng kim của nền khoa học Âu châu. Whitehead gọi đó là thế kỷ của những bậc thiên tài. Ông viết :

« Chỉ cần một danh sách (cũng đủ để chứng minh điều đó), với danh tính những người đã viết những tác phẩm quan trọng cho toàn thể thế giới trong khoảng thời gian giới hạn đó : Francis Bacon, Harvey, Kepler, Galileo, Descartes, Pascal Huyghens, Boyle, Newton, Locke, Spinoza, Leibniz. Đây là đã giới hạn danh sách vào con số một tá, một con số quá nhỏ không thể thực sự đại diện cho toàn thể được.

Whitehead, một cách rất hữu lý, đã xếp Francis Bacon lên hàng đầu những bậc thiên tài ấy. Bacon chính là người hướng đạo khoa học vì ông thiết lập một phương pháp nhờ đó người ta nói rộng được biên thùi khoa học. Chính nhờ ở Francis Bacon mà phương pháp thực nghiệm được những kẻ đương thời chú ý đến, nhưng thật ra ông không phải là người đầu tiên ủng hộ nó. Một người cùng họ với ông, Roger Bacon (1214-1294) danh tiếng hơn ông rất nhiều, đã viết về đề tài này từ ba trăm năm trước. Chưa bao giờ vấn đề được đặt ra rõ ràng như là trong một câu của Roger Bacon : « Khoa học thực nghiệm vượt lên trên những khoa học khác nhờ có ba

ưu điểm chính : nó kiểm chứng kết luận bằng thí nghiệm trực tiếp ; nó khám phá ra những chân lý mà các khoa học khác với những phương tiện khác không thể nào đi đến được ; nó khảo sát trật tự thiên nhiên và mở rộng cho chúng ta kiến thức về vị lai cũng như về quá khứ. Nhưng không may Roger Bacon lại thuộc về một dòng thánh, và cũng vì nhiều lần ông làm cho Giáo hội bất bình, cũng tại ông đã tư tưởng và suy diễn một cách rõ ràng quá, mà ông phải ngồi tù mười bốn năm. Sự góp phần của ông vào khoa học đã rất lớn lao, những công trình ấy sẽ nhiều phần vĩ đại hơn nếu không có sự ngược đãi của Giáo hội.

Francis Bacon là một người học vấn uyên bác và người cổ vũ nhiệt liệt cho phương pháp thực nghiệm. Ông thúc dục đồng bạn rời bỏ bốn cái « ngẫu tượng » trong đó họ vẫn núp mình từ nhiều thế kỷ trước : đó là điển cổ, dư luận công chúng, khuynh hướng trọng pháp và thành kiến cá nhân ; và thay thế chúng bằng phương pháp quy nạp để suy luận theo kinh nghiệm. Bacon hình dung thế giới như một mối chỉ rối những hiện tượng mà lý trí con người sẽ lúng túng không thoát khỏi được cho đến khi nào nắm được đầu giây để dò đi từng bước một. Sợi giây có thể dẫn con người đến tận cùng của học vấn ấy chính là phương pháp qua nạp của sự suy tưởng ; cũng nhờ nó mà con người tránh khỏi tất cả những sự lầm lạc vây quanh. Lẽ cố nhiên phương pháp tân kỳ này chỉ áp dụng được khi tất cả những sự kiện cần thiết đã được sưu tầm đầy đủ và xếp loại cẩn thận. « Con người, kẻ phụng sự và cũng là kẻ phát ngôn của Thiên nhiên, chỉ có thể tri hành tới mức độ, và chỉ tới chừng ấy thôi, mà con người đã quan sát trên những sự kiện hay trong tư tưởng trật tự của thiên nhiên ; ngoài ra con người không thể biết và cũng không thể làm gì được hết. » Trong khi sưu tập những sự kiện lúc ban đầu, tâm trí nên giữ không có một tiên kiến nào và phải ở một trạng thái tiếp nhận. « Tất cả tùy thuộc vào việc chăm chú quan sát một cách vô tư những sự kiện của thiên nhiên, và thu nhận những hình ảnh đúng như thực tế ; bởi Thượng đế cấm chỉ chúng ta bằng một giấc mơ hay bằng tri tưởng tưởng tượng xây dựng một thế giới khác ».

Vào thời đó không một thông điệp gửi cho nhân loại quan trọng hơn là quan Chánh Nhất đã gửi. Suốt trong năm thế kỷ trước, tư tưởng phải rập theo đúng kinh điển, với dư luận công chúng và với tiên kiến cá nhân. Trong địa hạt y khoa, sự lầm lẫn ấy lại càng tỏ rõ hơn hết. Những nhân vật của y giới thời không quan sát và tôn trọng thiên nhiên

như Hippocrate đã dạy, và hoàn toàn chịu khuất phục dưới hai uy quyền: của Giáo hội về phương diện triết lý và của Galien về phương diện an chẩn và trị liệu y khoa.

Y học như vậy thật quá cần lời khuyên của Bacon, và mặc dầu các y sĩ không chịu chấp nhận ngay, lâu dần với thời gian kết quả đã rõ rệt. Giáo sư Guthrie viết về Bacon rằng « ông rất hài lòng đã soi đường chỉ lối và đưa ra sự kiểm chứng khoa học. Mặc dầu là một người thuộc về luật giới và làm đến Chánh Nhất, mặc dầu sự huấn luyện về phương diện luật pháp cũng không cho phép quá giàu tưởng tượng, ông cũng chưa được sẵn sàng để thành một nhà khoa học. Bởi vậy Francis Bacon tự hài lòng với việc rung chuông để thức tỉnh kẻ khác. » Thật ra việc đó có lẽ không thích hợp với một người như Francis Bacon, luôn luôn bận rộn với công việc quốc gia, các việc chính trị và những vụ âm mưu. Nhưng có nhiều điều chứng tỏ một cách hùng hồn rằng ông chú ý rất nhiều đến khoa học, và nếu có nhiều thì giờ rảnh rỗi hơn ông sẽ hiến cả cho khoa học. Chúng ta cũng nhớ vua James đệ I xứ Anh cáit lợi là một người hà tiện, và bởi vậy trong những năm cuối cùng Bacon luôn luôn bị rắc rối về tiền nong chỉ vì ăn tiêu chật hẹp mà ông đã phải viết sách và xuất bản nhiều như thế. Một biến cố xảy ra ít lâu trước khi ông chết chứng tỏ rằng Bacon thích phương pháp thực nghiệm hơn bất cứ một phương pháp lý tưởng nào khác. Tháng Ba năm 1626 ông tới Luân đôn và trong khi rong xe ở miền phụ cận đồi Highgate, ông để ý thấy có nhiều đồng tuyết trên đất hoang. Cảnh tượng đó gây ra một luồng tư tưởng trong đầu quan cựu Chưởng ấn, ông bắt đầu suy tư để xem tuyết có phải là một phương tiện ngăn ngừa thịt khỏi bị thối. Ông quyết định thử ngay tức thì, ngừng xe lại bên một túp lều, xuống xe và mua của chủ nhà một con gà mái. Sau khi đã bảo giết gà và bỏ lông ra ngoài, chính tay ông đã nhét tuyết lạnh vào trong. Sau đó một lúc ông rung mình và cảm thấy khó chịu đến nỗi ông phải đánh xe thẳng lại nhà Lord Arundel ở gần đấy. Mấy ngày sau ông từ trần vì bệnh sưng phổi và có lẽ thần chết đã đến mau hơn vì ông đã làm thí nghiệm một ngày lạnh trời trên đồi Highgate

Galileo (1564-1642)

Công nghiệp của Galileo Galilei ảnh hưởng gián tiếp đến y học, ông đã nhấn mạnh đến sự chính xác trong việc đo lường. Theo thời gian, sự kiện đó đã đưa đến việc định phân trong y học dùng làm phương tiện để định bệnh hay khảo cứu. Thoạt đầu Galileo theo học ngành y khoa, nhưng chẳng bao lâu ông thích quay sang toán học. Khi còn niên thiếu

ông đã định đi tu, nhưng thân phụ ông đã dành sẵn cho ông nhiều dự định đem ông ra khỏi tu viện viện cơ rằng ông bị đau mắt, và sau đó gửi ông đi Pisa để học y khoa. Cậu bé Galileo tỏ ra có nhiều thiên tư. Cậu ham thích học hỏi nhiều ngành đến mức có lẽ cậu sẽ được rạng danh trong bất cứ địa hạt nào. Vừa là một nhạc sĩ và một họa sĩ tài ba cậu lại có đủ năng khiếu để theo đuổi các khoa học chính xác. Ngày nay người ta tin rằng trong một buổi xem lễ ở nhà thờ ông đã quan sát chuyển động của một bản kim khí buộc ở đầu một sợi dây dái; ông đã đo nhịp chuyển động bằng cách so sánh với mạch cổ tay. Có lẽ nhờ đó ông đã khám phá ra nguyên tắc con lắc mà năm mươi năm sau ông sẽ dùng đến khi ông làm đồng hồ vũ trụ. Trong khi đó càng ngày ông càng ham thích toán học thêm và nhờ có các thầy giáo của ông nói thêm vào ông được phép thân phụ bỏ ngành y khoa. Ông trở thành một toán gia và một nhà thiên văn học nhà nghề, và ông đã gặp nhiều điều phiền toái trong thời kỳ thăm vấn. Có hai nguyên nhân khiến Galileo chiếm được một địa vị trong lịch sử y học; thứ nhất là ông đã nhấn mạnh đến sự cần thiết phải đo lường chính xác trong việc khảo cứu y học; thứ hai là trong khi thực hiện những viễn vọng kính, ông đã tạo nên một thứ kính hiển vi thô sơ, dụng cụ này càng về sau càng trở nên quan trọng trong công cuộc khảo cứu y học.

Một trong những thành quả đầu tiên của sự đo lường chính xác là sự phát minh ra nhiệt kế để xem bệnh (cấp sốt hay cấp thủy) bởi Sanctorius. Sanctorius (1561-1636) dạy ở Padoue, trường y khoa nổi tiếng nhất thời ấy. Sau khi đã phát minh ra cách đo nhiệt độ của cơ thể, ông đã dự thảo một bộ máy để ghi lại mạch cổ tay đập như thế nào. Thực ra hai dụng cụ đó đều do Galileo phát minh; nhưng Sanctorius đã sửa đổi đi nhiều và đem ra áp dụng trong thực tế.

Những khảo cứu của Robert Boyle (1627-1691) trong nhiều địa hạt về vật lý và hóa học cũng có nhiều tiếng vang quan trọng trong y khoa. Ông thuộc vào một nhóm một số người trẻ tuổi nhiều thiên tư, tin đồ nồng nhiệt của phương pháp thực nghiệm đặt căn bản trên sự đo lường chính xác. Những người trẻ tuổi ấy đã thành lập một hội mà sau này vua Charles II sẽ biến thành «Royal Society». (Hàn lâm viện khoa học). Boyle là người đầu tiên chứng tỏ rằng không khí cũng là một vật chất, và có một khối. Ông đã tìm ra định luật mang tên ông về thể tích và áp suất không khí, áp dụng cho tất cả các chất khí.

Hộp thư tòa soạn

— ĐÃ NHẬN ĐƯỢC THƠ CỦA GÁC BẠN :

Từ kể Tường, Thanh Hải, Sơn Thanh, Huỳnh duy Hiếu, Thái lệ Hà, Nguyễn hiền Lương, Nguyễn sinh Từ, Trưng ngọc Trinh, Ngọc thủy Khanh, Lan sơn Đài, Phan trang Nghiêm, Dạ linh Phương, Phương thu dạ Tường, Phù chí Thành, Song nguyên hoài Thảo, Dang đỉnh Mù, Phạm thị mùa Hạ, Trần tích Duyên, Lang Chung, Hoài diễm từ, Triều nghiêm Nguyễn, Nguyễn lệ Tuấn. Đang xem — Đa tạ.

— BẠN HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN :

Đã nhận được giai phẩm « Sóng ». Cám ơn anh nhiều.

— BẠN ĐỖ NGHE :

Bài thơ « Cho mượn » đăng ở TT 24 đã đăng ở tuần báo Quạt Khởi. Lần sau xin anh tránh cho sự « trùng hợp » này.

— CÔ LÝ THỊ KIM XƯƠNG :

Hình như cô có gởi cho TC 1 bức thư, lá thư đề ở tòa soạn biến mất. Tìm vẫn chưa ra thủ phạm.

— ÔNG CÔNG DÂN SAIGON :

Đã nhận được bài quan điểm « Văn đề chính

quyền hiện tại « Cải pháp Dân cư » của ông. Đã chuyển tới trưởng ban liên hệ — xin đa tạ.

— ANH NGHIÊM ĐẠO ĐẠI :

Đã nhận được thư khiếu nại của anh. Đã đăng trong số này. Chúng tôi cũng khá chán ngán trước những hành động loại này — Thân.

— BẠN NGUYỄN ĐÌNH THỌ :

INSA Lyon Đã nhận được « Tuyết trắng » sẽ đăng vào số này. Bạn ướt át lắm. Mong được nhận thường xuyên các tùy bút của Thọ. Mến.

— CÁC BẠN CÔNG CHỨC BỘ THANH NIÊN :

Bắt đầu từ Tỉnh Thương số 23 chúng tôi không giao báo cho Quý bộ nữa, vì theo lời ông Ủy Viên Thanh Niên đã nói với chúng tôi là mua ủng hộ Tỉnh Thương chứ không dám cho lưu hành trong nhà sở. Chúng tôi xét lời nói trên là một hành động của nhiều thiện chí nhưng thiếu can đảm, nên, buộc lòng chúng tôi đơn phương hủy bỏ hợp đồng trong 1 năm cung cấp báo Tỉnh Thương (250 số mỗi kỳ) cho bộ Thanh Niên. Phiên Quý vị mua Tỉnh Thương ở các sạp báo.

Hàng tuần đọc :

QUẠT KHỞI

● VỀ QUÊ HƯƠNG ĐAU KHỜ : — CỘNG-SẢN

— CHIẾN TRANH

— ĐỜI SỐNG — NƯỚC MẮC VÀ MÁU...

TIN MỪNG

Thành thật chúc mừng ĐỖ QUANG MAI THỊ và anh PIERRE DUHAMEL nhân dịp lễ đính hôn của hai người
NGÔ THẾ VINH

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin ngày 3-1-1966 bạn NGUYỄN MẠNG TIÊU, sinh viên Y khoa V, đã làm lễ thành hôn cùng cô NGUYỄN HOÀNG OANH, sinh viên được khoa IV.

Xin cầu chúc 2 bạn Tiêu Oanh muôn đời hạnh phúc.

ĐỖ TRẦN và BBT TT

TIN MỪNG

Tòa soạn Tỉnh Thương xin có lời chúc mừng hạnh phúc cùng anh TRẦN QUÝ PHONG giám đốc Catianat Hotel nhân ngày lưa đôi của anh cùng chị NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG 20.12-65.

Cầu chúc anh chị đậm đà trăm năm.

T.S. TỈNH THƯƠNG